

LỜI GIỚI THIỆU

Huyện Ea Súp, tỉnh Đắk Lắk được thành lập theo Quyết định số 230/CP, ngày 30-8-1977 của Chính phủ. Tổng diện tích tự nhiên của huyện hiện nay là 176.563 ha, dân số toàn huyện là 68.486 người. Huyện có 9 xã và 01 thị trấn, bao gồm các xã Ea Lê, Ea Bung, Ea Rốc, Cư Mlan, Cư Kbang, Ia Rvê, Ia Jloi, Ia Lốp, Ya Tờ Môt và thị trấn Ea Súp. Trong hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ xâm lược, Ea Súp lần lượt thuộc địa bàn Buôn Hồ, K61, L66 đến H5 (gồm 3 huyện Ea Súp, Buôn Đôn, Cư M'Gar), Krông Búk. Nhân dân các dân tộc Ea Súp vốn có truyền thống văn hóa lâu đời, truyền thống yêu nước sâu sắc, sớm được Đảng giác ngộ, đoàn kết một lòng, sẵn sàng chấp nhận gian khổ, hy sinh, quyết tâm đi theo Đảng và Bác Hồ đấu tranh cách mạng đến cùng, đã lập được nhiều thành tích to lớn, góp phần vào thắng lợi vĩ đại của dân tộc, giải phóng quê hương, thống nhất đất nước.

Sau ngày miền Nam hoàn toàn giải phóng, đất nước thống nhất, Đảng bộ và nhân dân các dân tộc huyện Ea Súp tiếp tục vượt qua bao khó khăn trong cuộc chiến chống đói nghèo và lạc hậu, dũng cảm, tự tin bước vào công cuộc khôi phục và phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, củng cố quốc phòng-an ninh vững chắc trên vùng đất giàu tiềm năng, giàu truyền thống cách mạng, phấn đấu xây dựng huyện giàu mạnh, tạo nền tảng cho sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông thôn.

Nhằm ghi lại những chặng đường lịch sử đầy gian khổ, hy sinh nhưng vô cùng anh dũng, vẻ vang của Đảng bộ và nhân dân trong huyện, ghi nhớ và tôn vinh công lao to lớn của các thế hệ cán bộ, quân và dân các dân tộc huyện Ea Súp, từ đó giáo dục tinh thần đoàn kết, ý thức tự hào, yêu mến quê hương, trân trọng giữ gìn và phát huy truyền thống anh hùng cho cán bộ, nhân dân, nhất là thế hệ trẻ hôm nay và mai sau, Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Ea Súp tổ chức nghiên cứu, biên soạn lịch sử Đảng bộ huyện Ea Súp giai đoạn 1945 – 2010.

Ban chỉ đạo, Ban biên soạn đã có nhiều cố gắng nỗ lực, tổ chức nhiều đợt sưu tầm, xác minh tư liệu trong và ngoài tỉnh, bằng nhiều hình thức như gặp trực tiếp, gửi thư, tọa đàm, hội thảo... Qua đó, đã nhận được nhiều ý kiến đóng góp quý báu của các nhân chứng lịch sử, trong đó có các đồng chí nguyên là lãnh đạo chủ chốt của huyện, của tỉnh qua các thời kỳ. Tuy nhiên, do hoàn cảnh chiến tranh ác liệt, kéo dài, tư liệu thành văn thiếu thốn, nhiều nhân chứng lịch sử đã qua đời, địa giới hành chính của huyện nhiều lần thay đổi, nên chắc chắn cuốn sách khó tránh khỏi những hạn chế và thiếu sót. Ban biên soạn rất mong nhận được sự đóng góp ý kiến của bạn đọc để cuốn sách được hoàn thiện hơn vào lần xuất bản sau.

Chúng tôi xin chân thành cảm ơn Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Đắk Lắk, Nhà xuất bản, các đồng chí cán bộ lão thành cách mạng, cán bộ, chiến sĩ và đồng bào đã giúp chúng tôi hoàn thành và cho ra mắt bạn đọc cuốn sách này nhân dịp...

BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ HUYỆN EA SÚP

Phần mở đầu

**ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, VĂN HOÁ – XÃ HỘI
VÀ TRUYỀN THỐNG LỊCH SỬ HUYỆN EA SÚP**

I. ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN

1. Vị trí địa lý

Ea Súp nằm ở phía tây bắc của tỉnh Đắk Lắk, cách trung tâm thành phố Buôn Ma Thuột khoảng 70 km theo tỉnh lộ 1, có tọa độ địa lý: từ $13^{\circ}5'$ - $13^{\circ}25'$ vĩ độ bắc và từ $107^{\circ}01'$ - $108^{\circ}03'$ kinh độ đông. Huyện có địa giới hành chính phía đông giáp hai huyện Ea H'Leo, Cư M'gar, phía tây giáp nước Campuchia, phía nam giáp huyện Buôn Đôn, phía bắc giáp huyện Chư Prông thuộc tỉnh Gia Lai.

2. Địa hình

Địa hình khu vực tương đối bằng phẳng tạo nên vùng bán bình nguyên rộng lớn nằm kẹp giữa hai cao nguyên: Buôn Ma Thuột ở phía đông, Đắk Nông - Đắk Min ở phía nam.

Độ cao trung bình so với mặt nước biển từ 170-180m và nghiêng dần từ đông sang tây. Độ dốc trung bình từ $0-8^{\circ}$.

Địa hình trên địa bàn có các dạng chính sau:

Bắc bán bình nguyên Ea Súp: địa hình bằng phẳng thoải dần về phía tây bắc, tạo nên bán bình nguyên rộng, là toàn bộ lưu vực suối Ea Súp và Ea H'Leo.

Nam bán bình nguyên Ea Súp: vùng giáp Buôn Đôn địa hình bằng thoải, có núi xen kẽ tạo nên những bán bình nguyên hẹp, địa hình thấp dần theo hướng tây nam.

3. Thổ nhưỡng

Nhìn chung đất đai trên địa bàn được hình thành trên đá phiến sét, đá cát kết, phù sa cổ và phù sa mới hình thành. Thành phần cơ giới cát pha thịt nhẹ đến trung bình, độ phì đất thấp nên thường bị nén chặt khi khô hạn và lầy thụt khi ngập nước, khả năng ngấm nước và giữ nước kém. Bên cạnh đó tình trạng kết vón đá ong dày và đá lộ đầu xuất hiện khá nhiều.

Trên địa bàn có 4 nhóm đất ứng với 6 loại đất như sau:

Nhóm đất đỏ vàng:

Đất đỏ vàng trên đá granit (fa): diện tích 1.755 ha, chiếm 4,42 % tổng diện tích nhóm đất.

Đất vàng nhạt trên đá cát (fq): diện tích 22.247 ha, chiếm 56,07% diện tích nhóm đất đỏ vàng và 12,71% tổng diện tích đất tự nhiên.

Đất đỏ vàng trên đất phiến sét (fs): đất được hình thành trên sản phẩm phong hóa của đá phiến sét. Diện tích 15.675 ha, chiếm 39,51% diện tích nhóm đất.

Nhóm đất phù sa: Đất phù sa ngoài suối (py): diện tích 8.328 ha, chiếm 4,76% tổng diện tích đất tự nhiên.

Nhóm đất xám bạc màu:

Đất xám trên đá cát và granit (xa): đây là loại đất có diện tích lớn nhất 98.323 ha, chiếm 84,59% tổng diện tích nhóm đất, 53,19% tổng diện tích tự nhiên.

Đất xám trên phù sa cổ (x): diện tích 17.913 ha chiếm 15,41% trong nhóm đất và 10,24% tổng diện tích tự nhiên.

Nhóm đất xói mòn trơ sỏi đá (E): diện tích 5.687 ha, chiếm 3,25% tổng diện tích tự nhiên.

4. Khí hậu

Huyện Ea Súp nằm trong vùng khí hậu nhiệt đới gió mùa, có tiểu vùng khí hậu cá biệt, chịu ảnh hưởng trực tiếp của khí hậu nhiệt đới lục địa cao nguyên, nhiệt độ cao, nắng nóng. Tổng tích ôn vào loại nhất tây nguyên, mỗi năm có hai mùa rõ rệt: mùa mưa bắt đầu từ tháng 5 đến tháng 11 và mùa khô từ tháng 11 đến tháng 4 năm sau.

Lượng mưa trung bình:

Tổng lượng mưa trung bình 1.420 mm/năm. Đây là vùng có lượng mưa trên năm nhỏ so với các vùng khác trong tỉnh.

Mưa nhiều nhất từ tháng 8 đến tháng 10, lượng mưa tập trung đến 93,5% lượng mưa cả năm.

Lượng mưa mùa khô không đáng kể và thường bị khô hạn vào cuối mùa, tháng 1,2 và 3 hầu như không có mưa.

Độ ẩm: Độ ẩm trung bình năm là 78,7%, độ ẩm trung bình cao nhất là 91,5%, độ ẩm trung bình thấp nhất là 46,4%.

Nhiệt độ: Nhiệt độ trung bình năm là 24⁰C, nhiệt độ trung bình cao nhất 33,3⁰C, nhiệt độ trung bình thấp nhất 18,2⁰C.

5. Thủy văn, sông suối

Nằm trên khu vực hạ lưu của hệ thống sông Sêrêpôk, Ea Súp có mạng lưới sông suối với mật độ dày, khoảng 0,4-0,6 km/ km², nhưng hầu hết chỉ có nước mùa mưa.

Các sông suối trong vùng hầu hết được bắt nguồn từ phía đông - đông bắc, một số suối nhỏ từ tây nam đổ vào hệ thống sông Sêrêpôk trên đất Campuchia (gồm sông Yahleo, suối Ea Súp, Ea Đrăng, Ea Mơ, Ya Lốp, Ea Khal...). Đây là nguồn cung cấp nước cho hoạt động sản xuất nông nghiệp, nước sinh hoạt, tiềm năng nuôi trồng thủy sản.

Sự chênh lệch lưu lượng nước giữa mùa lũ và mùa cạn khá lớn do lượng mưa phân bố không đều trong năm, gây nên tình trạng thiếu nước vào mùa khô nên đã ảnh hưởng trực tiếp đến sản xuất nông nghiệp trên địa bàn của huyện.

6. Tài nguyên thiên nhiên

Huyện Ea Súp còn là nơi có nguồn tài nguyên rừng tự nhiên khá phong phú, tổng diện tích đất rừng trên địa bàn là 124.664,93 ha, độ che phủ rừng đạt 73%. Trong đó, rừng tự nhiên sản xuất 103.843,76 ha, rừng tự nhiên phòng hộ 6.359,11 ha, rừng tự nhiên đặc dụng 14.462,06 ha.

Tài nguyên thực vật: Tổng trữ lượng gỗ ước tính trên 9 triệu m³, trên địa bàn có hai dạng rừng chính là:

Rừng nhiệt đới bán thường xanh: là loại rừng có diện tích nhỏ, phân bố chủ yếu ở ven sông Ya Hleo với các loài ưu thế như: bằng lăng, cẩm xe, dầu rái... một số loài quý hiếm thuộc gỗ nhóm I như cẩm lai, hương, cà te.

Rừng khộp chiếm phần lớn: đây là kiểu rừng thưa, cây lá rộng thường có một tầng duy nhất, cây ít cành và ít lá, tầng mặt cỏ vẫn phát triển được.

Tài nguyên động vật: Địa bàn huyện Ea Súp hiện nay có thể được coi như thủ phủ của đàn voi rừng. Theo phán đoán của các ngành chức năng, hiện đàn voi khu vực này còn trên 30 con, chia ra nhiều nhóm nhỏ, lẻ 3-5 con. Chúng tập trung chủ yếu tại vùng rừng núi các xã Ia Lốp, Ia Lơ, sát biên giới Việt Nam - Campuchia.

II. ĐẶC ĐIỂM DÂN CƯ - XÃ HỘI

Lịch sử hình thành và phát triển của vùng đất và con người Ea Súp gắn liền với lịch sử hình thành và phát triển của Đắk Lắk, Tây Nguyên và dân tộc Việt Nam. Ea Súp là địa bàn cư trú lâu đời của của đồng bào Gia rai.

Trước khi thực dân Pháp đặt ách cai trị lên Tây Nguyên, đồng bào đang ở vào giai đoạn cuối của xã hội nguyên thủy, chuyển sang giai đoạn xã hội có giai cấp. Tuy chưa có sự phân hóa giai cấp, nhưng trong buôn làng đã có sự phân hóa giàu nghèo, thể hiện qua việc sở hữu nhiều chiêng ché quý, nhiều trâu, bò...

Thời kỳ chống Mỹ, làng buôn có sự xáo trộn, biến động do chính sách dồn dân, lập ấp chiến lược của Mỹ - ngụy, nhưng với truyền thống yêu quê hương, đất nước, đồng bào Ea Súp đã không ngừng đấu tranh chống lại âm mưu dồn dân của địch, bảo vệ buôn làng.

Năm 1975, khi đất nước thống nhất, đi lên xây dựng chủ nghĩa xã hội, thực hiện chính sách định canh định cư của Đảng và Nhà nước, đồng bào các dân tộc Gia rai ở Ea Súp đã chấm dứt hình thức du canh du cư, hạn chế hình thức đốt rừng làm rẫy. Phần lớn đồng bào đã biết áp dụng khoa học - kỹ thuật trong sản xuất, đã trồng điều, bắp lai, cây công nghiệp ngắn ngày với năng suất cao, đặc biệt là biết trồng lúa nước 02 vụ/năm... đời sống của đồng bào được thay đổi cả vật chất lẫn tinh thần.

Xưa kia đồng bào Gia rai sinh sống quần cư theo từng bộ lạc, các buôn tuy cách nhau một khoảng không gian nhất định, nhưng tạo thành một mảng cư trú liên tục trên một vùng địa lý kéo dài. Là cư dân bản địa lâu đời sinh sống trong môi trường đất rừng phì nhiêu, nhiều sản vật, đời sống của đồng bào khá ổn định trong hình thái tự túc, tự cấp. Nghề chính của đồng bào là làm nương rẫy. Rừng chính là nguồn cung cấp đất cho cộng đồng, chủ yếu là rẫy, được canh tác theo phương thức du canh hay luân canh, theo lối đốt, phát chọc, tía cổ truyền, kỹ thuật canh tác của đồng bào còn thô sơ, dựa vào thiên nhiên, phát rừng làm rẫy vài ba vụ rồi bỏ hoá đi phát chỗ mới, 4 - 5 năm sau mới trở về làm trên rẫy cũ; đồng bào chủ yếu trồng ngũ cốc mỗi năm 1 vụ năng suất thấp.

Chăn nuôi là kinh tế truyền thống, chăn nuôi gia súc với hình thức chăn dắt hoặc thả rong được duy trì trong các gia đình, trâu, bò được coi là tài sản có giá trị của mỗi nhà, chăn nuôi mang tính tự cấp, sử dụng vào việc lễ hội cúng tế thần linh. Săn bắn, hái lượm, một hình thức kinh tế còn phổ biến, tuy chỉ giữ vị trí thứ yếu, nhưng vẫn còn vai trò nhất định trong đời sống sinh hoạt của người dân. Săn bắn được tiến hành theo mùa với nhiều phương thức khác nhau để bổ sung nguồn thực phẩm trong gia đình.

Các nghề thủ công truyền thống như mộc, đan lát, dệt vải... vẫn được duy trì trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Những sản phẩm dệt thổ cẩm với những đường nét hoa văn trang trí độc đáo mang đậm nét văn hoá riêng của người Gia rai.

Cũng như nơi khác ở vùng Tây Nguyên, bên cạnh cư dân bản địa lâu đời là Gia rai, huyện Ea Súp hiện nay có 29 dân tộc anh em khắp mọi miền của đất nước về sinh sống lập nghiệp như dân tộc Kinh, Tày, Nùng, Thái, Mường... theo dòng phát triển của lịch sử đã hình thành nên mối quan hệ khăng khít, giao lưu ảnh hưởng sâu sắc và thấm đượm tình đoàn kết giữa các dân tộc.

III. TRUYỀN THỐNG VĂN HÓA

Ea Súp có nền văn hoá lâu đời và độc đáo, mang đậm bản sắc văn hoá trên Cao nguyên. Với những sắc thái riêng biệt của từng dân tộc, trong quá trình phát triển giao lưu, văn hoá Ea Súp được hoà nhập với văn hoá các dân tộc tạo nên sự phong phú và đa dạng của văn hoá các dân tộc của tỉnh Đắk Lắk.

Văn hoá các dân tộc ở Ea Súp thể hiện rõ nét qua văn hoá xã hội, văn hoá tinh thần, văn hoá vật chất. Đặc trưng của văn hoá xã hội là tổ chức làng mạc cộng đồng cư dân sống quần tụ, khép kín. Trong từng buôn, làng, quan hệ xã hội với hình thức tự quản tồn tại những luật tục với hàng trăm điều và tuân thủ sự điều khiển của Già làng. Tổ chức xã hội trong cộng đồng người Gia rai thể hiện tính dân chủ cao, như các hình thức đều được đưa ra bàn bạc để có quyết định thống nhất trong cộng đồng. Trước đây đồng bào sống tập cư dưới hình thức tập trung hộ, nhiều hộ gồm 3, 4 thế hệ trong một nhà....đặc trưng của một gia đình mẫu hệ. Văn hoá vật chất thể hiện qua kiến trúc nhà sàn truyền thống, kiến trúc và điêu khắc là nét văn hoá tiêu biểu của người Gia rai, với nghệ thuật tạo hình độc đáo, đã thể hiện những đường nét khắc hoạ bên trong hoặc cầu thang của

ngôi nhà. Nghệ thuật điêu khắc còn thể hiện qua những hình tượng nhà mã, chim, thú, cọc đâm trâu... thể hiện quan niệm tâm linh của người Gia rai đối với các vị thần linh, cũng như trong cuộc sống đời thường. Văn hoá của các dân tộc còn thể hiện qua sản phẩm dệt thổ cẩm, như những bộ trang phục, váy, áo, tấm choàng truyền thống. Trang phục của người đồng bào dân tộc Gia rai là váy, áo dệt thổ cẩm, choàng truyền thống. Trang phục của người đàn bà Gia rai là váy áo thổ cẩm, đàn ông đóng khố và khoát tấm choàng trong những ngày lễ hội.

Đời sống tinh thần của đồng bào Gia Rai rất phong phú đa dạng. Đồng bào thờ phụng nhiều thần linh “Yang” gần gũi xung quanh mình như: Yang Chur, Yang Pui, Yang Ea. Đồng bào quan niệm mọi vật đều có linh hồn đều có sức sống. Đặc biệt quan niệm về vòng đời của con người cũng mang những nét độc đáo, đó là sau khi chết phải qua lễ bỏ mả thì hồn mới về với thế giới bên kia. Văn hoá nghệ thuật dân gian với các loại hình truyện cổ, kể khan, trường ca, ca dao, tục ngữ, âm nhạc, công chiêng, hát múa dân gian, đã trở thành món ăn tinh thần trong đời sống của đồng bào. Văn hoá tâm linh rất gần gũi với cuộc sống đời thường, như mỗi lễ hội đều gắn liền với nông lịch, thiên nhiên và nếp sinh hoạt của cộng đồng, mang đầy đủ những yếu tố vật chất và phi vật chất. Lễ hội tế lễ gắn liền quan niệm của người dân về cuộc sống, cầu mong mưa thuận gió hoà, mùa màng tươi tốt, cuộc sống bình yên, ấm no. Những tập quán, những quan niệm, những di sản văn hoá tinh thần nói trên của đồng bào Gia rai đậm đà bản sắc dân tộc được bảo tồn từ hàng nghìn năm nay, đã và đang được Đảng, Nhà nước quan tâm gìn giữ và phát triển.

Tuy nhiên, phong tục tập quán và các hủ tục lạc hậu như ma chay, cưới xin của người Gia rai vẫn còn nặng nề; do quan hệ xã hội và trình độ sản xuất của đồng bào còn, lạc hậu, đó chính là một trong những yếu tố để kẻ địch lợi dụng kìm hãm sự phát triển về các mặt trong vùng đồng bào. Thời gian gần đây tín ngưỡng tôn giáo cùng với mê tín dị đoan, đã ảnh hưởng xấu đến sản xuất và đời sống của đồng bào dân tộc thiểu số; đây cũng là cơ sở xã hội để một số phần tử chống phá cách mạng lợi dụng “dân tộc, tôn giáo” để hoạt động chống phá nhằm phục vụ cho mưu đồ chính trị của chúng.

Trên địa bàn huyện còn lưu lại dấu tích văn hóa Champa cổ, biểu hiện của quá trình giao lưu văn hoá. Tháp Yang Prong còn có tên gọi khác là tháp Chăm Rừng Xanh, nằm trên địa phận thôn 5, xã Ea Rốc. Theo thông lệ tháp Chăm thường được xây trên những khu đồi cao, nhưng đối với tháp Yang Prong - ngọn tháp duy nhất ở Tây Nguyên lại xây dựng dưới những tán cây cổ thụ giữa rừng già Tây Nguyên, bên bờ sông Ea Hleo. Theo những người dân bản địa, tháp Yang Prong đánh dấu sự kết thúc một giai đoạn cực thịnh khi người Chăm đến sinh sống ở Tây Nguyên. Theo tài liệu, tháp Yang Prong được xây dựng vào khoảng cuối thế kỷ XIII, tương ứng với triều đại vua Chăm lúc đó là Jaya Sinhavarman III. Theo người dân bản địa Tây Nguyên, tên gọi: Yang là “thần”, Prong là “lớn”, vì thế theo cách giải thích của người dân ở đây Yang Prong có nghĩa là “vị thần lớn”. Trong một giai đoạn lịch sử, người Chăm sinh sống và xây dựng ngôi tháp này trên đất Tây Nguyên là nhu cầu tâm linh phù hợp với tín

ngưỡng của người Chăm. Vì thế, tháp Yang Prong thờ thần Mukha Linga với khát vọng cầu mong cho người Chăm được phát triển lâu dài ở vùng đất Tây Nguyên này.

Tháp Yang Prong là khối kiến trúc hình búp hoa, nền hình vuông, được xây bằng gạch nung đỏ, theo văn hóa Chăm, mỗi mặt tường rộng 5m, cao 9m (không kể chóp), cửa ra vào duy nhất mở về hướng Đông có bề rộng 1,6m; diện tích lòng tháp hơn 5m²; 3 mặt tường còn lại, mỗi mặt có 3 cửa giả; chóp tháp được tạo thành bởi những lớp gạch xếp chồng lên nhau và thu nhỏ dần; nền tháp được làm bằng những phiến đá xanh mài nhẵn và xung quanh tháp rải rác có những khối đá xanh với các kích cỡ khác nhau.

Theo nghiên cứu của các nhà văn hóa dân gian, sự tín ngưỡng phát sinh ở Yang Prong có sự giao thoa giữa văn hóa Chăm với văn hóa người dân Tây Nguyên.

Trong công cuộc đổi mới, với sự phát triển của xã hội, đời sống văn hóa của đồng bào các buôn làng Ea Súp từng bước phát triển. Nhiều phong tục tập quán lạc hậu trước đây dần được xóa bỏ. Đồng bào tích cực tham gia vào các hoạt động văn hóa, xã hội theo đường lối, chủ trương của Đảng và Nhà nước, thực hiện cuộc vận động xây dựng buôn làng văn hóa, tạo nên một cộng đồng văn hóa trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số vừa lưu giữ văn hóa truyền thống, vừa từng bước giao lưu hòa nhập và phát triển văn hóa hiện đại.

IV. TRUYỀN THỐNG YÊU NƯỚC, CHỐNG THỰC DÂN PHÁP XÂM LƯỢC

1. Chính sách thống trị, bóc lột của thực dân Pháp và một số cuộc đấu tranh chống Pháp đầu thế kỷ XX

Năm 1894, sau một thời gian dài xâm nhập, do thám, dùng mọi thủ đoạn, vừa mua chuộc, vừa cưỡng ép các tù trưởng, chấp nhận nền bảo hộ của thực dân Pháp nhưng không thành công, quân đội Pháp đã dùng vũ lực đánh chiếm Cao nguyên Đắc Lắc. Hai cánh quân từ Gia Lai và từ Sông Cầu (Phú Yên) theo lưu vực sông Ba và sông Krông Năng tiến đánh địa bàn Cheo reo và Buôn Hồ. Dưới sự lãnh đạo của các tù trưởng, đồng bào Êđê, Giarai đã đứng lên kháng cự quyết liệt, làm cho quân Pháp nhiều tháng trời không tiến sâu vào nội địa Đắc Lắc. Vì vậy, các cuộc hành quân đầu tiên không thu được kết quả, địch phải rút lui khỏi vùng này.

Đến năm 1898, thực dân Pháp lại tiến công Đắc Lắc, lần này chúng thay đổi mục tiêu, đánh thẳng vào lần chiếm Buôn Đôn, làm bàn đạp đưa quân đàn áp các vùng phụ cận, như vùng Mê Wam, Mê Khum, Buôn Tráp, Buôn Coah. Đến cuối năm 1898, chúng hoàn thành việc chiếm đóng các địa bàn xung quanh Buôn Ma Thuột. Mấy năm sau thực dân Pháp mở các cuộc tấn công từ Tuy Hòa đánh chiếm M'Đrăk, Buôn Nhúc, Buôn Di, và từ Cheo Reo đánh chiếm Buôn Nhách, Buôn Hồ và Bắc Buôn Ma Thuột. Nhiều cuộc phản kháng của đồng bào dân tộc Êđê, Gia rai đã nổ ra trên vùng đất này, nhưng không ngăn chặn được

các cuộc tiến công quân sự của quân đội Pháp, Đắc Lắc rơi vào tay quân xâm lược.

Sau khi hoàn thành việc xâm chiếm Đắc Lắc, thực dân Pháp thiết lập hệ thống cai trị từ tỉnh xuống đến quận, huyện, các buôn làng. Năm 1899, chúng thành lập và đặt đại lý hành chính toàn vùng Đắc Lắc tại Buôn Đôn. Ngày 22-11-1904 toàn quyền Đông Dương ra nghị định thành lập tỉnh Đắc Lắc và chuyển đại lý hành chính về Buôn Ma Thuột, từng bước áp đặt bộ máy cai trị tàn bạo, hà khắc lên đồng bào các dân tộc. Do địa bàn rộng và vị trí địa lý phức tạp, địch chia quận Buôn Hồ làm 2 vùng, lấy đường 14 làm ranh giới; dưới vùng là các tổng và xã. Địa bàn Ea Súp lúc này nằm trong Đại lý hành chính Buôn Hồ. Trong vùng người Kinh, ở vùng chúng lập hệ thống tri huyện, quận trưởng người Pháp kiêm đồn trưởng đồn lính khố xanh và một người địa phương giúp việc. Ở mỗi tổng có một chánh tổng, phó tổng người địa phương đảm nhiệm, dưới thôn có lý trưởng. Thực dân Pháp tăng cường biện pháp mua chuộc, lôi kéo, cưỡng ép già làng, lập bộ máy cai trị ở vùng nông thôn lấy theo đơn vị buôn, làng, do chủ làng (khoa buôn) phụ trách. Trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số thực dân Pháp tìm cách hạn chế “chế độ tù trưởng” nhằm tước mọi quyền lực của các thủ lĩnh, ngăn ngừa sự nổi dậy của đồng bào dưới sự lãnh đạo của tù trưởng chống lại ách cai trị của thực dân phong kiến.

Đi đôi với biện pháp quân sự đàn áp, thực dân Pháp dùng nhiều thủ đoạn chính trị, mua chuộc quần chúng, ban hành luật lệ ngăn cấm mọi quan hệ giữa người Kinh với người dân tộc thiểu số, kích động sự kỳ thị chia rẽ các dân tộc với nhau để dễ bề cai trị. Đồng thời, chúng tăng cường sự kìm kẹp để củng cố, duy trì sự thống trị lâu dài ở vùng Tây Nguyên.

Với tiềm năng kinh tế dồi dào của vùng đất Cao Nguyên, thực dân Pháp thi hành chính sách kinh tế đặc biệt để khai thác thuộc địa. Trong những năm đầu thế kỷ XX, chúng đẩy nhanh việc chiếm đoạt ruộng đất để lập các đồn điền trồng cà phê, cao su và tiến hành bóc lột nhân công người Thượng, nhất là thanh niên trai tráng vào các đồn điền Rossi, Ôgiê và Auger với đồng lương rẻ mạt; chế độ đi phu và lao dịch rất dã man; mỗi năm đồng bào ở các buôn làng đều phải làm xâu từ 20 đến 25 ngày công/1 đầu người để đắp đường, xây công sở và phục dịch trong các trại lính; hàng chục con em trong vùng đã bỏ mạng trên các công trường, nhất là công trường Quốc lộ 14. Chính các nhân viên y tế Pháp thời đó phải kêu lên rằng “Chế độ đi phu đã vắt kiệt sinh lực người Thượng, làm cho việc sinh đẻ ngày càng giảm”. Các loại thuế đánh vào người dân cũng hết sức nặng nề, gồm thuế đàn ông, thuế đàn bà, thuế nóc nhà, thuế trâu, thuế voi, thuế nông nghiệp (Thu theo “bếp” dưới hình thức tô: các buôn gần chúng thu từ 6 đến 8 gùi/1 “bếp”, buôn xa thu từ 2 đến 4 gùi/ 1 “bếp” trong 1 năm). Bọn Pháp đặt ra cái gọi là hợp tác xã nông nghiệp để vơ vét nông - lâm đặc sản trong vùng, mỗi năm chúng vơ vét hàng ngàn gùi lúa, nhiều trâu, bò, voi, gỗ quý, thảo dược của đồng bào.

Bằng việc thực hiện chính sách kìm hãm, ngu dân, kết hợp với sự vơ vét nặng nề về kinh tế, đã đẩy đồng bào các dân tộc Tây Nguyên vốn đã cực khổ do

lối sống du canh, du cư, lại càng cực khổ thiếu đói hơn. Chính sách sưu thuế bắt xâu, phu phen gắn liền với việc mở mang các cơ sở kinh tế, để bóc lột cùng kiệt sức lao động của người dân, chính sách nô dịch tàn bạo thâm độc của thực dân Pháp đã đẩy thân phận của đồng bào Ea Súp nói riêng và Tây Nguyên Đắc Lắc nói chung đến sự bần cùng hoá và mất tự do. Đó chính là một trong những nguyên nhân dẫn đến cuộc nổi dậy của nhân dân do các tù trưởng lãnh đạo, chống lại chính sách hà khắc của thực dân phong kiến vào những năm đầu của thế kỷ XX.

Ngay từ khi mới đặt chân lên vùng đất Buôn Hồ, quân Pháp đã bị đồng bào Ê đê, Gia rai bất hợp tác và phản kháng quyết liệt. Những năm 1898 đến trước năm 1930 đã nổ ra nhiều cuộc đấu tranh vũ trang của các vị tù trưởng, lãnh đạo hàng chục buôn tiến hành đánh Pháp, gây cho chúng nhiều tổn thất.

Bên cạnh phong trào đấu tranh do các tù trưởng trong vùng khởi xướng, đồng bào các buôn trong vùng còn tiếp tục hưởng ứng các phong trào chống Pháp, như phong trào Săm Brăm, các cuộc đấu tranh của công nhân đồn điền, công nhân lục lộ, đã tạo nên làn sóng đấu tranh bất hợp tác với thực dân Pháp ngay cả trong hàng ngũ tù trưởng, khoa buôn, đồng thời khơi dậy lòng căm thù giặc sâu sắc, thôi thúc các hoạt động tự phát, chống bắt xâu, chống thu thuế, kéo dài cho đến giữa những năm 1930.

Có thể nhận thấy những năm đầu thế kỷ XX, các cuộc đấu tranh chống Pháp của các dân tộc Tây Nguyên nói chung, Ea Súp nói riêng đã nổ ra liên tục với nhiều hình thức, thể hiện rõ tinh thần tự chủ, quật cường, bất khuất trước kẻ thù xâm lược. Tuy còn mang nặng tính tự phát, tính chất địa phương để bảo vệ quê hương, buôn làng, nhưng đó là cơ sở hết sức quan trọng để phát triển thành phong trào đấu tranh trong giai đoạn tiếp theo, dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam.

2. Phong trào đấu tranh cách mạng dưới sự lãnh đạo của Đảng (1930-1945)

Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời ngày 03-02-1930, đánh dấu bước ngoặt vĩ đại của lịch sử dân tộc Việt Nam, chấm dứt hoàn toàn vấn đề khủng hoảng về đường lối lãnh đạo cách mạng, đồng thời đáp ứng những đòi hỏi chủ yếu và bức thiết của phong trào cách mạng Việt Nam nói chung và Ea Súp nói riêng.

Những năm 1930 – 1931, dưới sự lãnh đạo của Đảng làn sóng đấu tranh cách mạng bùng lên mà đỉnh cao là cao trào Xô viết - Nghệ Tĩnh.

Ngay từ khi mới ra đời, Đảng ta hết sức chú trọng đến công tác vận động cách mạng trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Sau chiến tranh thế giới thứ nhất, đặc biệt là sau cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới những năm 1929 – 1933, thực dân Pháp tăng cường vơ vét, bóc lột tài nguyên đã gây nhiều đau khổ cho nhân dân các dân tộc Tây Nguyên. Vì vậy, đến những năm 1930, họ tiếp tục nổi lên chống Pháp. Vào thời điểm này ở Đắc Lắc, thực dân Pháp đã đàn áp các cuộc đấu tranh của đồng bào các dân tộc, thiết lập bộ máy cai trị và xúc tiến nhanh các kế hoạch lập đồn điền khai thác thuộc địa. Sau khi khởi nghĩa vũ

trang của đồng bào các dân tộc thiểu số tạm lắng xuống, bọn xâm lược Pháp vừa củng cố bộ máy cai trị, vừa thực hiện chính sách phân hóa đồng bào bằng nhiều thủ đoạn kim hãm, ngu dân và ra sức vơ vét tài nguyên, nhân công.

Đầu năm 1930, thực dân Pháp xây dựng nhà đày Buôn Ma Thuột, biến nơi đây thành nơi khét tiếng giam cầm, đày ải các chiến sỹ cộng sản trong cả nước. Tuy nhiên, ngược lại với ý định ban đầu của thực dân Pháp, Nhà đày Buôn Ma Thuột đã thành nơi gieo mầm cách mạng vào Đắk Lắk. Đến cuối năm 1931 chúng đưa vào đây 300 tù chính trị, trong đó đại đa số là chiến sỹ cộng sản, Mầm mống đấu tranh cách mạng được nhen nhóm từ đây và chuyển ra ngoài.

Thời kỳ mặt trận dân chủ (1936 - 1939) và tiếp theo là chiến tranh thế giới thứ 2 bùng nổ, phong trào đấu tranh của tù chính trị tại nhà lao Buôn Ma Thuột phát triển mạnh. Các chiến sỹ cộng sản đã móc nối, tuyên truyền, giác ngộ được một số nhân vật nhà lao, binh lính, công chức là người Êđê, trong đó có một số quê ở Buôn Tring, Buôn Hồ như Y Blih (Ama Krôn) là cai đội lính Pháp; Y Krong Bun (tức Ama Khê) là công chức chính quyền Pháp; Y Soan, Minh Sơn là sỹ quan quân đội Pháp và một vài binh lính công chức trong ngành lục lộ... Về sau dần dần móc nối xây dựng thêm cơ sở trong công nhân đường 14, trong đồn điền Rossi và các buôn xung quanh Buôn Hồ như Buôn Mngư, Buôn Lang, Buôn Sham....

Trong bối cảnh cả nước dấy lên trong trào đấu tranh công khai, dưới sự lãnh đạo của mặt trận Dân chủ Đông Dương, một số cơ sở cách mạng đã về các buôn vận động đấu tranh chống bắt xâu, chống thu thuế trâu, bò, đòi bãi bỏ việc trưng thu, trưng mua các sản vật trong vùng, tổ chức học quốc ngữ, vận động làm ruộng nước... từng bước đưa ảnh hưởng của Đảng và Mặt trận Việt Minh đến với đồng bào.

Năm 1941, tình hình chính trị thế giới, trong nước chuyển biến nhanh chóng, chiến tranh thế giới thứ 2 lan rộng, Nhật tràn vào Đông Dương. Tại Đắk Lắk, Nhật đóng quân vào đồn trú ở Buôn Ma Thuột lấy lý do theo dõi hoạt động của quân Đồng minh. Chúng bắt thực dân Pháp cung cấp lương thực, hậu cần, mượn đường vào Nam Bộ và Đông bắc Campuchia. Riêng tại vùng Buôn Hồ, có một trung đội lính Nhật, chúng khống chế chính quyền thực dân Pháp, ra sức tuyên truyền thuyết “Đại Đông Á” ngang nhiên tịch thu một số khoản thuế mà chính quyền Pháp thu của đồng bào.

Trong những năm 1942-1943, nhà đày Buôn Ma Thuột đã tổ chức thành công một số vụ vượt ngục, đưa được cán bộ cao cấp của Đảng ra ngoài hoạt động như đồng chí Nguyễn Chí Thanh, Lê Tất Đắc... trong số tù chính trị về các vùng nông thôn Đắk Lắk hoạt động, có đồng chí Cao (quê ở Bình Định) được tổ chức phân công về móc nối xây dựng cơ sở khu vực Buôn Hồ. Thời gian này, thông qua số anh em cảm tình Việt Minh trong viên chức, công nhân lục lộ, ta xây dựng được một số tổ chức quần chúng công khai hoạt động tại Buôn Hồ, như Hội truyền bá Quốc ngữ.

Ngày 9-3-1945, Nhật đảo chính Pháp trên toàn cõi Đông Dương và nắm độc quyền thống trị. Tại Buôn Ma Thuột, đêm ngày 9-3-1945 quân Nhật bắt loa xung quanh đồn Pháp và bắn trung liên vào đồn, mặc dù có trong tay cả lực lượng quân Pháp và một tiểu đoàn khổ đồ, nhưng thực dân Pháp đã đầu hàng lính Nhật một cách nhục nhã. Chỉ hơn một trung đội quân Nhật đã bắt hết lính Pháp tại chỗ, tiểu đoàn lính khổ đồ hoàn toàn tan rã, một số binh lính nhân cơ hội đó trở về buôn làng làm ăn.

Sau sự kiện Nhật đảo chính Pháp, lãnh đạo tù chính trị tại nhà lao Buôn Ma Thuột tiếp tục đưa một số chiến sĩ cộng sản ra ngoài, xây dựng phong trào cách mạng ở vùng nông thôn. Tháng 4-1945, hưởng ứng cuộc vận động của các cơ sở cách mạng, đồng bào các buôn như: Buôn Tring, Buôn Shăm, Buôn Lang, Buôn Murguen, Buôn Hồ, cùng anh em công nhân tại đồn điền Rossi và công nhân lực lộ hăng hái đóng góp quần áo, thuốc men, gửi lên Buôn Ma Thuột giúp đỡ tù chính trị. Một bộ phận quần chúng dưới sự hướng dẫn của các đồng chí cốt cán như Ama Khê, Minh Sơn, Phan Nhuận đã lên Buôn Ma Thuột tham gia cùng đồng bào, các ngành, các giới, viên chức, học sinh kéo nhau vào nhà lao và nhà của tỉnh trưởng Nguyễn Sỹ Túc đấu tranh đòi thả tù chính trị. Trước áp lực đó, Nhật và chính quyền thân Nhật buộc phải trả tự do cho một số tù chính trị. Đây là một thắng lợi quan trọng đối với ta. Theo chủ trương được thống nhất trong nhà đày, sau khi được trả tự do các chiến sĩ cộng sản chia thành từng nhóm nhỏ đi các nơi bắt liên lạc với cơ sở, tiến hành thành lập các tổ chức đảng và quần chúng. Sau khi được trả tự do một số đồng chí đảng viên trong đó có đồng chí Bùi San đã đến chỉ đạo và tham gia xây dựng phong trào cách mạng ở địa bàn Buôn Hồ.

Sau những sự kiện trên, phong trào quần chúng ở nhiều nơi lên cao, đồng bào các dân tộc Ê đê, Gia rai trong khu vực giác ngộ và tìm hiểu Việt Minh ngày càng nhiều. Thời điểm này cuộc chiến tranh thế giới lần thứ hai đang đi dần đến hồi kết với thắng lợi của Liên Xô và quân Đồng minh, phong trào đấu tranh do Mặt trận Việt Minh lãnh đạo lan rộng cả nước. Trong tình hình thành nhiều tổ chức Cách mạng do Việt Minh lãnh đạo. Một số đồn điền CADA, CHPI, Rossi... lần lượt thành lập các đội tự vệ công nhân, chuẩn bị cho cuộc Tổng khởi nghĩa.

Ngày 19-8-1945, Ủy ban khởi nghĩa Đắc Lắc được thành lập. Ngày 20-8-1945, khởi nghĩa giành chính quyền đã nổ ra thắng lợi tại đồn điền CADA và sau đó là Buôn Ma Thuột. Tại quận Buôn Hồ, đêm 23-8-1945, các đồng chí được phân công lãnh đạo Tổng khởi nghĩa đã tập hợp được trên 80 quần chúng từ Buôn Shăm chuẩn bị nổi dậy. Một số cán bộ Việt Minh do đồng chí Minh Sơn chỉ huy đột nhập vào trại lính Nhật thuyết phục, yêu cầu giao cho Việt Minh súng, đạn để bảo vệ quận lỵ. Binh lính Nhật hoảng sợ giao cho ta hàng chục súng.

Ngày 24-8-1945, hàng nghìn đồng bào Kinh, Thượng đã nổi dậy, kéo vào quận lỵ, binh lính Nhật không có phản ứng gì. Quần chúng vào các công sở treo cờ. Ủy ban Lâm thời Việt Minh do đồng chí Minh Sơn phụ trách tuyên bố khởi

ngiã thắng lợi và giành chính quyền về tay nhân dân. Ngay sau đó Ủy ban Cách mạng được thành lập do đồng chí Ama Khê làm chủ tịch; tiếp đó thành lập chính quyền Việt Minh tại các nơi quanh Buôn Hồ, trong đó có Ea Súp.

Trong Cách mạng Tháng Tám, nhân dân các dân tộc Ea Súp đã tích cực chủ động vùng lên đấu tranh đánh đổ chính quyền thực dân, phát xít, giành quyền làm chủ về tay nhân dân. Thắng lợi này đánh dấu một bước ngoặt trọng đại trong tiến trình cách mạng của địa phương và góp phần quan trọng vào sự nghiệp cách mạng chung toàn tỉnh và cả nước. Thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám đã đưa nhân dân các dân tộc Ea Súp nói riêng và đồng bào cả nước nói chung từ thân phận nô lệ trở thành người làm chủ vận mệnh của bản thân, làm chủ quê hương, đất nước. Khát vọng ngàn đời của dân tộc về quyền tự do, độc lập thành hiện thực. Lần đầu tiên sau nửa thế kỷ bị thực dân Pháp đô hộ, nhân dân các dân tộc Buôn Hồ - Ea Súp, đã thành lập được chính quyền và tự đứng lên làm chủ vận mệnh của mình. Thắng lợi này đã tạo tiền đề quan trọng trong việc khơi dậy tiềm lực cách mạng, tinh thần yêu quê hương, đất nước của nhân dân các dân tộc Buôn Hồ - Ea Súp, làm cơ sở để đi vào thời kỳ mới, tiếp tục củng cố xây dựng chính quyền cách mạng, sẵn sàng bước vào cuộc kháng chiến trường kỳ, góp phần cùng nhân dân các dân tộc Tây Nguyên và cả nước đập tan âm mưu xâm lược của chủ nghĩa thực dân, đế quốc.

Phần thứ nhất

**NHÂN DÂN CÁC DÂN TỘC EA SÚP TRONG SỰ NGHIỆP
CHIẾN TRANH GIẢI PHÓNG DÂN TỘC
(1945 – 1975)**

**I. EA SÚP THỜI KỲ KHÁNG CHIẾN CHỐNG THỰC DÂN PHÁP
(1945-1954)**

Ngay từ sau khởi nghĩa giành chính quyền, huyện Buôn Hồ là nơi sớm thành lập và kiện toàn hệ thống chính trị từ huyện đến xã, buôn. Ủy ban Cách mạng huyện do đồng chí Ama Khê (Y Bun Knong) làm Chủ tịch, đã nhanh chóng xây dựng và củng cố chính quyền cách mạng, động viên toàn dân tham gia kháng chiến.

Ủy ban khởi nghĩa, Ủy ban cách mạng đổi thành ủy ban nhân dân cách mạng, tổ chức các đoàn thể cứu quốc, xây dựng lực lượng dân quân, du kích. Ủy ban nhân dân cách mạng tỉnh có chủ trương khẩn trương xây dựng chính quyền huyện, tổng và buôn làng, trong đó có hệ thống chính quyền của huyện Buôn Hồ và huyện M'Đrăk là những nơi được xây dựng trước tiên. Ngoài ra, tỉnh còn mở các lớp học đào tạo cán bộ xã, buôn. Nhiều đoàn cán bộ dân tộc thiểu số và người Kinh được huấn luyện và phái về các huyện, cơ sở để xây dựng bộ máy chính quyền và các đoàn thể quần chúng. Hàng trăm nam nữ thanh niên Kinh, Thượng ngày đêm sát cánh cùng dân quân tự vệ và bộ đội Hùng Việt đào hầm, đắp phòng tuyến, tiếp tế lương thực và tập luyện quân sự, sẵn sàng chiến đấu... Phòng tuyến Buôn Hồ nằm trong vùng đông dân của tỉnh Đắk Lắk.

Ngày 01-12-1945, thực dân Pháp tấn công thị xã Buôn Ma Thuột, tiếp đó chúng mở rộng đánh chiếm toàn Tây Nguyên. Sau khi phá vỡ phòng tuyến M'Đrăk - Phụng Hoàng và chiếm xong toàn bộ tuyến đường 21 (ngày 27-01-1946) quân Pháp tập trung quân chuẩn bị đánh ra đường 14 đi Pleiku. Lúc này ở hướng đường 14 đã được Ủy ban hành chính kháng chiến Nam Trung bộ tăng cường một trung đoàn Nam Tiến do đồng chí Hùng Việt chỉ huy (thường gọi là bộ đội Hùng Việt), bố trí từ Cư Kty trở ra.

Để tăng cường và hỗ trợ cho phòng tuyến Buôn Hồ, tháng 1-1946, Ủy ban Cách mạng huyện phát động nam, nữ thanh niên tất cả các buôn làng tham gia dân quân tự vệ, tập hợp được trên 800 người, biên chế thành tiểu đội, trung đội, làm nhiệm vụ canh phòng các buôn làng xung quanh phòng tuyến, trong đó

có 432 người được trang bị vũ khí. Đồng thời, huyện tổ chức một mạng lưới tình báo nhân dân do đồng chí Minh Sơn (từ Huế mới trở về) phụ trách.

Ngày 19-4-1946, tại Pleiku đã tổ chức Hội nghị các dân tộc đoàn kết đánh Pháp. Đồng chí Ama Khê, Chủ tịch Ủy ban Cách mạng huyện Buôn Hồ phụ trách đoàn Đắc Lắc tham dự.

Tình hình mặt trận Buôn Hồ ngày càng căng thẳng. Bất chấp các điều khoản đã nêu trong Hiệp định sơ bộ, trong các tháng 3, tháng 4-1946, gần 4.000 quân Pháp đã tập trung trước trận địa của ta, hàng ngày khiêu khích, dò xét lực lượng và gây sức ép với đồng bào. Ngày 01-5-1946, Pháp huy động hơn 1.000 quân tổ chức thành 2 cánh men theo đường 14 đánh lên buôn Tung Thằng và buôn Blếch, các chiến sĩ Trung đoàn Hùng Việt cùng dân quân tự vệ kiên quyết bám trụ, đánh trả quyết liệt, buộc địch ở buôn Tung Thằng phải lui về vị trí cũ.

Ngày 21-6-1946, Pháp lại tập trung bộ binh cơ giới và pháo binh, có máy bay yểm trợ tiến công ào ạt vào phòng tuyến Cư Kty. Cuộc chiến đấu trên mặt trận Buôn Hồ diễn ra rất gay go, ác liệt, nhất là tại phòng tuyến ba buôn Tùng (Tùng Thang, Tùng Kuh, Tùng Lê), tại đây bộ đội Lê Trung Đình cùng các dân tộc ở Buôn Hồ đã đánh trả quyết liệt. Mặc dù súng đạn ít, trang bị chủ yếu là lựu đạn, gươm, giáo, cả trận địa chỉ có một khẩu 12,7mm, bộ đội lại ốm đau nhiều, nhưng đơn vị vẫn bám trụ kiên cường. Quân Pháp dùng hỏa lực mạnh và dùng cả máy bay ném bom vào trận địa ta để yểm trợ mũi đánh sau lưng. Thấy thế bất lợi, bộ đội ta vừa đánh vừa lui về chân đèo Cư Đrếch (km90) cùng với trung đoàn 67 trụ lại. Đồng thời tổ chức một phân đội nhỏ luôn sau lưng địch đánh gậy một cánh quân làm đội hình chúng bị rối loạn. Trong lúc đó, tiểu đoàn ở Cheo Reo đã bẻ gãy các đợt công kích của địch, làm cho chúng không tiến lên được, bảo vệ cho mặt trận Buôn Hồ lui về đèo Cư Đrếch.

Ngày 22-6-1946, địch đã chiếm Pleiku, nhận thấy lực lượng bị ép từ hai phía, bộ đội vừa ốm đau vừa bị thương vong nhiều, Ban chỉ huy Mặt trận Buôn Hồ quyết định lợi dụng đêm tối đưa toàn bộ lực lượng (trong đó có 60 em học sinh dân tộc thiểu số) về An Khê và xuống Phú Phong (Tây Bình Định).

Từ cuối 1945 đầu năm 1946, có 01 đại đội quân Nam tiến do đồng chí Hùng Việt chỉ huy đóng quân ở buôn Ad'rong. Đây là thời kỳ mà ánh sáng cách mạng truyền vào các buôn làng một cách mạnh mẽ nhất. Cán bộ, bộ đội của ta đi tới đâu cờ cách mạng, ảnh Bác Hồ tới đó để tập hợp quần chúng, tuyên truyền, vận động đồng bào đứng lên kháng chiến chống Pháp theo con đường mà Đảng, Bác Hồ đã lựa chọn. Đồng thời vạch trần bộ mặt thật, các hành vi lừa bịp, âm mưu xâm lược của thực dân Pháp đối với nước ta, với đồng bào Ea Súp.

Nhân dân vô cùng phấn khởi, tin tưởng vào Bác Hồ (Bok Hồ, Awa Hồ theo cách gọi của đồng bào Tây Nguyên), vào cách mạng, đóng góp lương thực, thực phẩm nuôi quân. Thanh niên nam nữ vùng Ea Súp đã hăng hái tham gia phong trào tập luyện quân sự, gia nhập lực lượng vũ trang cách mạng. Đây là thời kỳ sôi nổi hào hứng nhất của các buôn làng sau khởi nghĩa Tháng Tám. Các buôn làng đã trở thành hậu cứ nuôi quân và bắt đầu hình thành các làng chiến

đầu trong các xã. Nhờ sự lớn mạnh về mọi mặt của các xã khác thuộc khu vực Buôn Hồ, trong đó có vùng Ea Súp, nhất là việc hình thành được các đội vũ trang nên Mặt trận Buôn Hồ đứng vững được 6 tháng sau ngày Pháp tái chiếm Buôn Ma Thuột.

Cuộc chiến đấu ở phòng tuyến Buôn Hồ, trong đó có đồng bào các dân tộc vùng Ea Súp đã sát cánh cùng bộ đội Nam Tiến đã chặn địch, từng bước làm thất bại âm mưu “đánh nhanh thắng nhanh”, hòng dùng Đắc Lắc làm bàn đạp đánh chiếm Tây Nguyên và đồng bằng của quân Pháp, giúp các địa phương trong tỉnh có thời gian, điều kiện chuẩn bị kháng chiến tốt hơn.

Sau khi phòng tuyến Buôn Hồ vỡ, cuộc chiến đấu của nhân dân trong tỉnh cũng như của nhân dân Buôn Hồ trở nên khó khăn, phức tạp. Quân Pháp tập trung lực lượng đánh rộng ra khắp nơi. Một số cán bộ người dân tộc như Ama Khê, Y Yung, Y Sơn phải lùi về tuyến sau bám buôn củng cố tinh thần cho dân và tuyên truyền đoàn kết chống Pháp.

Tháng 7-1946, ta thành lập lại bộ đội N'Trang Long ở Quảng Ngãi, gồm hai đại đội là con em đồng bào dân tộc thiểu số Đắc Lắc, một đại đội là con em dân tộc thiểu số miền Tây Quảng Ngãi. Sau đó bổ sung hai đại đội của Đắc Lắc về Trung đoàn 79 (Trung đoàn 79 đứng chân trên địa bàn vùng tam giác Cheo Reo, Buôn Hồ, M'Đrăk) phụ trách mặt trận Củng Sơn. Cơ quan chỉ huy đóng tại buôn Hai-ARiêng. Nhiệm vụ của Trung đoàn là giữ vững hành lang xuống đồng bằng, bám sát chiến trường cùng với cán bộ dân chính đảng móc nối, gây dựng lại cơ sở. Dưới sự chỉ đạo của đồng chí Minh Sơn, Ama Khê, bộ đội N'Trang Long cùng với đồng bào các buôn nhiều lần chặn đường tấn công, uy hiếp quân Pháp ở buôn Tung Kuh, buôn Thăng, buôn Y Din... phong tỏa nhiều con đường không cho địch tiến xuống Củng Sơn.

Tháng 7-1947, để xây dựng chính quyền, củng cố lại quân đội nhằm tổ chức, phục hồi hoạt động ở cơ sở trên chiến trường Đắc Lắc, Khu ủy 6 quyết định thành lập Ủy ban hành chính kháng chiến Đắc Lắc do đồng chí Ama Khê làm Chủ tịch.

Để đáp ứng yêu cầu thống nhất lực lượng quân sự, ngày 24-8-1947, Khu ủy 6 sát nhập Trung đoàn 79 và Tiểu đoàn N'Trang Long thành Trung đoàn N'Trang Long, cử đồng chí Lê Lương làm trung đoàn trưởng, đồng chí Y Yonh (Minh Sơn) làm trung đoàn phó. Ngay sau khi hợp nhất, trung đoàn đã mở các trận đánh vào Mlah, luồn sâu từ Krông Hnăng qua vùng địch hậu M'Đrăk, đánh giao thông trên đường 14 và đường 21, củng cố thêm lòng tin cho quần chúng nhân dân.

Tháng 10-1948, Trung ương quyết định thành lập Liên khu 15, đồng thời Ban cán sự Đảng tỉnh quyết định thành lập Ban cán sự Đảng hai huyện M'Đrăk và Buôn Hồ. Ban cán sự Đảng Buôn Hồ gồm một số đồng chí là đảng viên các đội công tác như đồng chí Quang Dũng, Trần Tế Thế và một số đảng viên là người dân tộc gốc Buôn Hồ như Y Wung, Y Yung... Đây là tổ chức Đảng đầu tiên, được coi là tiền thân của Đảng bộ Buôn Hồ...

Từ cuối năm 1948, các đội công tác, các đội công tác bám dân, bám buôn làng, xây dựng cơ sở và làm công tác tề vận, nguy vận, với mục tiêu biến hậu phương của địch thành tiền phương của ta. Trung đoàn N'Trang Long ngày càng trưởng thành sau hai năm thành lập, đồng thời tỉnh thành lập 3 đại đội độc lập (29,49,79) và bố trí đại đội độc lập 49 về hoạt động tại vùng Buôn Hồ.

Đầu năm 1949, Ban cán sự Đảng được tăng cường thêm một số đảng viên người dân tộc như Y Ling, Y Grum. Ban cán sự Đảng Buôn Hồ lấy khu vực chân núi Dliêya làm căn cứ hoạt động chỉ đạo phong trào cách mạng toàn huyện.

Trong năm 1949, du kích và các đội công tác phối hợp đánh nhiều trận, trong đó đáng kể là trận đánh đồn Bra và đồn buôn Ad'rong, nhiều lần phá rào cho đồng bào các buôn đã bị quân Pháp dồn xúc như các buôn Ariêng, Bléch, Briêng, và buôn Kô trở về buôn cũ.

Có thể nói đây là thời kỳ nhân dân các dân tộc Ea Súp cùng với quân và dân Buôn Hồ đã vượt qua chặng đường đầy khó khăn, thử thách, phát triển thực lực không ngừng và đã trở thành chiến trường địch hậu quan trọng nhất của tỉnh Đắk Lắk. Tháng 10-1949, đánh dấu sự lớn mạnh của phong trào cách mạng Buôn Hồ bằng sự kiện Đại hội Nhân dân. Lần đầu tiên sau khi bước vào cuộc kháng chiến trường kỳ gian khổ, đồng bào các dân tộc đã gặp mặt, thể hiện tinh thần đoàn kết và ý chí và quyết tâm kháng chiến cho đến khi giành thắng lợi.

Đầu năm 1950, tỉnh có chủ trương chia Đắk Lắk thành các hạt để thuận tiện trong chỉ đạo chiến trường; trong đó chia Buôn Hồ thành 2 hạt: Hạt III và Hạt IV. Ea Súp thuộc Hạt IV cùng các xã Ea Tul, Ea Đrăm, Buôn Đôn.

Cũng trong thời gian này, Liên khu có chủ trương mở chiến dịch Nguyễn Huệ, nhằm mục tiêu củng cố căn cứ địa, tiêu diệt các tiền đồn và bộ máy nguy quân, nguy quyền địch, thúc đẩy phát triển thực lực cách mạng và phát triển chiến tranh du kích trong vùng địch hậu. Tại Buôn Hồ, tiểu đoàn 39, 49 và các đại đội tăng cường C11, C17, C18 đột nhập đồn điền Rossi, Mê Wal, Auger. Tại đồn điền Auger, ta phát động đồng bào nổi dậy, giúp đỡ cho hơn một nghìn đồng bào trở về buôn cũ.

Sau chiến dịch Nguyễn Huệ, cơ quan huyện Buôn Hồ về đứng chân tại Chiến khu 40. Để đáp ứng yêu cầu trong tình hình mới, tỉnh thành lập thêm 2 đội vũ trang tuyên truyền ở Buôn Hồ do đồng chí Quang Dũng và đồng chí Nhuệ chỉ huy. Ở nhiều nơi phong trào du kích bắt đầu phát triển, lực lượng dân quân thoát ly sản xuất tăng nhanh.

Tuy nhiên, từ đầu năm 1951, tình hình trên chiến trường Đắk Lắk cũng như Buôn Hồ bắt đầu bước sang một tình thế mới, rất căng thẳng. Sau khi thực dân Pháp tách Tây Nguyên ra khỏi Nam Trung phần và thành lập quân khu Tây Nguyên, địch dùng quân ứng chiến phối hợp, có tề điệp dẫn đường càn sâu vào nội địa, xúc dân đưa về các trục đường giao thông. Chúng tiến hành vơ vét của cải, lương thực phục vụ chiến tranh ngay tại chỗ. Về quân sự, địch ra sức phát triển nguy quân ở khắp nơi, nguy hiểm nhất là xây dựng các ổ vũ trang cài cắm

vào tất cả các buôn, bủa lưới gián điệp, thực hiện đồn dân, chiêu an, tập trung tiêu diệt các lực lượng du kích của ta.

Giai đoạn này phong trào cách mạng của Ea Súp, cũng như Buôn Hồ nói chung gặp nhiều khó khăn, tính đến đầu năm 1951, trên địa bàn Buôn Hồ, ta chỉ còn chiến khu Dliêya là giữ vững được cả chính quyền, đoàn thể, lực lượng vũ trang và tổ chức các hoạt động trong chiến khu như một vùng tự do vững chắc. Vùng Ea Súp trước đây có cán bộ Đảng, chính quyền, nay chỉ còn là vùng du kích. Mặc dù vậy, những năm 1951-1952, phong trào cách mạng và nhất là hoạt động của lực lượng vũ trang vẫn được giữ vững. Tháng 6-1951, đại đội độc lập 11 và đội vũ trang tuyên truyền 121 được thành lập hoạt động tại địa bàn Hạt IV (gồm các xã Ea Tul, Ea Súp, Ea HDrăng, Buôn Đôn). Mặc dù địch đánh phá ác liệt, nhưng thế và lực của ta lúc này dần dần củng cố, đủ khả năng chống càn và mở rộng chiến tranh du kích.

Tháng 12-1952 và tháng 1-1953, Liên khu V mở chiến dịch An Khê. Khi chiến dịch mở màn, quân địch ở Đăk Lăk phải gấp rút điều một tiểu đoàn cơ động của Chi khu Buôn Hồ và một số đơn vị cứ điểm vùng ven đi ứng cứu cho An Khê. Tranh thủ thời cơ đó, lực lượng vũ trang trên địa bàn Buôn Hồ - Cheo Reo đẩy mạnh tấn công tiêu diệt địch và hỗ trợ cho đồng bào nổi dậy. Tiếp đó cán bộ quân dân chính đảng thực hiện chỉnh huấn, chỉnh quân và xây dựng Đảng. Công tác phát triển Đảng và kiện toàn lực lượng du kích thực hiện khá mạnh, phát triển được cả trong quần chúng nhân dân, đánh dấu một thời kỳ phát triển mới của cuộc kháng chiến.

Những thắng lợi của quân và dân ta trong những năm 1950 - 1953, đẩy Pháp vào thế nguy ngập. Những thất bại về quân sự và những khó khăn về kinh tế càng đẩy Pháp lún sâu vào sự lệ thuộc đế quốc Mỹ, viện trợ quân sự của Mỹ cho Pháp đã chiếm 70 % toàn bộ ngân sách chiến tranh năm 1953 của Pháp. Để xoay chuyển tình hình, và được sự đồng tình của Mỹ, vào mùa hè 1953 Chính phủ Pháp triệu hồi tướng Xa-lăng về nước và cử Na-va (Navarre) sang làm chỉ huy các lực lượng quân viễn chinh Pháp ở Đông Dương, Na-va đã vạch ra kế hoạch chiến lược với hy vọng trong vòng 18 tháng phải giành được một thắng lợi quyết định về quân sự để làm cơ sở cho một giải pháp chính trị có “danh dự” cho Pháp.

Trước tình hình đó, tháng 9-1953, Bộ Chính trị họp, chủ trương mở cuộc tấn công chiến lược Đông - Xuân năm 1953 – 1954, bằng hai đòn tiến công lớn. Một là, tiêu diệt địch ở Lai Châu, giải phóng Tây Bắc và phối hợp với quân đội giải phóng Lào, giải phóng Phong-xa-lỳ. Hai là, phối hợp nhịp nhàng với quân giải phóng Lào và quân đội giải phóng Campuchia, tiêu diệt một bộ phận địch ở Trung Lào, Hạ Lào và Đông Bắc Campuchia, mở rộng vùng giải phóng tới sau lưng Sài Gòn, đánh thông đường chiến lược Bắc – Nam Đông Dương. Ba là, giành lại địa bàn chiến lược Tây Nguyên, phá tan âm mưu bình định miền Nam của địch.

Hội nghị Liên Khu ủy và Bộ tư lệnh Quân Khu V tháng 12-1953 cũng quyết định tập trung toàn bộ lực lượng chủ lực tiến lên Tây Nguyên.

Trên đà phát triển của tình hình chung, quân và dân Đắk Lắk bước vào Đông - Xuân năm 1953 - 1954 với một khí thế mới. Chấp hành chủ trương của Trung ương và Khu ủy V, Ban Cán sự tỉnh đã họp liên tịch với Tỉnh ủy Phú Yên để bàn việc phối hợp các lực lượng để chống lại các cuộc hành quân của địch từ trên xuống, từ dưới lên, phân công bố trí các lực lượng vũ trang tuyên truyền, vũ trang công tác trên các hướng để nhân thời cơ mở rộng và củng cố các cơ sở chính trị, cơ sở du kích trong lòng địch, các đại đội độc lập, đại đội tăng cường, tiểu đoàn tập trung phối hợp với lực lượng chủ lực bám sát đường số 26, 14, 07, các cứ điểm tiền tiêu của địch, sẵn sàng đánh địch củng cố vùng hậu cứ an toàn cho tỉnh.

Ngày 20-1-1954, địch thực hiện cuộc hành quân Atlante, nhằm đánh chiếm toàn bộ vùng tự do Liên Khu V, nhưng khi mới vừa đặt chân lên Tuy Hoà (Phú Yên), quân địch đã bị quân và dân Phú Yên chặn đánh quyết liệt, sau 10 ngày đã bị giết và bị thương gần 800 tên. Trong lúc quân địch đang sa lầy ở Phú Yên, chủ lực của ta nổ súng đánh địch ở Kon Tum, giải phóng Kon Tum với diện tích rộng 14.000 km² với 200.000 dân. Giữa lúc quân và dân Tây Nguyên và các chiến trường trên cả nước đang thắng giòn giã, thì chiến dịch Điện Biên Phủ - chiến dịch lớn nhất, có ý nghĩa đặc biệt trong cuộc kháng chiến chống Pháp mở màn, càng đẩy nhanh địch vào thế bị động đối phó hết sức khó khăn.

Phối hợp với quân và dân Bắc Tây Nguyên và các chiến trường trong cả nước, quân và dân Đắk Lắk cũng nổ súng tấn công địch ở thị xã Cheo Reo, tiêu diệt đồn Ma Tê.

Cuối tháng 3-1954, ta tiến công lên đường 14, tây Cheo Reo, diệt cứ điểm Hoàn Chấm, đánh các cứ điểm Blếch, Buôn Ỗm Lê, dùng địa lôi chiếm đường Hoàn Chấm đi Cheo Reo.

Trong tháng 4-1954, phối hợp với quân chủ lực, quân và dân ta lần lượt đánh địch ở Tà Khê, tập kích vào buôn Ma Bép, vào cứ điểm Ainu và phục kích địch ở buôn Kting. Hệ thống phòng ngự của địch từ Cheo Reo xuống Mlah bị sụp đổ, lực lượng của ta phối hợp với quân chủ lực quân khu đã chặn đánh địch ở suối Cối, bẻ gãy hàng chục cuộc hành quân của địch. Với những hoạt động phối hợp và chiến thắng dồn dập của quân và dân trên mặt trận Tây Nguyên, Phú Yên, Bình Định nên ngày 2-4-1954 địch phải đình chỉ cuộc hành quân Atlante, một bộ phận quan trọng của kế hoạch Nava đã bị thất bại thảm hại.

Trên chiến trường chính, sau 55 ngày đêm chiến đấu vô cùng anh dũng, quyết liệt, quân và dân ta đã đập tan tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ, nơi mà thực dân Pháp và đế quốc Mỹ coi là “bất khả xâm phạm”, là “cái bẫy để nghiền nát chủ lực Việt Minh”.

Chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ ngày 7-5-1954 làm nức lòng và tiếp thêm sức mạnh cho toàn quân, toàn dân trong đó có quân và dân Đắk Lắk đang phát huy thắng lợi, đẩy mạnh tấn công tiêu diệt địch. Ở phía Bắc tỉnh, tranh thủ thời cơ thuận lợi ta tiếp tục tấn công địch trên cả 3 hướng: Buôn Thô, Hai-Ariêng và Tuy Bình, phá tan tuyến phòng ngự của địch dọc đường 26, huyện lỵ

M'Đrăk bị bao vây, tấn công và truy kích binh đoàn cơ động số 40 của địch lên đến tận đường 14 diệt hàng trăm tên, đẩy quân Pháp và nguy binh vào tình thế co cụm về Buôn Ma Thuột.

Phối hợp với chiến trường Pleiku, quân ta đã chặn đánh và tiêu diệt quân địch rút chạy ở đèo Cư Đrê, cắt đứt đường 14.

Song song với hoạt động quân sự, ta chủ trương đẩy mạnh các hoạt động vũ trang tuyên truyền phát động quần chúng nổi dậy. Từ Buôn Hồ, Buôn Ma Thuột, Bản Đôn, Đăk Mil, Lắc cơ sở của ta phát triển rất mạnh, phía bắc ta đã bắt liên lạc được với cơ sở tỉnh Gia Lai – Kon Tum, phía tây nam với cơ sở của đông Miên, phía đông nam với cơ sở của Lâm Đồng.

Ngày 20-7-1954, Hiệp định Giơnevơ được ký kết, lập lại hòa bình Đông Dương, trên cơ sở công nhận độc lập, hòa bình, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ ba nước Việt Nam, Lào, Campuchia. Đối với Việt Nam, Hiệp định quy định rõ ngày ngừng bắn, thời gian chuyển quân tập kết, giới tuyến quân sự tạm thời là vĩ tuyến 17. Hai miền Nam, Bắc sẽ tiến tới Tổng tuyển cử tự do để thống nhất nước nhà. Lúc này đội công tác của ta đang hoạt ở hầu khắp mọi nơi trong tỉnh, đã tranh thủ tuyên truyền phát huy thắng lợi của kháng chiến và thắng lợi của hiệp định Giơnevơ không những trong nhân dân mà cả trong một bộ phận nguy quân, nguy quyền của địch.

Ngày 01-8-1954 là ngày chính thức đình chiến, tuân thủ những điều khoản đã quy định trong nội dung Hiệp định, tỉnh cử phái đoàn do đồng chí Nguyễn Khắc Tính làm Trưởng đoàn cùng với phái đoàn đối phương ký vào biên bản bàn giao, tất cả các lực lượng của ta đang hoạt động trên chiến trường đều rút hết về xuôi.

Trải qua 9 năm liên tục chiến đấu, đồng bào Ea Súp cùng với quân và dân Buôn Hồ đã vượt qua một chặng đường đầy hy sinh gian khổ, góp phần cùng với nhân dân cả nước đánh thắng thực dân Pháp xâm lược, giải phóng quê hương, giải phóng dân tộc, góp phần xứng đáng vào sự nghiệp cách mạng vẻ vang của cả nước.

II. EA SÚP TRONG CUỘC KHÁNG CHIẾN CHỐNG MỸ, CỨU NƯỚC (1954-1975)

1 Đấu tranh chính trị đòi thi hành Hiệp định Giơnevơ, nổi dậy làm chủ nông thôn, góp phần đánh bại chiến lược “Chiến tranh một phía” của Mỹ - nguy (1954-1961)

Thắng lợi vĩ đại của nhân dân ta trong chiến dịch Đông-Xuân năm 1953-1954, với đỉnh cao là chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ đã buộc thực dân Pháp phải ký kết Hiệp định Giơnevơ (20-7-1954), chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình tại Việt Nam. Cách mạng Việt Nam bước vào giai đoạn mới với hai nhiệm vụ chiến lược: miền Bắc hoàn toàn giải phóng, bước vào thời kỳ quá độ đi lên xây dựng chủ nghĩa xã hội; miền Nam tạm thời dưới quyền quản lý của đối

phương, tiếp tục cuộc cách mạng dân tộc dân chủ, tiến tới giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước.

Ngay khi Hiệp định Giơnevơ chưa ký kết, đế quốc Mỹ đã âm mưu hắt cẳng thực dân Pháp, độc chiếm miền Nam, đưa Ngô Đình Diệm về nước làm Thủ tướng chính phủ bù nhìn Nam Việt Nam (6-1954); tiến hành các biện pháp chiến lược để củng cố địa vị thống trị, hòng tiêu diệt phong trào cách mạng miền Nam, chia cắt lâu dài đất nước ta.

Ở Tây Nguyên, Đắk Lắk, Mỹ - Diệm tăng cường bắt lính, đồn quân, lập đồn bót, củng cố bộ máy chính quyền từ tỉnh xuống cơ sở; phát triển tôn giáo, các tổ chức chính trị giả hiệu... dùng chiêu bài lừa bịp mị dân; thi hành chính sách “tố cộng, diệt cộng” để khủng bố tinh thần cách mạng của cán bộ, đảng viên và quần chúng; lấn chiếm đất lập dinh điền theo chính sách “Kinh - Thượng đề huề” của Ngô Đình Diệm (12-6-1955)...

Từ thực tiễn của tình hình cách mạng, Đảng ta xác định, nhân dân miền Nam tiếp tục bước vào thời kỳ chiến tranh cách mạng lâu dài, gian khổ với nhiều khó khăn, phức tạp, trong điều kiện từ đấu tranh vũ trang chuyển sang đấu tranh chính trị không có quân đội hỗ trợ, hoạt động bí mật là chủ yếu, từ thế tấn công chuyển sang thế giữ gìn lực lượng, quân đội ta chuyển quân tập kết ra miền Bắc...

Quán triệt phương châm chung của Đảng “...bảo tồn cơ sở, tích lũy lực lượng, trường kỳ tồn tại, nắm vững ngọn cờ hòa bình, thống nhất, vững bước đưa phong trào tiến lên”, Ban Cán sự tỉnh Đắk Lắk triển khai phương châm cụ thể về tổ chức, hoạt động và phương pháp đấu tranh. Chú trọng tinh giản, coi trọng chất lượng về tổ chức; kết hợp đấu tranh hợp pháp, nửa hợp pháp với bất hợp pháp, lấy hợp pháp và nửa hợp pháp làm chính, đấu tranh có lý, có lợi, đúng mức; thực hiện khéo che giấu lực lượng. Đồng thời, lựa chọn sắp xếp cán bộ ở lại bám địa bàn, lãnh đạo nhân dân đấu tranh chống địch, chuẩn bị công tác giao thông liên lạc, phương tiện hoạt động...

Tỉnh lựa chọn 120 cán bộ đã từng hoạt động ở chiến trường Đắk Lắk để bố trí ở lại. Số cán bộ, đảng viên được lựa chọn ở lại dựa trên tinh thần tự nguyện, là những đảng viên có sức khỏe, trung kiên, có kinh nghiệm công tác vùng dân tộc thiểu số, vùng địch hậu.

Cán bộ ở lại của tỉnh gồm hai bộ phận: hợp pháp và bất hợp pháp. Bộ phận hợp pháp được bố trí hoạt động trong vùng địch, vùng đô thị và vùng nông thôn ven các đô thị... gồm 20 đồng chí. Bộ phận bất hợp pháp được phân công hoạt động trên địa bàn 7 huyện vùng nông thôn, cơ quan của tỉnh và lực lượng hành lang giao liên gồm khoảng 100 đồng chí. Một số cán bộ, đảng viên người dân tộc địa phương được bố trí về tại các buôn làng mình để hoạt động. Nhờ làm tốt công tác tư tưởng và chọn lựa chặt chẽ, nên hầu hết cán bộ ở lại đã giữ vững được khí tiết của người đảng viên cộng sản, nêu cao ý chí chiến đấu trong những thời kỳ phong trào cách mạng địa phương gặp khó khăn trước sự đánh phá khốc liệt của kẻ địch.

Bị thất bại trong chính sách thực dân kiểu mới là thống trị nhân dân mà không cần dùng đến chiến tranh, bọn Mỹ - Diệm đã ra sức phát xít hoá bộ máy, đẩy mạnh cuộc chiến tranh "đơn phương" để chống lại nhân dân miền Nam trong tay không có vũ khí. Trong đó, "tố cộng, diệt cộng" là một trong những chính sách quan trọng nhất, được coi là "quốc sách" của chúng.

Đối với Đắk Lắk nói chung và Ea Súp nói riêng, tới đầu năm 1957 chúng mới thực hiện "Tố cộng, diệt cộng" bằng chiến dịch "Thượng du vận". Chúng giả danh là những đoàn "Công tác dân vận" (Công dân vụ), đoàn "Phun thuốc diệt muỗi", đoàn "Thương lái"... để đi vào các buôn làng, nương rẫy, rừng núi, nhằm phát hiện cơ sở cách mạng của ta. Chúng bắt đồng bào "tố cộng", nói xấu cộng sản, nói xấu cách mạng. Chúng cấm đồng bào không được ngủ, không được để lúa, ngô ngoài rẫy. Đồng thời chúng treo giải rất hậu cho những ai khai báo, phát hiện cơ sở hoặc cán bộ cách mạng cho chúng.

Về phía ta, dưới sự chỉ đạo chặt chẽ của cấp trên, công tác chuẩn bị tốt nên trước khi địch triển khai chiến dịch "Tố cộng, diệt cộng" lên Đắk Lắk, Ban Cán sự Đảng tỉnh đã hướng dẫn các địa phương tổ chức cho cán bộ, đảng viên và nhân dân học tập các tài liệu như: *Chủ nghĩa cộng sản và người cộng sản, Khí tiết người đảng viên cộng sản, Thương dân yêu nước đứng lên làm cách mạng, Năm bước công tác vận động quần chúng...* Những tài liệu trên đã giúp cho cán bộ, đảng viên và nhân dân các dân tộc nâng cao nhận thức, kiên định ý chí và nghị lực để chống lại mọi sự xuyên tạc, vu khống và sự đàn áp của kẻ thù.

Mặc dù bị địch thường xuyên vây ráp, nhưng cán bộ và cơ sở của ta vẫn tìm mọi cách để liên lạc với dân. Ta đã lãnh đạo nhân dân không đi học "tố cộng", không nghe những lời tuyên truyền xằng bậy của kẻ thù về cách mạng và về những người tham gia kháng chiến trước đây. Nhân dân đã lợi dụng phong tục tập quán "Treo lá cây trước nhà" để không cho địch vào trong nhà; tổ chức, vận động nhân dân cài chông, cạm bẫy khắp nơi để không cho địch đi lung sục.

So với đồng bằng, chiến dịch "Tố cộng, diệt cộng" ở Ea Súp và Đắk Lắk nhìn chung không quyết liệt lắm, mức độ tổn thất về cán bộ, đảng viên không nhiều.

Sau thất bại của quốc sách "Tố cộng, diệt cộng", Mỹ - Diệm chuyển ngay sang kế hoạch dồn, dân lập ấp để tách dân ra khỏi ảnh hưởng của cách mạng. Chúng rêu rao về tính "ưu việt" của các "khu trù mật" là "sẽ giúp đồng bào nâng cao đời sống, thực hiện được sự bình đẳng giữa các dân tộc"!

Ta đã vận động đồng bào đấu tranh kiên quyết không đi, bỏ vào rừng, hoặc nếu bị xúc đi thì tìm mọi cách quay trở về buôn cũ làm ăn.

Cùng với việc lừa mị, cưỡng ép đồng bào công giáo miền Bắc di cư vào Nam, từ tháng 4-1957, địch bắt đầu thực hiện chiến dịch xúc dân ở các tỉnh Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định - trong đó nhiều người đã từng tham gia kháng chiến, là đảng viên lên Tây Nguyên lập các "dinh điền".

Tính đến tháng 7-1957, chúng đã đưa lên Đắc Lắc 57.000 người, lập ra 43 dinh điền ở Buôn Hồ, Phước An, Gia Nghĩa, Đắc Mil và xung quanh thị xã Buôn Ma Thuột.

Việc Mỹ - Diệm lập các dinh điền đã gây ra phản ứng từ nhiều phía. Nắm được tình hình trên, cán bộ ta đã lãnh đạo, vận động đồng bào dân tộc, đồng bào Kinh, các chủ làng, chủ bến nước và cả sỹ quan, binh lính, công chức của địch kiên quyết đấu tranh chống cướp đất lập dinh điền. Phong trào đã diễn ra rất mạnh mẽ, quyết liệt trong những năm 1957-1959. Đồng bào đã tổ chức thành từng đoàn kéo lên thị xã Buôn Ma Thuột, đưa đơn kiện tới Tỉnh trưởng, đòi trả lại đất. Đồng bào còn tổ chức kéo cả buôn ra nương rẫy của mình để căng dây, đóng cọc, giữ đất không cho địch lấn chiếm. Địch đưa xe ủi đến, hàng trăm người kết thành một khối, ngăn cản. Nhờ những biện pháp đấu tranh quyết liệt đó bọn địch buộc phải nhượng bộ, chúng chỉ khai thác ở những vùng còn hoang hoá và trả lại những nương rẫy đã chiếm của đồng bào.

Trong thời gian này, đồng bào các dân tộc trên địa bàn Ea Súp còn được cán bộ ta bí mật mở những lớp học tập, bồi dưỡng về tình hình nhiệm vụ, về chủ trương chính sách của Mặt trận và vận động đồng bào hăng hái đóng góp sức người, sức của ủng hộ cách mạng. Đối với tầng lớp trên, sau khi học phải làm giấy cam kết không được làm điều gì có hại cho nhân dân, có hại cho cách mạng. Sau đó, cán bộ ta tổ chức phát động phong trào đấu tranh trên toàn địa bàn, đòi các quyền dân sinh, dân chủ, đòi bồi thường đất đai, đòi tự do, bình đẳng trong quan hệ Kinh - Thượng, chống bắt bớ, khủng bố nhân dân.

Nhìn chung, các cuộc đấu tranh của đồng bào Ea Súp sau khi có Hiệp định Giơnevơ cho đến cuối 1959 đầu 1960 thể hiện sự trưởng thành của phong trào cách mạng ở đây. Những cuộc đấu tranh đó đã tô thắm truyền thống yêu nước và tinh thần đấu tranh bất khuất của các tầng lớp nhân dân Ea Súp. Qua thực tiễn đấu tranh, các cơ sở cách mạng ngày càng được củng cố và mở rộng. Phần lớn các buôn ấp đã xây dựng được các loại cơ sở với mức độ mạnh yếu khác nhau.

Tuy nhiên, qua quá trình đấu tranh chính trị với Mỹ - Diệm cho đến lúc này vẫn chưa lật đổ được bộ máy kìm kẹp của chúng, nên trong tâm tư của không ít cán bộ, đảng viên muốn sử dụng hình thức đấu tranh vũ trang đối với kẻ thù. Đã đến lúc phải sử dụng hình thức đấu tranh khác, mạnh mẽ và có hiệu quả hơn. Đó là nguyện vọng chung của nhân dân Ea Súp, nhân dân Đắc Lắc và của cả miền Nam trong những năm 1959-1960.

Từ thực tiễn đấu tranh của đồng bào miền Nam và những kiến nghị của quần chúng, của các cấp uỷ Đảng ở miền Nam, Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã họp Hội nghị lần thứ 15 (tháng 1-1959) để định ra đường lối cách mạng ở miền Nam. Hội nghị xác định: Nhiệm vụ cơ bản của cách mạng miền Nam là giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc, nhiệm vụ trước mắt là đánh đổ bọn đế quốc Mỹ xâm lược và bọn tay sai Ngô Đình Diệm; phương pháp cách mạng và hình thức đấu tranh là dùng bạo lực cách mạng, từ đấu tranh chính trị tiến lên kết hợp đấu tranh chính trị và đấu tranh vũ trang; dự kiến xu thế phát

triển là từ khởi nghĩa của nhân dân có thể tiến lên cuộc đấu tranh vũ trang trường kỳ.

Nghị quyết 15 (khoá II) của Trung ương Đảng ra đời phản ánh đúng yêu cầu của lịch sử, giải quyết kịp thời những nhiệm vụ bức thiết của cách mạng miền Nam trong thời kỳ mới, phù hợp với tâm tư, nguyện vọng của cán bộ, đảng viên và nhân dân miền Nam. Có thể nói Nghị quyết 15 (khoá II) là sự chuẩn bị trực tiếp cho cuộc Đồng khởi trên toàn miền Nam những năm 1959-1960, chuyển cách mạng miền Nam từ thế giữ gìn lực lượng sang thế tiến công và tiến công liên tục.

Quán triệt Nghị quyết 15, Ban Cán sự Đảng tỉnh Đắk Lắk đã đề ra những nhiệm vụ cụ thể cho toàn quân, toàn dân trong tỉnh là: Tập trung xây dựng thực lực cách mạng, mở đường hành lang chiến lược vào Nam Bộ, xây dựng lực lượng vũ trang, dự trữ lương thực, muối, vải...

Trong thời gian này, tình hình trong tỉnh có nhiều chuyển biến mới, góp phần thúc đẩy phong trào cách mạng chung của toàn tỉnh - trong đó có Ea Súp. Trước hết là việc Trung ương và Liên khu uỷ V tăng cường cán bộ - nhất là cán bộ quân sự cho Đắk Lắk. Tháng 9-1959, một đoàn cán bộ quân sự gồm 28 đồng chí được cử vào Đắk Lắk. Một số tỉnh như Kon Tum, Gia Lai, Bình Định, Phú Yên đều cử cán bộ lãnh đạo cấp tỉnh, huyện và lực lượng vũ trang lên tăng cường cho Đắk Lắk. Năm 1960, Trung ương tiếp tục bổ sung cho Đắk Lắk nhiều cán bộ quân sự và dân sự.

Ban Quân sự tỉnh được thành lập, những đơn vị vũ trang đầu tiên của tỉnh ra đời (cuối 1959 đầu 1960), báo hiệu thời kỳ đấu tranh mới của nhân dân Đắk Lắk.

Tháng 10-1960, đường hành lang chiến lược Nam - Bắc được thông suốt. Đắk Lắk trở thành mắt xích liên hoàn, quan trọng của đường hành lang chiến lược đó.

Về mặt tổ chức, đầu năm 1960, Liên khu uỷ khu V chia tỉnh Đắk Lắk ra làm 4 đơn vị (mật danh là B3, B4, B5, B6). Trên địa bàn B6 (bao gồm thị xã Buôn Ma Thuột và vùng nông thôn xung quanh thị xã) lại chia thành 4 đơn vị, với mật danh là K (từ K.61 đến K.64)¹. Địa bàn Ea Súp lúc này là một bộ phận của K.61.

Tháng 8-1960, Ban cán sự Đảng K.61 được thành lập. Đồng chí Lê Chí Quyết, Tỉnh uỷ viên tỉnh Gia Lai tăng cường cho Đắk Lắk được chỉ định làm Ủy viên Ban cán sự B6, trực tiếp làm Bí thư Ban cán sự K.61. Có thể coi Ban cán sự K.61 là cấp uỷ Đảng tiền thân của 3 huyện: Ea Súp, Buôn Đôn, Cư M'Gar ngày nay.

¹ K61 gồm toàn bộ Bắc-Tây Bắc thị xã Buôn Ma Thuột, nay là 3 huyện Cư M'Gar, Ea Súp, Buôn Đôn và toàn bộ vùng ven của thị xã Buôn Ma Thuột.

K62 gồm toàn bộ vùng nông thôn phía Nam thị xã Buôn Ma Thuột nay thuộc 2 huyện Krông Ana, Cư Kuin và vùng ven thị xã.

K63 gồm toàn bộ khu vực phía Tây Nam thị xã, nay thuộc Đắk Mil, Cư Jút, Krông Nô.

K64 chỉ trong phạm vi thị xã Buôn Ma Thuột.

Ngay sau khi ra đời, Ban cán sự K.61 đã chủ trương tổ chức và lãnh đạo quân và dân trên địa bàn thực hiện những nhiệm vụ chủ yếu sau đây:

- Đẩy mạnh công tác xây dựng cơ sở chính trị rộng khắp ở các buôn ấp, các dinh điền, đồn điền, vào sát nách thị xã Buôn Ma Thuột; trên cơ sở đó xây dựng và phát triển lực lượng vũ trang, từng bước thực hiện phương châm đấu tranh "2 chân 3 mũi" theo tinh thần Nghị quyết 15 của Trung ương.

- Xây dựng và bảo đảm an toàn cho đường hành lang chiến lược Bắc - Nam qua địa phận K.61 và từ những năm 1965 mở thêm đường hành lang Đông - Tây, từ Đắk Lắk đi Phú Yên, Khánh Hòa.

- Xây dựng bàn đạp cho công tác nội thị.

Sự kiện Ban cán sự Đảng K.61 ra đời cùng với những chủ trương đúng đắn, kịp thời, đã đánh dấu bước phát triển nhảy vọt của phong trào cách mạng trên địa bàn K.61 - trong đó có Ea Súp. Nhân dân các dân tộc K.61 nói chung và Ea Súp nói riêng, đã có nhân tố cơ bản hàng đầu bảo đảm thắng lợi của sự nghiệp kháng chiến chống Mỹ, cứu nước: Đó là sự lãnh đạo trực tiếp, thông nhất, toàn diện của Đảng.

Tháng 11-1960, trong điều kiện vô cùng khó khăn, K61 cùng với lực lượng của trên tổ chức và đưa thành công cụ Y Bih Alêô từ trong lòng địch Buôn Ma Thuột ra vùng ta (K61) và đưa cụ về căn cứ của tỉnh an toàn.

Đầu tháng 12-1960, Ban cán sự K.61 đã tổ chức đột nhập vào đồn điền Mê Val (lần thứ nhất). Ta chỉ có 4-5 đồng chí, phải rút một số thanh niên ở các buôn căn cứ "lõm" nói trên làm lực lượng, dùng gậy và ống tre nghi binh là vũ khí. Vào đồn điền ta đã tập hợp được anh chị em công nhân tổ chức một cuộc mítting ngay tại đồn điền. Cán bộ ta lên diễn thuyết, vạch rõ những tội ác và bộ mặt phản dân hại nước của bọn Mỹ - Diệm, kêu gọi anh chị em công nhân hãy đoàn kết chặt chẽ, kiên quyết đấu tranh đòi tăng lương, giảm giờ làm, chống cúp phạt công nhân; đồng thời anh chị em công nhân phải tích cực đi đầu trong phong trào chống Mỹ - Diệm ở địa phương.

Trong khí thế sôi sục cách mạng, 9 thanh niên công nhân đã tình nguyện thoát ly làm cách mạng. Ban Cán sự K.61 quyết định tổ chức 9 thanh niên này thành tiểu đội vũ trang đầu tiên của K.61.

Đây là cuộc đấu tranh đầu tiên của giai cấp công nhân trên địa bàn K61 do Ban cán sự K.61 lãnh đạo thắng lợi. Qua cuộc đấu tranh này càng chứng tỏ khả năng tổ chức, lãnh đạo của Đảng bộ và tinh thần cách mạng to lớn của giai cấp công nhân của đồng bào các dân tộc trên địa bàn K.61.

Sau Nghị quyết 15 của Trung ương Đảng, trên toàn miền Nam, tình hình có nhiều chuyển biến. Phong trào Đồng khởi đã diễn ra ở hầu khắp các tỉnh Nam Bộ, Nam Trung Bộ, làm tan rã từng mảng lớn bộ máy kìm kẹp của Mỹ - Diệm ở nông thôn và thay vào đó là chính quyền cách mạng. Từ trong bão lửa của phong trào Đồng khởi, ngày 20-12-1960 Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam ra đời, nhận lãnh trách nhiệm đoàn kết và động viên mọi tầng

lớp nhân dân miền Nam - không phân biệt dân tộc, tôn giáo, đảng phái, nam, nữ, giàu, nghèo - vùng lên đấu tranh đánh đuổi bọn Mỹ - Diệm, giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước.

Ở Đắk Lắk, Mặt trận dân tộc giải phóng tỉnh đã được thành lập do ông Ama Kuăng (Rơ Chăm Thép) làm Chủ tịch.

Phong trào Dân tộc tự trị Tây Nguyên do cụ Y Bih Alêo làm Chủ tịch, sau khi thành lập cũng đã tuyên bố gia nhập và trở thành một thành viên của Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam. Cụ Y Bih Alêo, được cử giữ chức Phó Chủ tịch Đoàn Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam. Khối đại đoàn kết toàn dân trong tỉnh được mở rộng và củng cố thêm một bước. Sau đó, các huyện đều lần lượt tổ chức Đại hội thành lập Mặt trận dân tộc giải phóng của địa phương mình.

Đối với K.61, trong 2 ngày 24 và 25-1-1961, Đại hội Mặt trận dân tộc giải phóng K.61 đã được tiến hành tại buôn Chuôr. Về dự Đại hội có gần 200 đại biểu, bao gồm 150 đại biểu là cơ sở cách mạng, các cán bộ hoạt động ở khắp các đồn điền, dinh điền, các buôn ấp trong huyện và 50 đại biểu thuộc các tầng lớp trên (già làng, trí thức người dân tộc và một số sĩ quan, tề ngụy do ta tranh thủ được).

Đại hội đã nghiên cứu và thảo luận Cương lĩnh của Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam và Chương trình hành động của Phong trào dân tộc tự trị Tây Nguyên.

Đại hội đã dành nhiều thời gian để nghe các đại biểu dự Đại hội phát biểu ý kiến. Đại hội thống nhất khẳng định:

- Mỹ - Diệm là kẻ thù chung của người Kinh cũng như người Thượng. Do đó phải tăng cường đoàn kết Kinh, Thượng để đánh bại mọi âm mưu và kế hoạch thâm độc của chúng.

- Phải phát triển nhanh lực lượng cách mạng về mọi mặt để đáp ứng yêu cầu của tình hình mới.

- Động viên mọi người đóng góp sức người, sức của ủng hộ kháng chiến, trước hết là lương thực, thực phẩm và vận động thanh niên thoát ly tham gia lực lượng vũ trang.

Đại hội đã bầu ra Ủy ban Mặt trận huyện gồm 07 vị do đồng chí Ama Suôr làm Chủ tịch.

Sau Đại hội Mặt trận, Ban cán sự K.61 đã quyết định mở một đợt tuyên truyền sâu rộng tới mọi tầng lớp nhân dân, mọi địa bàn của K. Tại các buôn “căn cứ lõm”, ta tổ chức ngày “Hội đoàn kết toàn dân” có mít tinh liên hoan văn nghệ, uống rượu cần, có tổ chức “ăn thề”, ở các buôn giáp ranh, ta tổ chức cho các đối tượng đang làm việc cho địch học tập Cương lĩnh của Mặt trận và yêu cầu họ làm bản cam kết không làm gì có hại cho cách mạng, thực hiện nội dung “xanh vỏ, đỏ lòng” của Ban Cán sự Đảng đề ra.

Do kết quả giáo dục, vận động của ta nên đã có nhiều người thuộc đối tượng trên sau này đã trở thành cơ sở hoạt động công khai hợp pháp cho cách mạng, thực hiện tốt phương châm "xanh vỏ đỏ lòng".

Nhìn chung, đến đầu năm 1961, được sự chỉ đạo của trên, sự nỗ lực phấn đấu của cán bộ, đảng viên và nhân dân các dân tộc trong toàn huyện, lực lượng của cách mạng trên địa bàn K.61 đã được xây dựng và từng bước có sự trưởng thành, lớn mạnh: K.61 đã có sự lãnh đạo trực tiếp của cấp ủy Đảng (Ban Cán sự), có khối đại đoàn kết toàn dân trong Mặt trận dân tộc giải phóng, có cơ sở cách mạng ngày càng mở rộng và có những kinh nghiệm bước đầu trong đấu tranh chống Mỹ - Diệm. Số lượng cán bộ quân dân chính đảng của K.61 đã có trên 10 đồng chí. Buôn Ea M'Droh và một số buôn lân cận như buôn Chuôr, buôn Nhung, buôn Ya wâm được chọn làm căn cứ đứng chân đầu tiên - và một số năm sau này - của Ban cán sự K.61 (gọi là căn cứ lổm).

Chấp hành sự chỉ đạo thống nhất của tỉnh và căn cứ vào thực lực của huyện, Ban cán sự K.61 đã quyết định phát động phong trào Đồng khởi trên địa bàn toàn huyện vào đêm 30-1-1961, ở nhiều buôn ấp, quần chúng đã đồng loạt nổi chiêng, trống, mõ, đốt đuốc và cầm vũ khí tự tạo đi lùng bắt bọn tề điệp ở cơ sở và buộc chúng phải giao chính quyền cho ta. Trước khí thế "xung thiên" của quần chúng, chính quyền cơ sở của địch đã bị xoá bỏ ở nhiều buôn ấp. Các Ban tự quản - một hình thức của chính quyền cách mạng - đã ra đời, khẩn trương bắt tay vào việc tổ chức và quản lý mọi mặt đời sống của đồng bào ở trong buôn, ấp.

Ngay sau ngày Đồng khởi thắng lợi, Ban cán sự K.61 đã phát động phong trào ủng hộ kháng chiến. Với tinh thần cách mạng cao, đồng bào các dân tộc đã nhiệt liệt hưởng ứng bằng những hành động cụ thể: gần 10 tấn lúa, hàng tạ thịt gà, heo, một số quần áo, chăn màn, quân trang quân dụng được gửi về huyện; trên 100 thanh niên tình nguyện thoát ly theo cách mạng. Đó là nguồn nhân lực rất quý để bổ sung cho lực lượng vũ trang và cán bộ cho huyện.

Như vậy, với cuộc Đồng khởi đầu năm 1961, quân và dân K.61 - trong đó có Ea Súp ngày nay - đã chuyển cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của huyện từ thế giữ gìn lực lượng sang thế tiến công. Đồng thời qua đó đã góp phần cùng đồng bào miền Nam đánh thắng hoàn toàn chiến lược "chiến tranh" một phía của đế quốc Mỹ.

Thắng lợi đó càng củng cố niềm tin của đồng bào vào tương lai tất thắng của cách mạng và động viên, cổ vũ mạnh mẽ toàn Đảng, toàn quân và toàn dân địa bàn K.61 đoàn kết, tiến lên trong cuộc đấu tranh sắp tới.

2. Nhân dân các dân tộc Ea Súp tham gia chống "Chiến tranh đặc biệt" của Mỹ - ngụy (1961-1965)

Đầu năm 1961, Ken-nơ-đi trúng cử Tổng thống Mỹ và đưa ra chiến lược mới đối với miền Nam Việt Nam: Chiến lược "Chiến tranh đặc biệt". Nội dung cơ bản của chiến lược này là càn quét, dồn dân lập ấp chiến lược trên quy mô lớn để "tắt nước bắt cá", nhằm tách lực lượng cách mạng ra khỏi nhân dân. Biện

pháp chủ yếu là hành quân càn quét và gom dân vào ấp theo hai kế hoạch: Kế hoạch Stalây-Taylo bình định miền Nam trong vòng 18 tháng (từ giữa năm 1961 đến hết 1962) và sau đó là kế hoạch Giônxon-Măcnamara, dự kiến bình định miền Nam trong hai năm (1963-1964).

Trên địa bàn Đăk Lăk, cuối năm 1961, địch bắt đầu triển khai chiến lược Chiến tranh "đặc biệt". Về mặt quân sự, Mỹ - Ngụy điều chỉnh lại chỗ đứng chân của sư đoàn 23 và một vài bộ phận của trung đoàn 45 về đóng ở thị xã Buôn Ma Thuột. Đồng thời tăng cường bắt lính, đồn quân và trang bị hiện đại cho các đơn vị lính cộng hoà đóng ở Đăk Lăk. Chúng thành lập thêm các lực lượng bảo an (ở thị xã Buôn Ma Thuột có tới 3 đại đội). Ở mỗi quận đều có một đại đội và các trung đội lẻ. Chúng tăng cường hệ thống kìm kẹp nhân dân và ráo riết lùng sục, vây ráp ở các buôn thôn để bắt nhân dân ta vào các khu tập trung - ấp chiến lược - do chúng xây dựng sẵn.

Trên địa bàn K.61, do thấy được vị trí quan trọng của vùng này đối với thị xã Buôn Ma Thuột và các vùng xung quanh, nên địch đã tăng cường lực lượng quân sự ở đây: Chúng cho xây dựng thêm nhiều đồn bốt ở các trục giao thông, các khu đông dân như Buôn Đôn, Ea Súp. Về lực lượng, ngoài quân chủ lực, còn có bảo an, dân vệ, thanh niên chiến đấu, biệt kích thám báo...về quân số, chúng có tới 14 đại đội, trong đó ở ba cứ điểm Buôn Đôn, buôn Briêng và buôn Wing, mỗi cứ điểm thường xuyên có từ 2 đến 4 đại đội. Đồng thời chúng còn cho xây dựng một sân bay dã chiến ở Buôn Đôn.

Ở các buôn, từ năm 1963-1964 địch xây dựng dân vệ, thanh niên chiến đấu và tổ chức thành trung đội hoặc đại đội, tùy theo số lượng dân cư và vị trí quan trọng của buôn, về vũ khí và trang bị, mỗi buôn như vậy có từ 10-100 khẩu súng, từ súng trường đến đại liên, cối 60 ly...

Đầu năm 1962, Mỹ - Diệm bắt đầu thực hiện kế hoạch này ở địa bàn Ea Súp. Trước hết chúng cho bọn tâm lý chiến gọi loa từ trên máy bay, rải truyền đơn xuống các buôn, giả danh cán bộ, bộ đội ta đã về "chiêu hồi" nhằm gây tâm trạng hoang mang dao động trong quần chúng. Đồng thời chúng tung lực lượng biệt kích, thám báo, bọn sơn thôn, bình định luồn sâu vào các buôn, kết hợp với các cuộc hành quân truy quét dữ dội của các lực lượng cơ động, có sự yểm trợ của máy bay và pháo các loại, đốt phá buôn ấp, giết hại hàng trăm trâu bò, gây cho đồng bào ta nhiều thiệt hại.

Bằng những thủ đoạn hết sức dã man, tàn bạo kết hợp với dụ dỗ lừa mị, sau một thời gian chúng đã lừa xức, dồn được một số buôn Ya wăm, buôn Nhung, buôn Ea Săng, buôn Djôk, buôn Drăng, buôn M'Lăng... về khu dồn buôn Tráp. Các buôn Kdoh, buôn Tong, buôn Wing, buôn Bling, buôn Ding, buôn Drao về khu dồn buôn Ayun. Riêng hai buôn Ea M'Droh và buôn Chuôr bị địch đốt sạch (nên sau này buôn Ea M'Droh còn được gọi là buôn "Cháy"), đồng bào đã kiên quyết không vào ấp chiến lược, phần lớn đồng bào chạy ra Cư Keh, rồi chạy tiếp ra Cư Kbang lập làng chiến đấu chống địch. Các buôn còn lại chúng lập các ấp chiến lược tại chỗ với sự kiểm soát chặt chẽ, gắt gao.

Tháng 1-1961, Bộ Chính trị đã họp để bàn về nhiệm vụ cách mạng miền Nam sau Đông khởi. Bộ Chính trị nhận định: Thời kỳ ổn định tạm thời của Mỹ - Ngụy đã qua, thời kỳ khủng hoảng triền miên và suy sụp của Mỹ - Ngụy bắt đầu. Từ đó Bộ Chính trị đề ra hình thức và phương châm đấu tranh trong thời gian tới là: Đẩy mạnh hơn nữa đấu tranh chính trị, đưa đấu tranh vũ trang lên song song với đấu tranh chính trị, tiến công địch cả hai mặt chính trị và quân sự.

Với Nghị quyết tháng 1-1961 của Bộ Chính trị, cách mạng miền Nam đã được phát triển từ khởi nghĩa từng phần của quần chúng lên chiến tranh cách mạng, đưa đấu tranh vũ trang lên ngang với đấu tranh chính trị, đánh địch bằng "hai chân, ba mũi", trên cả ba vùng chiến lược nhằm tạo ra sức mạnh tổng hợp cho cách mạng miền Nam lớn hơn để thắng địch.

Trên địa bàn K.61, Ban cán sự đã từng bước cụ thể hoá những nghị quyết của trên bằng những hoạt động cụ thể. Sau khi tiểu đội vũ trang đầu tiên của huyện được thành lập (cuối tháng 12-1960) mà lực lượng chủ yếu là thanh niên công nhân ở đồn điền Mê Val, thì đến đầu năm 1961, các tiểu đội du kích ở buôn ấp cũng được thành lập.

Ngày 15-2-1961, tại một địa điểm cách buôn Ya Wằm 4 km về phía Tây bên hữu ngạn suối Ea M'Droh, Ban cán sự K.61 đã làm lễ thành lập lực lượng vũ trang huyện do đồng chí Hồng Quang mới được miền Bắc tăng cường vào làm Trưởng ban Quân sự huyện. Lực lượng vũ trang được phân thành 2 trung đội: Trung đội người Kinh có 17 người do đồng chí Trần Vinh Quang (tức Trục) làm Trung đội trưởng; Trung đội dân tộc có 7 người do đồng chí A Ma Hai (tức Ksor Ranh) làm Trung đội trưởng. Lực lượng được tuyển chọn từ số con em các dân tộc, tự nguyện thoát ly sau Đông khởi, và một số chiến sỹ miền Nam tập kết trở về được trên tăng cường cho K.61. Về vũ khí, mỗi trung đội chỉ có vài khẩu súng, một số lựu đạn, còn lại đều là vũ khí thô sơ tự tạo. Vì thế khi đi hoạt động, anh em phải mang súng giả để uy hiếp địch. Sự ra đời của lực lượng vũ trang của huyện, đánh dấu sự lớn mạnh của cuộc kháng chiến trên địa bàn K.61, đáp ứng đòi hỏi của tình hình mới. Có thể coi lực lượng vũ trang K61 là lực lượng vũ trang tiền thân của 3 huyện Ea Súp, Buôn Đôn và Cư M'Gar ngày nay.

Sau hơn 2 tháng huấn luyện, học tập, thực hiện chỉ thị của Ban Cán sự B.6, đêm 24-4-1961, lực lượng vũ trang K.61 với sự hỗ trợ của một đơn vị đặc công của trên, đã tiến công cứ điểm Ea Súp – một cứ điểm quan trọng án ngữ cửa ngõ phía Tây-Bắc Buôn Ma Thuột².

Do tầm quan trọng của trận đánh, Ban cán sự B.6 và Ban cán sự K.61 đều cử các đồng chí lãnh đạo tới chỉ đạo trực tiếp. Nhờ giữ được yếu tố bí mật, bất ngờ và tinh thần chiến đấu mưu trí, quả cảm, chỉ sau ít phút chiến đấu ta đã tiêu diệt hoàn toàn cứ điểm này, diệt 36 tên, bắt sống 27 tên, thu toàn bộ vũ khí, quân trang, quân dụng, phát động quần chúng 3 buôn Ea Súp A, Ea Súp B và Ea

² Ban Chỉ huy trận tấn công tiêu diệt đồn Ea Súp gồm 3 đồng chí: Đồng chí Lê Chí Quyết Bí thư K61 làm Chính trị viên. Đồng chí Trung Du, Tiểu đoàn trưởng làm Chỉ huy trưởng. Đồng chí Hồng Quang, Trưởng ban Quân sự K61 làm Chỉ huy phó.

Rok nổi dậy đốt phá sạch cứ điểm của địch. Đây là cứ điểm đầu tiên của địch bị tiêu diệt trên địa bàn B6.

Chiến thắng ở cứ điểm Ea Súp, đánh dấu sự lớn mạnh của lực lượng vũ trang và đồng bào các dân tộc Ea Súp nói riêng, K.61 nói chung trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước. Chiến thắng đó đã có sức cổ vũ mạnh mẽ tinh thần của đồng bào các dân tộc ở trong vùng căn cứ của ta cũng như ở vùng địch tạm thời kiểm soát, làm cho bọn Mỹ - Ngụy hoang mang, lo sợ.

Trước sự phát triển nhanh chóng của lực lượng vũ trang và đấu tranh vũ trang trên địa bàn K.61, Ban cán sự B.3 đã tăng cường cho K.61 hai trung đội, để cùng với hai trung đội của K.61, thành lập 1 đại đội vũ trang tập trung của huyện. Đồng chí Hồng Quang, Trưởng Ban quân sự K.61 trực tiếp làm đại đội trưởng, đồng chí Ama Hiếu làm chính trị viên, đồng chí AMA Blô làm chính trị viên phó. Đại đội được biên chế thành 4 trung đội (1 trung đội Kinh và 3 trung đội dân tộc), vũ khí trang bị đầy đủ. Nhiệm vụ của đại đội là võ trang tuyên truyền để gây dựng và phát triển cơ sở, tổ chức chặn đánh địch, làm hậu thuẫn cho các cuộc đấu tranh chính trị của quần chúng đang dâng cao trên địa bàn K.61.

Từ cuối tháng 9 đến đầu tháng 10-1961, lực lượng vũ trang huyện liên tiếp đột nhập vào các buôn trên địa bàn huyện để tuyên truyền phát động quần chúng đấu tranh.

Cùng phối hợp với những hoạt động vũ trang ở phía trước (vùng địch tạm thời kiểm soát), ở phía sau (vùng căn cứ của ta), Ban cán sự K.61 đã vận động cán bộ và nhân dân đẩy mạnh các hoạt động như: vót, cắm chông, làm cạm bẫy, chế tạo vũ khí thô sơ (nỏ, cung), tổ chức tuần tra, canh gác, đưa dẫn cán bộ ...

Qua hơn một năm tiến hành đấu tranh, lực lượng kháng chiến trên địa bàn K. 61 đã có sự lớn mạnh: Vùng giải phóng đã có trên 20 buôn với số dân trên 10.000 người. Vùng tranh chấp với số dân trên 15.000 người. Hầu hết các đồn điền, các dinh điền đều có cơ sở của ta. Ở các buôn thuộc vùng Ea Súp, Buôn Đôn các buôn Ya wăm, buôn Tráp, buôn Pôc, buôn Drah, buôn Sút, buôn Niêng... các cơ sở của ta đã được xây dựng và phát triển nhanh. Tuy nhiên, do bị địch khống chế, kìm kẹp gắt gao nên ở một số buôn, ta vẫn chưa xây dựng được cơ sở.

Về nhiệm vụ đối với đường hành lang chiến lược Bắc - Nam đi qua địa bàn K61: Vượt đường 14 qua K61 (sau này lần lượt là L66 rồi đến H5), đến Buôn Đôn- vượt sông Sêrêpôk qua K63, trong tình hình địch đánh phá khốc liệt, kiểm soát gắt gao các con đường, bến sông... nhưng nhân dân đã bằng mọi cách bảo đảm lương thực, bảo đảm an toàn cho tất cả các đoàn cán bộ, các đơn vị bộ đội từ đại đội, tiểu đoàn đến cả trung đoàn hành quân vào R (Nam Bộ). Lắm khi kẹt đường, phải nằm lại, dấu quân ở vùng buôn Ea M'Droh, buôn Chuôr, Chư Keh vài ngày, dân quân du kích các buôn Jong Lành, M'Bling, M'Droh... tuần tra canh gác đường Buôn ma Thuật, Buôn Đôn, các bến sông M'Bling, Jong Lành... bảo vệ an toàn cho các đoàn quân qua. Từ năm 1960-1962 trở đi, phong trào dân

công phục vụ trên các tuyến hành lang phát triển mạnh mẽ. Nhân dân các buôn làng đã đóng góp nhiều công sức cho công tác phục vụ hành lang. Có những thời điểm để kịp thời đáp ứng yêu cầu của chiến trường, nhân dân trong huyện được huy động tham gia đi dân công, vận chuyển hàng hóa, đưa đón cán bộ, bộ đội. Đồng bào các buôn làng không kể thanh niên nam nữ, trẻ già rất tích cực tham gia gửi công hàng hóa, đạn dược, đưa đường cho cán bộ, bộ đội. Các buôn làng dọc đường hành lang đã ủng hộ, đóng góp lương thực, cung cấp thực phẩm, trâu bò, heo gà... phục vụ cho các đoàn công tác qua các trạm đường dây với tinh thần tự nguyện rất cao.

Đồng bào và chiến sĩ huyện Ea Súp - đặc biệt là các buôn có đường đi qua đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ đưa đón, cung cấp một phần lương thực, thực phẩm và bảo vệ an toàn cho các đoàn cán bộ, bộ đội từ miền Bắc vào, vượt sông Sêrêpôk để đi vào "R" (Nam Bộ), tiếp sức cho cuộc kháng chiến trên toàn miền Nam mau chóng giành thắng lợi.

Những thắng lợi bước đầu trên đây là kết quả của sự phấn đấu, hy sinh, sự cống hiến to lớn về nhiều mặt của đồng bào, chiến sĩ trong huyện; thể hiện sự chỉ đạo đúng đắn, sắc bén của Ban cán sự K.61. Thắng lợi đó đã chứng minh tính đúng đắn của chủ trương: Chuyển cách mạng miền Nam từ Đồng khởi lên chiến tranh cách mạng, đẩy mạnh hoạt động vũ trang đưa đấu tranh vũ trang lên song song với đấu tranh chính trị của Trung ương Đảng.

Để xâm lược và thống trị nhân dân miền Nam, đế quốc Mỹ và bọn tay sai đã sử dụng các biện pháp quân sự ở mức độ ngày càng tăng, kết hợp với sự khủng bố hết sức dã man, trắng trợn và sự dụ dỗ, lừa mị vô cùng thâm độc, xảo quyệt.

Trung ương Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh, từ thực tiễn chỉ đạo cách mạng miền Nam, đã đề ra phương thức đấu tranh mới cho nhân dân miền Nam sau Đồng khởi là: Đẩy mạnh phương châm đấu tranh "2 chân, 3 mũi" giáp công để đánh bại chiến lược Chiến tranh đặc biệt của Mỹ.

Ban cán sự Đảng K.61, trên cơ sở đánh giá đầy đủ và chính xác thế và lực giữa ta và địch trên phạm vi toàn miền Nam cũng như ở Đắk Lắk, đã cụ thể hoá phương thức đấu tranh đó vào địa bàn của mình một cách hiệu quả và sáng tạo.

Trước hết ta tổ chức các buổi học tập chính trị cho cán bộ, nhân dân - kể cả một số tầng lớp trên. Qua học tập, mọi người thấy rõ thêm âm mưu và thủ đoạn thâm độc của Mỹ - ngụy trong kế hoạch dồn dân lập ấp chiến lược nói riêng và kế hoạch xâm lược miền Nam nói chung; khẳng định những chỗ mạnh cơ bản của ta và chỗ yếu cơ bản của địch; xây dựng ý chí quyết tâm và hành động cách mạng cụ thể cho mỗi cá nhân, mỗi tập thể nhằm góp phần đánh bại chiến lược Chiến tranh đặc biệt của Mỹ - Diệm.

Phát huy kết quả của đợt học tập chính trị, Ban cán sự K.61 đã có kế hoạch triển khai cụ thể cho từng loại đối tượng. Đối với cán bộ, đảng viên và lực lượng vũ trang của huyện thì sắp xếp lại biên chế cho gọn nhẹ, hiệu quả, phù hợp với tình hình mới. Công tác binh tề vận được đẩy mạnh. Đối với những

gia đình có người thân đang đi lính hoặc làm công chức cho Mỹ - Ngụy ta chủ trương động viên, giáo dục họ đi thuyết phục chồng con trở về quê hương hoặc hứa hẹn không làm gì có hại cho dân, cho nước.

Đối với những người đang làm việc trong bộ máy ngụy quyền ở buôn xã thì vận động họ làm bản cam kết không làm tay sai cho giặc và không làm hại nhân dân.

Đối với nhân dân thì tổ chức, vận động đồng bào kiên quyết chống phá kế hoạch dồn dân lập ấp chiến lược của địch bằng cách chạy vào rừng lập buôn mới; hoặc nếu buộc phải vào ấp thì luôn luôn hướng về cách mạng, tìm cách liên lạc và tạo điều kiện thuận lợi cho cán bộ vào hoạt động.

Cuối tháng 4-1962, đồng chí Lê Chí Quyết được điều sang làm Bí thư Ban Cán sự K62 thay đồng chí Cúc bị địch bắt. Đồng chí Huỳnh Văn Cần được cử làm Bí thư Ban Cán sự K61.

Tháng 6-1963, thực hiện chủ trương của Khu uỷ VI, Đắc Lắc điều chỉnh lại địa bàn, giải thể đơn vị B6. K61 nhập với toàn bộ phía Tây đường 14 thuộc Buôn Hồ, Krông Búk, Ea H'Leo ngày nay thành một huyện, lấy mật danh là L66 chịu sự chỉ đạo trực tiếp của B3. Đồng chí Lê Chí Quyết làm Bí thư L66.

Sau khi K61 nhập thêm toàn bộ Tây đường 14 gồm 7 xã, 41 buôn và 2 dinh điền Đạt Hiếu, Cung Kiệm, Ban cán sự L66 được sắp xếp lại gồm 7 đồng chí: Ban Thường vụ 3 đồng chí (gồm đồng chí Lê Chí Quyết, đồng chí Ama Thiên và đồng chí Ama Kim), Ủy viên Ban Cán sự 4 đồng chí; lực lượng vũ trang huyện cũng có sự điều chỉnh và sắp xếp lại gồm 4 đội vũ trang công tác bám 4 vùng do 4 đồng chí ủy viên Ban Cán sự trực tiếp làm đội trưởng (Hồng Quang, Ama Nga, Bá Đạt và Đỗ Khâm). Đội của đồng chí Đỗ Khâm được phân công bám 2 vùng Ea Súp và Buôn Đôn (có 7 đồng chí), ngoài ra còn có 2 tổ bám khu Trung tâm biệt kích Mỹ ở buôn Briêng và vùng 4 buôn Tùng đã chạy ra lập làng bất hợp pháp, chiến đấu chống địch ở bắc suối Ea Drăng. Lực lượng Huyện đội cũng được tăng cường 2 trung đội bộ binh mạnh do đồng chí Từ Thái Sơn làm Huyện đội trưởng và đồng chí Ama Kim - Thường vụ Ban Cán sự làm Chính trị viên.

Tháng 8-1963, B.3 (Bắc Đắc Lắc) tiến hành Đại hội đại biểu Đảng bộ lần thứ 2 tại vùng Ea Drah thuộc khu căn cứ Đông Cư Djú-Dleiya. Đoàn đại biểu của huyện L66 do đồng chí Lê Chí Quyết, ủy viên Ban cán sự B.3, Bí thư Ban cán sự L66 làm Trưởng đoàn và một số đồng chí khác đã về dự Đại hội. Nghị quyết của Đại hội đã được Ban cán sự L66 quán triệt và thực hiện nghiêm chỉnh, trở thành luồng sinh khí mới thổi vào phong trào cách mạng trong toàn tỉnh, cũng như ở địa bàn Ea Súp nói riêng.

Sau Đại hội lần thứ II của Đảng bộ B3, lực lượng L66 được tăng cường. Lực lượng Huyện đội được củng cố, các đội vũ trang công tác được bổ sung với khẩu hiệu: "Tháo võng xuống núi, bám ấp giải phóng dân" do Ban cán sự tỉnh đề ra, các đội vũ trang công tác đã len lỏi, luồn sâu vào buôn ấp, các khu đồn do địch tạm thời kiểm soát để móc nối, gây dựng cơ sở. Ta đã vận động đồng bào

đấu tranh đòi được đi làm xa, được tự do đi lại, trao đổi hàng hoá nhằm đảm bảo cuộc sống hàng ngày. Đối với binh lính và bọn tề điệp ở buôn ấp, ta bí mật gặp gỡ, thuyết phục họ, giải thích cho họ hiểu rõ thêm về chính sách khoan hồng của Mặt trận đối với những người làm đường, lạc lối; đồng thời tiếp tục vận động cha mẹ, vợ con binh lính đến các đồn bắt để gặp gỡ, vận động chồng con đào ngũ hoặc không được làm điều gì có hại cho cách mạng. Ở các đồn bắt, những nơi công cộng, ta bí mật rải hàng vạn tờ truyền đơn. Đối với bọn ác ôn, ta gửi thư cảnh cáo hoặc tổ chức bắt bọn chúng ra vùng giải phóng để học tập, cải tạo một thời gian. Ta cũng gửi hàng chục lá thư cho bọn chỉ huy các đơn vị nguy quân, nguy quyền đóng trên địa bàn Ea Súp để cảnh cáo, răn đe và tranh thủ họ.

Nhờ những hình thức đấu tranh phong phú, đa dạng đó ta đã hạn chế được phần nào những hành động chống phá của kẻ địch, tạo điều kiện cho cơ sở được củng cố và phát triển.

Từ cuối 1963, khi Mỹ - Ngụy lâm vào cuộc khủng hoảng trầm trọng và triển miên về bộ máy nguy quyền, ta càng đẩy mạnh các cuộc đấu tranh, nhằm đánh bại chiến lược Chiến tranh đặc biệt của chúng.

Phối hợp với các hoạt động của ta ở đông đường 14 và các nơi trong tỉnh, các đội vũ trang công tác L66 đã kịp thời vận động nhân dân nổi dậy ở các dinh điền phía Đông và Tây đường 14, trong đó có Ea Súp, gây được cơ sở ở một số ấp ven thị xã Buôn Ma Thuột.

Giữa năm 1964, tình hình địch ngày càng căng thẳng, thêm vào đó là nạn đói, đau, lụt, rách triển miên, nên ta chủ trương cho một bộ phận nhân dân bao gồm người già, phụ nữ, trẻ con ... ra các khu đồn, ấp chiến lược sống hợp pháp, nhưng lãnh đạo thực hiện chủ trương này vô cùng khó khăn, vì họ quyết sống chết cùng cách mạng, với buôn làng, nhất quyết không chịu đi! nhân dân Xóm A, Xóm kiên quyết ở lại chiến đấu với quân thù và đồng bào đã làm như vậy cho đến ngày giải phóng tháng 3-1975.

Về công tác binh tề vận, ta cũng giành được một số kết quả: Hàng trăm lính nguy các loại đã đào rã ngũ trở về quê hương, mang theo nhiều vũ khí, quân trang, quân dụng nộp cho cách mạng. Đối với bọn tề nguy ác ôn, đã hạn chế được phần nào sự hung hăng, hống hách của chúng.

Ta đã bí mật liên lạc, móc nối với Y Băm KTul, khi đó đang làm Tiểu đoàn trưởng tiểu đoàn biệt kích đóng ở Buôn Đôn. Y Băm đã gửi thư yêu cầu ta liên hiệp với chúng để chống nguy Sài Gòn (mà không chống Mỹ). Ta đã giải thích cho y rõ: Mỹ, nguy đều là kẻ thù không đội trời chung của nhân dân cả nước, đồng thời cũng là kẻ thù không đội trời chung của đồng bào các dân tộc thiểu số Tây Nguyên. Muốn chống nguy, trước hết phải chống Mỹ, vì nguy là tay sai của Mỹ. Do đó, phải đoàn kết mọi lực lượng yêu nước dưới lá cờ của Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam mới có khả năng đánh đổ được Mỹ, nguy, giải phóng được đồng bào, giành lại được đất nước, buôn làng của mình. Ta đã tổ chức một số đêm liên hoan văn nghệ giữa đồng bào vùng căn cứ với lính biệt kích của Y Băm, trao cho chúng một số quân trang, bắn vài loạt

đạn giả như 2 bên có đánh nhau thật... Ta đã vận động để đưa con trai của Y Băm là Y Chic ra miền Bắc học tập và kiên trì thuyết phục y làm binh biến trở về với cách mạng.

Sau đó Mỹ đã đánh hơi thấy mối quan hệ bí mật giữa ta với lực lượng biệt kích của Y Băm ở Buôn Đôn, nên vào đầu 1965, chúng đã đưa bọn chỉ huy mới lên thay bọn chỉ huy cũ. Mỹ tiếp tục không chế và đẩy Y Băm lún sâu vào con đường chống phá cách mạng.

Về đường hành lang chiến lược Bắc – Nam, xuyên qua địa bàn huyện L66 qua một thời gian gián đoạn do địch càn quét bắn phá, dồn dân, lập ấp, lập thêm cứ điểm Ea Lốp (phía Tây Bắc Rừng Xanh) để chặn cả hành lang Bắc - Nam và Đông - Tây, thì nay lại được thông suốt. Các đoàn cán bộ, bộ đội, những đoàn vận tải chuyên chở vũ khí, quân trang, lương thực, thuốc men, lại tấp nập vượt qua Ea Súp-Buôn Đôn-Sêrêpôk trên đường vào “R” để tiếp sức cho cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của đồng bào, đồng chí Nam Bộ.

Cùng với đường hành lang chiến lược trên, đường hành lang Đông - Tây xuất phát từ Bình trạm 4 (Đoàn 559) qua địa bàn L.66 xuống đến các căn cứ phía Tây tỉnh Phú Yên, Khánh Hoà cũng bắt đầu hoạt động ngày đêm. Nhân dân các dân tộc Ea Súp cũng như nhân dân các dân tộc Đăk Lăk đã ngày đêm đóng góp biết bao công sức, tài sản để nuôi dưỡng và bảo vệ các đường hành lang chiến lược trên.

Tháng 12-1964, đồng chí Lê Chí Quyết về tỉnh nhận công tác mới, đồng chí Võ Ngọc Châu (Ama Yũ), Tỉnh uỷ viên B3 về làm Bí thư L66.

Qua hơn 4 năm chống chiến lược Chiến tranh đặc biệt, trong đó có hơn 2 năm phá các khu đồn, ấp chiến lược, nhân dân các dân tộc Ea Súp và đồng bào các dân tộc tỉnh Đăk Lăk cùng với nhân dân miền Nam đã đập tan quốc sách “ấp chiến lược” của địch, giành quyền làm chủ nông thôn. Chiến thắng trên càng có ý nghĩa to lớn là chúng ta chiến thắng kẻ thù trong điều kiện địch mạnh hơn ta rất nhiều lần; chúng ta phải vừa đánh địch, lại vừa phải đối mặt với cái đói cơm, lạt muối, bệnh tật...

Trải qua gian khổ, thử thách, quân và dân các dân tộc Ea Súp càng thêm trưởng thành, lớn mạnh. Những thắng lợi của Đảng bộ và đồng bào các dân tộc L66 nói chung, Ea Súp nói riêng trong thời kỳ này đã góp phần xứng đáng cùng quân dân miền Nam đánh bại chiến lược Chiến tranh đặc biệt của đế quốc Mỹ.

3. Chống “Chiến tranh cục bộ” của đế quốc Mỹ, Tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân (1965-1968)

Đầu năm 1965, chiến lược Chiến tranh đặc biệt của Mỹ đã bị đập tan, kéo theo nguy cơ sụp đổ hoàn toàn của chế độ Sài Gòn. Để cứu vãn tình thế, đế quốc Mỹ đã chuyển sang dùng chiến lược “Chiến tranh cục bộ”, đưa cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam lên nấc thang cao nhất. Chúng đã ồ ạt đưa vũ khí, quân đội Mỹ và chư hầu vào trực tiếp tham chiến ở miền Nam, đồng thời tiến hành cuộc

chiến tranh phá hoại bằng không quân và hải quân đối với miền Bắc xã hội chủ nghĩa.

Đảng và nhân dân cả nước ta đang đứng trước những thử thách vô cùng nghiêm trọng!

Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã họp 2 Hội nghị quan trọng: Hội nghị lần thứ mười một khoá III (tháng 3-1965) và Hội nghị lần thứ mười hai khoá III (tháng 12-1965). Trung ương đã đi sâu phân tích một cách toàn diện và sâu sắc chiến lược mới của Mỹ áp dụng ở Việt Nam; xem xét thế và lực giữa ta và địch khi Mỹ đổ quân vào; đề ra những chủ trương, biện pháp mới nhằm tổ chức, động viên và lãnh đạo nhân dân cả nước tiến lên đánh thắng giặc Mỹ xâm lược.

Có thể coi những nghị quyết lịch sử trên đây là Tuyên ngôn của Đảng ta với nhân dân thế giới và đồng bào cả nước về quyết tâm đánh Mỹ và thắng Mỹ trong giờ phút đất nước bị xâm lược!

Tây Nguyên - trong đó có Đắk Lắk là một địa bàn chiến lược quan trọng, vì thế Mỹ đã đổ quân xuống đây với tham vọng tiêu diệt chủ lực ta; dập tắt phong trào đấu tranh của đồng bào các dân tộc; chiếm lại đất, gom lại dân, củng cố lại hệ thống áp chiến lược, các dinh điền, đồn điền đã bị ta phá rã trước đây; đồng thời đánh phá, cắt đứt đường hành lang chiến lược Bắc - Nam đi trên địa bàn này. Tính đến trước tháng 2-1966, tuy trên địa bàn Đắk Lắk chưa có quân chiến đấu Mỹ, nhưng đã có 800 cố vấn, nhân viên kỹ thuật, một đại đội bảo vệ, một đại đội trực thăng Mỹ cùng nhiều phương tiện chiến tranh khác. Đường 14, đoạn nối giữa hai thị xã Pleiku và Buôn Ma Thuột có một tiểu đoàn Mỹ chiếm đóng.

Trước tình hình vô cùng cấp bách trên đây, tỉnh đã kịp thời đề ra và thực hiện nhiều chủ trương, biện pháp mới, nhằm tăng cường sức mạnh mọi mặt cho Đắk Lắk tiến lên trong cuộc đấu tranh sắp tới.

Về tổ chức, tháng 10-1965 Liên khu uỷ khu V đã quyết định hợp nhất B.3 và B.5 thành tỉnh Đắk Lắk, do đồng chí Nguyễn Liên (Bốn Đạo) làm Bí thư. Toàn tỉnh được chia làm 10 đơn vị huyện, thị mật danh là H (từ H.1 đến H.10). Huyện L.66 trước đây, nay được mang mật danh mới là huyện H.5.

Về lực lượng, lúc này H5 đã được tăng cường thêm lực lượng: 1 tiểu đoàn 301 của tỉnh và 1 trung đoàn bộ binh 33 của Mặt trận Tây Nguyên (B3) đưa về đứng chân.

Về công tác tư tưởng, do phải đương đầu với tên đế quốc đầu sỏ hung hãn nhất, nên cuộc đấu tranh của nhân dân cả nước ta nói chung, đồng bào các dân tộc Ea Súp nói riêng sẽ vô cùng khó khăn, gian khổ, ác liệt. Vì thế, vấn đề thống nhất về ý chí và hành động, xây dựng tinh thần quyết tâm dám đánh và quyết thắng giặc Mỹ xâm lược trở thành một vấn đề vừa mang tính cấp bách, cơ bản, vừa là điều kiện tiên quyết để giành thắng lợi trong suốt tiến trình của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước.

Nhận thức được tầm quan trọng của công tác tư tưởng nên Ban cán sự H.5 đã tổ chức nhiều đợt học tập chính trị cho cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân. Sau gần 3 tháng học tập, các đơn vị quân, dân, chính, đảng trong toàn huyện đều sôi nổi mở "Hội nghị hiến kế" để bàn cách đánh thắng Mỹ. Trong huyện đã đẩy lên các phong trào thi đua như: "Tìm Mỹ mà đánh, tìm nguy mà diệt" của các lực lượng vũ trang, phong trào: "Trồng mỳ thắng Mỹ", "Ăn mỳ thắng Mỹ", "làm ngày không đủ tranh thủ làm đêm"... của cán bộ và đồng bào các dân tộc. Tính đến giữa năm 1966, đồng bào trong huyện đã vót và cấy được trên 1.000.000 cây chông các loại, làm hàng trăm hầm chông, công sự chiến đấu ở những nơi hiểm yếu, xây dựng nhiều hầm kiểu chữ A, hầm bò vừa để ở, vừa tránh bom đạn Mỹ, đồng thời là công sự chiến đấu.

Về sản xuất, chỉ tính riêng khối cơ quan và lực lượng vũ trang huyện đã trồng được trên 50 ha mỳ, góp phần tự túc được một phần lương thực. Khí thế trong huyện, từ cán bộ, bộ đội cho đến đồng bào ở các buôn ấp, rất phấn khởi, tin tưởng vào thắng lợi của cách mạng, sẵn sàng làm mọi việc do cách mạng yêu cầu.

Về địch, sau một thời gian chuẩn bị lực lượng, địch bắt đầu triển khai kế hoạch "tìm diệt" chủ lực ta và "bình định" nông thôn, gom dân trở lại các ấp chiến lược.

Để tiến hành "Tìm diệt" và "Bình định" trên địa bàn H5, đế quốc Mỹ đã sử dụng tối đa các loại vũ khí và phương tiện chiến tranh như phi pháo, xe tăng, xe lội nước, máy bay (B.57, B.52, máy bay phản lực chiến đấu, máy bay trinh sát...), chất độc hoá học, nhằm huỷ diệt sự sống của con người và cây cỏ ở đây. Đồng thời chúng đẩy mạnh các hoạt động chiến tranh tâm lý nhằm gây không khí hoang mang, lo sợ trong cán bộ và nhân dân ta. Tiếp ngay sau các đợt ném bom bắn phá và các hoạt động lừa mị dân, là các cuộc hành quân càn quét của các đơn vị lính cộng hoà, các đơn vị bảo an, cảnh sát, biệt kích vào vùng giải phóng và vùng làm chủ của ta.

Trong thời gian này, các đội vũ trang công tác của huyện đã áp sát vào các vùng tranh chấp và vùng kiểm soát, gặp gỡ các tầng lớp nhân dân, các giáo sỹ, linh mục, học sinh và binh sỹ, nhân viên nguy quyền để tuyên truyền, giải thích đường lối chính sách của Mặt trận dân tộc giải phóng và những chiến thắng của quân dân hai miền Nam - Bắc... Những việc làm đó đã gây được ảnh hưởng của cách mạng, tạo được niềm tin cho binh sỹ và các tầng lớp nhân dân vùng giáp ranh.

Đầu tháng 2-1966, địch cho tiểu đoàn lính cộng hoà càn quét vào Phú Học, Quảng Nhiêu bị tiểu đoàn 301 của tỉnh cùng lực lượng vũ trang của huyện đã tổ chức tập kích địch. Lực lượng ta áp sát địch, tiêu diệt chúng bằng lưỡi lê và dao găm. Kết quả ta diệt 40 tên, phá huỷ 1 xe quân sự, thu một số vũ khí, quân trang. Thừa thắng, lực lượng ta tiếp tục cơ động bao vây diệt gọn một đại đội bảo an ở Buôn Hồ. Sau đó, một đơn vị của trung đoàn 45 nguy lại nông ra vùng Mê Val, buôn Tráp, liền bị trung đoàn 66 chủ lực Tây Nguyên chặn đánh, diệt 60 tên, phá huỷ 4 xe M.113.

Để cứu vãn sự thất bại của quân nguy, tháng 2-1966, Mỹ tung lữ đoàn dù số 3 thuộc sư đoàn 2 lên Đắk Lắk. Trên địa bàn H5, quân Mỹ đã mở nhiều cuộc hành quân dài ngày vào vùng buôn Wing, buôn Ya Wằm để "tìm" và "diệt" chủ lực ta.

Cuối tháng 3-1965, lực lượng vũ trang huyện, được sự hỗ trợ của trên đã liên tiếp tấn công vào các điểm chốt của địch, diệt gần 500 tên, trong đó có 1 đại đội Mỹ. Hôm sau chúng phải dùng phi pháo bắn yểm trợ mới lấy được xác của đồng bọn.

Như vậy là trong đợt tiến công này, ta không chỉ tiêu diệt được nguy mà còn đánh thắng cả Mỹ. Thắng lợi đó đã làm nức lòng cán bộ, chiến sĩ và đồng bào trong huyện, càng củng cố niềm tin vững chắc vào tương lai tất thắng của sự nghiệp kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của nhân dân cả nước ta.

Các cuộc hành quân "tìm diệt" của Mỹ-nguy, chẳng những đã không "diệt" được quân giải phóng, mà còn bị thiệt hại lớn. Gọng kìm "tìm diệt" đã bị bẻ gãy trên địa bàn H5 cũng như ở nhiều nơi khác trên toàn miền Nam.

Sau gần 2 năm (1966-1967), lực lượng vũ trang huyện phối hợp với lực lượng của trên và du kích ở các buôn ấp đã đánh trên 100 trận lớn nhỏ, diệt và làm bị thương gần 300 tên địch (trong đó có hàng chục tên Mỹ), thu nhiều vũ khí, quân trang, quân dụng. Nhiều cán bộ, chiến sĩ được tặng huy hiệu "Dũng sĩ diệt Mỹ".

Hoà nhịp với cuộc đấu tranh vũ trang, đồng bào các dân tộc Ea Súp vẫn tiếp tục duy trì và đẩy mạnh các cuộc đấu tranh chính trị, các hoạt động binh, tế vận nhằm đánh bại kế hoạch "Bình định" thâm độc của Mỹ - nguy. Các đội vũ trang công tác của huyện đã vận động và tổ chức được hàng ngàn lượt đồng bào kéo vào thị xã Buôn Ma Thuột, vào thị trấn Buôn Hồ, Buôn Đôn đấu tranh trực tiếp với địch, đòi chúng không được bắt lính, không được đốt phá nương rẫy buôn làng, không được rải chất độc bừa bãi, đòi bồi thường những thiệt hại về người và của do chúng gây ra. Có những lần đồng bào còn khiêng cả xác người chết, người bị thương tới các đồn bót, công sở của địch để đấu tranh. Những cuộc đấu tranh đó đã có tác động tới tư tưởng, tình cảm của một số binh lính, công chức địch.

Ngoài ra, đồng bào trong huyện còn tham gia phối hợp đấu tranh cùng với đồng bào Phật giáo và học sinh thị xã Buôn Ma Thuột chống Mỹ - Thiệu - Kỳ đàn áp Phật tử và học sinh ở các đô thị miền Nam (tháng 4-1966); phong trào chống trò hề bầu cử gian lận và giả dối của Thiệu (tháng 4-1967)... Đồng bào dân tộc một số buôn vẫn kiên cường chiến đấu bám trụ ở tại buôn ấp của mình, mặc cho Mỹ - nguy điên cuồng bắn phá, càn quét nhiều lần.

Với những cuộc đấu tranh hết sức quyết liệt và khôn khéo như trên, tính đến cuối 1967, quân và dân H5 đã kéo được gần 2000 dân bị địch lừa xức trước kia, nay trở lại buôn ấp cũ do ta kiểm soát; phát triển thêm nhiều cơ sở trong vùng địch hậu, tạo điều kiện cho tỉnh đưa đón cán bộ ra vào thị xã Buôn Ma Thuột nhằm chuẩn bị cho cuộc đấu tranh sắp tới. Những thắng lợi trên đây

chúng ta: Gọng kìm "Bình định" của địch đã từng bước bị bẻ gãy ở H5 nói riêng và Đắk Lắk nói chung. Điều đó báo hiệu sự thất bại không tránh khỏi của chiến lược Chiến tranh cục bộ của Mỹ trên phạm vi toàn miền Nam Việt Nam.

Mặc dù bị thất bại liên tiếp và to lớn ở cả hai miền Nam - Bắc, nhưng đế quốc Mỹ vẫn rất ngoan cố, chưa chịu từ bỏ âm mưu tiếp tục cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam. Về phía ta, tuy thắng lớn nhưng chưa làm chuyển biến cục diện chiến tranh có lợi cho ta. Vấn đề đặt ra cho Đảng và nhân dân cả nước lúc này là phải "chuyển cách mạng và chiến tranh cách mạng miền Nam sang một thời kỳ mới, thời kỳ giành thắng lợi quyết định".

Vì vậy, Bộ Chính trị Trung ương Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh đã quyết định mở cuộc Tổng tiến công và nổi dậy vào Tết Mậu Thân (1968) trên toàn miền Nam, trọng điểm là các đô thị, nhằm vào các cơ quan đầu não, các trung tâm chỉ huy, các hậu cứ của địch, làm lung lay ý chí xâm lược của Mỹ, tạo nên sự thay đổi cơ bản cục diện chiến tranh có lợi cho ta. Với Phương châm kết hợp tiến công quân sự với nổi dậy của quần chúng, kết hợp tổng công kích với tổng khởi nghĩa.

Quán triệt quyết tâm chiến lược của Trung ương, của Khu uỷ V và của Bộ tư lệnh Mặt trận Tây Nguyên (B3), cuối năm 1967, Tỉnh uỷ Đắk Lắk đã mở hội nghị Tỉnh uỷ bàn kế hoạch Tổng tiến công và nổi dậy xuân 1968 ở Đắk Lắk và ở các địa phương trong tỉnh. Thị xã Buôn Ma Thuột được chọn là mục tiêu chính của tỉnh trong cuộc Tổng tiến công và nổi dậy lần này. Đồng chí Ama Lê (Phan Nhu), Thường vụ Tỉnh uỷ kiêm Bí thư Huyện uỷ H.5, sau khi dự họp Tỉnh uỷ trở về, đã bị địch phục kích bắn chết ở khu vực buôn A Drong (tháng 11-1967). Đồng chí Ama Lộc (Đào Tấn Ngoạn) được cử làm Bí thư thay đồng chí Ama Lê. Kế hoạch của huyện trong cuộc Tổng tiến công nổi dậy đã được lãnh đạo của huyện bàn bạc kỹ lưỡng và quán triệt chẽ tới từng đảng viên, chiến sĩ, từng tổ chức cơ sở đảng và đồng bào các dân tộc trong huyện.

Ta đã tổ chức cho anh em cán bộ, chiến sỹ đón Tết trước. Nhờ làm tốt công tác tư tưởng, nên các chiến sỹ đã có quyết tâm rất cao. Ai cũng chuẩn bị cho mình tinh thần xả thân vì nền độc lập, tự do của Tổ quốc, vì hạnh phúc của nhân dân. Đó là tư tưởng thường trực của cán bộ, chiến sỹ trước giờ nổ súng Tết Mậu Thân lịch sử (1968).

Đối với đồng bào các buôn ấp, ta vận động mỗi gia đình chỉ để một người ở nhà, còn tất cả đều xuống đường tham gia vào các cuộc đấu tranh.

Vào lúc 00 giờ 45 phút, đêm giao thừa Tết Nguyên Đán Mậu Thân (tức ngày 30-1-1968), khi tiếng pháo đón giao thừa của nhân dân thị xã Buôn Ma Thuột đã thưa dần, thì các dàn hỏa tiễn mặt đất (DKB) của ta được lệnh bắn vào các mục tiêu của địch ở trong thị xã, phát hiệu lệnh mở đầu cuộc Tổng tiến công nổi dậy của quân và dân Đắk Lắk.

Ở thị xã Buôn Ma Thuột - mục tiêu trọng điểm của tỉnh và của cả vùng Tây Nguyên - ngay đợt tiến công đầu tiên, ta đã đánh chiếm được đài phát

thanh, gần hết sư đoàn bộ sư đoàn 23 ngụy, Toà Hành chính, Ty cảnh sát, tiểu khu Đắc Lắc, Ty Ngân khố và bắn pháo dồn dập vào khu thiết giáp, trung đoàn 45, sân bay Buôn Ma Thuột, sau đó đánh sang khu cư xá của Mỹ...

Thắng lợi ở Buôn Ma Thuột đã tạo điều kiện thuận lợi cho các cuộc tiến công của quân và dân toàn tỉnh. Như kế hoạch đã được chuẩn bị, khi tiếng súng các loại của ta đang nổ vang ở phía thị xã Buôn Ma Thuột, thì ở H5, các mũi tiến công của quần chúng và các lực lượng vũ trang cũng bắt đầu lao vào chiến đấu.

Ở mũi thứ nhất: Vào lúc 2 giờ sáng ngày 30-1, lực lượng vũ trang huyện phối hợp với 1 đại đội của Trung đoàn 33 chủ lực, nổ súng đột nhập vào dinh điền Quảng Nhiêu, Phú Học, đánh tiểu đoàn 4 thuộc trung đoàn 45 ngụy, diệt 123 tên. Nhân cơ hội đó, quần chúng trong dinh điền đã nổi dậy phá ấp chiến lược, giành quyền làm chủ lần thứ 2 (lần thứ nhất vào cuối 1965). Bọn lính bảo an, dân vệ hoảng sợ, tháo chạy về thị xã. Nhưng thị xã cũng đang bị tiến công, chúng phải chạy tán loạn vào rừng. Có 60 thanh niên trong ấp tình nguyện thoát ly tham gia lực lượng vũ trang. Ta đã tổ chức cho số thanh niên này cùng với lực lượng du kích địa phương chặn đánh địch ở buôn Dju, Đạt Lý I.

Ở mũi thứ hai: Từ 4 giờ sáng, hàng ngàn quần chúng ở các dinh điền, đồn điền, buôn, ấp của huyện đã kéo ra đường 14, hoà với đoàn biểu tình của quần chúng huyện H.4, H.3, với các băng cờ, khẩu hiệu cùng gậy gộc, dao.. rầm rập tiến về Buôn Ma Thuột. Khi đoàn biểu tình gần 6.000 người đến buôn Chuôr Đăng thì bị một đại đội địa phương quân của địch đóng ở đây chặn lại. Ta tranh thủ làm công tác binh vận. Bọn chỉ huy ác ôn, dưới sự thúc ép của bọn cố vấn Mỹ đang ngồi trên các máy bay trực thăng, đã ra lệnh bắn vào đoàn biểu tình làm hơn 30 người bị thiệt mạng và nhiều người khác bị thương.

Như lửa đổ thêm dầu, đoàn biểu tình càng xiết chặt thêm đội ngũ, hô vang các khẩu hiệu và tiến về Buôn Ma Thuột. Bọn địch tiếp tục nã súng vào đoàn biểu tình. Biết không thể tiến thêm được nữa và để tránh sự mất mát, hy sinh cho đồng bào, Ban lãnh đạo ra lệnh rút lui về phía Từ Cung để củng cố lực lượng, chờ phương án mới.

Ở mũi thứ ba: Xuất phát từ các các buôn xung quanh quận lỵ Buôn Hồ, khi thấy đoàn biểu tình xuất hiện, bọn địch đã vội vã bắn liên tiếp để đe dọa, khủng bố. Ta đã cho đồng bào tản ra 2 bên đường, đồng thời dùng lực lượng vũ trang đánh trả quyết liệt. Thấy không thể tiến về Buôn Ma Thuột được, đoàn biểu tình đã được lệnh rút lui.

Trong cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân (1968), mặc dù bị đàn áp đẫm máu và chưa đạt kết quả như mong muốn, nhưng quân và dân huyện H5, trong đó có Ea Súp đã đồng loạt tiến công vào hầu hết các cơ quan đầu não, các sở chỉ huy và đồn bót địch ở địa phương, gây cho chúng một số thiệt hại, giải phóng được buôn ấp. Kẻ địch đã bị một đòn bất ngờ, choáng váng, còn ta càng củng cố thêm niềm tin vào thắng lợi của sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc.

Sau Tết Mậu Thân, trên địa bàn Đăk Lăk, địch tăng cường phòng thủ cho thị xã Buôn Ma Thuột, các thị trấn và trục đường giao thông quan trọng. Ở huyện H.5, địch ráo riết củng cố các đồn bót và tăng thêm quân số, trang bị để đề phòng các đợt tiến công mới của ta. Ở Buôn Đôn có 4 đại đội biệt kích với 350 tên và 30 cối vác Mỹ. Ở điểm chốt buôn Sút M'Grur có một tiểu đoàn lính cộng hoà trấn giữ ở các ấp.

Chúng đã mở 4 cuộc càn quét lớn vào địa bàn H5. Ngoài ra, còn có hơn 80 lần với quân số từ 1 đến 2 đại đội lùng sục quanh các cứ điểm, dọc tỉnh lộ 8, đường 14, dọc biên giới trên địa bàn Ea Súp, Cẩm Gar, các xã 1, xã 2, cả xã 3 và xã 5. Chúng tăng cường ném bom, bắn phá, rải chất độc hoá học xuống các vùng dân cư.. kể cả việc dùng máy bay ném bom hạng nặng B52, B57.

Về phía ta, phát huy thắng lợi to lớn của Tết Mậu Thân, trong năm 1968 quân và dân huyện Ea Súp đã nỗ lực phấn đấu giành được nhiều thắng lợi. Lực lượng vũ trang huyện và du kích ở các buôn, ấp đã đánh 92 trận, diệt và làm bị thương 435 tên địch, có 37 tên Mỹ, bắt sống 45 tên, phá hỏng 11 xe quân sự (trong đó có 9 xe M.113). Bắn rơi 3 máy bay, bắn bị thương 5 chiếc khác. Phá hỏng 19 nhà, trại lính. Phá hoại 8 chiếc cầu, 5 km đường (đường 14, đường 8, đường Buôn Đôn), thu 119 súng các loại.

Qua đợt nổi dậy Tết Mậu Thân ta đã giải phóng thêm 11 buôn, 2 dinh điền, 1 đồn điền với 13.000 dân. Do đó, phong trào và lực lượng du kích phát triển mạnh với tổng số 554 người, ở vùng phía trước, ta xây dựng được 27 tổ du kích bí mật. Phong trào xây dựng làng chiến đấu tiếp tục được duy trì. Chỉ riêng ở 3 xã đã có 114 người tham gia cấm 225.000 chông, làm hàng trăm hầm tránh phi pháo ở trong buôn ấp. Du kích xã 2 còn vận động nhân dân ra phá 50m đường 14 và treo cờ Mặt trận cùng các loại khẩu hiệu...

Đây là một trong những thời kỳ phát triển nhất của phong trào đấu tranh chính trị và binh tế vận ở H5. Ta đã vận động đồng bào tham gia đấu tranh trực diện chống địch càn quét, đòi các quyền dân sinh, dân chủ, với 13.152 lượt người tham gia, giáo dục 9.366 lượt gia đình binh sĩ địch, vận động được 1.236 lính các loại đào bỏ ngũ, đã phân phát 81.000 tờ truyền đơn, 1.227 thư tranh thủ, kẻ 2.181 khẩu hiệu, may 287 lá cờ Mặt trận, viết 126 bản cáo trạng.., xây dựng được 24 tổ binh vận ở vùng giải phóng và vùng tranh chấp, 4 Ban binh vận ở xã (27 cán bộ), 6 cơ sở an ninh mật trong vùng địch. Ta đã bắt về cải tạo 135 tên ngụy, đưa ra xét xử 8 tên, giáo dục tại chỗ 281 tên, diệt 7 ác ôn.

Huyện đã mở đợt phát động quần chúng nổi dậy (tháng 10-1968) cho tất cả các xã vùng 1, vùng 2 và một số buôn vùng 3, vùng 4 với số lượng 25.000 lượt người. Chính quyền cách mạng đã được xây dựng ở 4 xã và một số buôn của một số xã khác. Thành lập các đoàn thể quần chúng và du kích ở 21 buôn. Động viên thu mua 138 tấn lương thực (gạo và màu).

Về văn hoá giáo dục, đã xây dựng được 4 tổ văn nghệ gồm 52 người, hoạt động tốt. Đã mở 7 lớp học phổ thông cho 350 em và 7 lớp bình dân có 200 người theo học.

Về công tác y tế, đã mở 3 lớp huấn luyện về sinh sản cho các buôn xã; tổ chức các đợt chống dịch bệnh cho nhân dân; tiến hành sưu tầm và bào chế một số thuốc đông y để cứu chữa bệnh; lập 2 tủ thuốc ở buôn xã. Đặc biệt, đã điều trị cho 400 thương bệnh binh.

Công tác xây dựng Đảng và công tác tổ chức cán bộ, huyện đã mở 2 đợt bồi dưỡng ngắn ngày (đợt đầu xuân và đợt tháng 10-1968) cho 570 người về nội dung tổ chức và lãnh đạo các cuộc nổi dậy ở các buôn xã. Đồng thời huyện còn mở lớp đào tạo về công tác xây dựng vùng giải phóng cho 50 người.

Qua phát động quần chúng, ta đã tiến hành bầu cử, củng cố 5 uỷ ban nhân dân cách mạng xã (4 xã người dân tộc, 1 xã người Kinh); xây dựng, sắp xếp lại 48 cán bộ ở các buôn ấp.

Cả năm đã mở được 4 lớp đối tượng Đảng, với 61 người dự (có 25 người là dân tộc), phát triển 44 đảng viên mới (địa phương 12, thoát ly 32). Ta đã xây dựng và củng cố được 4 chi bộ địa phương gồm 15 đảng viên, 1 chi đoàn với 9 đoàn viên. Các lực lượng thoát ly có 13 chi bộ với 108 đảng viên (31 dự bị, 7 chi đoàn với 46 đoàn viên).

Trải qua gần 3 năm chống chiến lược chiến tranh cục bộ, Đảng bộ và đồng bào các dân tộc huyện H5 đã phải đương đầu trực tiếp với quân đội viễn chinh Mỹ. Nhưng dưới sự lãnh đạo của Trung ương Đảng và của Chủ tịch Hồ Chí Minh mà trực tiếp là Đảng bộ tỉnh Đắk Lắk, Huyện uỷ H.5 đã tổ chức, triển khai thực hiện thắng lợi những chỉ thị, nghị quyết của cấp trên ở địa bàn của mình.

Với những thắng lợi toàn diện, to lớn mà đỉnh cao là những thắng lợi trong Tết Mậu Thân năm 1968, Đảng bộ và đồng bào các dân tộc H5, trong đó có vùng Ea Súp đã góp phần xứng đáng của mình vào sự nghiệp đấu tranh chung của nhân dân Đắk Lắk, của nhân dân cả nước, đánh bại cuộc Chiến tranh cục bộ của đế quốc Mỹ, buộc chúng phải xuống thang chiến tranh, chấm dứt không điều kiện việc ném bom bắn phá miền Bắc và chấp nhận ngồi vào bàn đàm phán với Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hoà tại Pari.

4. Nhân dân các dân tộc Ea Súp góp phần đánh bại chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh”, tiến lên giải phóng quê hương (1969 – 1975)

Mặc dù đã bị thất bại liên tiếp trong 3 chiến lược chiến tranh xâm lược, nhưng với bản chất ngoan cố và hiếu chiến, đế quốc Mỹ vẫn chưa từ bỏ âm mưu thống trị lâu dài miền Nam Việt Nam. Đầu năm 1969, Mỹ tiến hành chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh”.

Ở Đắk Lắk, bước sang năm 1969, Mỹ bắt đầu triển khai chiến lược "Việt Nam hoá chiến tranh". Trước hết, chúng rút bớt một số cố vấn và nhân viên kỹ thuật Mỹ. Trên địa bàn Đắk Lắk lúc này chỉ còn 01 tiểu đoàn dù của lữ đoàn 3, sư 4 Mỹ chốt giữ ở buôn A Yün, sau về chốt ở Quảng Phú, 1 đại đội công binh và 1 chi đoàn pháo Mỹ đóng ở sân bay Hoà Bình. Nhưng lực lượng nguy quân lại được tăng cường: Trên địa bàn toàn tỉnh có 2 trung đoàn bộ binh, 1 chi đoàn

xe thiết giáp, 3 tiểu đoàn pháo binh, lực lượng đặc biệt có 25 đại đội; bảo an có 63 đại đội, 16 trung đội, 23 đoàn Bình định, 28 đoàn Sơn thôn v.v..

Tại H.5, bọn Mỹ - ngụy ráo riết đẩy mạnh việc bố phòng, tăng quân và liên tục mở các cuộc càn quét vào vùng kiểm soát của ta. Ở cứ điểm Ea Súp, chỉ khu Buôn Đôn mỗi nơi địch bố trí đại đội biệt kích, đồn Cư M'Gar bố trí 2 đại đội bảo an, 1 đại đội pháo. Khu đồn 23 có 3 đoàn, khu đồn Ea Đê có 2 đoàn Bình định. Sư đoàn chủ lực 23 thường xuyên có các cuộc càn đi quét lại trên địa bàn huyện. Đồng thời địch còn xây thêm các chốt phòng thủ ở Quảng Phú, đồn Cư H' Lâm, Cư M' Gar, quốc lộ 14, tỉnh lộ 8 nhằm không chế, kìm kẹp nhân dân và ngăn chặn các cuộc tấn công bằng quân sự của ta vào Buôn Ma Thuột.

Sau một thời gian chuẩn bị, Mỹ ngụy bắt đầu triển khai kế hoạch bình định. Chúng đã huy động các lực lượng, từ bảo an, biệt kích, phòng vệ dân sự cho đến các đội Bình định, các đội Sơn thôn, với sự yểm trợ của máy bay các loại, pháo các cỡ của Mỹ và lính chủ lực cộng hoà, liên tiếp mở các cuộc hành quân càn quét rất quyết liệt để "bình định" nông thôn. Rút kinh nghiệm những lần thất bại trước đây, lần này địch tiến hành bình định từng bước với những mức độ khác nhau. Trong 2 năm 1969-1970, Mỹ ngụy đã thực hiện các kế hoạch bình định như: "Bình định cấp tốc", "Bình định đặc biệt", "Bình định bổ sung", "Kế hoạch phượng hoàng" ... làm cho lực lượng kháng chiến của ta gặp nhiều khó khăn.

Căn cứ vào tình hình cụ thể của mỗi vùng mà bọn Mỹ ngụy đã triển khai kế hoạch bình định với những biện pháp và mức độ khác nhau, ở những vùng do chúng kiểm soát, chúng thực hiện bình định tại chỗ bằng cách "tìm diệt" cho hết các cơ sở cách mạng của ta, ra sức xây dựng bộ máy ngụy quyền và các tổ chức phản động làm công cụ để kìm kẹp nhân dân. Ở những vùng do ta làm chủ hoặc vùng tranh chấp... chúng dùng lực lượng hỗn hợp liên tục càn quét, đánh phá hoặc lừa xúi dân lên xe rồi đưa về các khu đồn do chúng vừa xây dựng lên.

Từ tháng 10-1969 đến năm 1971, Mỹ - ngụy đã tiến hành trên 100 trận càn lớn nhỏ vào địa bàn huyện ta, xúi đi gần 7.000 dân vào khu đồn 23, khu đồn Ea Đê. Tình hình đó đã tạo ra một "vành đai trắng" ngăn cách giữa vùng ta và vùng địch, thành "hành lang" oanh kích tự do của máy bay và phi pháo của Mỹ - ngụy.

Một năm sau Tết Mậu Thân, lực lượng kháng chiến của huyện tiếp tục phát triển. Để tiếp tục lãnh đạo cuộc đấu tranh cách mạng của quân và dân trong huyện tiến lên giành những thắng lợi mới, theo sự chỉ đạo của tỉnh, Ban cán sự Đảng H.5 đã tổ chức Hội nghị đại biểu Đảng bộ huyện vào đầu năm 1969 (bên suối Lồ ô phía Đông buôn Kdóh thuộc xã Ea Tar, Cư M'Gar ngày nay). Hơn 40 đại biểu, thay mặt cho các tổ chức cơ sở Đảng trong toàn huyện đã về dự. Hội nghị đã kiểm điểm, đánh giá tình hình mọi mặt của huyện trong 15 năm qua, nhất là từ năm 1960, khi thành lập Ban cán sự Đảng K61. Báo cáo của Hội nghị đã nhấn mạnh:

Trải qua 15 năm kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954-1969), từ chỗ cơ sở gần như trắng, nhưng dưới sự lãnh đạo của Đảng, sự hy sinh, phấn đấu của đồng bào các dân tộc và chiến sỹ trong huyện (huyện K.61, rồi L.66 đến H.5) đã góp phần cùng quân và dân trong tỉnh và cả nước, đánh bại 3 chiến lược chiến tranh xâm lược của Mỹ, giành quyền làm chủ ở nhiều buôn ấp. Qua thực tiễn đấu tranh, đội ngũ cán bộ, đảng viên của huyện đã có bước trưởng thành vượt bậc về số lượng cũng như về chất lượng. Từ chỗ chỉ có 3 - 4 đảng viên khi mới thành lập Ban cán sự huyện (tháng 8-1960), toàn Đảng bộ huyện đã có 13 chi bộ với 92 đảng viên, trên 110 cán bộ thoát ly đang công tác ở các ban ngành của huyện. Đó là một tài sản quý giá của địa phương đã xây dựng được qua gần 15 năm kháng chiến gian khổ.

Hội nghị đã dành nhiều thời gian và trí tuệ để bàn về phương hướng, nhiệm vụ của huyện trong những năm tới mà trọng tâm là nhiệm vụ chống phá kế hoạch "bình định" của Mỹ - ngụy và xây dựng tinh thần cách mạng tiến công, không sợ hy sinh, không ngại gian khổ cho cán bộ, đảng viên và đồng bào các dân tộc. Muốn vậy phải đẩy mạnh phương châm đấu tranh "2 chân 3 mũi", phát động nhân dân đứng lên đấu tranh giành quyền làm chủ, giải phóng buôn ấp.

Hội nghị đã cử Đoàn đại biểu của huyện đi dự Đại hội tỉnh Đảng bộ Đắk Lắk lần thứ IV, do đồng chí Hồng Quang, Bí thư Huyện uỷ làm Trưởng đoàn.

Vào cuối tháng 4-1969, Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ IV đã được triệu tập tại buôn M'Năng Dong thuộc căn cứ cánh Nam. Đại hội đã đi sâu phân tích tình hình trên phạm vi toàn miền Nam và ở Đắk Lắk, đề ra các chủ trương, biện pháp cụ thể nhằm tổ chức và lãnh đạo quân và dân toàn tỉnh đánh thắng chiến lược "Việt Nam hoá chiến tranh" của Mỹ. Đại hội đã bầu đồng chí Võ Trung Thành (tức Năm Vinh) làm Bí thư Tỉnh uỷ. Đồng chí Y Mơi, Phó Bí thư Huyện uỷ H.5 được Đại hội bầu vào Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh Đắk Lắk.

Trên phạm vi toàn miền Nam, ngày 6-6-1969, Chính phủ cách mạng lâm thời Cộng hoà miền Nam Việt Nam ra đời đã hợp thức hoá cuộc đấu tranh chính nghĩa của nhân dân ta trước nhân dân thế giới. Từ đây, cùng với nhiệm vụ đánh bại chiến lược "Việt Nam hoá chiến tranh", nhân dân trong huyện còn phải ra sức xây dựng vùng giải phóng theo hệ thống của Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hoà miền Nam Việt Nam.

Tiếp tục giữ vững thế chủ động tiến công địch, trong năm 1969, tỉnh đã lãnh đạo các huyện mở 3 đợt hoạt động Xuân, Hè và Thu nhằm làm tan rã các lực lượng "bình định", chống gom dân của địch và mở rộng vùng giải phóng của ta.

Đối với đồng bào bị dồn ép vào các khu tập trung, thông qua các cơ sở, ta vận động đồng bào tiếp tục đấu tranh đòi địch phải trả về buôn làng cũ; đòi các quyền dân sinh, dân chủ, không được để đồng bào bị đói, bị bệnh; không được kìm kẹp, theo dõi; phải cho đồng bào đi làm xa. Cuối cùng bọn địch đã phải chấp thuận.

Về nhiệm vụ giành và giữ dân, phối hợp với lực lượng của trên, quân và dân huyện ta đã liên tiếp mở nhiều cuộc tiến công địch. Trong đợt hoạt động xuân năm 1969, lực lượng vũ trang tập trung của huyện H5 đã cùng với du kích ở các buôn ấp đánh trả quyết liệt các cuộc càn quét của địch trong vùng Ea Súp và một số buôn phía Bắc thị xã Buôn Ma Thuột. Trong đợt hoạt động Hè 1969, lực lượng vũ trang huyện tiếp tục có những cuộc tiến công địch nhằm đánh phá, ngăn chặn các cuộc hành quân, bình định của địch và hỗ trợ cho các cuộc đấu tranh của quần chúng ở các buôn ấp.

Giữa lúc đồng bào, chiến sỹ 2 miền Nam - Bắc đang ra sức "Thi đua giết giặc Mỹ" thì ngày 2-9-1969, Chủ tịch Hồ Chí Minh - Lãnh tụ kính yêu của nhân dân cả nước ta qua đời, nhân dân Ea Súp cũng như đồng bào, chiến sỹ cả nước phải chịu một tổn thất vô cùng lớn lao và mang một nỗi đau buồn vô hạn. Huyện uỷ, các lực lượng vũ trang và đồng bào trong huyện đã long trọng làm lễ truy điệu Người. Trong không khí trang nghiêm và xúc động, mọi người đều bày tỏ lòng biết ơn sâu sắc trước công lao trời biển của Người đối với dân tộc ta, với nhân dân ta - trong đó có đồng bào các dân tộc Ea Súp - và nguyện hứa quyết tâm đoàn kết chặt chẽ hơn nữa, chiến đấu và công tác tốt hơn nữa để thoả lòng mong ước của Người. Ngay đêm 3-9, tiểu đoàn 401 đặc công đã phối hợp với lực lượng vũ trang huyện, tập kích tiểu đoàn 1, trung đoàn 53 ngự đóng ở Quảng Nhiêu. Lợi dụng trời mưa tầm tã, các chiến sỹ đã nhanh chóng áp sát các mục tiêu và đồng loạt nổ súng. Sau ít phút chiến đấu, ta đã tiêu diệt gọn tiểu đoàn này. Sáng hôm sau địch mới dám cho trực thăng và viện binh đến lấy xác chở về Buôn Ma Thuột. Liên tiếp sau đó huyện còn phân phát trên 300 bản Di chúc của Bác vào nội thị và các buôn vùng địch tạm thời kiểm soát. Việc làm đó đã có tác dụng khơi dậy lòng yêu nước và tăng thêm ảnh hưởng của cách mạng đối với các tầng lớp nhân dân còn đang phải sống trong vùng địch tạm thời kiểm soát.

Sau đó huyện đã tổ chức một đợt sinh hoạt chính trị sâu rộng cho cán bộ, đảng viên, các lực lượng vũ trang và đồng bào các dân tộc với chủ đề: "Học tập và làm theo Di chúc thiêng liêng của Bác Hồ". Một đợt thi đua ngắn ngày (từ 15-12-1969) đã được huyện phát động với những nội dung cụ thể cho từng đơn vị, cho mỗi cá nhân và cho các đối tượng như cán bộ đảng viên và quần chúng nhân dân trong các buôn ấp, các dinh điền, đồn điền trong toàn huyện.

Qua 3 tháng thi đua lập công đền ơn Bác, quân và dân trong huyện đã đánh trên 30 trận lớn nhỏ, diệt và làm bị thương gần 100 tên, bắn bị thương 1 máy bay lên thẳng và một xe bọc thép M-113, đưa được trên 1.000 dân trở về buôn ấp cũ.

Sang năm 1970, tỉnh mở đợt hoạt động Xuân Hè (mang mật danh ZB) với sự tham gia của 1/3 lực lượng tỉnh, 2/3 lực lượng huyện, nhằm đánh vào các cơ quan đầu não và phá huỷ các phương tiện chiến tranh của địch; chống các cuộc càn quét và giành quyền làm chủ ở buôn ấp.

Trong những năm 1970-1972, cuộc đấu tranh giữa ta và địch trên phạm vi toàn Đông Dương cũng như ở 2 miền Nam-Bắc diễn ra rất quyết liệt, trên nhiều

lĩnh vực chính trị, ngoại giao, quân sự và tư tưởng. Tính đến đầu năm 1972, qua 10 đợt rút quân, gần 40 vạn quân Mỹ đã về nước. Ở Đắk Lắk, đến hết năm 1971 Mỹ chỉ còn 50 nhân viên kỹ thuật ở Buôn Ma Thuột và một trung đội đóng ở cầu Sêrêpôk. Tuy vậy, chúng vẫn tăng cường đồn quân, bắt lính và đẩy mạnh các đợt bình định nông thôn.

Cùng với các đợt tiến công quân sự, các lực lượng vũ trang và các đội công tác còn bám chắc vào các trọng điểm, các buôn ấp, đẩy mạnh các hoạt động binh tế vận, phát động nhân dân vùng lên đấu tranh.

Tháng 10-1971, Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ V đã được triệu tập tại buôn H'Ngô, căn cứ cánh Nam, nhằm chuẩn bị đưa cuộc kháng chiến của đồng bào các dân tộc Đắk Lắk bước vào thời kỳ mới. Đồng chí Huỳnh Văn Cẩn được bầu làm Bí thư Tỉnh uỷ.

Tháng 11-1971, Tỉnh uỷ họp bàn kế hoạch tiến công và nổi dậy năm 1972 ở Đắk Lắk để kịp thời phối hợp với các chiến trường. Theo kế hoạch, tỉnh mở hai trọng điểm tiến công trong năm 1972: Trọng điểm 1 là các huyện H.2, H.3, H.7; trọng điểm 2 là các huyện: H.4, H.5, ven H.6 và đường 21 (của H.1).

Cuối năm 1971, Huyện uỷ H5 đã tổ chức học tập quán triệt Nghị quyết của trên và đề ra kế hoạch hoạt động của huyện trong cuộc tiến công chiến lược 1972. Đêm 3-2-1972, được sự hỗ trợ của trên, lực lượng vũ trang huyện đã tiến công vào khu đồn 23, các xã 1 và 8, diệt bọn bảo an, dân vệ ở đây và tạo điều kiện cho đồng bào vùng lên phá ấp, phá kìm. Lực lượng ta còn tổ chức chặn đánh một đại đội bảo an đang đi càn, diệt 49 tên, thu nhiều vũ khí. Phối hợp với đại đội 310 và tiểu đoàn 401 của tỉnh, lực lượng vũ trang huyện còn tiến công vào các vị trí Bắc thị xã và nội thị để giam chân địch, gây cho chúng một số thiệt hại.

Qua 4 năm chống Chiến lược "Việt Nam hoá chiến tranh" (1969 - 1972), quân và dân trong huyện tiếp tục giành được những thắng lợi to lớn, toàn diện. Ta đã đánh 58 trận, diệt 126 tên, làm bị thương 60 tên, phá hỏng 6 xe quân sự, bắn rơi 1 trực thăng, bắn bị thương 1 máy bay trinh sát, thu nhiều vũ khí, quân trang quân dụng.

Lực lượng vũ trang và các đội công tác của huyện đã 21 lần đột nhập vào các khu đồn, các ấp chiến lược diệt 2 tên ác ôn, bắn bị thương 1 ấp trưởng, 1 ấp phó, tổ chức cho quần chúng vùng lên phá ấp, phá kìm bung về buôn cũ.

Về đấu tranh chính trị, binh tế vận, ta đã tổ chức được 3.000 lượt đồng bào tham gia mít tinh chống Mỹ nguy, xây dựng được trên 200 cơ sở các loại ở các buôn ấp, các vùng, tổ chức giáo dục cho 860 lượt người thân của các binh sỹ, nguy quyền để họ đi vận động chồng, con, em mình trở về với buôn làng, về với cách mạng. Ta cũng đã giáo dục cho 30 lính nghĩa quân, 35 phòng vệ dân sự và hàng trăm nguy quyền ở cơ sở. Những thắng lợi trên đây của quân và dân huyện H5, tuy còn rất khiêm tốn, nhưng cũng đã góp phần cùng quân dân cả nước buộc đế quốc Mỹ phải ký kết Hiệp định Pari ngày 27-1- 1973 về "Chấm dứt chiến tranh, lập lại hoà bình ở Việt Nam".

Đây là thắng lợi có ý nghĩa bước ngoặt trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của nhân dân ta. Lần đầu tiên sau 115 năm (1858 - 1973), đất nước ta sạch bóng quân xâm lược.

Đế quốc Mỹ đã phải rút khỏi nước ta, nhưng nguy vẫn chưa nhào. Cuộc chiến đấu của quân và dân cả nước ta - trong đó có quân và dân Ea Súp vẫn còn phải tiếp tục.

Mặc dù đã bị thất bại và buộc phải ký Hiệp định Pari, công nhận các quyền dân tộc cơ bản của nhân dân Việt Nam, nhưng Mỹ vẫn viện trợ tiếp sức cho nguy quyền Sài Gòn tiếp tục thực hiện Chiến lược "Việt Nam hoá chiến tranh". Đầu năm 1973, Mỹ đã viện trợ cho chính quyền Nguyễn Văn Thiệu 2.670 triệu đôla, 700 máy bay các loại, 500 khẩu pháo các cỡ, 400 xe tăng, xe bọc thép, bổ sung dự trữ vật tư chiến tranh là 2 triệu tấn, Còn Nguyễn Văn Thiệu thì trắng trợn tuyên bố "bốn không": không có hoà bình, không có ngừng bắn, không có giải pháp chính trị và không có tuyển cử. Một mặt, chúng ra sức đồn quân bắt lính; mặt khác, chúng lại gia tăng các cuộc hành quân "tràn ngập lãnh thổ" để giành dân, lấn đất, xoá thế "da báo" nhằm tạo ra thế liên hoàn trong vùng chúng kiểm soát và hòng cướp đi những thành quả mà nhân dân ta đã giành được sau nhiều năm chiến đấu gian khổ và vô vùng anh dũng.

Trên địa bàn Ea Súp, ngay trước và sau khi có Hiệp định Pari, bọn nguy đã thực hiện âm mưu trên bằng các biện pháp:

- Trực tiếp đưa quân ra cắm nhiều chốt để kìm giữ dân.
- Đưa dân trải ra vòng ngoài rồi cho lực lượng kìm kẹp bám theo sau để giữ dân và mở rộng phạm vi chiếm đóng của chúng.
- Mở các cuộc hành quân thọc sâu vào vùng ta và cắm chốt giữ, rồi đưa dân ra theo để xoá bỏ thế "da báo", nhằm mở rộng vùng kiểm soát của chúng.
- Đẩy mạnh các hoạt động chiến tranh tâm lý như lừa bịp, dụ dỗ kết hợp với vu khống, xuyên tạc.

Chúng bắt nhân dân ta phải đi học tập về "Hiện tình đất nước", mở các lớp đào tạo "Tình báo nhân dân" và phát động chiến dịch "Chiêu hồi". Quảng Nhiêu được chúng chọn làm thí điểm cho cả tỉnh để thực hiện kế hoạch này.

Về phía ta: Trước tình hình Mỹ - nguy ra sức phá hoại Hiệp định Pari, vào tháng 7-1973, Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã họp Hội nghị lần thứ hai mốt (Khoá III) và khẳng định: "Bất kỳ trong tình hình nào ta cũng phải nắm vững thời cơ, giữ vững đường lối chiến lược tiến công". Hội nghị đã đề ra nhiệm vụ cụ thể cho các Đảng bộ và nhân dân ta ở miền Nam là phải giành dân, giành quyền làm chủ, phát triển thực lực của cách mạng nhằm đánh bại kế hoạch bình định lấn chiếm của địch, chuẩn bị tiến lên giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc.

Ở Đăk Lăk, trước khi có Hiệp định Pari, Tỉnh uỷ đã mở Hội nghị Tỉnh uỷ mở rộng tới các bí thư huyện uỷ và các trưởng ban, ngành trong tỉnh. Hội nghị đã dự kiến các tình huống phát triển của tình hình; đề ra kế hoạch đẩy mạnh đấu

tranh trên các mặt quân sự, chính trị, binh tế vận; ra sức củng cố và xây dựng vùng giải phóng và vùng ta làm chủ cho thật vững mạnh. Đồng thời đẩy mạnh công tác đấu tranh chính trị, binh tế vận kết hợp đấu tranh vũ trang vào sâu vùng tranh chấp và vùng địch kiểm soát. Tỉnh cũng đã xác định vùng H.5 là một trong những trọng điểm của tỉnh, và đưa trung đoàn 25 chủ lực của B.3 về chốt giữ ở vùng này. Ngoài ra, tỉnh còn cử lực lượng an ninh, binh vận... xuống tăng cường cho huyện.

Triển khai kế hoạch cấm cò chiếm lĩnh địa bàn và chống địch lấn chiếm ở H5, Huyện ủy đã điều động toàn bộ lực lượng trong huyện, kể cả vùng sau để tăng cường cho vùng phía trước. Trọng điểm là khu vực Mê Val, dọc tỉnh lộ số 8, vùng Quảng Nhiêu, khu đồn Ea Đê, khu đồn 23.

Từ nửa đêm ngày 26-1-1973, trên địa bàn toàn huyện, ta đã tổ chức đồng loạt cấm cò Mặt trận ở các điểm cao, các vị trí quan trọng của huyện như kế hoạch đã dự kiến, nhằm khẳng định chủ quyền của ta. Đồng thời huyện còn phân phát hàng vạn tờ truyền đơn và bản Hiệp định Pari vào vùng địch kiểm soát. Cùng thời gian trên, một đơn vị của trung đoàn 25 chiếm lĩnh Hà Lan, cắt đường 14 từ Buôn Hồ về Buôn Ma Thuột, đoạn từ Cung Kiệm đến cao điểm 696 (đồi Đạo Tế). Còn tiểu đoàn 301 của tỉnh phối hợp với lực lượng của huyện chiếm lĩnh buôn Tring, thị trấn Buôn Hồ...

Vào lúc 15h ngày 25-1, một đơn vị khác của trung đoàn 25, cùng với lực lượng vũ trang huyện đã tiến đánh khu đồn Ea Đê, chiếm lĩnh dinh điền Cung Kiệm.

Bọn địch đã phản kích điên cuồng. Chúng cho nhổ cò của ta và tổ chức chống lại quyết liệt, nhất là ở Hà Lan. Ta cũng đã đánh trả bọn ra nhổ cò. Mặt khác, còn tổ chức mít tinh, biểu tình ở vùng địch tạm chiếm, đòi chúng phải thi hành Hiệp định Pari, đòi hoà bình, hoà hợp dân tộc.

Từ giữa tháng 4 đến tháng 5-1973, huyện H5 thực hiện một nhiệm vụ rất quan trọng và có ý nghĩa là triển khai chỉ đạo của Trung ương và Tỉnh ủy về việc chuẩn bị gỗ quý để góp phần xây dựng Lăng Bác Hồ, Huyện đội và 4 đội công tác của H5 và một bộ phận của H4 bám địch phía trước nhằm thu hút lực lượng địch về phía sau ta có thể khai thác gỗ. Mặc dù trong điều kiện chiến tranh ác liệt, sau 1 tháng tập trung lao động và chiến đấu trong cả ngày lẫn đêm, với sức người là chính huyện đã tập trung được 60 m³ gỗ quý về A10 (khu vực lâm trường Rừng Xanh, Ea Lốp, Ea Mơ hiện nay). Đầu tháng 5-1973, đồng chí Huỳnh Văn Cần - Bí thư Tỉnh ủy chủ trì buổi lễ tời gỗ lên xe lên đường ra Hà Nội. Đảng bộ quân và dân H5, trong đó có Ea Súp vô cùng vinh dự và tự hào được đóng góp một phần công sức vào công trình có ý nghĩa lịch sử này.

Lúc này, trong vùng giải phóng, đời sống kinh tế, văn hoá giáo dục được xây dựng và có bước phát triển, phục vụ thiết thực cho công cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của nhân dân địa phương.

Tính đến cuối năm 1973, chính quyền cách mạng đã quản lý 15.000 dân, phát triển được 292 du kích ở buôn xã. Toàn Đảng bộ đã có trên 100 đảng viên,

sinh hoạt ở 14 chi bộ. Nhân dân trong huyện đã đóng góp hàng vạn ngày công để tu bổ, bảo dưỡng các con đường đi trên địa bàn huyện, tạo điều kiện thuận lợi cho việc đi lại và công tác vận chuyển của ta. Ngoài ra, đồng bào còn đóng góp, hoặc bán rẻ cho cách mạng hàng trăm tấn lương thực - mặc dù đồng bào các dân tộc còn đang gặp rất nhiều khó khăn về ăn, ở, sinh hoạt và thuốc chữa bệnh.

Năm 1974, địch trên địa bàn H5 tăng cường đẩy mạnh kế hoạch "bình định" và "lấn chiếm", hòng tạo ra vành đai an toàn cho thị xã Buôn Ma Thuột, tăng cường quân số và vũ khí cho các cứ điểm, các chốt và kiện toàn hệ thống tề, điệp ở các xã buôn.

Trong năm 1974, địch mở 4 cuộc càn lớn cỡ từ tiểu đoàn đến trung đoàn, 216 lần càn nhỏ ở các thôn buôn. Chúng đẩy mạnh việc đồn quân, bắt lính rất trắng trợn. Nam giới từ 13-14 tuổi trở lên đều bị chúng lên danh sách vào phòng vệ dân sự. Chúng dùng bọn ngụ quân, ngụ quyền ở cơ sở lòng sục vào nhà dân bắt lính, bắt kể thời gian nào.

Về kinh tế, văn hoá, xã hội, chúng tung ra cái gọi là "Kế hoạch tái thiết hậu chiến, xây dựng nông thôn, cải cách điền địa, kiến điền"... nhằm thay đổi căn bản xã hội nông thôn Việt Nam. Chúng đặt ra việc chống tham nhũng, lập các tổ chức ca hát, bắt mặc quần áo đồng phục..., cho các đoàn y tế đến các dinh điền, các buôn ấp để khám, chữa bệnh cho đồng bào.

Dưới sự lãnh đạo của Ban cán sự Đảng huyện, quân và dân ta tiếp tục phát huy những thắng lợi đã đạt được, tiếp tục vượt qua những khó khăn mới để không ngừng tiến công địch trên khắp địa bàn.

Lực lượng chủ lực của ta cũng đã đẩy mạnh hoạt động trên địa bàn H5 để hỗ trợ cho các cuộc đấu tranh của quân và dân trong huyện. Ngày 30-5-1974, trung đoàn 25 của Mặt trận Tây Nguyên (B.3) đã diệt gọn tiểu đoàn bảo an số 211 ở cứ điểm Ea Súp, giải phóng trên 1.000 dân vùng Ea Súp, mở ra một vùng rộng lớn, tạo thế liên hoàn cho đường hành lang chiến lược qua Đăk Lăk xuống phía Nam an toàn, thuận lợi.

Các chiến sĩ an ninh của huyện, dưới hình thức các tổ diệt ác (A3) đã bí mật, bất ngờ đột nhập vào hang ổ của từng tên ác ôn để trừng trị chúng. Nhiều tên ác ôn đầu sỏ đã bị các chiến sĩ an ninh tiêu diệt, làm cho kẻ địch hết sức hoang mang, lo sợ, nhân dân vô cùng phấn khởi.

Huyện đã tổ chức cho cán bộ, đảng viên và nhân dân trong vùng giải phóng và vùng làm chủ học tập quán triệt các chỉ thị, nghị quyết của khu, của tỉnh về ý nghĩa, nội dung, biện pháp xây dựng vùng giải phóng. Qua học tập, cán bộ và nhân dân ta đều hết sức phấn khởi và thấy rõ thêm ý nghĩa của nhiệm vụ xây dựng vùng giải phóng đối với sự nghiệp kháng chiến chống Mỹ, cứu nước hiện nay cũng như khi đất nước được hoàn toàn độc lập.

Nhiệm vụ trực tiếp trước mắt của vùng căn cứ là: Đề cao cảnh giác, đập tan các cuộc hành quân lấn chiếm, các hoạt động biệt kích, gián điệp vào vùng

giải phóng. Nhờ phát động tốt phong trào cảnh giác cách mạng, nên ở xã 5 khi thấy người nghi vấn, nhân dân đã đi báo cho ta. Ở xã 10, nhân dân và du kích đã tổ chức tốt canh gác thường xuyên, nên hai lần (tháng 8 và tháng 12-1974), đã bắt được 4 tên thám báo. Nhân dân xóm A đã xây dựng quy ước không cho người lạ đi lại tự do trong thôn. Đồng bào còn đào hầm chống phi pháo, vót chông cắm bố phòng.

Đáng chú ý là trong thời gian này đã thành lập được 8 tổ hợp tác đôi công, ở xã 10 có 2 tổ, 45 lao động, làm tập thể, chấm công điểm hàng ngày và chia sản phẩm theo sức lao động, ở xã 5, đồng bào xóm A, xóm B, xóm Tư có 6 tổ làm theo vụ, việc.

Về lĩnh vực văn hoá - giáo dục, quân và dân huyện H5 đã có những thành tích bước đầu đáng khích lệ trên lĩnh vực văn hoá, giáo dục. Lần đầu tiên, trong vùng giải phóng của huyện đã mở được lớp học. Đây là những thành tựu mới nói lên tính ưu việt của chính quyền cách mạng.

Phong trào vệ sinh phòng bệnh được phát triển. Cán bộ y tế huyện đã tổ chức được 12 lần họp mặt với 792 người và 10 lần với 477 người vùng mới giải phóng tham dự nghe tuyên truyền về nếp sống "3 sạch" (ăn, uống, ở sạch). Sáng sáng ở các buôn thôn, nhân dân tổ chức quét dọn vệ sinh. Huyện đã có 2 cơ sở điều trị ở xã Ea Súp và xã 5, do 2 y sĩ phụ trách. Tại đây đã chữa và điều trị 418 ca bệnh, khám 304 người, cấp cứu 7 ca. Trạm xá huyện đã chữa được 214 ca thương bệnh binh, với tổng số ngày điều trị là 2.568 ngày.

Trong năm huyện đã tổ chức được 3 lần học tập chính trị cho cán bộ, đảng viên với thời gian mỗi đợt từ 5 đến 8 ngày, Số lượt người dự là 792 người.

Toàn huyện có 13 chi bộ 7 chi bộ đội công tác, 1 chi bộ lực lượng vũ trang huyện, 1 chi bộ văn phòng huyện; xã 5, xã 10, xóm A và vùng địch mỗi nơi 1 chi bộ. Tổng số đảng viên có 97 đồng chí. Công tác phát triển đảng viên mới được 2 người. Mở được 1 lớp đối tượng Đảng cho 4 người.

Những thắng lợi toàn diện của Đảng bộ và nhân dân huyện H5 trong năm 1974 đã góp phần cùng quân, dân toàn tỉnh và đồng bào cả nước làm cho thế và lực của cách mạng có những bước tiến mới, đẩy bọn địch ngày càng lún sâu vào thế bị động lúng túng.

Nắm được thời cơ chiến lược đó, Bộ Chính trị Trung ương Đảng đã họp vào tháng 10-1974, thông qua kế hoạch giải phóng miền Nam trong 2 năm (1975-1976). Tây Nguyên được chọn là hướng tấn công chủ yếu trong năm 1975. Thị xã Buôn Ma Thuột được chọn là trận quyết chiến chiến lược, mở màn cho chiến dịch giải phóng Tây Nguyên. Đây là vinh dự lớn đồng thời là trách nhiệm nặng nề đối với Đảng bộ và nhân dân Đắk Lắk - trong đó có đồng bào các dân tộc huyện Ea Súp.

Ngay sau khi được tiếp nhận quyết định của Bộ Chính trị và của Khu uỷ khu V, Thường vụ Tỉnh uỷ đã họp bàn kế hoạch chung cho toàn tỉnh và chỉ đạo trực tiếp huyện uỷ H.5 - một địa bàn cận kề với thị xã Buôn Ma Thuột - khẩn

trương triển khai các mặt công tác, bám chắc các cơ sở, nắm vững diễn biến tình hình địch và làm tốt công tác quần chúng, nhằm phục vụ đắc lực cho trận tiến công thị xã Buôn Ma Thuột giành thắng lợi. Chỉ trong vòng 30 ngày trước giờ nổ súng tấn công, Huyện uỷ H.5 đã tiến hành một loạt các công việc như: Tổ chức quán triệt tư tưởng và chỉ đạo xây dựng kế hoạch hoạt động cho từng đơn vị, từng mũi tiến công trong đợt Tổng tiến công lần này.

Huyện đã rút hàng chục cán bộ, chiến sỹ trong huyện, tổ chức huấn luyện, bồi dưỡng họ về phương pháp phát động quần chúng để tăng cường cho các đội công tác, các tổ an ninh, nhằm giúp họ làm tốt nhiệm vụ truy quét bọn tề điệp, ác ôn và công tác tiếp quản vùng mới giải phóng.

Ea Súp là một địa bàn có lợi thế trú quân, tập kết, che dấu các phương tiện khí tài và là một hướng tiến công quan trọng của ta vào Buôn Ma Thuột. Vì thế Tỉnh uỷ, Huyện uỷ H.5 đã hết sức coi trọng công tác bảo mật cho cán bộ và đồng bào các dân tộc. Ngoài ra, quân và dân vùng Ea Súp còn đóng góp hàng vạn ngày công cho việc làm hệ thống đường giao thông từ Ea Súp - Buôn Đôn - Buôn Ma Thuột, dài trên 300 km, và hàng ngàn lượt người (kể cả voi và xe cơ giới) cho nhiệm vụ vận chuyển vũ khí, hàng hoá phục vụ chiến dịch. Đặc biệt trên tuyến đường chiến lược, để đưa xe tăng, pháo, bộ binh áp sát Buôn Ma Thuột chờ giờ nổ súng tiến công Buôn Ma Thuột, được nhân dân giữ bí mật cho đến phút cuối cùng.

Để tạo điều kiện thuận lợi cho việc lãnh đạo cuộc Tổng tiến công nổi dậy mùa Xuân năm 1975, từ cuối tháng 1-1975 cơ quan chỉ đạo tiền phương của Tỉnh uỷ đã chuyển lên phía trước (H5), lúc đầu đóng ở vùng phía Bắc buôn ADrong, Ya wăm. Đảng bộ và đồng bào các dân tộc huyện lại có thêm một trọng trách mới là bảo vệ an toàn, bí mật và cung cấp một phần lương thực thực phẩm cho cơ quan lãnh đạo của tỉnh.

Đúng 2 giờ 03 phút, sáng ngày 10-3-1975, tiếng súng của các chiến sỹ đặc công thuộc trung đoàn 198 bắn vào các mục tiêu trong thị xã đã phát lệnh mở màn cho trận đánh Buôn Ma Thuột. Sau 33 giờ chiến đấu dũng cảm, mưu trí, đến 11 giờ ngày 11 tháng 3, lá cờ chiến thắng của ta đã tung bay trên nóc sở chỉ huy sư đoàn 23 ngụy, báo hiệu trận Buôn Ma Thuột toàn thắng!

Phối hợp với mặt trận Buôn Ma Thuột, ở khắp các địa phương trong tỉnh cũng bắt đầu nổ súng tiến công vào các quận lỵ, các cứ điểm của địch.

Tại H5, lực lượng vũ trang và đội công tác của huyện, do bám sát địa bàn từ trước, nên khi thị xã Buôn Ma Thuột bị tấn công và nhanh chóng bị thất thủ, ta đã vận động đồng bào đi thuyết phục binh lính đầu hàng hoặc làm binh biến trở về với cách mạng. Lúc đầu họ còn chần chừ, nghe ngóng, nhưng từ ngày thứ hai trở đi, phần lớn anh em binh sỹ ngụy và cả một số ngụy quyền cơ sở đã ra đầu hàng hoặc bỏ trốn. Đồng thời với các mũi tiến công về binh, tề vận, huyện đã nhanh chóng triển khai các đợt tiến công quân sự. Từ ngày 11 đến ngày 13-3, lực lượng vũ trang huyện đã tiến công địch nhằm hỗ trợ đồng bào nổi dậy giành quyền làm chủ. Ngày 12-3, trung đoàn 9 thuộc sư đoàn 320 đánh chiếm các mục

tiêu trên đường 14, diệt cao điểm Cù Bao, giải phóng Đát Lý, thu 4 pháo 105 ly và trên 500 súng các loại. Ta làm chủ hoàn toàn đường 14.

Ngày 14-3, tiểu đoàn 6 thuộc trung đoàn 24, phối hợp với lực lượng vũ trang huyện đã mở cuộc tiến công vào cứ điểm đồi Cù M'Gar. Với khí thế áp đảo cả về lực lượng và tinh thần, ta đã nhanh chóng giành thắng lợi, tiêu diệt hoàn toàn tiểu đoàn bảo an số 225 chốt giữ ở đây. Cùng ngày, tiểu đoàn 21 của Bộ tư lệnh Đoàn 559 đã tiến đánh Buôn Đôn, xóa sổ 1 tiểu đoàn bảo an và bọn phản động FULRO đóng giữ ở đây.

Hoà nhịp với tiếng súng chiến thắng ở khắp nơi trong huyện và tỉnh, hàng chục ngàn đồng bào đang bị sống trong vùng kiểm soát của địch (khu đồn, ấp chiến lược) đã nhất tề vùng dậy, vận động binh sỹ ngụy hạ vũ khí, truy quét bọn ác ôn và phá ấp, phá khu đồn, kéo nhau trở về buôn ấp cũ. Các Ủy ban cách mạng lâm thời ở xã và buôn được thành lập, đã bắt tay ngay vào việc ổn định tình hình mọi mặt cho nhân dân.

Sau 4 ngày chiến đấu anh dũng, mưu trí và đồng loạt, với phương châm đấu tranh "2 chân, 3 mũi", quân và dân H5 - được sự hỗ trợ của trên - đã đập tan bộ máy ngụy quân, ngụy quyền của địch, tiêu diệt 2 tiểu đoàn bảo an, làm tan rã 25 trung đội nghĩa quân, 2.000 dân vệ, hàng trăm cảnh sát, thu nhiều vũ khí, quân trang quân dụng, giải phóng hoàn toàn các buôn ấp và đồng bào trong huyện.

Ngày 14-3-1975, huyện H5 được hoàn toàn giải phóng. Quá trình đấu tranh để giành lại buôn làng, nương rẫy và cuộc sống tự do, hạnh phúc cho đồng bào các dân tộc Ea Súp nói riêng, cho Đắk Lắk, Tây Nguyên nói chung đến đây đã toàn thắng! Một kỷ nguyên mới mở ra đối với nhân dân các dân tộc Ea Súp - Kỷ nguyên độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội.

Trải qua 21 năm kháng chiến chống Mỹ, vượt qua mọi khó khăn, gian khổ, chịu nhiều hy sinh, tổn thất, Đảng bộ, quân dân các dân tộc huyện H5 nói chung, Ea Súp nói riêng càng chiến đấu càng trưởng thành, từng bước phát huy được sức mạnh tổng hợp, nâng dần thế chủ động tiến công địch bằng hai chân ba mũi giáp công trên khắp địa bàn; thực hiện tốt việc kết hợp tiêu hao, tiêu diệt địch với phát động quần chúng phá kìm, phá ấp chiến lược; mở rộng và xây dựng vùng căn cứ, vùng giải phóng vững chắc, đảm bảo cho tuyến hành lang chiến lược thông suốt, an toàn; lần lượt đánh bại các chiến lược "Chiến tranh một phía", "Chiến tranh đặc biệt", "Chiến tranh cục bộ" và "Việt Nam hóa chiến tranh" của đế quốc Mỹ trên địa bàn.

Phần thứ hai

ĐẢNG BỘ LÃNH ĐẠO CÔNG CUỘC XÂY DỰNG CHỦ NGHĨA XÃ HỘI VÀ BẢO VỆ TỔ QUỐC (1975-2010)

I. KHÔI PHỤC, PHÁT TRIỂN KINH TẾ, VĂN HÓA - XÃ HỘI, Củng cố quốc phòng-an ninh (1975-1986)

1. Ổn định tình hình chính trị - xã hội, khôi phục và phát triển kinh tế (1975 – 1977)

Sau thắng lợi vĩ đại của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, đất nước ta bước vào thời kỳ mới, thời kỳ cả nước đi lên xây dựng chủ nghĩa xã hội. Đó là thuận lợi cơ bản, là nguồn động lực tinh thần to lớn để Đảng bộ và nhân dân Đắk Lắk nói chung, Ea Súp nói riêng cùng cả nước bắt tay vào công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Tuy nhiên, Ea Súp cũng như các địa bàn khác trong tỉnh vừa trải qua cuộc kháng chiến chống đế quốc Mỹ xâm lược, nên hậu quả chiến tranh để lại còn rất nặng nề, cơ sở vật chất hầu như hầu như không có gì, nền kinh tế thấp kém và lạc hậu, sản xuất chủ yếu là du canh, du cư, đốt rẫy làm nương, khai thác lâm sản để trao đổi lấy lương thực, đời sống đồng bào các dân tộc đói nghèo, lạc hậu. Trình độ dân trí còn thấp, nạn mù chữ và tái mù chữ còn khá phổ biến. Bên cạnh đó, những phong tục tập quán, những hủ tục lạc hậu như mê tín dị đoan còn ảnh hưởng nặng nề. Đội ngũ cán bộ vừa yếu, vừa thiếu.

Nghiêm trọng hơn, bọn phản động có vũ trang cộng với tàn quân của chế độ cũ còn ẩn náu, chưa chịu buông súng đầu hàng, lợi dụng cơ hội bọn FULRO ngóc đầu dậy chống phá cách mạng. Chúng đẩy mạnh các hoạt động chống phá, bám sát buôn làng, thân nhân gia đình có người đi lính cho chế độ ngụy Sài Gòn và chính gia đình của chúng để làm chỗ dựa, làm nơi ẩn náu, chúng câu kết với bọn ngụy quân, ngụy quyền người dân tộc, công khai xây dựng lực lượng vũ trang tập trung, lợi dụng địa bàn hiểm trở, bí mật xây dựng cơ sở, xây dựng lực lượng đòi (Tây nguyên tự trị). Với những thủ đoạn mỵ dân, khống chế dân, bằng các hành động khủng bố, cướp của, giết người, chặn xe cướp hàng đốt xe... Chúng lôi kéo được một số thanh niên là người dân tộc ra rừng bỏ súng, củng cố lực lượng, hoạt động ngày càng táo bạo hơn trên địa bàn Ea Súp. Chúng chọn địa bàn huyện Ea Súp là địa bàn trọng yếu. Lợi dụng chính quyền thôn, buôn, xã còn non trẻ, còn yếu kém, cộng với sự khoan hồng của chính quyền cách mạng, chúng len lỏi trà trộn để vào các tổ chức xã hội tại chỗ với ý đồ thực hiện âm mưu chính quyền 2 mặt. Có thể nói, những ngày đầu mới giải phóng, tình hình

an ninh chính trị, trật tự xã hội trên địa bàn huyện Krông Búk nói chung và Ea Súp rất mất ổn định.

Những khó khăn trên là thách thức lớn đối các cấp ủy đảng và nhân dân Ea Súp trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội, trong tổ chức quản lý và phát triển sản xuất, trong xây dựng đời sống văn hoá mới lành mạnh và tiến bộ.

Sau giải phóng Ea Súp vẫn là địa bàn thuộc huyện Krông Búk. Trong những năm 1975 - 1976, các cấp ủy đảng trên địa bàn huyện Krông Búk nói chung và Ea Súp nói riêng đã phát huy truyền thống yêu nước và tinh thần đoàn kết, kiên trì lãnh đạo nhân dân giữ vững an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội, từng bước xây dựng và phát triển kinh tế, ổn định đời sống nhân dân.

Để củng cố chính quyền cách mạng và xác lập sự quản lý của chính quyền trong những ngày đầu giải phóng, huyện tổ chức hội nghị cán bộ cơ sở và từng bước đầu chỉ định bộ máy điều hành quản lý các xã, thôn, buôn. Sau vài tháng, chính quyền Ea Súp được kiện toàn một bước, hệ thống chính quyền gồm Ủy ban nhân dân cách mạng, Mặt trận, Nông hội, Thanh niên, Phụ nữ được tổ chức đến từng địa bàn dân cư. Tổ chức Hội thanh niên giải phóng và Đội thiếu niên Tiền phong hoạt động rất sôi nổi trên nhiều lĩnh vực.

Sau khi ổn định bộ máy chính quyền, đoàn thể cơ sở, cấp ủy và chính quyền cách mạng phát động quần chúng ở các thôn, ấp, dinh điền cũ, giải quyết những khó khăn trước mắt và tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục động viên các tầng lớp nhân dân xây dựng cuộc sống mới, xóa bỏ những tàn dư của chế độ cũ. Vùng đồng bào dân tộc ít người phát triển phong trào thi đua sản xuất lương thực, vệ sinh phòng bệnh, học chữ quốc ngữ và văn nghệ quần chúng, làm dấy lên một phong trào thi đua sôi nổi trong nhân dân.

Tuy nhiên, bên cạnh nỗ lực của chính quyền các cấp cùng đồng bào các dân tộc ra sức xây dựng cuộc sống mới; vẫn còn một số gia đình trước đây sống ở dinh điền, khu đồn hoang mang, lo lắng đến đời sống, chưa có công ăn việc làm...

Thực hiện Chỉ thị 04 của Ban Bí thư Trung ương Đảng (2-1976) về việc giải quyết vấn đề FULRO, Tỉnh ủy Đắk Lắk chủ trương phát động quần chúng kết hợp với đấu tranh chính trị, giữ vững an ninh chính trị, xây dựng chính quyền cách mạng là nhiệm vụ hàng đầu. Thực hiện chủ trương đó, các cấp ủy đảng trên địa bàn từ Krông Búk đến Ea Súp đã huy động cán bộ và lực lượng vũ trang tổ chức thành các đội công tác bám chặt các buôn, xã, kết hợp với lực lượng quân đội vòng ngoài để phát động quần chúng bóc gỡ bên trong, truy quét bên ngoài, đẩy mạnh sản xuất, củng cố lực lượng và chính quyền ở cơ sở, ổn định đời sống nhân dân.

Thực hiện nhiệm vụ trọng tâm và nghị quyết chuyên đề giữ vững an ninh chính trị trật tự xã hội trước nhất là nhiệm vụ giải quyết vấn đề FULRO trên địa bàn huyện. Do vậy, lực lượng vũ trang cùng với nhân dân các dân tộc trong huyện phát huy sức mạnh tổng hợp các lực lượng và quần chúng nhân dân tiến hành các biện pháp đồng bộ để giải quyết vấn đề FULRO ở Tây Nguyên nói

chung và huyện Ea Súp nói riêng. Trong 2 năm 1975-1976, các lực lượng vũ trang huyện Krông Búk đã tổ chức truy quét hơn 80 lượt, tiêu diệt 15 tên, gọi hàng 14 tên, bóc gỡ cơ sở bên trong và gọi ra đầu thú 68 tên.

Về an ninh chính trị, chính quyền cách mạng các cấp đứng trước những thử thách gay gắt. Sau khi bộ máy Ngụy quân - Ngụy quyền bị đập tan, quán triệt chính sách hòa giải, khoan hồng của Đảng, chính quyền cách mạng kêu gọi số viên chức, binh sĩ, hạ sĩ quan chế độ cũ trình diện, học tập một thời gian ngắn và trở về làm ăn bình thường, song ở Ea Súp lực lượng FULRO và biệt kích Thượng hầu hết không trình diện chính quyền. Từ tháng 4 - 1975, trên 300 tên FULRO kéo nhau ra rừng, mang theo vũ khí và bắt một số thanh niên. Trong năm 1975, FULRO và bọn phản động đã khống chế trên 80% thôn, buôn; gây ra hàng chục vụ bạo loạn, ám sát cán bộ, cướp tài sản của nhân dân và móc nối xây dựng cơ sở ngầm trong đồng bào dân tộc.

Bên cạnh vấn đề FULRO, chính quyền địa phương còn phải đối phó với nạn thiếu đói. Trong chiến tranh, địa bàn Ea Súp kinh tế rất nghèo, cơ sở vật chất, phúc lợi chỉ là con số không, sản xuất nương rẫy thường xuyên bị đình đốn do địch phá hoại, nên sau chiến tranh hàng trăm gia đình đồng bào dân tộc thiếu đói. Nhiều nơi tình hình lương thực và dịch bệnh trầm trọng.

Trong các khu dinh điền, áp chiến lược cũ, hậu quả, tàn dư của chiến tranh khá nặng nề, nhiều người không có công ăn việc làm. Việc tổ chức cho đồng bào trở về buôn cũ, việc phòng chống dịch bệnh, khôi phục các sinh hoạt bình thường của dân gặp rất nhiều khó khăn.

Để sớm khắc phục những khó khăn, thử thách về nhiều mặt, Đảng bộ và Ủy ban nhân dân cách mạng huyện Krông Búk cùng các xã ngày đêm bám địa bàn chỉ đạo giải quyết hai công tác trọng tâm: một là chống FULRO, hai là động viên mọi lực lượng quần chúng khai hoang, phục hóa, sản xuất lương thực để cứu đói.

Từ tháng 6 - 1975, Tỉnh ủy, các ban ngành của tỉnh tăng cường cho khu vực Ea Súp hàng trăm cán bộ, cùng với chính quyền, Mặt trận, Hội thanh niên, Hội phụ nữ, Công an, xã đội các xã tổ chức phát động quần chúng trong khu vực. Các đội công tác vừa tổ chức phát động quần chúng, rào buôn lập phòng tuyến chống sự xâm nhập, khống chế của FULRO, vừa tuyên truyền nâng cao ý thức cách mạng; giải quyết những nhu cầu thiết thực về đời sống của dân. Trong nửa cuối năm 1975 và đầu năm 1976, ta đã bóc gỡ hơn 100 cơ sở ngầm của FULRO trong các buôn ở khu vực Ea Súp. Ở bên ngoài, bộ đội địa phương tỉnh, huyện, xã phối hợp với lực lượng của sư đoàn 968 thường xuyên hành quân truy quét, phục kích diệt hàng chục tên FULRO. Công tác chống FULRO thời gian đầu giải phóng góp phần quan trọng trong việc giữ gìn an ninh - chính trị và ổn định tư tưởng cho đồng bào các dân tộc.

Để khôi phục sản xuất, mở rộng diện tích cây trồng giải quyết đời sống, huyện đã phát động phong trào quần chúng khai hoang phục hóa, làm thủy lợi, trồng lúa và hoa màu, lập một số công trường lao động, lấy lực lượng đoàn viên

thanh niên làm nông cật. Các thôn, buôn đã phần đầu gieo trồng hàng trăm ha hoa màu. Chính quyền địa phương kêu gọi dân tiết kiệm trong tiêu dùng, dự trữ lương thực, Hội thanh niên tổ chức sôi nổi phong trào “Thanh niên thi đua lao động sản xuất xây dựng quê hương”, phát động khai hoang, giúp dân định cư, chuyển cư, khai thác tranh, gỗ làm trường học, dựng hội trường thôn, buôn cho dân sinh hoạt, làm nhiều km đường liên thôn, liên xã, nhanh chóng hàn gắn những vết thương chiến tranh. Các xã tập trung vận động, tổ chức cho đồn bảo định cư, giãn dân từ các ấp, dinh điền lập các khu dân cư mới để phát triển sản xuất.

Chính quyền địa phương cũng đã tranh thủ các nguồn cân đối, viện trợ của tỉnh và Trung ương, đưa hàng chục tấn lương thực, thực phẩm, vải, muối, dầu hỏa, nguyên liệu về các buôn vùng sâu, giúp đồng bào xây dựng các công trình công cộng, ổn định sản xuất và đời sống. Trong năm 1976, các xã có các cơ sở dịch vụ như kho, trạm, cửa hàng bán lẻ, phục vụ các nhu cầu thiết yếu của nhân dân.

Thông qua hoạt động của các đoàn thể quần chúng, nhất là các chi hội thanh niên, công tác xây dựng nếp sống mới, xóa bỏ tàn dư văn hóa thực dân, phong trào bình dân học vụ và văn nghệ quần chúng tổ chức sôi nổi góp phần làm thay đổi bộ mặt nông thôn các dân tộc trong thời gian đầu sau giải phóng.

Ngày 25-4-1976, sau nhiều tháng được tuyên truyền học tập về tình hình, nhiệm vụ cách mạng trong giai đoạn hoàn thành thống nhất nước nhà, đưa cả nước tiến lên chủ nghĩa xã hội, đồng bào các dân tộc Ea Súp đã nô nức tham gia tổng tuyển cử bầu Quốc hội chung của cả nước. Mặc dù trước ngày bầu cử, bọn FULRO và phản động phao tin đồn nhảm, hù dọa nhân dân, nhưng tất cả các thôn, buôn trong khu vực có trên 99% cử tri đi bỏ phiếu bầu Quốc hội.

Với những cố gắng rất lớn của Đảng và ủy ban nhân dân cách mạng các cấp, bằng sự giác ngộ chính trị và tinh thần cách mạng cao của đồng bào các dân tộc, thông qua nhiều phong trào hành động thiết thực, sôi nổi, nhân dân Ea Súp đã vượt qua một chặng đường đầy thử thách sau ngày giải phóng, ổn định tình hình an ninh – chính trị giữ vững thành quả cách mạng. Trong công tác đấu tranh chống FULRO, ngoài việc ngăn chặn âm mưu lập bộ máy hành chính gây bạo loạn và tuyên truyền chiến tranh tâm lý của bọn phản động, chính quyền cách mạng đã giáo dục nâng cao ý thức công dân và tinh thần cảnh giác cho toàn thể đồng bào các dân tộc; tăng cường khối đoàn kết toàn dân, sẵn sàng cùng cả tỉnh, cả nước bước vào công cuộc kiến thiết và bảo vệ Tổ quốc.

Cũng như tình hình chung của cả nước và của tỉnh, bước vào công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa và xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội từ một xuất phát điểm thấp, Ea Súp đứng trước rất nhiều thử thách cả về vật chất lẫn tinh thần. Thử thách lớn và bao trùm trong thời điểm này là vấn đề FULRO. Trên địa bàn FULRO bị truy quét liên tục trong hai năm 1976-1977, song chúng vẫn ngoan cố bám chặt địa bàn, đẩy mạnh các hoạt động vũ trang, uy hiếp quần chúng, tìm cách móc nối lại cơ sở bên trong để tăng cường lực lượng và lấy lương thực. Chúng vừa dùng biện pháp đe dọa không chế, vừa

tranh thủ lôi kéo cán bộ người dân tộc, gây nên tình hình chính trị phức tạp. Các buôn vùng sâu, ta không tổ chức được sản xuất và đời sống cho đồng bào vì FULRO phá hoại, lũng đoạn. Lực lượng có vũ trang của chúng vẫn còn gần 200 tên ngoài rừng là mối đe dọa thường xuyên cho công cuộc ổn định và phát triển trong khu vực.

Thách thức lớn thứ hai trên địa bàn là cơ sở vật chất hạ tầng phục vụ sản xuất và đời sống hầu như chưa có gì. Sau khi bước ra khỏi chiến tranh với những hậu quả rất nặng nề, đồng bào các dân tộc đã tập trung nỗ lực kiến thiết được một số cơ sở ban đầu phục vụ cho sản xuất nông nghiệp, đã định hình một số khu vực kinh tế mới. Dân cư và lực lượng lao động có tăng lên. Tuy nhiên, về căn bản Ea Súp vẫn còn là khu vực còn nhiều khó khăn, chưa bắt kịp với đà phát triển chung của các khu vực dân cư khác. Đời sống kinh tế và xã hội của đồng bào dân tộc vẫn còn mang đặc trưng của cuộc sống du canh du cư, sản xuất phổ biến với hình thức “phát, đốt, chọc, tĩa”, khai thác tự nhiên. Trải qua những năm tháng hy sinh quên mình vì cuộc kháng chiến, đồng bào chưa từng được tiếp xúc với máy móc, phương tiện, công cụ lao động mới; điều kiện giao thông còn rất khó khăn.

Cơ sở cốt yếu của nền kinh tế ở khu vực Ea Súp lúc này hoàn toàn chỉ có đất, rừng còn nguyên sơ. Từ xuất phát điểm thấp đó, cấp ủy, chính quyền địa phương một mặt quan tâm đầu tư xây dựng dần cơ sở hạ tầng giúp cho nhân dân sản xuất, mặt khác hết sức chú trọng vấn đề ổn định chính trị, phát huy tinh thần cách mạng của đồng bào các dân tộc trong công cuộc xây dựng cuộc sống mới trên địa bàn dân cư.

2. Thành lập Đảng bộ huyện Ea Súp, tiếp tục lãnh đạo phát triển kinh tế - xã hội, thực hiện đổi mới cơ chế quản lý kinh tế (1977 - 1986)

Là một huyện biên giới, Ea Súp được xác định là địa bàn chiến lược quan trọng, không những trong cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân mà còn trong sự nghiệp xây dựng dựng và bảo vệ Tổ quốc. Xuất phát từ yêu cầu khách quan của sự nghiệp xây dựng và phát triển kinh tế - xã hội, để chuẩn bị cho việc thành lập huyện, ngày 29-6-1977, Ban Thường vụ Tỉnh uỷ ra quyết định thành lập huyện Ea Súp chịu sự lãnh đạo trực tiếp của tỉnh cả về mặt Đảng cũng như mặt Nhà nước. Ban cán sự huyện Ea Súp gồm 07 đồng chí. Đồng chí Ama Đam (Nguyễn Tiến), Tỉnh uỷ viên làm Bí thư, đồng chí Đỗ Khâm, Thường vụ Huyện uỷ Krông Búk làm Phó Bí thư.

Ngày 30-8-1977, Chính phủ ra Quyết định số 230/CP phê chuẩn việc thành lập huyện Ea Súp trên cơ sở chia tách từ huyện Krông Búk. Sau khi được thành lập, huyện Ea Súp có diện tích tự nhiên 3.750 km², là vùng đất tương đối bằng phẳng, đất nông nghiệp có khoảng 60.720 ha, đất lâm nghiệp 279.350 ha. Diện tích canh tác 6.000 ha, có nhiều sông suối, rừng có trữ lượng gỗ rất lớn và nhiều lâm sản quý, được xác định là vùng có tiềm lực về kinh tế nông lâm, công nghiệp. Phía Tây có đường biên giới với Campuchia trên 90 km, phía Bắc giáp tỉnh Gia Lai, phía Đông giáp huyện Krông Búk, phía Nam giáp thị xã Buôn Ma Thuột. Huyện Ea Súp khi mới thành lập gồm có 7 xã: Ea Pô, Quảng Phú, Ea

H'Đin, Ea Súp, Cư Suê, Kinh tế mới và Xóm A. Huyện có 02 nông trường Mê Van và Ea Pôc, 01 lâm trường Buôn Ja Văm, 02 khu kinh tế mới là: Buôn Thung – Buôn Pôc, 5 trung đoàn Thanh niên xung kích tỉnh Thái Bình ở Tây bắc Ea Súp. Dân số của huyện là 20.750 người, trong đó có 14.672 khẩu là đồng bào dân tộc thiểu số, bao gồm người: Ê đê, Gia rai, M'ông, Lào, Miên, Mán và người Việt gốc Hoa. Xã đông dân nhất là Quảng Phú có trên 9.000 người, xã ít nhất là Ea Súp với trên 1.400 người.

Lúc mới thành lập, Ea Súp có điểm xuất phát cực kỳ khó khăn, một cách toàn diện cả về quốc phòng-an ninh, kinh tế, văn hóa-xã hội, chính trị tư tưởng. Thực lực chính trị của huyện nhìn chung rất thiếu và yếu kể cả huyện và cơ sở, cơ sở vật chất kỹ thuật hầu như chưa có, giao thông đi lại khó khăn, xã ở xa trung tâm huyện nhất lên tới 100 km, phương thức sản xuất lạc hậu, tổ chức cơ sở đảng của 7 xã có 71 đảng viên (trong đó chỉ có 7 đồng chí là người dân tộc tại chỗ và 21 đồng chí là đảng viên từ nơi khác đến), còn lại đa số là cán bộ tỉnh tăng cường về bám cơ sở. Đội ngũ cán bộ cơ sở trên 140 đồng chí được tăng cường về vẫn còn thiếu và yếu.

Ea Súp cũng như các địa bàn khác trong tỉnh Đắk Lắk vừa trải qua cuộc kháng chiến chống đế quốc Mỹ xâm lược, hậu quả của chiến tranh để lại còn nặng nề, cơ sở vật chất hầu như không có gì, kinh tế lạc hậu, sản xuất chủ yếu là du canh du cư, đời sống đồng bào các dân tộc đói nghèo, lạc hậu. Trình độ dân trí thấp, nạn mù chữ và tái mù chữ còn phổ biến. Bên cạnh đó, những phong tục tập quán và hủ tục lạc hậu như mê tín dị đoan, cùng các tệ nạn xã hội khác còn ảnh hưởng nặng nề.

Nghiêm trọng hơn, sau khi đất nước hoàn toàn độc lập, đế quốc Mỹ và ngụy quân, ngụy quyền để lại trên địa bàn huyện 1.920 tên đối tượng chính trị. Trong đó tình báo gián điệp 310 tên, ngụy quân, ngụy quyền 336 tên, 1.058 tên các loại khác đã trực tiếp tham gia cho chế độ cũ. Trong số này nhiều tên vẫn âm mưu chờ thời cơ nổi dậy lật đổ cướp chính quyền cơ sở đang lúc còn non yếu, lợi dụng cơ hội bọn FULRO³ ngóc đầu dậy chống phá cách mạng. Chúng đẩy mạnh các hoạt động chống phá, bám sát buôn làng để làm chỗ dựa và làm nơi ẩn náu. Chúng cấu kết với các thế lực phản động khác, công khai xây dựng lực lượng vũ trang tập trung, lợi dụng địa bàn hiểm trở, bí mật xây dựng cơ sở, xây dựng lực lượng. Với những thủ đoạn mỵ dân, khống chế dân, bằng các hành động khủng bố như cướp của, giết người, tập kích, phục kích vào lực lượng của ta....chúng lôi kéo được một số thanh niên là người đồng bào dân tộc ra rừng bỏ súng, củng cố lực lượng, hoạt động ngày càng táo bạo hơn trên địa bàn Ea Súp, nhất là trên các trục giao thông từ Buôn Ma Thuột đi Ea Súp, đi các đồn 1, 2, 3 biên phòng, khu vực Rừng Xanh, Ea Lốp, Ea Mơ tiếp giáp Gia Lai... Lợi dụng chính quyền thôn, buôn, xã còn non trẻ và yếu kém, cộng với sự khoan hồng của

³ FULRO là chữ viết tắt từ *Front Uni de Lutte des Races Opprimées*, trong tiếng Pháp, có nghĩa Mặt trận Thống nhất đấu tranh của các sắc tộc bị áp bức) là một tổ chức chính trị, quân sự do một số người dân tộc thiểu số ở Tây Nguyên thành lập năm 1964 để chống lại chính quyền Việt Nam Cộng Hòa. Sau ngày miền Nam hoàn toàn giải phóng, được các thế lực phản động quốc tế hỗ trợ, lực lượng này quay sang chống phá cách mạng Việt Nam.

cách mạng, chúng len lỏi trà trộn vào các tổ chức xã hội tại chỗ với ý đồ thực hiện âm mưu chính quyền hai mặt tiến tới bạo loạn lật đổ. Có thể nói, những ngày đầu mới giải phóng tình hình an ninh chính trị, trật tự xã hội trên địa bàn Ea Súp rất phức tạp và mất ổn định.

Trong năm 1977, tình hình an ninh chính trị, trật tự xã hội trong huyện diễn biến hết sức phức tạp. Nhiều nơi bị FULRO đánh phá, uy hiếp, nặng nhất khu Kna, xã Ea Súp, một số buôn ở xã Krông Na, Cư Suê, Ea Pô, Ea H'Đinh, tính đến ngày 10-3-1979 toàn huyện có 480 người ở hầu hết các xã trong huyện bị khủng bố, lừa gạt lôi kéo ra rừng theo FULRO, tổ chức thành lực lượng vũ trang, chia ra thành nhiều toán bám về địa phương móc nối cơ sở, nắm tình hình ta, ám sát cán bộ, tuyên truyền đầu độc quần chúng, khống chế nắm dân, rút thanh niên ra rừng, lấy lương thực... Bên trong các thế lực phản động lợi dụng tôn giáo, đảng phái phản động và nguy quân nguy quyền ác ôn còn khá nhiều chưa được cải tạo, một số tên đã ra mặt công khai phản động cấu kết với FULRO ngoài rừng bằng nhiều hình thức gián điệp, chỉ điểm, liên lạc, tiếp tế, tuyên truyền xuyên tạc chống phá chế độ ta, gây mâu thuẫn nội bộ trong dân, nhất là giữa người kinh và người đồng bào dân tộc, làm cho tình hình an ninh chính trị trên địa bàn huyện bị uy hiếp nghiêm trọng.

Trong những năm 1977-1979, FULRO liên tiếp tổ chức các hoạt động phục kích, tập kích trên địa bàn huyện, gây cho ta nhiều thiệt hại về người và của. Ngày 04-4-1977, FULRO gài mìn ở đường trong lô cao su nhằm đánh xe chở thanh niên xung kích tỉnh Thái Bình vào tập kết ở Mê Wal, nhưng ta đã sớm phát hiện và ngăn chặn được; Đêm ngày 07-9-1977 hơn 30 tên FULRO tập kích vào xã Ea Súp từ 21 giờ đến 9 giờ sáng ngày 08-9-1977, chúng bắn chết 4 người, làm bị thương 23 người. Trong đó có đồng chí Lý Văn Vành cán bộ Công an huyện, đồng chí Hoàng đã anh dũng hy sinh trong trận chiến đấu này.

Tháng 3-1978, chúng tập kích vào nông trường Ea Pô bắn ta hy sinh 3 người, bị thương 4 người. Trong đó có đồng chí Đào Thanh Xuân công nhân máy hy sinh; Đêm 9-10-1978, tại xã Ea Súp, FULRO bắt 54 thanh niên ra rừng có mang theo 2 súng. Đêm 19-12-1978 có 21 tên FULRO tập kích vào xã Ea H'Đinh bắn chết 6 người, lôi kéo 6 du kích phản cách mạng lấy 13 súng chạy ra rừng, đốt cháy một dãy nhà 3 gian và 17 tấn thóc. Trận này có đồng chí Y Bing Niê - Công an, đồng chí Thắng cơ quan Quân sự huyện hy sinh, 2 cán bộ chủ chốt của xã bị thương.

Bên cạnh các hoạt động của FULRO, tình hình an ninh biên giới cũng diễn biến hết sức phức tạp, ngày 25-11-1978 tàn quân Pôn-Pôt, Iêng-xa-ry đã thọc sâu vào nội địa gài mìn, phục kích đường từ Buôn Đôn đi đồn II Biên phòng làm 4 chiến sỹ bộ đội Biên phòng hy sinh, 01 đồng chí bị thương và 1 đồng chí mất tích. Trong 6 tháng đầu năm 1979, bọn tàn quân phản động Pôn-pôt, Iêng-xa-ri đã cấu kết với bọn phản động trong nội địa, nhất là FULRO đẩy mạnh hoạt động vũ trang đánh phá trên các tuyến đường hành lang dọc biên giới Krông Na – Ea Súp, đã xảy ra 8 vụ, trong đó có 6 vụ phục kích đánh đường hành lang gây cho

ta nhiều tổn thất, hy sinh 6 đồng chí, mất tích 1 đồng chí, bị thương 25 đồng chí, bắt 24 dân chạy theo FULRO đưa qua bên kia biên giới, cướp 5 súng các loại.

Cũng trong năm 1979, số FULRO ngoài rừng đẩy mạnh hoạt động vũ trang, nhất là những tháng đầu năm, chúng đã tập trung quân từ 10 đến 30 tên đánh phá gây rối nhiều nơi trong huyện như chúng đánh vào trụ sở xã Ea H'Đinh, Buôn Iang, buôn Máp A - B, xã Ea Pôc, buôn Sút Lút, Sút Trang, thôn Bình An xã Cư Suê, nông trường Ea Pôc xã Ea Pôc có những buôn, thôn chúng tập kích đánh vào 2-3 lần. Ngày 08-02-1979, FULRO phục kích cách xã Ea Súp 7 km đoạn đường đi buôn Ja Wằm làm chết 5 người, bị thương 1 người, đốt cháy 1 xe Zép và toàn bộ máy chiếu phim. Trong đó có đồng chí Y B'Ranh đội trưởng chiếu bóng số 10. Ngày 12-02-1979, chúng gài mìn đường từ buôn Suốt Luốt đi thôn Bình An (Cư Suê) làm 4 đồng chí bộ đội hy sinh. Ngày 28-3-1979 địch phục kích đường đi Đoàn 3 đánh xe U-Oát của đồng chí Nguyễn Minh Châu, đồng chí Năm Tuyền đi công tác, bắn chết 1 đồng chí thiếu úy công an, đồng chí Tuân đại đội trưởng cơ động Đoàn 2 hy sinh, 4 đồng chí khác bị thương.

Trước tình hình đó, được sự lãnh đạo, chỉ đạo trực tiếp của Trung ương Đảng và Tỉnh ủy, Đảng bộ huyện đã lãnh đạo quân và dân các dân tộc đoàn kết, phấn đấu với tinh thần tự lực tự cường cao, khắc phục mọi khó khăn để thực hiện nhiệm vụ ổn định tình hình an ninh chính trị, khôi phục và phát triển kinh tế - xã hội trong những năm 1977-1979.

Đối với công tác phát động quần chúng giải quyết vấn đề FULRO và các thế lực phản động khác, bảo vệ an ninh chính trị, bảo vệ biên giới. Khi mới thành lập huyện mặc dù có nhiều vấn đề phải giải quyết, nhưng cán bộ lại thiếu nghiêm trọng, Tỉnh ủy đã điều động nhiều cán bộ các ban, ngành tỉnh và huyện tăng cường xuống bám cơ sở, bám đất, bám dân phát động quần chúng, xây dựng lực lượng vũ trang địa phương, củng cố chính quyền cơ sở.

Ban cán sự Đảng huyện đã đề ra nhiệm vụ cấp bách phải thực hiện là: Toàn Đảng bộ, quân và dân trong huyện liên tục phát động quần chúng đấu tranh giải quyết vấn đề FULRO và trấn áp các thế lực phản động khác, bảo vệ nội địa, bảo vệ biên giới. Cải tạo, xây dựng và phát triển kinh tế - xã hội, thực hiện kế hoạch Nhà nước, ổn định đời sống nhân dân, xây dựng thực lực chính trị ngày càng vững mạnh, hoàn thành nhiệm vụ chính trị trong giai đoạn mới.

Thời gian này, một số nơi trong huyện không có cơ sở, bị địch khống chế nặng nề, huyện đã thành lập đội công tác đưa xuống xã bám dân, phát động quần chúng. Kết hợp xây dựng kinh tế gắn với quốc phòng, các công trường và lâm, nông trường, các khu kinh tế hình thành đến đâu xây dựng tổ chức chính trị đến đó, được huấn luyện và trang bị vũ khí, lực lượng công an nhân dân cũng được tăng cường. Cán bộ tỉnh, huyện được tăng cường xuống cơ sở thôn, buôn, bám dân, bám đất, phát động quần chúng xây dựng lực lượng vũ trang địa phương, phát triển lực lượng du kích tập trung có trên 200 người. Nhờ vậy, việc giải quyết vấn đề FULRO và trấn áp các lực lượng phản cách mạng đạt nhiều kết quả. Mặt khác, lực lượng bộ đội huyện vào giữa năm 1978 được xây dựng 2 đại

đội bước đầu đã phát huy tác dụng trong chiến đấu để bảo vệ thành quả cách mạng và phát triển kinh tế trong huyện.

Trong những năm 1977-1979, việc xây dựng thôn, buôn chiến đấu được đẩy mạnh tiến hành ở nhiều thôn, buôn, hạn chế được sự móc nối của địch từ ngoài vào buôn - bảo vệ an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội ở nông thôn. Huy động trên 6.000 lao động làm trong 10 ngày phát quang hai bên đường bảo đảm an toàn tuyến giao thông từ huyện về các xã phía đông nam. Công tác tuyển quân bổ sung quân thường trực và tuyển chọn cho lực lượng Công an nhân dân vũ trang đã làm 3 đợt giao trên 300 quân đạt yêu cầu Tỉnh giao.

Với sự cố gắng của Đảng bộ, quân và nhân dân các dân tộc trong huyện, trong những năm 1977- 1979 lực lượng vũ trang và an ninh nhân dân trong huyện đã liên tục chiến đấu đánh địch 107 trận, tiêu diệt và bắt sống, gọi hàng trên 300 tên có hàng chục tên chỉ huy, thu hàng trăm súng các loại, nhiều đạn dược và nhiều tài liệu quan trọng. Qua các đợt phát động quần chúng ta đã tổ chức hàng nghìn lượt người đi kêu gọi người thân bị lôi kéo theo FULRO quay trở về với nhân dân. Quần chúng đã tố giác địch cài cắm bên trong, huyện tổ chức học tập cải tạo tại chỗ cho 14.000 lượt người có quan hệ với địch, lập hồ sơ phân loại 1.112 đối tượng chính trị, truy bắt đưa đi cải tạo hàng trăm tên, trong đó có hàng chục tên chui vào tổ chức của ta, chặn được âm mưu gây bạo loạn của chúng ở các cơ sở trong huyện. Mặt khác, ta đã huy động nhân lực phương tiện phục vụ chiến đấu bảo vệ tuyến biên giới, huyện đã cử hàng trăm cán bộ, thanh niên, huy động các đội voi thồ của 2 xã Krông Na, Ea Súp đi phục vụ nhiều đợt theo kế hoạch của Tỉnh và đều hoàn thành nhiệm vụ. Nhìn chung công tác phát động quần chúng xây dựng lực lượng và tổ chức chiến đấu, phục vụ chiến đấu Đảng bộ huyện đã có nhiều nỗ lực, vượt qua mọi khó khăn với tinh thần tiến công liên tục, tiêu diệt sinh lực địch, phá vỡ nhiều cơ sở phản động, nhiều âm mưu thủ đoạn, làm chúng suy yếu một bước quan trọng, tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trong huyện được giữ vững.

Bên cạnh nhiệm vụ ổn định tình hình an ninh chính trị, Đảng bộ huyện đã lãnh đạo nhân dân các dân tộc trong huyện thực hiện nhiệm vụ cải tạo, xây dựng và phát triển kinh tế, văn hóa – xã hội, thực hiện kế hoạch nhà nước, ổn định đời sống nhân dân trong các năm 1977-1979.

Tỉnh ủy, cấp ủy, ủy ban nhân dân huyện có nhiều cuộc họp chuyên đề chỉ bàn về 7 chữ: “Đất này có làm ăn được không”? Có những ý kiến cho rằng phát triển kinh tế vùng này sẽ trở thành vùng sa mạc hóa! Đắc Lắc còn có nhiều tiềm năng về đất đai, chỗ dễ không làm mà chọn chỗ khó!... Tuy nhiên, Ea Súp là vùng có vị trí chiến lược quan trọng về quốc phòng-an ninh, nên tỉnh chỉ đạo phải phát triển kinh tế-xã hội gắn với bảo đảm quốc phòng –an ninh ở vùng này.

Năm 1977, huyện đã tổ chức thí điểm nhiều lần với cây lúa nước như mở cánh đồng Đoàn 2, 3, 5. Ban đầu kiểm tra độ dày canh tác chỉ đào sâu 10cm là đã có sỏi đá. Đưa nước vào sản xuất lúa vài vụ, cho máy cày đào sâu tới 20 cm thì lúa lại tốt. Qua đó, đã khẳng định Ea Súp có thể trở thành vùng trồng lúa. Từ đó, tỉnh, huyện kết luận đất này có thể làm ăn được trên cơ sở có nước.

Trên mặt trận sản xuất nông nghiệp, Đảng bộ đã liên tục phát động nhân dân tích cực khai hoang, phục hóa, mở rộng diện tích, xây dựng cánh đồng định canh, thâm canh. Trên tinh thần tự lực, tự cường và tranh thủ sự giúp đỡ đầu tư của tỉnh, huyện đã huy động 150.000 ngày công, trợ cấp trên 464.420 đồng đầu tư khai hoang, phục hóa xây dựng cánh đồng, mở rộng 1.470 ha đưa vào sản xuất (trong đó có 411 ha lúa nước). Đầu tư 204.000 ngày công và 434.000 đồng cho thủy lợi, tạo thêm một số kênh mương, đập nước, trạm bơm ở các xã, tưới tiêu cho hàng trăm héc ta. Nhờ đó, diện tích gieo trồng từ 5.265 ha năm 1977 tăng lên 6.319 ha vào năm 1978 và 7.100 ha năm 1979. Trong đó, diện tích cây hoa màu hàng năm được mở rộng từ 1.650 ha lên 2.670 ha.

Cùng với với nỗ lực mở rộng diện tích, phong trào thâm canh, cải tiến kỹ thuật cũng được tăng cường, những năm 1977-1979, huyện đã trợ cấp 141.519 đồng cho phân, giống, nông cụ và các loại vật tư kỹ thuật khác. Phong trào chế biến và tận dụng các loại phân bón để bón ruộng đã được phát động, nhiều xã tiến hành đạt kết quả tốt như Ea H'Đing, Krông Na và buôn Knia (Quảng Phú). Đấu tranh quyết liệt với tập quán lạc hậu, mở rộng diện tích vụ đông-xuân và vụ Thu-Đông, đi từ canh tác một vụ vào mùa mưa tiến lên canh tác 2 vụ/năm và vận động nhân dân, nhất là đồng bào dân tộc làm ruộng nước, sử dụng trâu bò cày bừa... là một quá trình đấu tranh bền bỉ, phức tạp. Vụ đông-xuân 1977-1978 cấy 73 ha, thu hoạch 45,5ha; các cây ngô, khoai, lúa đều có thu hoạch, riêng lúa đạt năng suất bình quân 2,2 tấn/ha. Vụ xuân 1978-1979 đưa diện tích tăng gấp 4,5 lần so với vụ trước, năng suất lúa đạt 22,5 tạ/ha, sản lượng đạt 480 tấn. Cá biệt có thửa làm tốt kỹ thuật đạt trên 5 tấn/ha/1 vụ. Ngoài làm vụ đông-xuân, việc vận động làm ruộng nước đến năm 1979 đạt trên 600 ha, năng suất lúa nước tăng rõ rệt, việc dùng trâu bò cày bừa, kéo xe mang lại kết quả tốt, đó là thành quả góp phần ổn định đời sống nhân dân.

Tổng sản lượng lương thực năm 1977 đạt 6.740 tấn, năm 1979 mặc dù gặp khó khăn do thời tiết, một số cây trồng có ảnh hưởng, song do diện tích tăng, nên sản lượng vẫn đạt khoảng trên 10.000 tấn. Thực hiện nghĩa vụ đối với Nhà nước về lương thực trong 2 năm 1978 – 1979 là 1.471 tấn, thực phẩm trên 24 tấn thịt, hoa màu gồm đậu các loại hơn 636 tấn.

Cây công nghiệp ngắn ngày và cây thực phẩm đều có bước phát triển. Ngành chăn nuôi đã đóng góp một phần thực hiện nghĩa vụ thực phẩm với nhà nước. Đàn lợn có khoảng 6.000 con, trâu 1.036 con, bò 1.437 con.

Việc cải tạo, xây dựng quan hệ sản xuất mới, nhằm nhanh chóng xóa bỏ phương thức làm ăn cá thể, du canh - du cư lạc hậu, đưa nông dân vào con đường làm ăn tập thể, tiến lên sản xuất lớn được Đảng bộ quan tâm thực hiện. Qua các bước tuyên truyền, phát động và tập dượt từ tổ vận công, đội công, xây dựng tập đoàn, tiến lên xây dựng hợp tác xã. Năm 1979, huyện có 7 hợp tác xã sản xuất nông nghiệp và 99 tập đoàn sản xuất, thu hút gần 98% số hộ nông dân vào sản xuất tập thể. Đối với hợp tác xã có 10.304 nhân khẩu, lao động có 3.154 người, vào tập đoàn sản xuất có 13.714 nhân khẩu, lao động có 6.020 người. Trong đó có 4 xã: Ea H'Đing, Ea Súp, Krông Na, Cư Suê có 100% số hộ vào sản

xuất tập thể. Trong các hợp tác xã và tập đoàn sản xuất, đối với tập đoàn sản xuất mới tập trung được gần 5.700 ha diện tích canh tác với 11 máy xay xát.

Năm 1977, Lâm trường Buôn Ja Wăm và Hạt kiểm lâm nhân dân của huyện được thành lập. Để phục vụ cho ngành kinh tế lâm nghiệp có cơ sở phát triển trong thời gian 1977-1979, huyện đã tổ chức cho quần chúng các thôn buôn học tập và thực hiện quy ước bảo vệ rừng, hạn chế nạn đốt phá rừng bừa bãi. Việc trồng rừng đã được quan tâm, Lâm trường Ea Súp đã phát huy tác dụng tốt. Phong trào trồng cây nhớ ơn Bác Hồ được phát động trong toàn huyện, đã trồng được trên 78.000 cây, chủ yếu là cây ăn quả. Tuy nhiên, cơ sở vật chất cho phát triển kinh tế lâm nghiệp còn rất khó khăn, thiếu thốn.

Ngành công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp còn chậm phát triển, trạm cơ khí nông nghiệp mới ra đời máy móc còn quá ít. Việc cải tạo, xây dựng các ngành nghề tiểu, thủ công nghiệp... vốn đã ít song chưa tổ chức quản lý được đầy đủ, gây mâu thuẫn trong thu nhập giữa người nông dân với những người làm nghề tự do, ảnh hưởng đến sản xuất nông nghiệp. Riêng Hợp tác xã nông nghiệp Quyết Tiến (Ea Pôc) bước đầu đã xây dựng, tổ chức sản xuất và kinh doanh các ngành nghề phụ đạt hiệu quả kinh tế và tổ chức lò gạch sản xuất đạt kết quả tốt.

Lĩnh vực giao thông vận tải có bước phát triển nhất định. Huyện đã xây dựng và tu bổ các tuyến đường giao thông trong huyện, thành lập Hợp tác xã vận tải Đồng Tiến với gần 30 xe phục vụ các kế hoạch sản xuất, chiến đấu của huyện, phục vụ nhu cầu đi lại của cán bộ và nhân dân.

Ngành thương nghiệp đã thực hiện được kế hoạch tỉnh giao, song vẫn chưa đáp ứng được nhu cầu thiết yếu của nhân dân, muối ăn, dầu thắp có lúc có nơi cũng thiếu hụt. Toàn huyện thành lập 4 cơ sở hợp tác xã mua bán, nhưng mới chỉ làm được chức năng bán ra là chính, tuy có mua vào nhưng không bảo đảm kế hoạch.

Nhằm giải quyết hài hòa mối quan hệ giữa yêu cầu khai thác tài nguyên đa dạng của huyện với sự thiếu hụt sức lao động, công tác xây dựng kinh tế mới được đẩy mạnh, huyện chủ động, tích cực đón nhận lao động từ nơi khác đến, một mặt đón sỹ quan quân đội ở Quân đoàn 3, Quân khu 4, Quân khu 5 tăng cường, số cán bộ các tỉnh đồng bằng, trung du như: Hà Tĩnh, Thái Bình, Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên, Khánh Hòa ... vào Ea Súp.

Tháng 4-1977, thực hiện Thông tư số 14-TC/LĐ tỉnh Thái Bình thành lập Tổng đội tiền trạm 2 gồm 1.300 lao động vào Buôn Dray Si (Eta). Tháng 8-1977, tỉnh đưa 3 trung đội Thanh niên xung phong (gần 100 người) của Ban Kinh tế mới Đắc Lắc tới vùng Ea Súp chuẩn bị cơ sở hạ tầng trước để đón 4 trung đoàn Thanh niên xung phong Thái Bình. Đơn vị này đã hy sinh 1, mất tích 1 (do FULRO). Tháng 10-1977, tổ chức đón 4 trung đoàn Thanh niên xung kích với 4.584 lao động. Ban chỉ huy chung gồm có: ông Nguyễn Văn Trường Trưởng ban, ông Nguyễn Văn Bản và Nguyễn Công Huân Phó ban. Các trung đoàn thực hiện nhiệm vụ chủ yếu là: *“Mở công trường khai hoang trồng cây lương thực huyện Ea Súp”*.

Trong 3 năm đã đưa hơn 6.000 cán bộ và anh chị em thanh niên xung phong lao động tiền trạm, khai phá trên 5.000 ha đồi rừng và sinh lầy thành vùng trồng rau, màu, cây công nghiệp, trong đó có trên 800 ha thành vùng trồng lúa nước.

Nhiều cán bộ được phân công đến xây dựng ở các xã, buôn, thực hiện cùng ăn, cùng làm với dân, làm tốt công tác dân vận được đồng bào tin yêu. Các tổ chức chính trị được xây dựng và củng cố. Giúp đỡ đồng bào dân tộc thực hiện công tác định canh, định cư, cần cù khai phá sinh lầy, làm thủy lợi, huấn luyện trâu bò cày kéo, cấy lúa nước... tạo ra một cuộc cách mạng trong sản xuất, làm nên một cuộc đổi đời cho đồng bào dân tộc tại chỗ.

Ở mỗi tổng đội, trung đoàn có một đại đội cơ động, không những bảo vệ đơn vị mà còn thường xuyên kết hợp với lực lượng vũ trang địa phương truy quét FULRO. Từ năm 1976-1980, đã đưa hơn 6.000 anh chị em thanh niên xung phong lao động tiền trạm, khai phá trên 5.000 ha đồi rừng và sinh lầy thành vùng trồng rau màu, cây công nghiệp, trong đó có trên 800 ha trồng lúa nước.

Đề định canh định cư, tạo thế lâu dài, đã làm hàng 1.000 nóc nhà, mở hàng trăm km đường giao thông, bắc hàng chục cây cầu, đào đắp hàng chục đập nước, hàng trăm km kênh mương...

Các trung đoàn bằng lao động thủ công và cơ giới đã tập trung đắp đập hình thành hồ Ea Súp hạ có dung lượng tưới cho 600 ha lúa và màu, điều tiết lũ. Hồ Ea Súp hạ còn là nơi cung cấp nguồn lợi thủy sản cho người dân sống quanh hồ, đặc biệt là ngư dân sống bằng nghề cá. Ngoài ra, còn khai hoang 1.365 ha, đào kênh cấp I và II từ hồ vào Ea Bung qua ống Xi Fông sang Ea Lê 95.000 m³, đào kênh cấp 3 là 25.000 m³. Tham gia đào ao cá Béc Hồ rộng 1 ha, phát quang đường chống FULRO. Không ai ngờ rằng, vùng đất vốn khắc nghiệt về thời tiết, khô cằn về đất đai vốn có tiếng này lại có thể thay đổi nhanh chóng sau khi có sự hiện diện của lực lượng thanh niên xung phong miền Bắc chỉ vài năm.

Ghi nhận những thành tựu tuyệt vời ấy ở một huyện biên giới đầy khó khăn, ngày 28/10/1978, Đại tướng Võ Nguyên Giáp, Ủy viên Bộ Chính trị, Phó Thủ tướng, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng vào thăm tỉnh Đắk Lắk đã gửi thư khen ngợi đối với Đảng bộ và lực lượng thanh niên xung phong. Bức thư của Đại tướng gửi “Anh chị em vùng kinh tế mới Ea Súp” dài 3 trang đã thể hiện tình cảm thiết tha của Đại tướng đối với đồng bào Ea Súp “... là những người chiến sỹ dũng cảm đã đáp ứng lời kêu gọi của Đảng và Chính phủ, có tinh thần yêu nước và tinh thần làm chủ đất nước cao lên đây xây dựng quê hương mới, góp phần cố gắng lớn của mình cùng đồng bào các dân tộc xây dựng Tây Nguyên chiến lược giàu về kinh tế, mạnh về quốc phòng, vì sự nghiệp Tổ quốc xã hội chủ nghĩa yêu quý của chúng ta”.

Qua bức thư Đại tướng đã biểu dương những thành tựu mà lực lượng thanh niên xung phong, đồng bào Ea Súp đã không quản gian khổ và trở ngại để gặt hái được, đồng thời nhấn nhủ là tiếp tục: “...hãy hái phần đầu, xứng đáng là những người con yêu quý của tỉnh nhà, là những con người đã từng được Đảng

và Bác Hồ giáo dục, sống và chiến đấu dưới chế độ xã hội chủ nghĩa, đoàn kết thương yêu và giúp đỡ nhau, ra sức làm tròn mọi nhiệm vụ, dưới sự lãnh đạo và chăm sóc trực tiếp của Đảng và chính quyền địa phương lập nên những thành tích mới, tạo nên những tấm gương sáng trong khi thực hiện mọi chủ trương chiến lược lớn của Đảng là đưa hàng triệu đồng bào ta lên vùng chiến lược Tây Nguyên này".

Việc Đại tướng gửi thư khen ngợi Thanh niên xung phong đã ghi nhận những thành tựu mà đồng bào nhân dân Ea Súp đã đạt được, đồng thời đánh dấu một giai đoạn mới để các Bộ ngành Trung ương quan tâm nghiên cứu, đầu tư phát triển toàn diện các mặt kinh tế – xã hội của địa phương, vì vị trí chiến lược quan trọng của vùng vùng đất này.

Ngày 25-12-1980, các trung đoàn thanh niên xung phong đã hoàn thành nhiệm vụ, xuất phát từ tình cảm yêu mến, gắn bó với vùng đất mới nhiều đồng chí đã tình nguyện ở lại tham gia vào các ban, ngành, đoàn thể của huyện, tỉnh gắn bó với sự nghiệp xây dựng và phát triển huyện Ea Súp.

Trong thời gian từ năm 1977-1979, huyện được tỉnh giao nhận trên 6.000 lao động từ các tỉnh Thái Bình, Quảng Nam-Đà Nẵng đến mở rộng khu kinh tế Ea Súp, Ya Wăm và trên 500 hộ với gần 5.000 nhân khẩu đến xây dựng khu buôn Dra Si (Vũ Tân), buôn Thung, buôn Chua và nông trường Quảng Phú. Có nguồn nhân lực mới, huyện đã mở rộng thêm một số điểm dân cư, khai hoang tạo ra hàng trăm ha ruộng, đất đưa vào sản xuất, góp phần làm tốt nhiệm vụ tăng cường lực lượng quốc phòng, giữ vững an ninh chính trị. Đây là nhiệm vụ có ý nghĩa rất quan trọng về chính trị và kinh tế, song việc tổ chức trang bị, quản lý điều hành vẫn còn thiếu sót, gây lãng phí và còn nhiều khó khăn.

Kinh tế được khôi phục và phát triển, công tác phát triển văn hóa, giáo dục, y tế cũng đã đạt được nhiều thành tựu. Thời gian đầu thành lập huyện ngành y tế chỉ có 10 cán bộ và nhân viên phục vụ phong trào, đến cuối năm 1979 đã đào tạo, điều động bổ sung 7 y sĩ, 2 dược sĩ, gần 100 y tá, dược tá, hộ lý. Bệnh viện huyện, trạm xá các xã, đội phòng chống dịch sốt rét, dịch hạch đã phục vụ chữa bệnh và phòng bệnh đạt kết quả nhất định, phong trào vệ sinh thôn buôn có nhiều tiến bộ, phát hiện chữa bệnh kịp thời, dịch bệnh giảm rõ rệt. Tuy vậy, cơ sở vật chất kỹ thuật của ngành y tế còn nhiều thiếu thốn, Bệnh viện huyện còn phải đặt ở cơ sở xã, các trạm xá chưa được xây dựng theo tiêu chuẩn. Toàn huyện đến cuối năm 1979 có 150 giường bệnh, nhưng chỗ sinh hoạt và điều trị của bệnh nhân chưa được đảm bảo đầy đủ.

Sự nghiệp giáo dục được tăng cường về cơ sở vật chất và nhân lực. Thời điểm mới thành lập huyện chỉ có một số lớp cấp một ở một số xã, đến cuối năm 1979 hầu hết các xã đều đã có lớp mẫu giáo, trường cấp I, một số xã có trường cấp II thu hút phần lớn con em các dân tộc trong độ tuổi vào học. Trường bồi dưỡng và đào tạo cán bộ cho phong trào nông nghiệp đã liên tục mở lớp, trong vòng nửa năm đã đào tạo 490 cán bộ cốt cán xã, thôn về làm phong trào hợp tác xã. Đội ngũ giáo viên được tăng cường, cơ sở vật chất như bàn ghế, sách vở, đồ dùng dạy học... được Nhà nước giúp đỡ kết hợp với nhân dân đóng góp. Đến

hết năm 1979, cấp học mẫu giáo có 52 lớp với 1.397 học sinh (trong đó 420 học sinh dân tộc thiểu số); Cấp I có 164 lớp với 5.128 học sinh (trong đó 2.964 học sinh đồng bào dân tộc); Cấp II có 28 lớp với 1.089 học sinh (trong đó 95 học sinh đồng bào dân tộc); Bộ túc văn hoá có 124 lớp với 2.934 học viên, trong đó 2.805 học viên đồng bào dân tộc. Bình quân toàn huyện cứ 2,2 người dân thì có 1 người đi học. Tuy vậy, công tác giáo dục vẫn còn những hạn chế như phong trào phát triển không đều, việc bổ túc văn hóa và chống tái mù chữ chưa đạt yêu cầu. Mối quan hệ giữa Nhà trường, đoàn thể và gia đình, cũng như mối quan hệ giữa nhà trường với chi bộ, chính quyền địa phương chưa chặt chẽ, làm ảnh hưởng đến chất lượng của ngành.

Công tác văn hóa thông tin được tăng cường, giữ vững định hướng chính trị. Đẩy mạnh việc chuyển phim ảnh, sách báo xuống phục vụ cơ sở. Một số xã đã xây dựng được hệ thống loa truyền thanh, tiếng nói của Đảng đã tỏa xuống một số buôn làng, nhân dân rất phấn khởi.

Việc thực hiện chính sách đối với các gia đình và những người có công với cách mạng, cũng như quan tâm đến đời sống những gia đình nghèo, neo đơn được Đảng bộ quan tâm thực hiện. Đã giải quyết chính sách cho 179 gia đình liệt sĩ. Đề nghị tặng bằng Tổ quốc ghi công cho 147 gia đình và quy tụ 131 mộ liệt sĩ. Trợ cấp cho dân 64 bộ quần áo, 13.700kg lương thực, 4.250 mét vải và cấp quần áo cho 15.700 hộ đồng bào vùng dân tộc. Đây thực sự là một cố gắng lớn của Đảng bộ trong tình hình kinh tế của huyện còn nhiều khó khăn.

Công tác xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền và các đoàn thể quần chúng được Đảng bộ đặc biệt quan tâm. Từ đặc điểm của một huyện biên giới mới thành lập, có nhiều khó khăn và thách thức, các tổ chức đều mới trong khi cán bộ, đảng viên đa số điều động từ các nơi đến, còn nhiều bỡ ngỡ, chưa thể đáp ứng ngay yêu cầu nhiệm vụ. Dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo trực tiếp của Tỉnh ủy, Đảng bộ huyện đã tổ chức cho cán bộ, đảng viên học tập, quán triệt các chỉ thị, nghị quyết của Tỉnh và Trung ương như Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IV, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ VII. Nhận thức nhiệm vụ của đảng viên được nâng lên, lập trường quan điểm được xây dựng và củng cố, ý thức đấu tranh, xây dựng và bảo vệ Đảng của đảng viên có những chuyển biến tốt. Tinh thần cảnh giác cách mạng, quyết tâm chiến đấu đánh bại mọi âm mưu của kẻ thù được xác định rõ.

Công tác phát triển đảng viên được cấp ủy đặc biệt quan tâm, từ chỗ chỉ có 75 đảng viên vào thời điểm mới thành lập huyện, các cấp ủy từ huyện đến cơ sở đều do tỉnh chỉ định. Đến tháng 6-1979, toàn Đảng bộ đã có 412 đảng viên, 23 đảng bộ, chi bộ cơ sở đều đã được củng cố, bầu ra cấp ủy mới. Trong hoàn cảnh thiếu người giáo viên, thiếu cơ sở vật chất, song huyện đã cố gắng khắc phục xây dựng được trường Đảng huyện, mở được 5 lớp cho 159 lượt người học, với đối tượng là cán bộ, đảng viên và quần chúng cốt cán cơ sở. Ngoài ra, còn cử 61 đảng viên đi học các lớp dài hạn của tỉnh và Trung ương mở.

Công tác xây dựng Đảng về tư tưởng và tổ chức có chuyển biến tích cực, cán bộ và đảng viên tin tưởng vào đường lối lãnh đạo của Đảng, phấn khởi với

những thắng lợi trong công cuộc xây dựng đất nước. Tuy vậy, sự chuyển biến về mặt tư tưởng chưa đều, vẫn còn tư tưởng làm việc cầm chừng, ngại đi cơ sở..., công tác quản lý đảng viên chưa chặt chẽ, sinh hoạt đảng chưa đi vào nề nếp và đấu tranh tự phê bình còn yếu, công tác tư tưởng chưa đáp ứng với yêu cầu của phong trào.

Công tác xây dựng, củng cố chính quyền được đẩy mạnh thực hiện. Khi mới thành lập huyện, Tỉnh chỉ định đồng chí Y Ly Niê Kdăm làm Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện lâm thời. Thời gian này, chính quyền thôn xã vùng dân tộc hầu như bị địch lũng đoạn, tổ chức Hội đồng nhân dân xã không hoạt động được, huyện đã tập trung nhiều cán bộ xuống bám cơ sở, củng cố chính quyền và lượng vũ trang từng bước thanh lọc và bóc gỡ bọn phản cách mạng. Tháng 6-1978, đã tiến hành bầu cử Hội đồng nhân dân và Ủy ban Nhân dân ở 5 xã. Ngày 22-4-1979, tổ chức bầu cử Hội đồng nhân dân 2 cấp, Hội đồng nhân dân huyện khóa I được bầu ra có 39 đồng chí, đồng chí Kpă Thu Nha được bầu làm Chủ tịch, đồng chí Nguyễn Văn Cẩn và đồng chí A Ma Kim làm Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân. Nhìn chung các tổ chức chính quyền huyện, xã đã được kiện toàn và củng cố một bước.

Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị xã hội được củng cố và phát triển. Ban Chấp hành lâm thời các đoàn thể đã phát động phong trào thi đua, từng bước đi vào hoạt động theo chức năng, nhiệm vụ. Năm 1979, Đại hội Huyện đoàn lần thứ nhất bầu đồng chí Nguyễn Đức Thuận, Huyện ủy viên khóa I làm Bí thư, đồng chí A Mí Đô làm Hội trưởng Phụ nữ lâm thời. Ông Nguyễn Văn Đản Chủ tịch hội Nông dân tập thể, Ông Nguyễn Thành Chinh, Huyện ủy viên khóa I làm Trưởng phòng Giao thông kiêm Thư ký Công đoàn huyện. Mặt trận và các tổ chức đoàn thể đã có nhiều cố gắng trong công tác tuyên truyền, vận động nhân dân vào làm ăn tập thể, mở công trường thủ công khai hoang xây dựng cánh đồng, làm thủy lợi, định canh định cư, phát động quần chúng truy quét bóc gỡ cơ sở FULRO, bảo đảm an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn. Nổi bật thời kỳ này có phong trào thanh niên xã Quảng phú, Ea H' Đing, Ea Pôc và nông dân xã Quảng phú, Ea Tar, phụ nữ Krông Na, Quảng phú, Ea Pôc xã Cư Suê.

Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh có 7.890 thanh niên, 127 đoàn viên, gồm 7 chi đoàn nông thôn, 6 chi đoàn cơ quan. Trong phong trào 3 xung kích, đã có 2.067 thanh niên nam nữ đăng ký nghĩa vụ quân sự, 947 thanh niên đã tham gia khám tuyển và 248 người nhập ngũ, hàng trăm thanh niên đã tham gia lực lượng bán vũ trang. Trên mặt trận kinh tế, đoàn viên, thanh niên đã nêu cao vai trò cải tiến kỹ thuật trong sản xuất như làm phân bón, làm thủy lợi, huấn luyện trâu bò cày bừa, đấu tranh xóa bỏ phương thức sản xuất cũ lạc hậu, tiếp thu khoa học kỹ thuật tiên tiến.

Phong trào phụ nữ huyện có bước trưởng thành, đến 6-1979 đã có 4.178 hội viên, đã đào tạo 652 cán bộ cho phong trào phụ nữ các xã, thôn, các cuộc vận động phụ nữ chiến đấu, sản xuất, tiết kiệm và xây dựng tập đoàn sản xuất, hợp tác xã ... phụ nữ đã góp phần tích cực. Tổ chức công đoàn trong các cơ

quan, xí nghiệp, trường học đã được kiện toàn, đã nêu cao tác dụng động viên cán bộ, công nhân, viên chức thực hiện mọi nhiệm vụ và chăm lo đời sống.

Trong thời gian từ ngày thành lập huyện đến tháng 6-1979, đứng trước nhiều khó khăn thử thách, có lúc tưởng chừng như không thể vượt qua được, song các cấp ủy Đảng và chính quyền huyện Ea Súp đã lãnh đạo nhân dân nỗ lực phấn đấu, vượt qua mọi khó khăn, thách thức để đạt được những thành tựu to lớn trên các mặt kinh tế - xã hội, nổi bật là công tác phát động quần chúng, xây dựng lực lượng, liên tục tấn công truy quét FULRO, và truy bắt các thành phần phản động khác, khám phá và đập tan âm mưu gây bạo loạn của địch ở một số xã, tiêu diệt sinh lực địch, làm chúng suy yếu đi một bước quan trọng, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội nội địa và góp phần bảo vệ tuyến biên giới. Công tác phát triển kinh tế, văn hóa có nhiều thành tựu trong việc mở rộng diện tích canh tác, làm được ruộng nước, tiếp thu và vận dụng sáng tạo những biện pháp kỹ thuật, đấu tranh xóa bỏ tập quán cũ, tạo nên những chuyển biến mới trong sản xuất nông nghiệp của huyện. Quan hệ sản xuất mới được hình thành, 98% số hộ nông dân đã vào làm ăn tập thể; Đời sống nhân dân về ăn, mặc, học hành, khám chữa bệnh... đã được ổn định một bước. Đời sống nhân dân có bước phát triển vượt bậc so với thời gian đầu mới thành lập huyện, nạn đói kinh niên trong vùng đồng bào dân tộc đã được giải quyết một bước cơ bản. Thực lực chính trị ở cơ sở được thiết lập, xây dựng, bước đầu kiện toàn các tổ chức Đảng, chính quyền, đoàn thể quần chúng.

Tuy nhiên, so với yêu cầu của nhiệm vụ chung, huyện còn nhiều khó khăn và những vấn đề phải khẩn trương giải quyết, như vấn đề lực lượng FULRO có vững trang và bọn phản động bên trong chưa được giải quyết cơ bản, trong khi lực lượng vũ trang của huyện chưa mạnh, việc quản lý đất, quản lý dân còn có một số sơ hở, nên địch còn có khả năng gây phức tạp ở một số nơi; Kinh tế, văn hóa phát triển còn chậm, chưa toàn diện và ngay trong từng ngành cũng chưa cân đối. Quan hệ sản xuất mới đã được hình thành nhưng chưa được củng cố vững chắc. Phong trào định canh, thâm canh, hợp tác hóa chưa theo kịp yêu cầu, nạn đói đã giải quyết một bước nhưng chưa triệt để; Các tổ chức đảng, chính quyền, đoàn thể đã được kiện toàn một bước song chưa thật sự vững mạnh, thực lực chính trị ở cơ sở còn yếu, chính quyền chưa làm đúng chức năng quản lý nhà nước ở địa phương. Những hạn chế, tồn tại đó đòi hỏi cần phải nhanh chóng khắc phục.

Trong bối cảnh đó, **Đại hội Đảng bộ huyện Ea Súp lần thứ I** diễn ra từ ngày 27 đến ngày 31-7-1979. Về dự Đại hội có 80 đại biểu chính thức và 2 đại biểu dự khuyết. Đại hội đã tổng kết tình hình trong 2 năm 1977-1978 và xác định phương hướng, nhiệm vụ 2 năm 1979-1980. Căn cứ vào Nghị quyết Đại hội toàn quốc lần thứ IV và Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ VII, trên cơ sở phân tích những đặc điểm tình hình của huyện, Đại hội xác định phương hướng chung phát triển kinh tế-xã hội trong hai năm 1979-1980 là:

“Động viên toàn Đảng, toàn quân, toàn dân các dân tộc trong huyện nêu cao ý chí cách mạng tiến công, tinh thần tự lực tự cường, phát huy mạnh mẽ

quyền làm chủ tập thể của quần chúng lao động, nắm vững nội dung 3 cuộc cách mạng, ra sức xây dựng huyện Ea Súp thành một pháo đài vững mạnh về chính trị, kinh tế, quốc phòng. Kiên quyết và khắt khe củng cố trật tự trị an, đánh tan lực lượng FULRO và các bọn phản động khác trong thời gian nhanh nhất. Đồng thời, ra sức xây dựng, cải tạo và phát triển kinh tế, văn hoá, nhanh chóng đưa huyện Ea Súp thành một địa bàn có nông, lâm công nghiệp, phát triển kinh tế gắn với quốc phòng, lấy nông nghiệp làm gốc, ổn định đời sống nhân dân và làm tốt mọi nghĩa vụ đối với Nhà nước”.

Căn cứ vào phương hướng chung, Đại hội đề ra ba nhiệm vụ cơ bản trong năm 1979-1980:

Một là, tăng cường cảnh giác, xây dựng quốc phòng toàn dân vững mạnh, kiên quyết và khắt khe giải quyết lực lượng FULRO và các bọn phản động khác, xây dựng căn cứ địa, hậu phương vững mạnh.

Hai là, phát huy tinh thần tự lực, tự cường, nắm vững nội dung 3 cuộc cách mạng. Ra sức xây dựng, cải tạo và phát triển kinh tế, văn hoá, ổn định đời sống nhân dân, làm tốt mọi nghĩa vụ.

Ba là, tăng cường xây dựng Đảng vững mạnh về chính trị, tư tưởng và tổ chức, tăng cường hiệu lực của hệ thống chính quyền chuyên chính vô sản, phát huy quyền làm chủ tập thể của quần chúng lao động, thực hiện thắng lợi mọi nhiệm vụ cách mạng.

Đại hội bầu Ban Chấp hành Đảng bộ huyện khoá I gồm 29 đồng chí, Ban Thường vụ có 09 đồng chí, đồng chí Tư Sơn được bầu làm Bí thư, đồng chí Đỗ Khâm và đồng chí Nguyễn Tứ được bầu làm Phó Bí thư Huyện ủy.

Trong những năm 1979-1982, FULRO và các thế lực phản động ra sức củng cố lực lượng, điều chỉnh lại hệ thống tổ chức tăng cường hoạt động chống phá chính quyền trên nhiều mặt, chúng đẩy mạnh bám thôn, buôn, móc nối liên lạc, xây dựng cơ sở hợp pháp trong dân, đẩy mạnh chiến tranh tâm lý với các hoạt động xuyên tạc, lôi kéo và khống chế quần chúng, củng cố các đường hành lang từ phía tây đến phía đông nối liền với các huyện Krông Búk, Krông Ana ra nước ngoài. Chúng tăng cường các hoạt động phục kích, tập kích vũ trang vào lực lượng của ta làm cho tình hình an ninh chính trị trong huyện trở nên vô cùng phức tạp.

Liên tiếp trong 3 năm từ 1980-1982, các hoạt động phục kích, tập kích của FULRO đã gây cho ta nhiều thiệt hại về người và của. Ngày 30-6-1980, chúng phục kích đoạn đường từ giữa Krông Na đi Ea Súp bắn vào xe Uoát của Ủy ban nhân dân huyện làm 3 người chết trong đó có đồng chí Vũ Tiến Đủ - Huyện ủy viên khóa I, Ủy viên Ủy ban nhân dân huyện, ngoài ra còn 4 người bị thương, trong đó có đồng chí Phạm Văn Biên, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện. Ngày 10-9-1980, hơn 20 tên FULRO tập kích vào buôn Nà Xước, khiến 1 đồng chí hy sinh, lấy đi nhiều lương thực, thực phẩm. Ngày 28-12-1980, chúng đột nhập vào buôn Pôc, xã Ea Pôc bắt đi 15 thanh niên thu 6 súng mang ra rừng. Ngày 03-8-1981, tại Ea H'Đin, FULRO tập kích vào trung tâm xã ném lựu đạn

Lịch sử hình thành huyện Ea Súp 1945-2010

đồng chí Nguyễn Bá Nghiêm là Huyện ủy viên khóa I, Bí thư chi bộ hy sinh và 2 đồng chí bị thương. Ngày 19-3-1982, FULRO phục kích đoạn đường từ Buôn Đôn đi Ea Súp khiến 3 đồng chí hy sinh và 8 đồng chí khác bị thương. Ngày 05-tháng 4, chúng phục kích tại dốc sỏi (Ea Lê) đánh xe MTZ làm 4 công nhân chết, 1 mất tích. Ngày 23-6-1982, chúng phục kích tại dốc 50 làm 3 đồng chí hy sinh và 7 đồng chí khác bị thương. Ngày 31-6-1982, trên đoạn đường từ Buôn Chua sang buôn Tul cách buôn Tul (Krông Na) 7 km về hướng đông bắc chúng bắn chết 24 người bao gồm: công nhân Lâm trường Ea Tul và nhân dân, bị thương 7 người, đốt cháy 1 xe Jin, 4 tấn hàng nông sản, cướp đi 01 súng.

Trước tình hình trên, Đảng bộ đã đề ra nhiều biện pháp để giữ vững tình hình an ninh chính trị trên cơ sở thực hiện Nghị quyết 03, Chỉ thị 04 của Bộ Chính trị và các Chỉ thị 17, Chỉ thị 18, Chỉ thị 31 của Tỉnh ủy Đắk Lắk, đồng thời triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện lần thứ nhất. Trên mặt trận an ninh - quốc phòng, toàn huyện đã tập trung làm công tác phát động quần chúng bằng các hình thức như phát động rộng rãi tập trung, phát động theo ngành và giới, phát động cá biệt đối với từng gia đình và từng người. Cán bộ thực hiện 3 cùng (cùng ăn, cùng ở, cùng làm) với dân. Từ năm 1977 – 1982, liên tục phát động quần chúng, tổ chức cho nhân dân học tập về con đường đi lên chủ nghĩa xã hội, về địch – ta và xác định kẻ thù, có 64.907 lượt người tham gia. Do đó, trong lĩnh vực an ninh - quốc phòng, huyện đã đạt được nhiều thành tựu, đã bóc gỡ 1.290 đối tượng có quan hệ với FULRO. Công khai trước quần chúng 1.374 người, vô hiệu hóa 418 cơ sở cốt cán của FULRO ở trong các thôn, buôn, bắt giữ, cải tạo 143 tên là cơ sở đặc lực của FULRO. Ngày 22-4-1979, ta đã khám phá vụ nhen nhóm phản cách mạng do tên Y Blớ Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Ea Súp và tên Y Bơ Siu cầm đầu, chặn đứng âm mưu gây bạo loạn ở một số xã⁴.

Kết hợp với phát động quần chúng bên trong, lực lượng vũ trang, công an nhân dân, dân quân tự vệ liên tục truy quét ngoài rừng, nổi bật là trận đánh của cán bộ, chiến sỹ Đại đội bộ binh 1, Tiểu đoàn cơ động cơ quan Quân sự huyện ngày 03-02-1980 tại hướng Bắc sông Ea H'Leo, diệt tại chỗ 7 tên FULRO, trong đó có 1 tên thiếu tá, thu 5 súng và nhiều tài liệu quan trọng.

Từ năm 1979-1982, Huyện ủy đã chỉ đạo liên tục bóc gỡ bên trong, truy quét bên ngoài, ta đã đánh 52 trận, tiêu diệt 49 tên, bắt bị thương 21 tên, bắt sống 6 tên, gọi hàng 59 tên (có 1 thiếu tướng FULRO), thu 46 súng các loại, 8 lựu đạn, 3 con voi, 1 con trâu trung ương FULRO, nhiều tài liệu quan trọng, phá hủy hàng tấn lương thực và căn cứ vùng sâu của địch, từng bước giữ vững ổn định tình hình chính trị, không để xảy ra bạo loạn.

Trong công tác giải quyết vấn đề FULRO và các thế lực phản động khác, huyện đã đóng góp nhiều nhân lực, phương tiện phục vụ chiến đấu. Tổ chức hàng chục lượt, huy động hàng vạn ngày công phát quang đường từ Ea Súp đi Hòa Hiệp dài 50 km, từ ngã 3 Cư M' Lan đến buôn Ja Wăm, bảo vệ tuyến biên

⁴ Y Blớ là cán bộ tập kết ngoài Bắc, được điều về làm Chủ tịch UBND xã Ea Súp, nhưng Y Blớ lại móc nối với bọn phản động, xây dựng chính quyền hai mặt.

giới dài hơn 90 km chống xâm nhập, lấn chiếm của bọn Pôn-pốt, Iêng-xa-ri, hoàn thành kế hoạch bảo vệ biên giới của tỉnh giao, góp phần tích cực bảo vệ biên giới Việt Nam – Campuchia.

Nhìn chung, công tác phát động quần chúng, xây dựng lực lượng, tổ chức chiến đấu và phục vụ chiến đấu, Huyện đã có nhiều nỗ lực, với tinh thần tiến công liên tục, tiêu diệt sinh lực địch, phá vỡ nhiều cơ sở phản động, nhiều âm mưu thủ đoạn nhằm gây bạo loạn ở một số xã, làm cho lực lượng FULRO yếu đi nhanh chóng và từng bước được giải quyết. Tình hình an ninh chính trị, trật tự xã hội trong huyện được củng cố và giữ vững.

Tình hình an ninh chính trị được giữ vững, công tác cải tạo xây dựng và phát triển kinh tế - văn hóa cũng đạt được nhiều tiến bộ. Đảng bộ xác định tiếp tục đẩy mạnh sản xuất toàn diện mà trọng tâm là sản xuất lương thực, thực phẩm, không ngừng nâng cao đời sống nhân dân, không để xảy ra nạn đói, nạn đau trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Đảm bảo an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội. Chủ động với mọi tình huống, cảnh giác không để xảy ra bất kỳ vụ gây rối nào. Tích cực, khẩn trương xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ sản xuất, đời sống như giao thông, thủy lợi, chế biến lâm sản. Vận dụng tốt các chính sách đòn bẩy kinh tế đẩy mạnh sản xuất và lưu thông, phân phối. Sửa đổi lỗi làm việc, xây dựng mối quan hệ giữa Đảng, chính quyền, giữa cấp huyện, xã trong chỉ đạo, tổ chức thực hiện nhằm nâng cao năng lực và hiệu quả quản lý.

Thực hiện Chỉ thị 100 của Ban Bí thư Trung ương Đảng, huyện Ea Súp đã xây dựng chương trình của Ban Chấp hành Đảng bộ, tổ chức khoán đến nhóm và người lao động, tập trung vào các đơn vị kinh tế quốc doanh và tập thể, các hợp tác xã nông nghiệp. Cùng với thực hiện Quyết định 25/CP của Hội đồng Chính phủ về chủ trương, giải pháp phát huy quyền chủ động sản xuất kinh doanh và tự chủ tài chính của doanh nghiệp nhà nước đã mở ra hướng mới trong vận dụng đòn bẩy kinh tế, thúc đẩy sản xuất kinh doanh phát triển, tạo thêm công ăn việc làm cho người lao động. Đây là nhân tố quan trọng, tạo ra sự sinh động trong phong trào nông dân khu vực hợp tác xã nông nghiệp, góp phần thúc đẩy sản xuất phát triển trong những năm 1981 - 1982.

Cơ chế khoán trong nông nghiệp đã khuyến khích nông dân trong các hợp tác xã và tập đoàn sản xuất phấn khởi nhận ruộng khoán, tích cực thâm canh, tăng năng suất và thu nhập, thực hiện nghĩa vụ đối với Nhà nước. Huyện ủy đã tổ chức nhiều hội nghị Ban chấp hành và hội nghị với các ngành, quán triệt các chỉ thị, nghị quyết của Trung ương và Tỉnh ủy, quy định của Hội đồng Chính phủ và các bộ ngành Trung ương, xuất phát từ thực tiễn kinh tế - xã hội địa phương đã nêu ra chủ trương: *Phát huy quyền chủ động của cơ sở tạo nguồn vốn nhằm phát huy tiềm lực sẵn có để phát triển sản xuất*. Chủ động nắm nguồn hàng, tháo gỡ vướng mắc, thực hiện cơ chế một giá. Áp dụng chỉ tiêu pháp lệnh theo hợp đồng kinh tế, tập đoàn sản xuất bán cho Nhà nước theo số lượng, chất lượng, giá cả... đồng thời Nhà nước đảm bảo cung ứng hợp tác xã máy móc, thiết bị, vật tư, nguyên liệu theo quy định về số lượng, chất lượng và thời gian.

Thực hiện phương châm “Nhà nước và nhân dân cùng làm”, huyện đã xây dựng được 8 hợp tác xã và 94 tập đoàn sản xuất, thu hút 90% số hộ và 87% số khẩu vào làm ăn tập thể. Tiếp nhận 845 hộ với 3550 khẩu, 1334 lao động để xây dựng vùng kinh tế mới. Khai hoang 2.500 ha, xây dựng cánh đồng định canh. Tự khảo sát thiết kế 36 công trình thủy lợi, nạo vét hàng trăm km nương, đào đắp trên 160.000m³ với trên 250.000 công, đưa diện tích được tưới tiêu lên 1.800 ha/năm, góp phần tăng diện tích canh tác lên 9.224 ha. Diện tích lúa nước tăng gấp 3 lần, diện tích trồng bắp tăng 23 lần so với năm 1979. Năm 1982, sản lượng lương thực đạt 3.860 tấn, bình quân lương thực đạt 331 kg/người, đàn gia súc, gia cầm tăng lên đáng kể. Nhờ đó, đã giải quyết căn bản nạn đói triền miên ổn định từng bước đời sống nhân dân trong huyện hoàn thành vượt mức chỉ tiêu thu mua nông sản, nghĩa vụ lương thực cho nhà nước.

Cùng với sản xuất nông nghiệp, lĩnh vực lâm nghiệp đã ổn định tổ chức và đi vào sản xuất kinh doanh. Ngày 10-6-1980 Bộ lâm nghiệp ra Quyết định số 752 thành lập Lâm trường Rừng Xanh thuộc Liên hiệp lâm – nông - công nghiệp Ea Súp, ông Lê Đức Kế làm Giám đốc. Tháng 11-1982, thành lập Lâm trường Cư M’Lanh và Đăk Krông. Các lâm trường bắt đầu thực hiện chức năng, nhiệm vụ được giao, cùng với nhân dân trong huyện đẩy mạnh các phong trào, nhất là phong trào trồng cây nhớ ơn Bác Hồ, trồng cây nhân dân hàng năm, trong đó có đưa một số cây ăn quả vào thực nghiệm. Tiếp nhận một xí nghiệp xẻ gỗ của tỉnh có giá trị 25.000 đồng và 30 công nhân do đồng chí Lê Ngọc Huân làm giám đốc đặt tại Thôn 4 Quảng Phú, sau chuyển lên Ea Súp. Song phương tiện khai thác, chế biến còn thiếu rất nhiều nên chưa đủ sức để thực hiện tiềm lực to lớn sẵn có của mình.

Lĩnh vực giáo dục – đào tạo được Đảng bộ đặc biệt quan tâm, ngày mới thành lập huyện chỉ có một số lớp cấp I ở một số xã, đến cuối năm 1982 hầu hết các xã trong huyện đều có lớp mẫu giáo, trường cấp I. Một số xã có trường cấp II thu hút phần lớn con em các dân tộc trong độ tuổi vào học. Đội ngũ giáo viên được tăng cường từ các tỉnh Nghệ An, Hà Tĩnh, Thái Bình, Quảng Nam – Đà Nẵng vào. Mặc dù còn nhiều khó khăn, cơ sở vật chất thiếu thốn, có những cô giáo bị FULRO bắt, có nhiều thầy cô giáo ban ngày dạy học, ban đêm thay phiên nhau canh gác bám lớp, bảo vệ trường, nhưng các giáo viên vẫn bám lớp, hoàn thành nhiệm vụ được giao. Trong năm học 1981 – 1982, toàn huyện có 1 trường mầm non với 406 học sinh, trường cấp I và cấp II có 8 trường, trong đó cấp I có 148 lớp với 3.419 học sinh, cấp II có 27 lớp với 826 học sinh. Huyện duy trì được công tác bổ túc văn hóa, đào tạo được 235 học viên.

Sự nghiệp y tế, chăm sóc sức khỏe nhân dân có nhiều tiến bộ. Trong thời gian này, huyện chủ động mở 2 lớp y tá tại xã Krông Na. Ở huyện lấy Bệnh xá 5, tiếp thu Bệnh xá Buôn Đôn làm cơ sở đào tạo y tá. Bệnh xá 5 phục vụ cho 5 trung đoàn thanh niên xung kích, kết hợp với tổ công tác của Phân viện sốt rét Quy Nhơn điều trị, phòng dịch. Đẩy mạnh phong trào phòng bệnh, ngăn chặn kịp thời các ổ dịch bệnh xảy ra, chăm sóc sức khỏe nhân dân.

Công tác đền ơn đáp nghĩa và thực hiện chính sách xã hội được Đảng bộ đặc biệt quan tâm, đã giải quyết chính sách cho 179 gia đình liệt sỹ, đề nghị tặng Bằng Tổ quốc ghi công cho 147 gia đình, quy tập 131 mộ liệt sỹ. Trợ cấp cho nhân dân bị thiên tai, hộ nghèo 164 bộ quần áo, 26 tấn lương thực, 8.250 mét vải. Riêng đồng bào dân tộc tại chỗ được cấp 18.700 bộ quần áo.

Năm 1982 toàn huyện có 25 tổ chức cơ sở đảng với 380 đảng viên (trong đó nữ 11,6%, dân tộc tại chỗ 7%, đảng viên lao động nông thôn 25,5%, cơ quan 35%, xí nghiệp và nông trường 30%). Đánh giá chất lượng đảng viên qua phân loại phát thể, Đảng bộ có 96,4% đảng viên đủ tư cách, không đủ tư cách 3,6%. Từ năm 1977 đến năm 1982, kết nạp được 98 đảng viên mới, bồi dưỡng lý luận chính trị tại các trường ở Trung ương và tỉnh 57 đồng chí, Trường Đảng huyện liên tục mở lớp bồi dưỡng chính trị cho 150 đảng viên và 590 cốt cán cơ sở. Trường vừa học vừa làm chiêu sinh mở lớp bổ túc văn hóa từ lớp 1 đến lớp 9 có 161 học viên, bao gồm cán bộ, con em thuộc diện gia đình có công với cách mạng, con em đồng bào dân tộc.

Hệ thống chính trị không ngừng được củng cố, tăng cường. Tháng 8-1979, Hội đồng nhân dân huyện họp bầu bổ sung đồng chí Phạm Văn Biên làm Phó Chủ tịch huyện thay đồng chí A Ma Kim. Tháng 8-1981, bầu cử Hội đồng nhân dân huyện khóa II có 48 đồng chí, đồng chí Phạm Văn Biên được bầu làm Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện. Các ban, phòng của huyện, uỷ ban nhân dân các xã từng bước ổn định đi vào hoạt động bước đầu có kết quả.

Trong những năm 1979-1982, dưới ánh sáng Nghị quyết Đại hội lần thứ IV và lần thứ V của Đảng, được sự quan tâm theo dõi chỉ đạo sát sao của Tỉnh uỷ và các ban, ngành trong tỉnh đã đầu tư vốn và lao động cho địa bàn huyện, triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ nhất, Đảng bộ và nhân dân các dân tộc trong huyện đoàn kết nhất trí, phát huy truyền thống, nêu cao tinh thần cách mạng tiến công, tự lực, tự cường, khắc phục mọi khó khăn vươn lên, bước đầu đã giành được những thành tựu đáng kể, kinh tế có bước phát triển, đời sống của nhân dân từng bước được đảm bảo.

Tuy nhiên, so với yêu cầu phong trào và tình hình nhiệm vụ chung vẫn còn thiếu sót, khuyết điểm như: Công tác phát động quần chúng truy quét, bóc gỡ cơ sở địch bên trong chưa thường xuyên, lực lượng chủ lực của tỉnh đóng tại địa phương chưa hợp tác chặt chẽ với lực lượng quân sự huyện và công an nên nắm địch chưa chắc, đánh địch ít, hiệu suất từng trận đánh thấp do đó số lượng FULRO có vũ trang còn nhiều, còn có khả năng gây khó khăn cho ta; Sản xuất phát triển, đời sống từng bước được nâng lên nhưng cơ sở vật chất kỹ thuật còn ít, quan hệ sản xuất đã được xây dựng nhưng chưa thật vững chắc. Lĩnh vực phân phối lưu thông chưa phục vụ kịp thời cho sản xuất và đời sống nhân dân. Các đoàn thể quần chúng tuy đã được hình thành nhưng chưa được củng cố và hoạt động thường xuyên; hệ thống chính trị từ cơ sở đến huyện, còn yếu về năng lực quản lý nhà nước, quản lý kinh tế - xã hội.

Nhằm đánh giá kết quả thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ nhất, quán triệt và vận dụng Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ V,

nghiên cứu, thảo luận, góp ý nội dung văn kiện Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ IX, **Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện Ea Súp lần thứ II được tiến hành từ ngày 25 đến 29-11- 1982**, về dự Đại hội có 108 đại biểu chính thức. Phân tích tình hình giá trị thực hiện Nghị quyết Đại hội VIII của Đảng bộ tỉnh Đắk Lắk và Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ nhất, Đại hội khẳng định: Qua ba năm thực hiện chủ trương của Đảng về cải tạo và xây dựng chủ nghĩa xã hội, mặc dù gặp nhiều khó khăn, trở ngại do thiên tai lũ lụt, hạn hán, cơ sở vật chất thiếu thốn, đội ngũ cán bộ lãnh đạo quản lý yếu và thiếu, nhưng Đảng bộ đã phát huy được truyền thống đoàn kết, vượt lên mọi khó khăn, thử thách, chủ động, sáng tạo trong chủ trương và tổ chức thực hiện để hoàn thành nhiệm vụ xây dựng phát triển kinh tế - xã hội, củng cố quốc phòng-an ninh. Đảng bộ đã tập trung chỉ đạo khai hoang, định canh, định cư, xây dựng cánh đồng, đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp, đạt được mức tăng trưởng về diện tích và sản lượng, cơ bản đảm bảo được nhu cầu lương thực tại chỗ; cây công nghiệp ngừng và chăn nuôi có bước phát triển. Các lĩnh vực y tế, giáo dục, văn hóa được đầu tư, góp phần nâng cao đời sống nhân dân các dân tộc. Thực lực cách mạng ở cơ sở được nâng lên, an ninh chính trị được giữ vững.

Đại hội đã xác định phương hướng phát triển kinh tế - xã hội của huyện đến 1985 là:

“Động viên sự nỗ lực cao nhất của Đảng bộ, quân và dân các dân tộc trong huyện nêu cao ý chí cách mạng tiến công, tinh thần tự lực tự cường, phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động. Đẩy mạnh công cuộc cải tạo, xây dựng phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn huyện: Kết hợp chặt chẽ giữa lâm – nông nghiệp với công nghiệp, giữa xây dựng củng cố quan hệ sản xuất mới với xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội, kinh tế gắn với quốc phòng, thường xuyên củng cố quốc phòng, giữ vững an ninh chính trị trật tự an toàn xã hội. Ra sức xây dựng Đảng bộ trong sạch vững mạnh về chính trị, tư tưởng và tổ chức, có sức chiến đấu cao, tăng cường củng cố cơ sở, đẩy mạnh phát triển sự nghiệp văn hóa – y tế - giáo dục, đưa huyện nhà thành một huyện có cơ cấu kinh tế lâm – nông – công nghiệp phát triển toàn diện, ổn định và cải thiện một bước đời sống nhân dân, làm tốt mọi nghĩa vụ đối với Nhà nước”

Để thực hiện phương hướng đó, Đại hội xác định trong thời gian 1983-1985, Đảng bộ huyện phải nắm vững 2 nhiệm vụ trọng tâm là: Thứ nhất, đẩy mạnh sản xuất phát triển kinh tế - văn hóa nhằm ổn định và cải thiện một bước đời sống của nhân dân. Thứ hai, sẵn sàng chiến đấu và chiến đấu thắng lợi, bảo đảm an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội trong huyện.

Với tinh thần dân chủ và trách nhiệm, Đại hội đã bầu Ban Chấp hành Đảng bộ huyện khóa II gồm 29 đồng chí, Ban Thường vụ 9 đồng chí, đồng chí Kpă Thu Nha được bầu làm Bí thư Huyện ủy, đồng chí Phan Tuấn Pha làm Phó Bí thư.

Triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ 2, và chủ trương của Đại hội Đảng bộ tỉnh Đắk Lắk lần thứ IX với tinh thần phát triển nông nghiệp toàn diện, giải quyết vững chắc vấn đề lương thực, thực phẩm, phát

huy thế mạnh về cây công nghiệp ngắn ngày, nghề rừng và chăn nuôi, nhanh chóng xây dựng vùng cây chuyên canh có giá trị, thâm canh tăng năng suất cây trồng... Từ năm 1983-1985, Ban Thường vụ và Huyện ủy đã tổ chức nhiều hội nghị đánh giá tình hình, thống nhất các nhiệm vụ, giải pháp triển khai phối hợp với các ngành từ huyện đến xã nhằm đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội, tập trung cho sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, công nghiệp... đảm bảo đời sống của cán bộ, nhân dân.

Ngày 23-01-1984, Hội đồng Bộ trưởng nay là Chính phủ có Quyết định số 15/HĐBT về việc chia tách huyện Ea Súp thành 2 huyện: Huyện Ea Súp và huyện Cư M'Gar. Huyện Ea Súp còn lại 2 xã là Ea Súp, Krông Ana và một số điểm kinh tế mới (đoàn 1, đoàn 2, đoàn 3, đoàn 5). Năm 1984, huyện thành lập thêm 2 xã là Ea Bung và Ea Lê.

Do đó, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội bị thay đổi, diện tích cây công nghiệp dài ngày giảm 100%. Như vậy, từ một cơ sở sản xuất nông nghiệp tương đối ổn định, chỉ còn lại sản xuất độc canh cây lúa, cây công nghiệp ngắn ngày, diện tích hoa màu cũng còn lại rất ít, cơ cấu kinh tế được xác định "*lâm – nông – công nghiệp*" thực chất đó chỉ là phương hướng mang tính chiến lược còn những bước đi cụ thể thì lúng túng, do cơ chế quản lý ràng buộc. Trong thời kỳ này huyện vừa đồng thời tiến hành định canh định cư cho đồng bào dân tộc (xóa đói, xóa khó, xóa khổ, giải quyết vấn đề FULRO) vừa đón nhận dân các tỉnh đồng bằng lên xây dựng vùng kinh tế mới. Trong khi thời tiết khắc nghiệt, thiên tai uy hiếp nặng, gây thiệt hại về người và của như trận lũ quét tháng 10-1983 làm trôi cầu sắt, cắt đứt giao thông đi lại giữa trung tâm huyện với các xã cánh bắc, sập 121 nóc nhà, chết 4 người, phá hỏng 450m kênh mương, mất trắng 115 ha lúa và màu. Mặt khác, bọn phản động FULRO có vũ trang và các thế lực phản động khác cấu kết với nhau, được sự chi viện ở ngoài nước, chúng liên tục chống phá, gây cho ta nhiều tổn thất. Năm 1984 chúng bắn chết đồng chí Y Minh, Xã đội trưởng Krông Na. Tháng 01-1985, chúng tập kích vào buôn Tul kích động đồng bào bỏ đi nơi khác, nhân dân kinh tế mới Ea Bung, Ea Lê về quê cũ.

Trong bối cảnh đó, huyện đã bám chắc nhiệm vụ mà Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ II đề ra, đẩy mạnh lĩnh vực quốc phòng - an ninh, chỉ đạo chặt chẽ, thường xuyên tổ chức phát động quần chúng, tuyên truyền quần chúng hiểu rõ địch ta, thấy được bản chất ngoan cố thâm độc xảo quyệt của kẻ thù, do đó ta đã nêu cao tinh thần cảnh giác cách mạng, kết hợp chặt chẽ các lực lượng, liên tục đánh địch kết hợp với kêu gọi về hàng, bóc gỡ bên trong kết hợp với truy quét ngoài rừng.

Trong giai đoạn 1982-1986, tiếp tục huy động hàng nghìn ngày công phát quang đường từ Ea Súp đi Hòa Hiệp. Tổ chức 125 lần với 40.630 lượt người tham gia phát động quần chúng, bóc gỡ 124 cơ sở FULRO, bắt giam 121 tên, cảnh cáo 41 tên, công khai vô hiệu hóa 69 tên. Đặc biệt 2 em H' Thi và Y Sum Êban xã Ea Súp cũng kêu gọi được 3 FULRO mang súng về trình diện kèm theo nhiều tài liệu quan trọng. Đã phát hiện 56 vụ xuất hiện của FULRO. Nổi bật là trận đánh ngày 17-2-1984, một tổ tự vệ của Lâm trường Rừng Xanh cùng lực

lượng quân sự huyện truy quét tiêu diệt tại chỗ 3 tên, bắn bị thương 2 tên, thu 2 súng AR15 và 1 M79. Ngày 19-2-1984, tại Buôn Đôn lực lượng bộ đội C9 Biên phòng kết hợp chặt chẽ các lực lượng vũ trang, bán vũ trang địa phương đã chủ động nắm chắc tình hình hoạt động của địch tổ chức phục kích đánh địch có hiệu quả, diệt tên thiếu tá Y Khin Niê, đây là tên FULRO ác ôn khét tiếng. Ngày 16-9-1986 dân quân cơ động xã Krông Na đánh 1 trận bên kia sông Sêrêpôc cách Buôn Tul 7 km về hướng Tây Nam, diệt 4 tên, bắn bị thương 3 tên, thu 5 súng. Trong , ta đã tổ chức đánh địch giai đoạn này, ta đã tổ chức đánh 25 trận, tiêu diệt 21 tên, bắt sống 23 tên, thu 9 súng và gọi về hàng 48 tên (trong đó có 1 thiếu tướng, 1 đại tá giám đốc tổng nha chiến tranh tâm lý của FULRO). Với những hoạt động tích cực và hiệu quả của huyện, FULRO và các thế lực phản động khác đã bị suy yếu trầm trọng, xoá được 2 buôn không còn FULRO ở ngoài rừng (đến đầu năm 1987 toàn huyện còn lại 61 tên FULRO ở ngoài rừng) tạo cơ sở để giải quyết triệt để vấn đề FULRO, đảm bảo an ninh chính trị trên địa bàn huyện.

Cùng với việc giữ vững an ninh chính trị, Đảng bộ đã tăng cường xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân vững mạnh, gọi thanh niên nhập ngũ, hoàn thành chỉ tiêu kế hoạch trên giao, những năm 1982-1986 đã đăng ký được 1.328 quân dự bị hạng 2 và 161 quân dự bị hạng 1, đón 127 thanh niên lên đường bảo vệ Tổ quốc. Bên cạnh đó, lực lượng dân quân tự vệ được chăm lo xây dựng. Từ năm 1982 đến năm 1986, các thôn buôn đều có dân quân tự vệ, các cơ quan đã có đội bảo vệ, tự vệ, đưa tổng số dân quân tự vệ từ 7% so với dân số năm 1982 lên 11% dân số năm 1986. Thường xuyên tuần tra canh gác truy quét vùng ven ... liên tục đấu tranh chống bọn tội phạm hình sự để giữ vững an ninh chính trị trật tự xã hội..

Một sự kiện có ý nghĩa lịch sử đối với huyện Ea Súp là tháng 12-1983, Huyện ủy chỉ đạo tổ chức Đại hội đoàn kết các dân tộc, Đại hội đã đề ra mục tiêu: Xác định FULRO là kẻ thù trực tiếp của ta, để ổn định đời sống, phát triển kinh tế thì đồng bào phải định canh, định cư, muốn định canh định cư phải thâm canh, áp dụng các tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất cho năng suất cao. Định cư phải có hiệu quả kinh tế vườn, đoàn kết Kinh - Thượng, đoàn kết dân tộc, đoàn kết quốc tế. Xóa bỏ phong tục tập quán lạc hậu, giữ gìn và phát huy phong tục tốt đẹp của đồng bào dân tộc, phát huy truyền thống cách mạng của đồng bào dân tộc để xây dựng con người văn minh, tiến bộ.

Thực hiện mục của Đại hội đoàn kết các dân tộc, xã Ea Lê đã kết nghĩa với Krông Na, xã Ea Bung kết nghĩa với xã Ea Súp. Cùng nhau đoàn kết tương thân, tương ái và đã đem lại hiệu quả thiết thực. Mặc dù trong hoàn cảnh còn nhiều khó khăn và phức tạp, dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ huyện, bằng nhiều biện pháp tích cực và hiệu quả, quân và nhân dân các dân tộc huyện Ea Súp không những đập tan được các âm mưu bạo loạn của các thế lực thù địch mà còn chủ động tiến công tiêu diệt sinh lực địch, giữ vững tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn huyện.

Bên cạnh những thành tựu trên lĩnh vực quốc phòng - an ninh, lĩnh vực kinh tế cũng đạt được nhiều tiến bộ. Đối với nông nghiệp, Đảng bộ đã thực sự

coi nông nghiệp là mặt trận hàng đầu, lương thực là mục tiêu số một. Do vậy, từ một nền sản xuất nhỏ, lạc hậu lệ thuộc vào thiên nhiên là chủ yếu, công cụ sản xuất thô sơ, bằng mọi biện pháp tích cực huyện đã đưa tổng diện tích gieo trồng lên 2.863 ha năm 1986 (tăng 12% so với năm 1983). Tổng sản lượng lương thực quy thóc tăng lên 5.343 tấn vào năm 1986 (tăng 21% so với năm 1983). Bình quân lương thực đạt 482 kg/người năm 1986 (so với năm 1982 tăng 2,5 lần). Trong điểm lúa là xã Ea Lê, Ea Bung và một phần xã Ea Súp. Làm nghĩa vụ lương thực với Nhà nước 922 tấn (tăng 3 lần so với năm 1982). Có thể nói huyện Ea Súp đã tự vươn lên giải quyết tại chỗ được vấn đề lương thực, cơ bản xóa nạn đói trong đồng bào dân tộc tại chỗ. Đời sống nhân dân nói chung từng bước ổn định.

Cùng với cây lương thực, cây công nghiệp ngắn ngày và cây thực phẩm như lạc, đậu xanh, đậu nành, mía, đậu các loại phát triển nhanh, đưa diện tích cây trồng trên từ 118 ha vào năm 1983 lên 156 ha năm 1986 (tăng 32%). Chăn nuôi trong 3 năm 1983-1986 trên địa bàn huyện đều tăng. Bên cạnh sự phát triển của trồng trọt, chăn nuôi cũng đạt mức tăng trưởng khá, đàn trâu tăng 23%, đàn bò tăng 1,46 lần. Đàn heo tăng 1,60 lần. Nhờ chăn nuôi phát triển nên thực phẩm tại chỗ đầy đủ và cung cấp phân bón sức kéo cho sản xuất.

Hiểu rõ tầm quan trọng của rừng, huyện đã tập trung tuyên truyền, giáo dục pháp lệnh bảo vệ rừng cho nhân dân nên nạn đốt rừng, phá rừng làm nương rẫy được hạn chế rõ rệt. Liên hiệp lâm – nông – công nghiệp Ea Súp và các lâm trường Rừng Xanh, Ea H'Mơ, Ea Tul, Buôn Đôn, Buôn Đrang Phốc, Ea Lốp và Cư M'LAN từng bước gắn bó với huyện, tạo điều kiện thuận lợi để huyện cùng vươn lên.

Công tác xây dựng và cải tạo quan hệ sản xuất tiếp tục được quan tâm, đến năm 1986 toàn huyện có 6 hợp tác xã sản xuất nông nghiệp, thu hút 63% số hộ vào làm ăn tập thể. Trong đó có hợp tác xã sản xuất nông nghiệp Thành Công (Ea Lê) tổ chức theo mô hình “lâm – nông – thương – tín” là một đơn vị tổ chức kinh doanh khá trong tỉnh.

Lĩnh vực công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, xây dựng cơ bản từng bước phát triển. Cùng cố xí nghiệp chế biến gỗ, đội sản xuất vật liệu xây dựng, trạm cơ điện vào hoạt động theo chức năng, nhiệm vụ. Bước đầu đã tạo ra hàng hóa, giá trị tổng sản phẩm công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp năm 1986 tăng gấp 3 lần so với năm 1982, xây dựng một số công trình như: Trường học xã Ea Súp, Ea Bung, Ea Lê, trường cấp II – III, nhà trẻ, nhà mẫu giáo khu trung tâm huyện. Tổng diện tích xây dựng nhà ở, nhà làm việc 3.685 m²; trường học, nhà trẻ 880 m², chốt bảo vệ giao thông 200 m², nhà kho có sức chứa 400 tấn. Tuy số lượng còn ít nhưng các công trình xây dựng được đã chứng tỏ bộ mặt xã hội ngày càng đổi mới. Sự ra đời của trường cấp II – III đánh dấu bước phát triển mới của sự nghiệp giáo dục của huyện.

Lĩnh vực giao và thông thủy lợi được đầu tư sửa chữa, làm mới các tuyến. Ngoài tỉnh lộ I còn mở rộng giao thông nông thôn, vận chuyển 44.000 lượt hành khách, vận chuyển hàng chục vạn tấn hàng an toàn, phục vụ tốt cho sản xuất và

chiến đấu. Đào đắp 33.000 m³ đất đá làm thủy lợi, huy động 14.000 công nghĩa vụ, trong đó có 2.500 công của cán bộ, nhân viên cơ quan huyện phục vụ cho công tác giao thông và thủy lợi. Phối hợp với tỉnh tiến hành khảo sát nâng mặt đập Ea Súp hạ, khảo sát kênh cấp I Ea Ôi, Đăk Bùng, khảo sát đập dâng nước Ea Dong, các công trình trên đã phục vụ thiết thực cho sản xuất, đời sống.

Ngành thương nghiệp được củng cố về mặt tổ chức, Công ty thương nghiệp tổng hợp huyện ra đời cung cấp phần lớn nguồn hàng thiết yếu, phân phối hàng hóa đúng tiêu chuẩn quy định, phục vụ tốt đời sống và thực hành kinh doanh có lãi. Các hợp tác xã mua bán ở các xã được thành lập và mở rộng hoạt động nên tổng giá trị mua vào hàng năm đều tăng, năm 1986 so với năm 1982 tăng 5,13 lần (trong đó mua hàng địa phương tăng 1,5 lần). Giao nộp ngân sách huyện năm 1986 tăng 3,7 lần. Các hợp tác xã mua bán năm 1986 mức mua vào tăng 1,7 lần, hàng hóa bán ra hàng năm tăng 3,7 lần kế hoạch, quản lý thị trường từng bước ổn định giá cả, huy động lương thực năm 1986 tăng 205%.

Công tác Tài chính-ngân hàng đảm bảo nguyên tắc thu chi, đầu tư thích đáng cho nhu cầu xây dựng cơ bản, phát triển sản xuất. Tổng thu năm 1985 tăng 205%. Tổng chi tăng 200%. Phong trào tiết kiệm xây dựng Tổ quốc được phát động thường xuyên. Riêng năm 1985, số dư tiết kiệm đạt 155% kế hoạch. Ngân hàng Nhà nước trong thời kỳ này đã tăng cường quản lý tiền mặt, vận động cán bộ công nhân viên và nhân dân mua 410.000 đồng công trái.

Cùng với kinh tế phát triển các mặt của đời sống xã hội cũng tiếp tục có bước phát triển. Nổi bật là công tác định canh định cư đồng bào dân tộc đã hoàn thành một bước cơ bản. Đời sống khu định cư dần ổn định, tạo thuận lợi cho quá trình phát triển lâu dài. Thời kỳ 1982-1986, đã định cư được 448 hộ với 2.466 khẩu, 896 lao động. Kết hợp đầu tư của Nhà nước 1.668.000 đồng với công sức nhân dân xây dựng xong đập Nà Xước, kênh mương Nà Xô (Krông Na) đủ nước tưới cho 150 ha ruộng 2 vụ, khai hoang 34 ha ruộng nước. Xây dựng mới trường học, trạm xá, đào giếng nước, làm đường giao thông nông thôn tạo thuận lợi cơ bản để đồng bào yên tâm xây dựng buôn làng ngày càng giàu đẹp.

Nhiệm vụ đón nhân dân xây dựng kinh tế mới được Đảng bộ quan tâm, thời gian này huyện đã đón được 427 hộ, với 2.173 khẩu, trong đó có 1.024 lao động bổ sung vào các điểm dân cư Ea Bung, Ea Hoar, Ea Lê. Sử dụng vốn của Nhà nước là 4.701.000 đồng để làm nhà cho dân, khai hoang làm thủy lợi, xây dựng trường học, trạm xá. Ở khu kinh tế mới nhìn chung đại bộ phận nhân dân đều phấn khởi, yên tâm xây dựng quê hương mới. Đời sống mọi mặt ở vùng kinh tế mới từng bước ổn định và phát triển.

Sự nghiệp giáo dục và đào tạo có bước phát triển ở cả 3 ngành học, cơ sở vật chất nhà trường được chú ý xây dựng, trong giai đoạn 1982-1986, có 60% số trường xây dựng kiên cố, mầm non có 2 trường với 25 lớp, cấp I – II là 5 trường, trong đó: Cấp I có 73 lớp, cấp II có 17 lớp, cấp III có 64 học sinh, bổ túc văn hóa có 1 trường với 120 học viên.

Công tác y tế đã có nhiều tiến bộ trong việc phòng và chữa bệnh, chăm sóc sức khỏe nhân dân. Chính sách kế hoạch hóa gia đình được phổ biến rộng rãi thu được kết quả tốt. Bước đầu đã khai thác được nguồn dược liệu địa phương, chế biến đưa vào sử dụng như thuốc nam, cao các loại. Mạng lưới y tế cơ sở được chú ý, thời gian này toàn huyện có 5 cơ sở điều trị, 1 phòng khám khu vực phục vụ yêu cầu khám chữa bệnh của nhân dân.

Công tác văn hóa thông tin, truyền thanh tập trung tuyên truyền tinh thần yêu nước, tinh thần đoàn kết, tinh thần thi đua lao động sản xuất, thực hành tiết kiệm, truy quét tàn công FULRO, hoàn thành chỉ tiêu kế hoạch Nhà nước... nên đã đẩy mạnh hoạt động thông tin cổ động, vẽ mới hàng trăm m² panô, áp phích, tranh ảnh. Đã đảm bảo được việc đưa phim ảnh xuống trình chiếu ở tất cả các buôn, thôn trong huyện, bình quân 5,5 lượt xem phim/người/1 năm. Công tác phát hành sách đã có nhiều cố gắng phục vụ nhu cầu xem, đọc của cán bộ và nhân dân trong huyện. Đài truyền thanh của huyện được đầu tư hoạt động tốt theo kế hoạch và quy định của Nhà nước. Đến năm 1986, đã có 1 đài truyền thanh của huyện và 4 đài truyền thanh cơ sở, phục vụ cho công tác văn hóa-thông tin trong huyện.

Phát huy truyền thống đoàn kết dân tộc, *“lá lành đùm lá rách”*, giúp đỡ lẫn nhau lúc hoạn nạn, khó khăn, đồng bào xã Ea Súp, Krông Na đã giúp đỡ có hiệu quả xã Ea Bung, Ea Lê bị lũ lụt năm 1983. Tháng 4-1986, đồng bào xã Ea Súp bị hoả hoạn, nhân dân xã Ea Bung, Ea Lê, đồng bào chiến sĩ các dân tộc cả huyện giúp đỡ tận tình, hàng tấn gạo, hàng trăm ngàn đồng, chỉ trong một thời gian ngắn đã quyên góp, giúp 13 hộ gia đình nhanh chóng ổn định đời sống. Các phong trào ủng hộ đồng bào Bình Trị Thiên, đồng bào Thái Bình, Hà Nam bị thiên tai ... đều được mặt trận các cấp chủ động triển khai, đạt kết quả tốt.

Nhằm đẩy mạnh việc củng cố chính quyền huyện và cơ sở, huyện đã tổ chức cho nhân dân tiến hành bầu cử hội đồng nhân dân 2 cấp vào tháng 5-1984. Hội đồng nhân dân huyện có 37 đồng chí, đồng chí Nguyễn Công Huân được bầu làm Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện khóa III, đồng chí Phạm Phi Hùng và Trần Thanh Hồng là Phó chủ tịch. Các phòng, ban chuyên môn được củng cố kiện toàn hoạt động theo chức năng bước đầu giành được nhiều thắng lợi trên các lĩnh vực của đời sống kinh tế - xã hội.

Các đoàn thể quần chúng được tăng cường về cán bộ đổi mới về nội dung, phương thức hoạt động. Thời gian này Hội nông dân tập thể đã tích cực tập hợp tổ chức, tuyên truyền, động viên bà con nông dân vào làm ăn tập thể. Những tư liệu sản xuất chủ yếu đã được công hữu hóa. Do vậy nông dân đã làm tốt công tác định canh định cư, hoàn thành nghĩa vụ đối với Nhà nước; Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh là lực lượng xung kích trong các phong trào thi đua lao động sản xuất, chiến đấu và học tập, như phong trào *“3 xung kích làm chủ tập thể”*, Cuộc hành quân *“Theo bước chân những người anh hùng”*, phong trào mở công trường thủ công như khai hoang xây dựng cánh đồng, làm ruộng cao sản, phong trào chăm sóc và rèn luyện thiếu niên nhi đồng; Hội liên hiệp phụ nữ có phong trào: người phụ nữ mới xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, nuôi con khỏe, dạy

con ngoan, xây dựng nếp sống gia đình văn hóa, thi đua sản xuất thực hành tiết kiệm, kêu gọi chồng, con theo FULRO trở về với gia đình ... đã được chị em tham gia tích cực. Mặt trận Tổ quốc từ huyện đến xã được tăng cường, phần lớn các tổ chức hoạt động đi vào nề nếp. Khối đại đoàn kết toàn dân được mở rộng, phát huy quyền làm chủ tập thể của các thành viên, hoàn thành nhiệm vụ chính trị của Đảng.

Đảng bộ đã quán triệt và đẩy mạnh triển khai Chỉ thị số 17, ngày 18-4-1983 của Ban bí thư Trung ương Đảng, về “việc tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với Mặt trận Tổ quốc Việt nam trong giai đoạn mới”. Thường vụ Huyện uỷ đã tổ chức học tập, quán triệt, đối chiếu với thực tế tình hình để nâng cao nhận thức về thực hiện chỉ thị ngay trong Ban Thường vụ. Hội nghị thống nhất cao mục đích, yêu cầu, nội dung của chỉ thị. Đồng thời đã đề ra các bước đi cụ thể nhằm triển khai việc thực hiện Chỉ thị 17 trong toàn Đảng bộ. Trong chương trình công tác 6 tháng từ cuối năm 1983 đến đầu năm 1987 của Đảng bộ đều đề cập đến công tác kiểm điểm tình hình lãnh đạo của Đảng bộ đối với công tác Mặt trận. Qua học tập Chỉ thị 17, nhận thức của cấp uỷ, chính quyền, các tổ chức đoàn thể quần chúng, của từng đồng chí cấp uỷ viên về vai trò, chức năng, nhiệm vụ của Mặt trận Tổ quốc trong giai đoạn mới đã được nâng lên rõ rệt. Hiểu được nhiệm vụ của Mặt trận Tổ quốc là tổ chức thực hiện tốt mối liên minh công, nông, đoàn kết các dân tộc, tôn giáo, các nhân sĩ... cùng nhau xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội. Nhiệm vụ đó được cụ thể hoá với thực tế tình hình của huyện là đoàn kết đồng bào Kinh và đồng bào các dân tộc anh em, đoàn kết quốc tế, để xây dựng và phát triển kinh tế, văn hoá – xã hội trên địa bàn. Đấu tranh chống lại kiểu chiến tranh phá hoại nhiều mặt của địch, trực tiếp là kêu gọi FULRO về hàng, bóc gỡ cơ sở ngầm của FULRO, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội. Qua hơn 3 năm thực hiện Chỉ thị 17 của Ban Bí thư Trung ương, sự lãnh đạo của các cấp uỷ đảng trong sự phối hợp giữa mặt trận với các cấp chính quyền đạt kết quả cao, chuyển hướng tích cực, lãnh đạo các mặt hoạt động chuyên sâu theo nhiệm vụ, chức năng của từng tổ chức. Trong đó có sự phối hợp giúp đỡ nhau hoàn thành nhiệm vụ, tạo hiệu quả thiết thực là tình hình kinh tế, văn hoá, xã hội, quốc phòng - an ninh trên địa bàn có nhiều tiến bộ rõ rệt.

Một hoạt động sáng tạo, thể hiện rõ rệt tính chất của Mặt trận là việc tổ chức các kỳ đại hội dân tộc từ huyện đến xã. Đến đầu năm 1987, ở huyện đã 2 lần tổ chức đại hội, xã Krông Na – Ea Súp đã 1 lần tổ chức, thu hút hàng ngàn lượt người tham gia. Với hình thức đậm đà bản sắc dân tộc, sự đóng góp tự nguyện về cơ sở vật chất, với các mục tiêu cụ thể đã đề ra, thông qua tổ chức Mặt trận đã đoàn kết toàn dân, hướng đồng bào dân tộc tự nguyện đi theo đường lối của Đảng. Chính nhờ đại hội đoàn kết dân tộc mà tổ chức Uỷ ban dân tộc của huyện đã được thành lập. Hoạt động của Uỷ ban dân tộc tuy còn nhiều khó khăn nhưng cũng là cơ sở để Đảng bộ rút kinh nghiệm tiếp tục chỉ đạo các bước đi tiếp theo đạt kết quả tốt hơn. Ngoài ra, Mặt trận còn tổ chức giao ước thi đua, kết nghĩa giữa các đơn vị Ea Lê với Krông Na, Ea Bung với Ea Súp, không phải chỉ kết nghĩa trong văn bản mà kết nghĩa bằng việc làm cụ thể, giúp nhau giải quyết

khó khăn, vươn lên trên nhiều mặt hoạt động, mang lại hiệu quả thiết thực, như giúp giống lúa, truyền đạt kinh nghiệm gieo sạ lúa cho đồng bào.

Công tác xây dựng Đảng, chính quyền, đoàn thể được đẩy mạnh, trong điều kiện có nhiều khó khăn, Đảng bộ vẫn vững vàng bám sát chủ trương đường lối, nghị quyết của Đảng, vận dụng đúng vào tình hình thực tế địa phương, đề ra những nghị quyết đúng trên các lĩnh vực. Nắm chắc cơ chế Đảng lãnh đạo, nhân dân lao động làm chủ tập thể, nhà nước quản lý.

Trong những năm 1982-1985, công tác phát triển đảng viên được chú ý đúng mức. Số lượng đảng viên là đồng bào dân tộc tại chỗ và đồng bào dân tộc tăng lên (tại chỗ 17, dân tộc 17). Các tổ chức cơ sở Đảng trong sạch vững mạnh đều tăng.

Trong hơn 10 năm (1975-1986), nhất là từ khi huyện Ea Súp chính thức được thành lập năm 1977, mặc dù tình hình trong huyện còn rất nhiều khó khăn, huyện vừa mới giành được độc lập, hậu quả của chiến tranh để lại còn nặng nề. Từ một địa bàn dân cư đa số là đồng bào dân tộc thiểu số, trải qua ba mươi năm chiến tranh ác liệt chống Pháp, Mỹ, kinh tế kiệt quệ, cơ sở vật chất hầu như không có gì, đồng ruộng hoang hóa, nạn đói đau, dịch bệnh thường xuyên xảy ra, hơn 90% dân số mù chữ. Tuy nhiên, với bản lĩnh chính trị vững vàng, bằng những kinh nghiệm đã tích lũy qua các thời kỳ cách mạng, Đảng bộ kiên trì tìm tòi con đường, cách thức đưa Ea Súp từng bước vượt qua khó khăn, vững bước đi lên. Lãnh đạo nhân dân các dân tộc trong huyện đoàn kết, phấn đấu vừa khắc phục hậu quả của chiến tranh vừa ổn định tình hình chính trị - xã hội, khôi phục và phát triển kinh tế, đồng thời thực hiện đổi mới cơ chế quản lý kinh tế, lại phải đấu tranh với sự chống phá của FULRO và các thế lực phản động khác.

Từ chỗ thiếu ăn, thiếu mặc, nạn đói xảy ra triền miên, y tế và giáo dục không được đảm bảo, FULRO và các thế lực phản động khác hoạt động mạnh gây mất ổn định về an ninh - quốc phòng, trong khi thực lực chính trị của ta còn yếu vào những ngày mới thành lập huyện. Đến năm 1986, huyện đã giải quyết được nạn đói, từng bước giảm nghèo, nạn mù chữ được giải quyết căn bản, kinh tế phát triển vượt bậc so với ngày mới thành lập huyện, cơ bản hoàn thành định canh, định cư, tổ chức sản xuất và phân bố lại dân cư theo địa bàn, vấn đề y tế và giáo dục về cơ bản đã đảm bảo được đời sống của nhân dân, thực lực chính trị của huyện từng bước vững mạnh, liên tục tiến công và đẩy mạnh các biện pháp giải quyết vấn đề FULRO cùng các thế lực phản động khác, làm cho lực lượng của chúng suy yếu nghiêm trọng, giữ vững tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn huyện.

Trình độ nhận thức về chính trị, chuyên môn và quản lý của cán bộ, đảng viên của Đảng bộ được nâng lên; niềm tin của nhân dân các dân tộc vào sự lãnh đạo của Đảng, trực tiếp là Đảng bộ huyện được củng cố. Những kết quả đạt được trong mười năm 1975 – 1986, có ý nghĩa lịch sử, ghi nhận sự trưởng thành của Đảng bộ huyện Ea Súp trong giai đoạn cách mạng mới đầy khó khăn, thử

thách, đồng thời đặt cơ sở cho thời kỳ thực hiện đường lối đổi mới toàn diện của Đảng.

II. ĐẢNG BỘ LÃNH ĐẠO THỰC HIỆN ĐƯỜNG LỐI ĐỔI MỚI TOÀN DIỆN CỦA ĐẢNG (1986 – 1996)

1. Bước đầu thực hiện đường lối đổi mới của Đảng (1986-1989)

Đại hội lần thứ VI của Đảng (12-1986) với tinh thần “nhìn thẳng vào sự thật, đánh giá đúng sự thật, nói rõ sự thật”, đã đề ra đường lối đổi mới toàn diện, nhằm từng bước đưa đất nước ta thoát khỏi khủng hoảng. Sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa đã bước sang giai đoạn mới.

Huyện Ea Súp bước vào thời kỳ đổi mới, trên cơ sở những thành tựu và kinh nghiệm qua 10 năm khắc phục hậu quả chiến tranh, khôi phục và phát triển kinh tế - xã hội, giữ vững quốc phòng - an ninh. Hệ thống chính trị từ huyện đến cơ sở từng bước được củng cố hoàn thiện. Đội ngũ cán bộ Đảng, chính quyền, mặt trận và các đoàn thể được đào tạo, bồi dưỡng và qua hoạt động thực tiễn đã trưởng thành về nhiều mặt. Huyện đã cơ bản hoàn thành việc rà soát, bổ sung quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội. Trong sản xuất nông nghiệp, diện tích gieo trồng được mở rộng, năng suất các loại cây lương thực, thực phẩm tăng khá. Hệ thống giao thông không ngừng mở rộng, các tuyến đường liên xã được xây dựng mới và sửa chữa nâng cấp phục vụ tốt hơn nhu cầu đi lại của nhân dân và lưu thông hàng hóa trên địa bàn. Hệ thống thủy lợi vừa và nhỏ được xây mới phục vụ tưới tiêu, mở rộng diện tích sản xuất. Hợp tác xã mua bán ở các xã bước đầu thực hiện việc mua hàng nông sản trong dân và phân phối bán lẻ hàng hóa cho dân. Công tác định canh, định cư cho đồng bào dân tộc thiểu số được triển khai đồng bộ. Đầu năm 1986, toàn huyện có 80% số hộ đồng bào dân tộc thiểu số được định canh, định cư ổn định. Huyện đã tiếp nhận một số lượng lớn dân kinh tế mới đến làm ăn, sinh sống tại địa phương. Các lĩnh vực văn hóa - xã hội có chuyển biến tích cực. Từng bước xây dựng đời sống mới ở các thôn buôn. Sự nghiệp giáo dục có bước phát triển khá. Mạng lưới trường lớp được mở rộng, số lượng học sinh tăng nhanh, chất lượng dạy và học được nâng lên. Hoạt động y tế đã có nhiều cố gắng trong phòng chống dịch bệnh, nhất là bệnh sốt rét. Đội ngũ cán bộ y tế được tăng cường đã đáp ứng tốt hơn nhu cầu chăm sóc sức khỏe của nhân dân. Các hoạt động quốc phòng - an ninh được tăng cường. Tình hình trật tự an toàn xã hội trên địa bàn huyện được giữ vững. Những kinh nghiệm và thành tựu trên là tiền đề quan trọng để Đảng bộ và nhân dân Ea Súp tiếp tục tiến lên thực hiện thắng lợi đường lối đổi mới do Đảng ta khởi xướng và lãnh đạo.

Bên cạnh những thành tựu đã đạt được, bước vào thực hiện đường lối đổi mới, Ea Súp vẫn còn gặp nhiều khó khăn, có mặt hết sức gay gắt. Điểm xuất phát đi lên của Ea Súp thấp hơn mặt bằng chung của cả tỉnh. Đời sống của nhân dân, nhất là đồng bào dân tộc thiểu số và đồng bào kinh tế mới hết sức khó khăn. Nạn đói giáp hạt vẫn còn xảy ra trên diện rộng. Tốc độ phát triển kinh tế chậm và thiếu ổn định. Sản xuất nông nghiệp vẫn còn ở tình trạng quảng canh và du canh; thâm canh chỉ mới thực hiện được ở mức độ nhất định ở một số nơi. Huyện chưa cân đối được lương thực tại chỗ. Quan hệ sản xuất mới, tuy đã hình

thành được các hợp tác xã và tập đoàn sản xuất, nhưng chủ yếu còn mang tính hình thức. Tổ chức bộ máy và năng lực quản lý còn rất hạn chế, cơ sở vật chất ngoài ruộng đất, nương rẫy hầu như chưa có gì đáng kể. Bộ máy nhà nước các cấp hoạt động hiệu quả thấp. Tổ chức Đảng, đoàn thể tuy được củng cố một bước, song nhìn chung vẫn còn yếu. Quá trình lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy Đảng vẫn còn chung chung, thiếu biện pháp cụ thể, chưa sâu sát. Chưa giải quyết dứt điểm hoạt động của bọn FULRO trên địa bàn. Tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội nhiều nơi, nhiều lúc diễn biến phức tạp. Sau khi điều chỉnh giá - lương - tiền, vào tháng 10-1985, tình hình kinh tế - xã hội của cả nước nói chung và Ea Súp nói riêng diễn biến xấu, giá cả tăng vọt, thị trường rối loạn, nạn chợ đen phát triển, đời sống của đại bộ phận cán bộ, nhân dân trên địa bàn huyện vốn rất khó khăn, trước cơn bão giá càng gặp nhiều khó khăn hơn.

Trước tình hình đó, thực hiện sự chỉ đạo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, **từ ngày 16 đến ngày 19-9-1986, Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ III** được tiến hành. Về dự Đại hội có 75 đại biểu chính thức và 11 đại biểu dự khuyết, đại diện cho 28 tổ chức cơ sở Đảng trong toàn Đảng bộ. Đại hội nghiên cứu thảo luận Dự thảo báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa V sẽ trình Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI, Kết luận của Bộ Chính trị về quan điểm kinh tế và Dự thảo báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Đắk Lắk khóa IX, trình Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ X. Trên cơ sở nghiên cứu các quan điểm mới của Trung ương, của tỉnh và kiểm điểm tình hình thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ II, Đại hội Đảng bộ huyện Ea Súp xác định cơ cấu kinh tế của huyện trong những năm đầu đổi mới là *Lâm- nông- công nghiệp* và đề ra phương hướng, nhiệm vụ trọng tâm phát triển kinh tế- xã hội của huyện giai đoạn 1986-1988 là:

“Đẩy mạnh phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội trên địa bàn huyện, kết hợp chặt chẽ giữa sản xuất lâm nghiệp với sản xuất nông nghiệp. Gắn chặt kinh tế Trung ương và kinh tế địa phương trên địa bàn. Phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp. Tiếp tục xây dựng và củng cố vững chắc quan hệ sản xuất mới xã hội chủ nghĩa. Tập trung xây dựng Đảng bộ huyện vững mạnh về chính trị, tư tưởng và tổ chức, có sức chiến đấu cao, đáp ứng yêu cầu thực hiện thắng lợi hai nhiệm vụ chiến lược của Đảng. Động viên nỗ lực cao nhất của Đảng bộ, quân và dân các dân tộc trong huyện, nêu cao ý chí cách mạng tiến công, tinh thần tự lực tự cường, phát huy mạnh mẽ quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động, tiến hành đồng thời 3 cuộc cách mạng, cách mạng về quan hệ sản xuất, cách mạng về khoa học kỹ thuật, cách mạng về văn hóa tư tưởng trong đó cách mạng khoa học kỹ thuật là then chốt”.

Để thực hiện phương hướng nhiệm vụ chung trên, Đại hội đã đề ra 5 mục tiêu phải thực hiện:

- Tiếp tục coi nông nghiệp thực sự là mặt trận hàng đầu, lương thực và thực phẩm là mục tiêu số một. Đẩy mạnh phát triển ngành nghề, đẩy mạnh sản xuất hàng hóa. Ra sức xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội. Củng cố và hoàn thiện từng bước quan hệ sản xuất mới xã hội chủ nghĩa.

- Tiếp tục đón lao động đến xây dựng kinh tế mới. Hoàn thành công tác định canh định cư. Từng bước xóa bỏ sự chênh lệch về đời sống kinh tế văn hóa, xã hội trên cơ sở thực hiện đầy đủ 4 mục tiêu của đảng bộ đề ra tại Đại hội đoàn kết các dân tộc lần thứ hai.

- Ổn định và từng bước cải thiện đời sống nhân dân, phát triển sự nghiệp y tế, văn hóa, giáo dục, xây dựng nền văn hóa mới, con người mới xã hội chủ nghĩa.

- Tăng cường quốc phòng và an ninh chính trị, giữ vững trật tự xã hội, giải quyết cơ bản vấn đề FULRO và các loại phản động khác vào năm 1988.

- Tăng cường xây dựng Đảng, củng cố tổ chức đoàn kết đoàn thể quần chúng, xây dựng chính quyền huyện, xã thật sự vững mạnh để lãnh đạo tổ chức, thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ chính trị của Đảng.

Đại hội đã bầu Ban Chấp hành Đảng khóa III bộ gồm 29 đồng chí, Ban Thường vụ gồm 9 đồng chí, đồng chí Kpă Thu Nha được bầu làm Bí thư Huyện ủy, đồng chí Bùi Hồng Lĩnh được bầu làm Phó Bí thư.

Qua quá trình nghiên cứu các dự thảo báo cáo chính trị của Trung ương và của tỉnh, kết luận của Bộ Chính trị về quan điểm kinh tế đã tác động mạnh mẽ đến sự đổi mới tư duy của cán bộ, đảng viên trong toàn huyện. Nhận thức về đường lối đổi mới do Đảng ta khởi xướng và lãnh đạo bước đầu được xác lập trong đội ngũ cán bộ, đảng viên. Quán triệt những quan điểm mới, trên cơ sở tình hình thực tiễn của địa phương, Đại hội Đảng bộ huyện Ea Súp lần thứ III đã đề ra phương hướng, nhiệm vụ, mục tiêu và các giải pháp để triển khai thực hiện đường lối đổi mới của Đảng tại địa phương. Dù đây chỉ là bước đầu, nhưng có ý nghĩa hết sức quan trọng trong tiến trình đi lên xây dựng quê hương giàu đẹp, theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

Ea Súp bước vào thực hiện đường lối đổi mới trong điều kiện tình hình chính trị, kinh tế-xã hội ở Liên Xô và các nước Đông Âu có những diễn biến phức tạp, không có lợi cho cách mạng Việt Nam; tình hình kinh tế - xã hội của cả nước và của tỉnh đang gặp khó khăn gay gắt. Cùng với những khó khăn chung, trong những năm 1986-1988, thời tiết trên địa bàn huyện diễn biến không có lợi cho sản xuất nông nghiệp. Hạn hán, lũ lụt, thiên tai liên tiếp xảy ra, ảnh hưởng lớn đến kế hoạch phát triển kinh tế của huyện và đời sống của nhân dân. Vượt qua những khó khăn, Đảng bộ và nhân dân Ea Súp luôn bám sát nhiệm vụ, mục tiêu đã đề ra để đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội. Huyện đã tổ chức quán triệt và triển khai thực hiện bước đầu Nghị quyết của Tỉnh ủy về ba chương trình kinh tế: *lương thực - thực phẩm, hàng tiêu dùng và hàng xuất khẩu*; Nghị quyết 10-NQ/TW, ngày 4-5-1988 của Bộ Chính trị “*về đổi mới quản lý kinh tế nông nghiệp*”; Chỉ thị số 47-CT/TW, ngày 31-8-1988 của Bộ Chính trị về “*giải quyết một số vấn đề cấp bách về đất đai*”; Nghị quyết số 16-NQ/TW, ngày 15-7-1988 của Bộ Chính trị “*về đổi mới chính sách và cơ chế quản lý đối với các cơ sở sản xuất thuộc các thành phần kinh tế ngoài quốc doanh*”...Tuy tình hình địa

phương còn gặp nhiều khó khăn, song bước đầu đã đạt được một số kết quả đáng ghi nhận.

Trên lĩnh vực kinh tế, với phương châm coi nông nghiệp là mặt trận hàng đầu, lương thực, thực phẩm là mục tiêu số một, mặc dù thời tiết diễn biến hết sức phức tạp, dân số tăng nhanh (từ 11.500 khẩu năm 1986 lên 17.000 khẩu năm 1988), trình độ sản xuất còn thấp, cơ sở vật chất vừa thiếu lại vừa thô sơ, nhưng dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ huyện, nhân dân các dân tộc trong huyện đã đoàn kết phấn đấu, cơ bản tự giải quyết vấn đề lương thực, hoàn thành nghĩa vụ đối với Nhà nước. Tổng diện tích gieo trồng năm 1988 đạt 2.947 ha. Tổng sản lượng lương thực qui thóc 7.641 tấn/ 8.300 tấn. Bình quân lương thực đầu người năm 1988 đạt 449kg.

Đi đôi với việc tăng diện tích gieo trồng các loại cây lương thực, huyện chú trọng lãnh đạo phát triển trồng cây công nghiệp ngắn ngày, dài ngày nhằm tăng nhanh sản xuất hàng hóa phục vụ trao đổi, xuất khẩu. Đối với cây công nghiệp dài ngày đã hình thành phát triển nhân tố mới, cây điều được xác định là cây mũi nhọn, có hiệu quả kinh tế cao, bắt đầu phát triển từ năm 1986. Thời gian này, đồng chí Kpă Thu Nha - Bí thư Huyện ủy và đồng chí Nguyễn Công Huân - Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện cùng với Phòng nông nghiệp huyện đã xuống tỉnh Cửu Long và Tiền Giang đem theo giống điều đầu tiên về trồng. Huyện đã trồng được 265 ha điều. Ngoài ra, các cây công nghiệp khác đạt mức tăng trưởng khá, hồ tiêu có 14.350 cây, 8.000 cây dừa, với vốn đầu tư hơn 20 triệu đồng.

Chăn nuôi phát triển khá ở các hình thức quốc doanh, tập thể, đặc biệt là hộ gia đình. Năm 1988. Ea Súp có 2.637 con trâu, 1.055 con bò, 3.700 con heo, 92 con voi, tổng đàn gia cầm đạt 25.800 con. Mạng lưới thú y bước đầu mở rộng đến các xã, phục vụ tốt hơn công tác phòng trừ dịch bệnh, bảo vệ đàn gia súc, gia cầm. Huyện và các địa phương phát động phong trào làm chuồng nuôi nhốt gia súc tại các hộ gia đình. Nhiều địa phương đã triển khai tốt công tác rào vườn, làm chuồng nhốt gia súc.

Nhìn chung trong những năm 1986-1988, sản xuất nông nghiệp đã được đẩy mạnh phát triển. Toàn Đảng bộ tập trung chỉ đạo cho mục tiêu lương thực, giữ ổn định mục tiêu lương thực đầu người, đời sống nhân dân được ổn định, không còn tình trạng đói giáp hạt tràn lan như những năm trước. Đời sống một bộ phận nông dân đã được cải thiện, việc mở ra trồng đạt kết quả cây công nghiệp dài ngày (điều – tiêu – dừa) là sự vận dụng sáng tạo ba chương trình kinh tế lớn của đảng, trong quá trình lãnh đạo, xây dựng phát triển kinh tế của địa phương. Đây là kết quả có ý nghĩa sâu sắc, tạo được niềm tin của quần chúng yên tâm lao động, sản xuất trên địa bàn huyện Ea Súp.

Phát huy thế mạnh với diện tích gần 300.000 ha rừng, Đảng bộ đã ý thức sâu sắc vị trí to lớn của rừng đối với nền kinh tế của huyện. Thường xuyên tuyên truyền trong nhân dân ý thức bảo vệ rừng, phòng chống cháy rừng mùa khô. Nạn đốt phá rừng làm nương rẫy đã được hạn chế. Những năm 1986-1988 đã tổ chức hai hội nghị chuyên đề ở huyện cho 135 lượt cán bộ chủ chốt về công tác bảo vệ rừng, tổ chức 126 lượt tuyên truyền cho 12.500 lượt người tham gia. Đối với các

lâm trường Trung ương đóng trên địa bàn, tuy không giao chỉ tiêu kế hoạch, nhưng Đảng bộ quan tâm đúng mức để các cơ sở phân đầu thực hiện các chỉ tiêu về trồng mới, chăm sóc, khoanh nuôi, tu bổ, bảo vệ rừng kiến thiết cơ bản về cơ sở vật chất, quy hoạch tiểu khu, làm đường ranh cản lửa. Gắn việc thực hiện chuyên môn với việc chăm lo đời sống của cán bộ công nhân viên lâm trường. Xây dựng được mối liên hệ gắn bó trong việc thực hiện nhiệm vụ chính trị của kinh tế Trung ương với địa phương. Một số xã trong huyện đã nhận chăm sóc, bảo vệ 33 tiểu khu, mở ra hướng mới về hình thức Trung ương và địa phương cùng chăm sóc bảo vệ rừng. Dưới tán rừng hàng năm đã thu hái hàng trăm tấn lâm sản phụ, làm hàng hoá phục vụ đời sống.

Tuy đã xây dựng được cơ cấu kinh tế, nhưng về thực chất kinh tế lâm nghiệp và kinh tế nông nghiệp còn bị chia cắt, chưa gắn bó hỗ trợ, thúc đẩy nhau. Các lâm trường Trung ương trong điều kiện có nhiều khó khăn, việc tự vươn lên để xây dựng đơn vị còn nhiều hạn chế nên chưa đủ sức vươn lên làm vai trò hướng dẫn và đóng góp thoả đáng cho việc xây dựng cơ sở vật chất ở vùng đồng bào dân tộc. 48 hộ đồng bào buôn Rang Phốc, tuy đã vào lâm trường song đời sống vật chất và tinh thần còn nhiều khó khăn thiếu thốn, chưa được quan tâm đầu tư đúng mức để xây dựng kinh tế vườn. Không tạo ra được chuyển biến so với trước nên đồng bào chưa yên tâm làm ăn.

Công tác kinh tế mới, định canh định cư tiếp tục được đẩy mạnh thực hiện, những năm 1986-1988, huyện đã đón 1.305 hộ có 5.514 khẩu, 2.768 lao động ở các tỉnh đồng bằng lên bổ sung và mở rộng các điểm dân cư. Sử dụng 33,8 triệu đồng vào việc xây dựng cơ bản như: trường học, trạm xá, đường giao thông nông thôn, khai hoang cánh đồng, làm thủy lợi ở các điểm kinh tế mới. Đồng bào mới đến đã nhanh chóng ổn định đời sống, tiến hành sản xuất. Tuy nhiên, việc chuẩn bị địa bàn, xây dựng cơ sở vật chất ban đầu chưa được chuẩn bị kỹ. Huyện đã nhiều lần phải hoãn các yêu cầu đón dân kinh tế mới. Thời điểm đón dân không phù hợp, số lượng ồ ạt vượt chỉ tiêu Nhà nước giao nên đã gây khó khăn về nhiều mặt. Đảng bộ phải tập trung nhiều thời gian, công sức để khắc phục hậu quả.

Thực hiện Nghị quyết 05 của Tỉnh uỷ, huyện đã sơ kết 10 năm công tác định canh định cư cho đồng bào dân tộc. Năm 1988, đồng bào dân tộc thiểu số toàn huyện có 996 hộ, 5.545 khẩu, 1.435 lao động (Ea Súp có 386 hộ, Krông Na 562 hộ, Lâm trường buôn Rang Phốc 48 hộ) đã tách 726 hộ, 2.812 khẩu. Trong đó 117 hộ có kinh tế vườn tỷ lệ 12% (Krông Na 82 hộ đạt 15%, Ea Súp 30 hộ đạt 8,4%, Lâm trường buôn Rang Phốc 5 hộ đạt 10,2%). Trong những năm 1986-1988, đã đầu tư khai hoang được 10 ha, xây dựng được 220 ha cánh đồng lúa 2 vụ, 285 m² nhà trạm xá bán kiên cố, 22 phòng học kiên cố, 14 phòng bán kiên cố, 246 m² trụ sở làm việc, 210 m² cửa hàng hợp tác xã mua bán. Đầu tư kỹ thuật 1 máy MTZ, 2 máy xay xát, 2 máy cày hiệu Bông Sen, 2 đài truyền thanh cho 2 xã đồng bào dân tộc. Riêng năm 1988, huyện tập trung đầu tư vốn, xây dựng kinh tế vườn cho đồng bào xã Ea Súp 6,45 triệu đồng gồm tiêu 1.315 cây giống, dừa 2.200 cây, điều lợn hột 17.000 cây. Xã Krông Na tổng vốn đầu tư 7,1

triệu đồng gồm 1.055 cây tiêu giống, 2.500 cây dứa, 19.000 cây điều lộn hột. Hoàn thành cơ bản trạm xá xã Ea Súp 185 m² với vốn đầu tư 18 triệu đồng. Nhờ kết hợp nguồn vốn kinh tế mới, định canh định cư, vốn thủy lợi, vốn của huyện, 2 năm 1987-1988 đã đầu tư 36,1 triệu đồng để xây dựng các công trình thủy lợi đảm bảo nước tưới cho 214 ha lúa hai vụ, 1 hồ chứa nước sinh hoạt 10 ha. Riêng xã Krông Na 30,5 triệu (công trình Nà Xước 16,5 triệu, Nà Xô 7 triệu, hồ chứa nước Ea Dong 7 triệu). Xã Ea Súp được đầu tư 5,5 triệu để làm hệ thống kênh mương tưới tiêu.

Tuy nhiên, công tác định canh định cư cho đồng bào dân tộc còn bộc lộ những yếu kém như việc giáo dục chính trị tư tưởng cho đồng bào về phong trào định canh định cư đạt kết quả thấp, một bộ phận đồng bào chưa yên tâm ở buôn làng định cư, xin về buôn cũ. Trong chỉ đạo còn dần đều chưa xây dựng được điển hình, xây dựng cơ bản chưa gắn với các điểm dân cư nên hiệu quả sử dụng thấp. Không xây dựng được cánh đồng thâm canh. Phong trào làm kinh tế vườn chưa đều. Một số tập tục lạc hậu vẫn còn nặng.

Đối với lĩnh vực công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp, tổng giá trị sản phẩm năm 1988 đạt 78,7 triệu đồng. Với một số mặt hàng chủ yếu là gỗ, đồ mộc dân dụng, công cụ cầm tay, cát đá xây dựng, xay xát lương thực. Thành lập được xí nghiệp xây dựng và sản xuất vật liệu xây dựng. Tuy nhiên, do giá cả không hợp lý nên một số cơ sở tiểu thủ công nghiệp (gạch ngói Ea Lê, Ea Lốp) có chiều hướng đi xuống, các cơ sở chế biến phát triển chậm.

Trong điều kiện có nhiều khó khăn, thiếu vốn, vật tư kỹ thuật và đội ngũ công nhân xây dựng, lĩnh vực xây dựng cơ bản đã có nhiều cố gắng khắc phục khó khăn, đạt được nhiều thành tựu, huyện đã phối hợp vốn đầu tư của các nguồn từ tỉnh tăng cường, tận dụng nguồn vốn tạo ra được từ gỗ lòng hồ đã tập trung xây dựng, hoàn thành đạt yêu cầu các chỉ tiêu xây dựng cơ bản đề ra trong Nghị quyết Đại hội III. Đưa vào sử dụng một phần bệnh viện huyện, đài truyền thanh, khu nhà làm việc khối Dân vận, trường phổ thông trung học, phòng đọc sách, trường học xã Ea Lê, xã Ea Bung, khu Ủy ban nhân dân xã Ea Súp... Công tác xây dựng cơ bản được chỉ đạo dứt điểm từng hạng mục, đảm bảo được tiến độ thi công, chất lượng công trình được nâng lên, đưa vào sử dụng đúng thời gian, phát huy được hiệu quả. Tuy vậy một số công trình tiến độ chậm, lãng phí nguyên vật liệu, chất lượng thấp. Quy hoạch khu dân cư thị trấn tiến hành chậm, tổ chức quản lý còn lỏng lẻo.

Lĩnh vực giao thông được đẩy mạnh đầu tư, trong những năm 1986-1988, đã sửa chữa hệ thống đường tỉnh lộ 1, phối hợp với Tỉnh và các ngành Trung ương làm mới 5 cầu kiên cố, bảo đảm giao thông vận tải thông suốt và an toàn. Xây dựng mới và củng cố hệ thống giao thông nông thôn, tạo điều kiện giao lưu giữa các vùng. Vận chuyển được 2.925 tấn hàng hoá, 16.020 lượt hành khách. Củng cố Hợp tác xã vận tải Cư Mil, tăng năng lực vận tải bằng xe cơ giới cho các đơn vị sản xuất kinh doanh, đồng thời phát triển mạnh phương tiện vận tải thô sơ cho các đơn vị kinh tế tập thể và hộ gia đình. Để đảm bảo an toàn giao

thông, huyện đã huy động 8.200 ngày công phát quang tuyến đường, với diện tích là 8.000 ha.

Ngành bưu điện có bước phát triển mới, trong những năm 1986-1988, được đầu tư hơn 2 triệu đồng lắp đặt hệ thống Vipa, tu sửa đường dây máy móc, tổ chức hoạt động, đảm bảo thư từ, điện tín, báo chí hàng hoá, đầy đủ, an toàn. Nhưng việc phục vụ liên lạc cho công tác lãnh đạo, chỉ đạo, nhiều lúc không kịp thời nhất là việc giao chuyển công văn vào các đơn vị xa còn chậm. Hệ thống bưu điện các xã và các điểm xa chưa được củng cố kịp thời..

Thương nghiệp tuy có những biện pháp tích cực như củng cố Công ty thương nghiệp huyện và hệ thống hợp tác xã mua bán ở 4 xã. Cơ bản có đủ những mặt hàng thiết yếu phục vụ nhân dân. Nhưng từ khi chuyển sang cơ chế mới, hoạt động của thương nghiệp gặp nhiều khó khăn, không huy động được các nguồn vốn để kinh doanh, đồng vốn quay vòng chậm, hàng hoá ít không hợp thị trường. Chưa chủ động khai thác các nguồn hàng địa phương. Các hợp tác xã mua bán kinh doanh thua lỗ, các tổ dịch vụ của công ty kinh doanh đạt kết quả thấp, không hoàn thành chỉ tiêu giao nộp ngân sách, chưa phục vụ tốt cho sản xuất.

Công tác tài chính đã tăng cường được các hoạt động, đảm bảo được nguồn thu, không bội chi như những năm trước. Bảo đảm kịp thời nhu cầu chi lương cho cán bộ, công nhân viên và các nhu cầu về xây dựng, phát triển kinh tế văn hoá xã hội trên toàn huyện. Đảm bảo cân đối được thu – chi. Năm 1987 tổng thu 52,2 triệu đồng, tổng chi 51 triệu đồng. Năm 1988 tổng thu 257 triệu, tổng chi 247 triệu. Tuy vậy, việc kiểm tra giám sát hoạt động đối với các đơn vị sản xuất kinh doanh còn buông lỏng để thất thoát một số nguồn thu, chưa làm tốt việc quản lý thị trường.

Lĩnh vực văn hóa - xã hội luôn được Đảng bộ quan tâm chỉ đạo, đối với ngành giáo dục, năm học 1987 – 1988 có 5 trường phổ thông cơ sở với 2.228 học sinh, 1 trường phổ thông trung học có 85 học sinh, mẫu giáo 672 học sinh. Năm học 1988 - 1989 cấp học phổ thông cơ sở có 2.291 học sinh (so với năm 1986 tăng 587 học sinh), mẫu giáo có 38 lớp với 703 học sinh. Trường phổ thông trung học đã xây dựng mới 5 phòng học kiên cố trị giá gần 5 triệu đồng. Có 125 học sinh. Cơ sở vật chất được tăng cường, đến năm 1988 đã xây dựng được 66 phòng học, có 30 phòng học kiên cố, 14 phòng học bán kiên cố, còn lại là tranh tre. Riêng năm 1988, huyện đầu tư 12 triệu đồng đóng trang thiết bị và dạy học. Phong trào thi đua dạy tốt, học tốt trong các nhà trường được duy trì. Bên cạnh những thành tựu đạt được, vẫn còn những hạn chế như cơ sở vật chất vẫn còn thiếu nhất là ở những vùng đồng bào dân tộc. Buôn, làng xa và vùng kinh tế mới còn tình trạng thất học vì thiếu lớp, thiếu trường, thiếu giáo viên. Tỷ lệ học sinh đến tuổi chưa đi học còn nhiều, bình quân này ở vùng đồng bào dân tộc lên đến 40% (riêng buôn Tul xã Krông Na tỉ lệ này lên đến 47%). Ngành học bổ túc văn hoá ở nông thôn không được duy trì, trường bổ túc văn hoá tập trung ở huyện chất lượng dạy và học thấp.

Ngành y tế được đầu tư phát triển, thường xuyên tuyên truyền vận động nhân dân chủ động phòng bệnh. Tổ chức các đợt phun thuốc phòng trừ dịch bệnh tập trung ở vùng đồng bào dân tộc và vùng kinh tế mới. Tạo mọi điều kiện đầu tư cơ sở vật chất cho tuyến huyện. Chuyển bệnh viện huyện về cơ sở mới. Mua sắm thêm một số trang thiết bị phục vụ khám và điều trị. Tổ chức bệnh viện được củng cố, đội ngũ thầy thuốc được tăng cường. Thành lập Ban bảo vệ sức khoẻ huyện hoạt động đạt kết quả. Công ty dược phẩm chuyển sang hạch toán kinh doanh, cơ bản phục vụ được yêu cầu thuốc để chữa bệnh, phong trào trồng và sử dụng thuốc nam tuy còn ít nhưng cũng được tiến hành.

Hoạt động văn hoá thông tin đại chúng được đẩy mạnh, hướng vào việc tuyên truyền các chỉ thị, nghị quyết của Đảng, pháp luật Nhà nước và nhiệm vụ của Đảng bộ trong từng thời kỳ. Cơ sở vật chất được tăng cường, xây dựng nhà truyền thanh, phòng đọc ở thị trấn, ở 04 xã đều có đài truyền thanh. Phong trào văn nghệ quần chúng được duy trì, chất lượng được nâng lên.

Công tác thương binh xã hội, đền ơn đáp nghĩa được chú trọng. Thực hiện đầy đủ chính sách, chế độ đối với gia đình thương binh, liệt sĩ, gia đình có công với cách mạng. Thực hiện tốt chính sách hậu phương quân đội. Phát động được toàn dân tham gia hưởng ứng phong trào lá lành đùm lá rách, phong trào hướng về Trường Sa thân yêu và các cuộc vận động khác. Chi 3,4 triệu đồng trợ cấp cho các đối tượng chính sách xã hội. Xây dựng 4 ngôi nhà tình nghĩa trị giá trên 10 triệu đồng.

Trong thời gian này, hoạt động của các thế lực thù địch trên địa bàn có chiều hướng giảm, tình hình an ninh chính trị trên địa bàn huyện được giữ vững, Tuy nhiên, về bản chất, âm mưu của các thế lực thù địch là không thay đổi, thường xuyên cấu kết với nhau để chống phá cách mạng. Đến hết năm 1988 vẫn còn một số lượng đáng kể (số FULRO là người của huyện còn ở ngoài rừng là 53 tên, trong đó có 5 tên lưu vong ở nước ngoài). Phương thức hoạt động chủ yếu của chúng thời kỳ này là bám buôn, móc nối, xây dựng cơ sở, tung tin bịa đặt gây hoang mang trong quần chúng.

Để đảm bảo ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn huyện, Đảng bộ thường xuyên quan tâm xây dựng lực lượng và phát triển thực lực cách mạng, sẵn sàng đập tan mọi âm mưu phá hoại nhiều mặt của kẻ thù trong bất kỳ tình huống nào. Huyện xây dựng được lực lượng dân quân tự vệ xấp xỉ 10% dân số, 1 tiểu đoàn dự bị động viên, hàng năm có tổ chức huấn luyện binh khí kỹ thuật, xây dựng phương án phòng thủ dân sự, đưa 30 thanh niên (đạt 100% chỉ tiêu) gia nhập quân thường trực. Thường xuyên tuyên truyền trong quần chúng về âm mưu, thủ đoạn của địch và chủ trương đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước ta. Phát động kêu gọi những người theo FULRO về trình diện. Hình thức phát động phù hợp hơn, nội dung cụ thể, thiết thực, kết hợp phát động rộng rãi với phát động cá biệt. Tăng cường truy quét vùng ven bảo vệ giao thông an toàn.

Công tác quần chúng được đẩy mạnh, thể hiện qua các phong trào như: phong trào làm thủy lợi, khai hoang xây dựng cánh đồng liên tục được phát

động. Vụ đông xuân 1986 – 1987, hơn 100 lao động của 3 xã Ea Lê, Ea Bung, Ea Súp, 80 đoàn viên thanh niên do Huyện đoàn chủ trì cùng với nhân dân xã Krông Na, mở công trường thủy lợi tại Nà Xô, gieo cấy lúa nước tại cánh đồng Nà Xước (xã Krông Na). Sau hơn 10 ngày lao động khẩn trương từ ngày 10 đến 20-2-1987, đã giúp cho xã Krông Na có đủ nguồn nước và gieo cấy hết chỉ tiêu diện tích. Để chuẩn bị cho sản xuất đông xuân 1988 – 1989, phong trào làm thủy lợi được phát động sôi nổi, toàn huyện đã đào đắp được 30.000 m³ đất đá, trị giá ngày công lao động đạt 47,5 triệu đồng. Mở ra hệ thống kênh mương đưa nước vào cánh đồng mới khai hoang Nà Xô 20 ha, Ea Bung 50 ha, Ea Lê 30 ha.

Các phong trào thi đua xây dựng kinh tế, chính trị tại địa phương đã nhận được sự hưởng ứng của đông đảo các tầng lớp nhân dân. Phong trào áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất nông nghiệp đạt nhiều kết quả. Nhân dân xã Ea Lê mở ra phương thức gieo lúa thay cho cấy trên toàn bộ diện tích 150 ha, mỗi vụ đã giảm được gần 10 ngày công lao động, bảo đảm được thời vụ và cho năng suất ổn định từ 40 tạ trở lên. Từ điển hình Ea Lê, nhân dân Ea Bung đã áp dụng gieo thẳng gần toàn bộ diện tích 720 ha, đồng bào Ea Súp, Krông Na cũng bước đầu áp dụng ở một số diện tích nhất định đạt kết quả; Phong trào vì Trường Sa, phong trào lá lành đùm lá rách, giúp đỡ nhau khi hoạn nạn, khó khăn, tuy số lượng vật chất không nhiều nhưng đã ghi nhận trong đó biết bao tình nghĩa cao đẹp của đồng bào các dân tộc trong huyện. Phong trào kêu gọi chồng, con, em theo FULRO về trình diện tuy không liên tục như những năm trước nhưng vẫn được duy trì. Qua cuộc vận động thực hiện Nghị quyết 04 của Bộ Chính trị, đã xây dựng phong trào toàn dân tham gia xây dựng tổ chức Đảng, chính quyền, đoàn thể quần chúng diễn ra sôi nổi.

Trong điều kiện có nhiều khó khăn nhưng Đảng bộ vẫn tổ chức được các hội nghị đoàn kết dân tộc, hai năm 1 lần tiến hành Đại hội. Đại hội đoàn kết dân tộc thực sự trở thành ngày hội của đồng bào các dân tộc trong huyện. Nêu gương đoàn kết, thi đua thực hiện các mục tiêu kinh tế - xã hội, quốc phòng – an ninh do Đảng đề ra.

Công tác xây dựng và củng cố chính quyền được chú trọng. Đảng bộ đã lãnh đạo tổ chức thực hiện đạt kết quả các kỳ bầu cử Quốc hội và Hội đồng nhân dân các cấp. Năm 1987 bầu cử Hội đồng nhân dân huyện khóa IV, đồng chí Nguyễn Công Huân được bầu làm chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, quá trình bầu cử tiến hành đúng luật định, đã bầu 3 đồng chí biểu Quốc hội, 37 đồng chí trong Hội đồng nhân dân huyện và 54 đồng chí trong Hội đồng nhân dân xã, tổ chức đúng, đủ các kỳ họp theo luật. Các kỳ họp đều đảm bảo nguyên tắc, nội dung được bàn bạc cụ thể dân chủ. Ủy ban nhân dân các cấp phát huy được vai trò quản lý Nhà nước, quản lý kinh tế xã hội bằng kế hoạch pháp lệnh. Bước đầu thực hiện Nghị quyết 94 của Bộ Chính trị về làm trong sạch và nâng cao hiệu lực quản lý của Nhà nước. Qua phân loại có 70% đại biểu Hội đồng nhân dân xã và huyện đã phát huy được năng lực, trình độ 75% thường trực Ủy ban nhân dân phát huy tốt năng lực lãnh đạo. Đã cử đi đào tạo ở các trường kể cả ngắn và dài hạn 163 người (trong đó đại học và trung học chuyên nghiệp 21 người).

Đối với công tác xây dựng Đảng, đến đầu năm 1989 toàn Đảng bộ có 370 đảng viên, sinh hoạt trong 29 tổ chức cơ sở, trong đó có 20 đảng viên đồng bào dân tộc thiểu số, 37 đảng viên nữ. Qua đánh giá phân loại đảng viên năm 1988, có 305 đồng chí dự phân loại. Kết quả loại 3A có 131 đảng viên, loại 3B có 151 đảng viên, loại II có 22 đảng viên, loại I có 1 đảng viên. Về công tác phát triển đảng viên mới, trong nhiệm kỳ đã kết nạp 45 đảng viên mới, đảm bảo được tiêu chuẩn, phát huy được tác dụng trong đơn vị. Phân loại chất lượng của tổ chức cơ sở đảng năm 1988 theo Quyết định 17 của Ban Bí thư Trung ương Đảng, có 01 tổ chức đạt tiêu chuẩn trong sạch vững mạnh, có 25 tổ chức đạt loại khá, 2 tổ chức loại yếu, không có tổ chức kém.

Đã giải quyết 39 đơn thư tố cáo, phối hợp các cơ quan chức năng kiểm tra 2 đơn vị, 5 trường hợp có dấu hiệu vi phạm kỷ luật đảng. Đã kiểm tra xem xét xử lý 60 trường hợp. Tuy nhiên công tác kiểm tra Đảng vẫn còn những hạn chế như chưa hướng mạnh vào việc kiểm tra thực hiện chỉ thị, nghị quyết, kiểm tra đảng viên chấp hành, để ngăn ngừa biểu hiện vi phạm. Hoạt động kiểm tra còn chạy theo sự vụ, các cơ sở chưa chủ động kiểm tra đảng viên, mạng lưới kiểm tra ở cơ sở thiếu và yếu. Chưa gắn công tác xây dựng Đảng với công tác bảo vệ Đảng.

Nhìn chung công tác xây dựng Đảng được tăng cường cả về chính trị tư tưởng và tổ chức. Nhận thức chính trị về lập trường quan điểm của giai cấp công nhân, về ý chí phẩm chất của đảng viên được nâng lên một bước. Trong hoàn cảnh có nhiều khó khăn vẫn nỗ lực phấn đấu, tin tưởng tuyệt đối vào đường lối của Đảng. Tổ chức cơ sở đảng được phát triển cả số lượng và chất lượng, khẳng định được vai trò lãnh đạo của Đảng trong mọi lĩnh vực công tác. Đảng bộ quan tâm đúng mức đến công tác kiểm tra bảo vệ Đảng. Kiên quyết đấu tranh chống lại mọi biểu hiện tiêu cực trong Đảng, để xây dựng tổ chức đảng trong sạch vững mạnh. Tuy nhiên, bên cạnh đó cũng còn có những yếu kém trong công tác xây dựng Đảng cần phải khắc phục như: công tác giáo dục chính trị tư tưởng chưa nhạy bén chưa sâu sát với thực tế. Hình thức chưa linh hoạt, nhận thức của đảng viên chưa theo kịp yêu cầu đổi mới của Đảng, chưa chú trọng đúng mức đến giáo dục truyền thống của địa phương. Công tác quản lý đảng viên còn nhiều lơ lửng. Một số tổ chức cơ sở đảng còn yếu kém chưa được củng cố kịp thời, sức phấn đấu vươn lên chuyển biến còn chậm. Công tác quy hoạch đào tạo, sử dụng đội ngũ cán bộ còn bị động, nhiều mặt mất cân đối.

Trong hơn 02 năm đầu thực hiện đường lối đổi mới của Đảng, tình hình mọi mặt của Ea Súp đã có những chuyển biến tích cực. Trong lĩnh vực kinh tế, huyện tập trung quán triệt các quan điểm kinh tế mới của Đảng đến cán bộ, đảng viên và nhân dân, chỉ đạo các cấp, các ngành và nhân dân tập trung thực hiện ba chương trình kinh tế lớn, bước đầu giải quyết được các vấn đề cấp bách về lương thực, thực phẩm và hàng tiêu dùng để ổn định cuộc sống, giải phóng sức sản xuất, giải quyết được sự khan hiếm hàng hóa trên thị trường, đời sống nhân dân từng bước ổn định hơn. Lĩnh vực văn hóa - xã hội có chuyển biến tích cực. Quy mô giáo dục tăng khá, trình độ dân trí của huyện được nâng lên. Chất lượng

khám chữa bệnh và chăm sóc sức khỏe nhân dân được cải thiện đáng kể. Hoạt động văn hóa - thông tin, văn nghệ, thể thao đã có nhiều cố gắng đổi mới cơ chế hoạt động và phương thức phục vụ. Mặc dù nhiều chỉ tiêu do Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ III đề ra chưa thực hiện được, nhưng huyện đã giải quyết được những khó khăn trước mắt, để đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội, tạo đà quan trọng cho Ea Súp phát triển trong những năm tiếp theo.

2. Tiếp tục thực hiện đổi mới, phát triển kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa (1989-1995)

Qua hơn 2 năm đầu thực hiện công cuộc đổi mới toàn diện do Đảng lãnh đạo, triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội lần thứ X của Tỉnh mà trực tiếp là Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần III, bộ mặt kinh tế - xã hội của huyện đã có nhiều tiến bộ, sản xuất từng bước phát triển nhất là sản xuất nông nghiệp, bắt đầu triển khai trồng cây công nghiệp dài ngày tạo tiền đề phát triển kinh tế cho những năm tiếp theo. Đời sống nhân dân dần được ổn định, một bộ phận được cải thiện và có tích lũy, phong trào xoá đói giảm nghèo trong đồng bào dân tộc từng bước được giải quyết, cơ sở vật chất kỹ thuật được tăng cường, an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội trên địa bàn được giữ vững, nhân dân các dân tộc trong huyện ngày càng phấn khởi và tin tưởng vào đường lối lãnh đạo của Đảng.

Tuy nhiên, bên cạnh những thành tựu to lớn đã đạt được, còn có những tồn tại phải giải quyết trong các nhiệm kỳ tiếp theo như phát triển chưa đồng đều ở các ngành kinh tế, kinh tế công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp còn kém phát triển, không phát huy được vai trò thúc đẩy đối với các ngành kinh tế khác. Sản xuất nông nghiệp chưa tập trung mũi nhọn vào việc chỉ đạo thực hiện các tiến bộ kỹ thuật để nâng cao năng suất. Việc xây dựng kinh tế vườn cho đồng bào dân tộc đạt kết quả thấp. Một bộ phận đồng bào dân tộc và đồng bào kinh tế mới đời sống còn quá khó khăn. Một số phong tục tập quán lạc hậu chưa được xoá bỏ. Nhu cầu đi lại, ăn, ở, học hành, khám chữa bệnh cho nhân dân chưa được chăm lo đúng mức. Phong trào quần chúng còn nặng về hình thức, chưa chú ý đúng mức đến chất lượng, hiệu quả.

Bước vào năm 1989, trong bối cảnh chung của đất nước, của tỉnh, Ea Súp cũng đối mặt với những khó khăn gay gắt về kinh tế và đời sống. Khủng hoảng toàn diện, sâu sắc và những diễn biến phức tạp tại các nước xã hội chủ nghĩa ở Đông Âu và Liên Xô đã tác động tiêu cực đến nước ta. Trên địa bàn huyện, tư tưởng một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên và quần chúng nhân dân có sự dao động. Trước tình hình trên, Huyện ủy đã liên tục tổ chức các đợt học tập chính trị cho cán bộ chủ chốt và đảng viên ở cơ sở, nhằm quán triệt các nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bộ Chính trị, các chủ trương, chính sách của Nhà nước về đổi mới, giữ vững mục tiêu xã hội chủ nghĩa. Phê phán tư tưởng dao động, hoài nghi, cơ hội, chần chừ những phát ngôn sai trái, vô kỷ luật. Huyện gắn việc nâng cao nhận thức với việc thực hiện các nhiệm vụ chính trị ở địa phương, ngành, cơ sở nhằm đưa đường lối đổi mới của Đại hội VI đi vào cuộc sống, từng bước làm chuyển biến nền kinh tế từ chỗ vận hành theo cơ

chế tập trung, quan liêu bao cấp sang nền kinh tế nhiều thành phần vận hành theo cơ chế thị trường, có sự quản lý của Nhà nước. Đồng thời, huyện chỉ đạo các ngành chức năng kiên quyết đấu tranh với các lực lượng phản động, truy quét bọn tội phạm, các tệ nạn xã hội, giữ vững ổn định chính trị và trật tự an toàn xã hội.

Do tình hình và nhiệm vụ mới theo sự chỉ đạo của Tỉnh ủy từ năm 1989 huyện đã thành lập Ban chỉ đạo cánh nam, có nhiệm vụ chỉ đạo 3 xã phía nam huyện. Tập trung phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng - an ninh làm cơ sở chia tách huyện.

Trong bối cảnh đó, **Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện Ea Súp lần thứ IV được tiến hành từ ngày 20 đến ngày 21-01-1989**. Trên cơ sở đánh giá tình hình thực tiễn của địa phương sau gần ba năm thực hiện đường lối đổi mới của Đảng, tiếp tục thực hiện Nghị quyết Đại hội VI của Đảng và Nghị quyết Đại hội X của tỉnh, căn cứ vào tình hình cụ thể của địa phương, Đại hội đã xác định phương hướng nhiệm vụ chung trong năm 1989-1990 là:

“Đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn huyện, xây dựng huyện có cơ cấu kinh tế thống nhất: “Lâm – nông – công nghiệp” phát triển toàn diện. Lấy nông nghiệp làm trung tâm để giải quyết vững chắc đời sống hàng ngày của nhân dân. Lâm nghiệp kết hợp chặt chẽ với công nghiệp, chế biến, sản xuất hàng hoá đáp ứng nhu cầu tiêu dùng và xuất khẩu. Kết hợp chặt chẽ kinh tế Trung ương với kinh tế địa phương. Mở rộng, phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, tổ chức lại quan hệ sản xuất cho phù hợp với năng lực, trình độ của lực lượng sản xuất ở địa phương. Khai thác mọi khả năng của các thành phần kinh tế. Đẩy mạnh xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội. Gắn kinh tế với quốc phòng. Lấy việc phát triển kinh tế - xã hội tăng cường xây dựng củng cố quốc phòng làm cơ sở để xây dựng Đảng bộ huyện vững mạnh cả về chính trị, tư tưởng và tổ chức. Phấn đấu ổn định và cải thiện đời sống nhân dân”.

Để thực hiện được phương hướng nhiệm vụ chung trên, Đại hội xác định 6 mục tiêu phải thực hiện trong nhiệm kỳ:

1- Tổ chức sản xuất kinh tế lâm nghiệp đạt hiệu quả. Khẩn trương giao đất giao rừng cho các lâm trường và các xã để bảo vệ, xây dựng vốn rừng. Tổ chức hợp lý việc khai thác, sử dụng tài nguyên rừng nhằm phục vụ, thiết thực cho công cuộc xây dựng và đời sống.

2- Đẩy mạnh tốc độ phát triển sản xuất nông nghiệp, nhằm giải quyết đủ lương thực, thực phẩm cho mọi người sống trên địa bàn huyện, hoàn thành nghĩa vụ với Nhà nước, có dự trữ và tạo ra hàng hoá. Đồng thời khuyến khích mở rộng diện tích sản xuất cây công nghiệp ngắn và dài ngày. Tổ chức lại quan hệ sản xuất cho phù hợp với tình hình thực tế ở từng cơ sở dựa trên tinh thần nghị quyết X của Bộ chính trị về đổi mới cơ chế quản lý kinh tế trong nông nghiệp.

3- Tập trung sức giải quyết công tác định canh định cư cho đồng bào dân tộc. Trong đó cần chú trọng khai hoang, làm thủy lợi, xây dựng đồng ruộng và xây dựng các vườn nhà, vườn rừng thực sự có hiệu quả kinh tế, củng cố ổn định

và phát triển các vùng kinh tế mới đã có, tiếp tục đón nhận nhân dân từ đồng bằng lên xây dựng kinh tế trên cơ sở có quy hoạch và kế hoạch cụ thể.

4- Tăng cường xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật của Chủ nghĩa xã hội. Từng bước ổn định và cải thiện đời sống nhân dân. Phát triển sự nghiệp y tế, văn hoá, giáo dục, xoá dần những tập tục, xây dựng các thôn, buôn, các vùng dân cư, lâm, phân trường và các vùng kinh tế mới thành các làng quê trù phú.

5- Tăng cường công tác quốc phòng và an ninh, xây dựng lực lượng của ta ngày càng vững mạnh để giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội. Kết hợp với các lực lượng, xây dựng tuyến phòng thủ biên giới vững chắc. Chủ động truy quét địch và bóc gỡ những cơ sở FULRO và các loại phản động khác. Hạn chế và ngăn chặn tới mức thấp nhất hiện tượng tiêu cực trong đảng và ngoài xã hội.

6- Phát huy quyền làm chủ thực sự của nhân dân, tiếp tục làm trong sạch bộ máy và nâng cao hơn nữa hiệu lực quản lý của bộ máy Nhà nước.

Đại hội cũng đề ra một số mục tiêu cụ thể, giải pháp chủ yếu toàn diện trên các ngành, lĩnh vực. Trước hết tập trung thay đổi cơ chế quản lý và các giải pháp khuyến khích đầu tư, thúc đẩy sản xuất, khai thác tiềm năng và nhân tố mới trên các lĩnh vực nông nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, chế biến nông, lâm sản phục vụ tiêu dùng và xuất khẩu. Liên kết các thành phần kinh tế trong và ngoài huyện để thu hút nguồn vốn, mở rộng sản xuất kinh doanh. Mở rộng quyền tự chủ cho cấp xã và các đơn vị sản xuất kinh doanh, ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất và đời sống; trọng tâm là thực hiện ba chương trình kinh tế lớn của Đảng: *lương thực - thực phẩm, hàng tiêu dùng và hàng xuất khẩu*.

Trong bầu không khí dân chủ, phấn khởi, tin tưởng, Đại hội lần thứ IV đã bầu Ban Chấp hành Đảng bộ huyện gồm có 28 đồng chí, đồng chí Bùi Hồng Lĩnh được bầu làm Bí thư Huyện ủy.

Quá trình thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ IV, Đảng bộ và nhân dân các dân tộc huyện Ea Súp đã đạt được nhiều thành tựu trong phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn huyện. Trong lĩnh vực nông nghiệp, toàn Đảng bộ đã quán triệt thực hiện định hướng coi nông nghiệp là mặt trận hàng đầu, lương thực, thực phẩm là mục tiêu số một. Từ nhận thức trên Đảng bộ đã lãnh đạo nhân dân tích cực khai hoang, xây dựng cánh đồng mở rộng diện tích, tăng cường thâm canh, ứng dụng tiến bộ khoa học vào sản xuất. Huyện đã chủ động đề xuất với tỉnh, Trung ương đầu tư vốn để làm mới đập thủy lợi Ea Ma và nâng công suất sử dụng của các đập thủy lợi hồ Ea Súp, Nà Wel, lập kế hoạch đầu tư nâng cấp công trình kênh đập Nà Xước.

Từ những biện pháp tích cực và hiệu quả đối với nông nghiệp, năm 1989 tổng sản lượng lương thực quy thóc đạt 7.780 tấn (vượt 43 tấn so với năm 1988), tổng sản lượng lương thực năm 1990 đạt khoảng 9.000 tấn. Bình quân lương thực đầu người đạt 489 kg/người/năm (đạt 100% kế hoạch). Nét nổi bật đáng chú ý là đã chứng minh được đất ở Ea Súp phù hợp với cây điều. Qua nhiều kỳ họp, Đảng bộ huyện đã xác định đây là cây công nghiệp mũi nhọn có giá trị kinh

tế trên địa bàn huyện. Nghề trồng dâu nuôi tằm có khả năng phát triển được ở xã Ea Bung và các khu đất ven suối trên địa bàn có thể trồng được dâu để nuôi tằm.

Đẩy mạnh thực hiện Nghị quyết 10 của Bộ Chính trị về đổi mới cơ chế quản lý kinh tế nông nghiệp nhằm giải phóng năng lực sản xuất, khuyến khích người lao động đầu tư phát triển sản xuất nông nghiệp. Trên địa bàn huyện đã xuất hiện những hộ sản xuất kinh doanh giỏi thu nhập bình quân 5 – 7 triệu đồng/năm. Sản xuất nông nghiệp phát triển, lợi ích người nông dân được chú trọng đã tạo ra đời sống ở nông thôn Ea Súp tương đối ổn định (nhất là xã Ea Lê), cơ sở vật chất kỹ thuật của địa phương từng bước được xây dựng, nông thôn mới bước đầu hình thành.

Lâm nghiệp là thế mạnh của Ea Súp bởi rừng và đất rừng chiếm 80% diện tích tự nhiên của huyện, trữ lượng gỗ lớn, trong đó có nhiều loại gỗ quý, động vật rừng phong phú. Năm 1991, trên địa bàn huyện còn 302.000 ha rừng và đất rừng do 7 lâm trường thuộc Liên hiệp nông - công nghiệp quản lý và một khu rừng Quốc gia Yók Đôn do Bộ lâm nghiệp trực tiếp quản lý. Khu rừng quốc gia này sẽ là điểm du lịch và nghiên cứu môi trường. Đảng bộ đã lãnh đạo chặt chẽ công tác quản lý bảo vệ rừng, thường xuyên tuyên truyền trong nhân dân việc bảo vệ tài nguyên thiên nhiên, thực hiện nghiêm túc các quy định về bảo vệ rừng. Đồng thời tích cực trồng cây phân tán, trồng cây gây rừng. Việc khai thác lâm thổ sản từng bước được chấn chỉnh theo quy chế luật pháp.

Lĩnh vực công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp tăng trưởng khá nhanh, tổng giá trị năm 1991 so với năm 1989 tăng 30%. Ngành công nghiệp chủ yếu ở huyện là khai thác chế biến gỗ và xay xát lương thực. Đến năm 1991 trên địa bàn huyện có 12 xưởng chế biến gỗ. Năm 1990 khai thác được 60.000 m³, chế biến được 10.000 m³ trong đó gỗ xẻ huyện quản lý là 5.000 m³.

Công tác như xây dựng cơ bản, khai hoang xây dựng cánh đồng, tiến hành công tác định canh định cư trong vùng đồng bào dân tộc, đảm bảo giao thông trong mọi tình huống luôn được Đảng bộ quan tâm thực hiện. Những công trình xây dựng trong nhiệm kỳ là đập thủy lợi Ea Súp hạ, Bệnh viện đa khoa, trạm xá xã Ea Hoar, nhà làm việc Ủy ban nhân dân huyện, trường phổ thông trung học, trường phổ thông cơ sở xã Ea Hoar, Ea Wel, trụ sở làm việc xã Ea Bung, Ea Lê, nhà tình nghĩa, trụ sở Viện kiểm sát nhân dân, Tòa án, Bưu điện, kho vũ khí huyện đội, đài tiếp sóng truyền hình. Mở 12 km đường giao thông nông thôn, phát triển đầu xe khách theo mô hình liên doanh: Nhà nước và tư nhân đảm bảo ngày càng tốt hơn việc vận chuyển hành khách và hàng hoá. Thực hiện tương đối tốt bảo đảm an toàn cho người, xe, hàng, hạn chế được tai nạn giao thông. Khởi công xây dựng Nghĩa trang liệt sĩ huyện. Đầu tư 300 triệu khai hoang xây dựng gần 100 ha ruộng. Xây dựng tiếp tuyến đường N10 và một số hạng mục công trình trên kênh tạo ra cánh đồng 2 vụ lúa nước khu dốc sỏi xã Ea Lê và khu Ea Ma vùng Bản Đôn. Thực hiện chính sách định canh định cư trong vùng đồng bào dân tộc, Đảng bộ đã chọn xã Ea Súp và xã Krông Na làm địa bàn trọng điểm để đầu tư xây dựng kinh tế buôn, xã, tiến bộ của công tác định canh là đồng bào bước đầu đã thực hiện thâm canh, định cư đã có kinh tế vườn, tình trạng trâu bò

thả rông có giảm, chuồng trại cho gia súc và các công trình vệ sinh được hoàn thành.

Công tác thông tin liên lạc từng bước phát triển, nâng cấp mạng thông tin liên lạc nội hạt, xây dựng và hoàn thiện hệ thống Vipa, giữ vững hoạt động thông tin với tỉnh giảm số giờ và số lần mất liên lạc – công văn, thư báo, bưu kiện, bưu phẩm được giao nhận cấp phát kịp thời, đầy đủ.

Lĩnh vực phân phối lưu thông có bước phát triển mới, thị trường hàng hoá được hình thành và phát triển, hàng hoá đa dạng, phong phú với nhiều thành phần kinh tế tham gia, đã đáp ứng cơ bản nhu cầu tiêu thụ của người sản xuất và nhu cầu tiêu dùng của người dân. Công tác quản lý điều tiết thị trường xã hội bước đầu có chuyển biến, lưu thông phân phối được ổn định giá cả tăng đột biến không nhiều. Tuy nhiên, do chịu ảnh hưởng chung của tình hình phân phối lưu thông của cả nước và trong tỉnh, nên trong những 1989-1990, lĩnh vực phân phối lưu thông ở Ea Súp diễn ra nhiều bất cập, tài chính ngân sách thu không đủ chi, nguồn chi chủ yếu là sự cân đối hỗ trợ tài chính của tỉnh, ngân sách không đáp ứng đủ tiền mặt cho sản xuất, tiêu dùng, thương nghiệp quốc doanh, hợp tác xã mua bán thua lỗ kéo dài, đến năm 1991 hệ thống thương nghiệp và hợp tác xã mua bán tan rã, có hợp đồng liên kết kinh tế hiệu quả thấp để mất mát tài sản trong tổ chức quản lý kinh tế.

Tháng 8-1991, dân cư trong huyện có 3.850 hộ với 19.300 người, tập trung tại 3 cụm dân cư: Cánh nam, khu trung tâm và cánh bắc. Lao động trong huyện trước đây phần lớn là lao động nông nghiệp và lâm nghiệp, đã hình thành thêm lực lượng lao động tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ giải quyết được vấn đề việc làm cho người lao động.

Hệ thống giáo dục được Đảng bộ quan tâm chỉ đạo, đến năm 1991 trong toàn huyện có 1 trường cấp II - III, 7 trường phổ thông cơ sở, 1 trường Bỏ túc văn hoá – thông tin, số học sinh đến trường mỗi năm đều tăng. Bình quân 5 người dân có 1 người đi học. Công tác hướng nghiệp và hướng dẫn nghiên cứu ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất và đời sống được chú trọng đúng đắn.

Mạng lưới y tế của huyện được củng cố và đầu tư xây dựng cơ sở vật chất. Năm 1991, huyện có 1 bệnh viện trung tâm, 1 trạm xá khu vực và 6 trạm xá xã trong đó có 4 trạm được xây dựng kiên cố với 120 giường bệnh, có 100 cán bộ công nhân viên chuyên môn phục vụ việc chăm sóc chữa bệnh và hướng dẫn nhân dân thực hiện công tác vệ sinh phòng bệnh.

Các hoạt động văn hoá nghệ thuật, thể dục thể thao, thông tin truyền thanh được đẩy mạnh nhằm nâng cao đời sống tinh thần cho nhân dân, khẩu hiệu: “Người người được xem Video, nhà nhà được nghe đài” do Đại hội Đảng lần thứ III đề ra đến năm 1991 đã đạt được. Từ chỗ năm 1987 toàn huyện chỉ có 1 đầu máy Video đến năm 1991 đã có trên 20 máy. Đài tiếp phát sóng truyền hình của huyện đã đi vào hoạt động.

Ea Súp là địa bàn quân sự chính trị chiến lược, có tuyến đường hành lang quan trọng nên FULRO thường xuyên lên lút hoạt động vũ trang, tuyên truyền, khống chế cán bộ, nhân dân, móc nối cơ sở, nhận tiếp tế, nắm tình hình, tạo thế chiến lược đưa bọn lưu vong xâm nhập nội địa.

Năm 1989, FULRO xuất hiện trên địa bàn huyện 6 lần, di chuyển lực lượng, móc nối lấy tiếp tế, xây dựng cơ sở ở buôn làng. Ngày 10-7-1989, huyện kết hợp với Công an tỉnh diệt tại chỗ tên Y Dem Niê, trung uý trình sát giao liên FULRO thu 1 súng AK, 10 kg gạc nai, 20 kg ngà voi, tư trang và tài liệu khác.

Đẩy mạnh công tác xây dựng lực lượng vũ trang, bán vũ trang và giải quyết vấn đề FULRO trong năm 1989 huyện đã mở 35 đợt truy quét vùng ven, 16 đợt truy quét vùng sâu. Phát động quần chúng bóc gỡ FULRO 5 lần với 500 lượt người tham gia. Huấn luyện 10 đơn vị có 675 đồng chí, dân quân tự vệ trong đó có 219 cơ động. Huấn luyện quân dự bị cho D613, giao quân thường trực 30 người đạt 100% chỉ tiêu. Phúc tra quân dự bị I với 812 người, dự bị II với 1.335 người, tiến hành công tác diễn tập PT89 đạt yêu cầu kế hoạch đề ra.

Những tháng cuối năm 1990, đầu năm 1991 lực lượng FULRO liên tục xuất hiện ở khu vực Rừng Xanh, Ya Lốp, Ea H'Mơ gây thiệt hại cho ta về người, tài sản, đồng thời tạo ra tư tưởng hoang mang dao động trong một bộ phận nhân dân. Một số nguy quân, nguy quyền cũ không chịu cải tạo và các thế lực phản động lợi dụng tôn giáo tuy chưa có những hoạt động trắng trợn nhưng đã có những biểu hiện chò chờ thời.

Năm 1991, theo báo cáo của chính quyền xã Ea Wel và xã Krông Na có toán FULRO khoảng 3-5 tên do Y Thoong Hnek (người Buôn Tui) chỉ huy hoạt động tại địa bàn xã, đôi khi xuất hiện khu vực suối Đik Kên – Đăk Khô gặp dân đi săn bắt thú rừng, lấy chai cục xin tiếp tế, liên lạc. Triển khai công tác giải quyết vấn đề FULRO, huyện đã vận động các chủ thể đặc biệt gồm 6 thân nhân FULRO ở rừng, 3 chủ voi, 4 trí thức tầng lớp trên. Qua tuyên truyền và vận động các đối tượng hứa sẽ báo cáo tình hình, hoặc nếu gặp FULRO ở rừng về sẽ vận dụng về trình diện chính quyền. Bên cạnh đó, nghiên cứu tuyển chọn 5 đầu mối làm cơ sở nắm tình hình, tiếp cận đối tượng FULRO, Mạng lưới cơ sở đã được bố trí gần Buôn Đôn, Buôn Giăng Lảnh 1, Buôn Rang Phốc 1, Buôn Tul 1, tiếp tục nghiên cứu bố trí cơ sở các Buôn Rêch, Buôn Nà Xước.

Đẩy mạnh công tác truy quét vùng ven, vùng sâu, trong năm 1991 huyện đã củng cố tổ chức, lực lượng dân quân cơ động và tự vệ, huấn luyện 123 người ở 6 đơn vị. Các buôn xã, đội tự vệ các lâm trường, xí nghiệp với tinh thần sẵn sàng chiến đấu. Từ tháng 7 đến tháng 9-1991, Huyện uỷ đã tổ chức chỉ đạo mở một đợt truy quét vùng ven và vùng sâu chặn đánh các toán FULRO xâm nhập tại các điểm Đăk Ruê (C3), đoạn Buôn Drêch (cũ) đến tự vệ lâm trường Ea Tul.

Quán triệt sâu sắc quan điểm quốc phòng toàn dân của Đảng, thực hiện Nghị quyết 02 của Bộ Chính trị và Nghị quyết 01, Chỉ thị 07 của Tỉnh uỷ, Đảng bộ tổ chức diễn tập phòng thủ 7T89, BG90 theo cơ chế Đảng lãnh đạo, Nhà nước điều hành, cơ quan quân sự làm tham mưu và chỉ huy thống nhất các lực

lượng, đã đạt được những kết quả cao. Việc chuyển trạng thái từ thời bình sang thời chiến trên các lĩnh vực hoạt động đã đáp ứng được nhu cầu đặt ra, xây dựng hoàn thành cơ bản các phương án A, A2. Nhân dân đã xác định được trách nhiệm và nghĩa vụ bảo vệ an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội, tích cực tham gia phát quang tuyến đường, bảo vệ biên giới, giao quân cho bộ đội thường trực đạt được chỉ tiêu kế hoạch được giao, tổ chức thực hiện công tác hậu phương quân đội kịp thời, đầy đủ, ủng hộ vật chất, tinh thần cho lực lượng vũ trang, bán vũ trang, tổ chức 2 đợt diễn tập phong thủ.

Thường xuyên quan tâm xây dựng lực lượng vũ trang trên địa bàn huyện, bộ đội địa phương và dân quân tự vệ trong sạch vững mạnh trên cả 3 mặt: Chính trị, tư tưởng và tổ chức. Trong nhiệm kỳ đã tổ chức 46 đợt truy quét vùng ven, vùng sâu. Công tác học tập, huấn luyện được chú trọng đúng mức, đã tổ chức huấn luyện 26 đợt có trên 400 đồng chí tham gia, đồng thời thường xuyên tổ chức kiểm tra công tác thực hiện nhiệm vụ sẵn sàng chiến đấu, và quản lý vũ khí, khí tài.

Hoạt động của các đoàn thể nhân dân trong nhiệm kỳ được tăng cường và đi vào quy củ, thực hiện Chỉ thị 53 của Ban Bí thư Trung ương Đảng, luật về tổ chức và hoạt động của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân, các văn bản hướng dẫn của Nhà nước, Đảng bộ đã tập trung lãnh đạo, phát huy dân chủ, củng cố tổ chức, phát huy hiệu lực của bộ máy nhà nước trong việc quản lý nhà nước bằng pháp luật trên các lĩnh vực kinh tế, văn hoá, xã hội, an ninh quốc phòng. Đã tiến hành đạt kết quả kỳ bầu cử Quốc hội, Hội đồng nhân dân 3 cấp ngày 19-11-1990 theo luật định bầu ra Hội đồng nhân dân huyện khoá V có 35 đồng chí, đồng chí Nguyễn Công Huân được bầu làm chủ tịch Hội đồng nhân dân, đồng chí Trần Thành Đồng và Nguyễn Viết Oánh làm phó chủ tịch Hội đồng nhân dân, đồng chí Phùng Văn Bửu được bầu làm chủ tịch Ủy ban nhân dân. Đến năm 1991, ở 7 xã đã có tổ chức Hội đồng nhân dân với 179 đại biểu tham gia. Trong hoàn cảnh có nhiều khó khăn, Hội đồng nhân dân 2 cấp cơ bản đã phát huy được vị trí, vai trò chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của luật. Tổ chức các cuộc họp theo định kỳ.

Đối với công tác xây dựng và phát triển Đảng, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ IV đã xác định: *“Đổi mới công tác của Đảng nhằm làm trong sạch, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng bộ”* nên đặt ra nhiệm vụ then chốt của công tác xây dựng Đảng là: Nâng cao tính giai cấp công nhân, tính tiên phong của Đảng, xây dựng Đảng vững mạnh cả về chính trị, tư tưởng, tổ chức. Đầu nhiệm kỳ đại hội IV, Đảng bộ có 270 đảng viên sinh hoạt ở 30 tổ chức cơ sở đảng. Đến tháng 4-1990, theo sự phân công nhiệm vụ của Đảng bộ tỉnh, đã bàn giao cho Đảng uỷ Liên hiệp lâm-nông-công nghiệp Ea Súp 6 chi bộ, 1 Đảng bộ các lâm trường, tổng cộng 99 đảng viên. Năm 1991, toàn Đảng bộ có 242 đảng viên, trong đó nữ 23 đồng chí, đồng bào dân tộc 24 đồng chí, đảng viên dự bị 7 đồng chí, đảng viên ở nông thôn 89 đồng chí, đảng viên ở lực lượng vũ trang 28 đồng chí, hành chính sự nghiệp 125 đồng chí, đảng viên hưu trí 15 đồng chí. Thực hiện Chỉ thị 06 của Tỉnh uỷ về việc làm trong sạch, nâng cao

năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu, gắn bó giữa Đảng và nhân dân, Đảng bộ đã mở đợt sinh hoạt chính trị sâu rộng trong toàn Đảng bộ, kiểm điểm định kỳ cấp uỷ và cá nhân đảng viên. Đấu tranh tự phê bình và phê bình thẳng thắn nghiêm túc, công khai, dân chủ, lắng nghe ý kiến đóng góp của tổ chức đoàn thể và nhân dân đối với sự lãnh đạo của cấp uỷ và cá nhân đảng viên.

Đẩy mạnh kiện toàn các tổ chức Đảng, đã thành lập 3 tổ chức cơ sở đảng: Chi bộ Ea Hoar, chi bộ Ea Wel, chi bộ Yók Đôn. Giải thể chi bộ Xí nghiệp khai thác chế biến gỗ, sáp nhập 3 chi bộ (Xuất nhập khẩu, Thương nghiệp, Vật tư lương thực). Đảng bộ chỉ đạo kiện toàn các tổ chức cơ sở đảng, bầu được 83 đồng chí cấp uỷ cơ sở (trong đó có 3 nữ, 7 đồng chí là người dân tộc thiểu số, chỉ định 11 đồng chí bí thư cơ sở). Thực hiện Chỉ thị 06 của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ và Kế hoạch 222 của Ban tổ chức Tỉnh uỷ, đã khảo sát phân loại cơ sở trong toàn Đảng bộ. Kết quả phân loại 2 năm 1989 – 1990: có 3 đơn vị đạt trong sạch vững mạnh, chiếm 13,7%; 11 đơn vị đạt loại khá, chiếm 49,3%; loại yếu có 8 đơn vị, chiếm 37%.

Công tác phát triển đảng viên mới được chú trọng thực hiện, đã kết nạp được 27 đảng viên mới, có 13/22 cơ sở phát triển được đảng viên mới. Hầu hết đảng viên mới kết nạp đã phát huy được vị trí vai trò tại cơ sở, đã chuyển đảng chính thức cho 40 đảng viên dự bị, phát thẻ đảng viên cho 56 đồng chí, cấp huy hiệu 40 năm tuổi đảng cho 6 đồng chí.

Công tác kiểm tra là một nhiệm vụ quan trọng của công tác xây dựng Đảng, được Đảng bộ Đảng bộ quan tâm thực hiện theo đúng Điều lệ Đảng. Trong hai năm 1990- 1991, có 200/240 đồng chí được kiểm tra, chiếm 82% số lượng đảng viên trong đảng bộ. Đảng viên tỉnh quản lý 23 đồng chí, huyện quản lý 53 đồng chí, cơ sở quản lý 122 đồng chí. Kết quả chấp hành tốt 151/195 đồng chí, chiếm 77%, chấp hành chưa tốt 44/185 đồng chí, chiếm 22%, công tác kiểm tra đảng viên chấp hành Điều lệ Đảng đã được các Đảng bộ quan tâm chỉ đạo làm từ cơ sở lên. Thực hiện Chỉ thị 05 của Tỉnh uỷ, đã tiến hành kiểm tra khảo sát một số nhân sự để bầu vào Hội đồng nhân dân khoá V, đồng thời triển khai thực hiện Chỉ thị 135 và Quyết định 240 của Hội đồng Bộ trưởng, tổ chức kiểm tra cơ sở đảng 14 lần, kết hợp thanh tra Nhà nước kiểm tra 5 đơn vị, đã xử lý kịp thời các cơ sở và đảng viên vi phạm. Đồng thời kiến nghị Nhà nước xử lý theo pháp luật đối với đơn vị, cá nhân vi phạm. Nội dung kiểm tra được cấp uỷ hướng dẫn cụ thể, công tác kiểm tra đi vào nề nếp trong sinh hoạt định kỳ của Đảng bộ. Tuy nhiên, công tác kiểm tra đảng vẫn còn một số hạn chế như nhận thức của một số cấp uỷ và đảng viên chưa đúng mức, không làm thường xuyên, cấp uỷ cơ sở vẫn còn thiếu hướng dẫn và kiểm tra đôn đốc.

Nhìn chung, những năm đầu thực hiện đường lối đổi mới của Đảng, triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ IV, Đảng bộ và nhân dân các dân tộc huyện Ea Súp đã đạt được nhiều thành tựu to lớn, thể hiện trên các mặt như cơ chế quản lý hành chính quan liêu bao cấp dần được xóa bỏ, cơ chế quản lý mới có hiệu quả đang hình thành, từng bước thay thế cơ chế cũ. Đã hình thành cơ sở nền kinh tế hàng hoá nhiều thành phần theo định hướng xã hội

chủ nghĩa, quan hệ sản xuất được củng cố, lực lượng sản xuất có hướng phát triển nhờ sản xuất hàng hoá được đẩy mạnh, đời sống nhân dân được ổn định và cải thiện. Cơ sở vật chất của huyện được tăng cường. Nhu cầu về nhà ở, y tế và giáo dục của nhân dân từng bước được đảm bảo, an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, an ninh biên giới được giữ vững, thành quả cách mạng được bảo vệ vững chắc, hệ thống chính trị được củng cố và tăng cường.

Tuy nhiên, quá trình lãnh đạo thực hiện các nhiệm vụ kinh tế - xã hội của Đảng bộ vẫn còn tồn tại những hạn chế phải khắc phục như: phát triển sản xuất nông nghiệp chưa vững chắc, chưa đều, áp dụng khoa học kỹ thuật còn hạn chế. Một số công trình thủy lợi hiệu quả thấp, xây dựng cánh đồng còn thiếu đồng bộ, chưa gắn giao thông với phát triển thủy lợi, khai hoang, mở rộng các điểm dân cư. Định canh định cư của đồng bào dân tộc và kinh tế mới còn đạt kết quả thấp, phát triển kinh tế chưa thực sự gắn với văn hoá xã hội. Sản xuất nông nghiệp chưa gắn với sản xuất lâm nghiệp, công nghiệp chế biến và ngành nghề thủ công nghiệp, diện tích rừng bị suy giảm. Đời sống của đồng bào dân tộc vẫn còn nhiều khó khăn. Lĩnh vực giáo dục, y tế, văn hoá, thông tin còn nhiều mặt yếu, nhất là ở vùng xa, vùng sâu, đường giao thông xuống cấp. Thực lực hệ thống chính trị tuy được củng cố nhưng chưa thực sự mạnh. Hoạt động và tổ chức đoàn thể chậm được đổi mới và còn nặng hình thức, quản lý nhà nước trên một số lĩnh vực còn buông lỏng.

Bước sang năm 1991, tình hình quốc tế tiếp tục diễn biến ngày càng phức tạp. Liên bang cộng hòa xã hội chủ nghĩa Xôviết tan rã, các nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu sụp đổ. Chủ nghĩa xã hội lâm vào thoái trào, gây nên sự đảo lộn lớn trong trật tự thế giới, độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội đứng trước thử thách lớn của thời đại.

Cuộc chấn động chính trị thế giới đã tác động mạnh đến nước ta, làm mất chỗ dựa chủ yếu trong quan hệ hợp tác toàn diện với các nước trong phe xã hội chủ nghĩa. Trong khi đó, các thế lực phản động trong và ngoài nước, tăng cường chiến dịch “diễn biến hòa bình”, chuẩn bị kế hoạch bạo loạn và lật đổ, nuôi ý đồ xóa bỏ chế độ xã hội chủ nghĩa.

Thời gian này lại là thời kỳ đầu thực hiện sự nghiệp đổi mới do Đảng ta khởi xướng và lãnh đạo, bắt đầu chuyển nền kinh tế tập trung quan liêu bao cấp sang cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước nên gặp lúng túng về nhận thức và tổ chức.

Trước tình hình đó, để chuẩn bị cho Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ V, thực hiện Chỉ thị 59 của Ban bí thư Trung ương Đảng về mở Đại hội đảng các cấp để tiến tới Đại hội đại biểu toàn Quốc lần thứ VII của Đảng, đồng thời thực hiện Chỉ thị 65 của Ban bí thư Trung ương về việc tổ chức học tập lấy ý kiến góp ý vào các dự thảo văn kiện trình Đại hội lần thứ VII của Đảng và Chỉ thị số 12 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về mở Đại hội đảng các cấp (vòng 1).

Ngày 06-4-1991, tại hội trường Ủy ban nhân dân huyện Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện lần thứ V (vòng 1) chính thức khai mạc, tham gia Đại hội có 62

đại biểu chính thức thuộc 22 tổ chức cơ sở đảng đại diện cho hơn 200 đảng viên trong toàn Đảng bộ. Về dự và chỉ đạo Đại hội có đồng chí Lê Chí Quyết – Phó Bí thư Tỉnh ủy.

Đại hội đã thông qua Báo cáo tổng hợp ý kiến đóng góp của các tổ chức cơ sở Đảng vào 5 dự thảo văn kiện trình Đại hội lần thứ VII của Đảng và Báo cáo tổng hợp ý kiến đóng góp của quần chúng vào hai dự thảo văn kiện trình Đại hội lần thứ VII của Đảng. Sau đó, Đại hội tập trung thảo luận, đóng góp ý kiến và thể hiện sự nhất trí cao đối với 5 dự thảo văn kiện Trình Đại hội lần thứ VII. Đại hội cũng đã bầu 8 đại biểu chính thức dự Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XI.

Sau một thời gian chuẩn bị công phu về mọi mặt, **từ ngày 21 đến ngày 23-10-1991, tại Hội trường Ủy ban nhân dân huyện, Đại hội Đảng bộ huyện Ea Súp lần thứ V (vòng 2) được tiến hành**, về dự Đại hội có 61 đại biểu chính thức. Đại hội cũng vinh dự đón đồng chí Huỳnh Văn Cần – Bí thư Tỉnh ủy, đồng chí Lê Chí Quyết – Phó Bí thư Tỉnh ủy, đồng chí Y Ly Niê Kdăm – Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về dự và chỉ đạo Đại hội. Đại hội đã tổng kết tình hình triển khai Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ IV và thông qua phương hướng, nhiệm vụ trong những năm 1991 – 1995, trước mắt là trong những năm 1991-1993 là:

- Từng bước xây dựng nền kinh tế nhiều thành phần, vận hành theo cơ chế thị trường, dưới sự quản lý của Nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Chuyển nền sản xuất nông nghiệp mang tính tự cung tự cấp sang sản xuất hàng hóa. Phát triển toàn diện kinh tế nông nghiệp, gắn với xây dựng nông thôn mới. Tập trung thực hiện ba chương trình kinh tế lớn lương thực, thực phẩm, hàng tiêu dùng và hàng xuất khẩu. Kiểm soát và đẩy lùi được đói, đau, mù chữ và bội chi ngân sách. Gắn sản xuất với chế biến. Xây dựng cơ cấu kinh tế của huyện theo hướng Lâm- nông - công nghiệp chế biến.

- củng cố các cơ sở đã định canh, định cư, tiếp tục vận động và tổ chức nhân dân các nơi chưa định canh, định cư tiến hành định canh, định cư. Nâng cao trình độ mọi mặt của nhân dân. Xây dựng gia đình văn hóa, con người mới xã hội chủ nghĩa, làm lành mạnh hóa các quan hệ xã hội, thực hiện tốt các chính sách xã hội và chính sách hậu phương quân đội.

- Tăng cường công tác quốc phòng - an ninh. Xây dựng lực lượng vũ trang, công an nhân dân vững mạnh, để thực hiện tốt nhiệm vụ đảm bảo an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, làm thất bại mọi âm mưu thủ đoạn phá hoại của địch trên địa bàn.

- Đổi mới và chỉnh đốn Đảng, đảm bảo sự lãnh đạo toàn diện của Đảng trong hệ thống chính trị ở địa phương. Làm trong sạch đội ngũ cán bộ, đảng viên. Tăng cường sự gắn bó của Đảng với nhân dân.

Đại hội đã bầu Ban Chấp hành Đảng bộ huyện khoá V gồm có 27 đồng chí, đồng chí Bùi Hồng Lĩnh được bầu lại làm Bí thư Huyện ủy.

Sau Đại hội Đảng bộ huyện, trọng tâm lãnh đạo của cấp ủy địa phương là thực hiện chuyển dịch cơ cấu kinh tế, đổi mới cơ chế quản lý, đẩy mạnh sản

xuất, đưa nghị quyết của Đảng vào cuộc sống. Nhiều chỉ tiêu kinh tế - xã hội đã đạt vượt mức kế hoạch đề ra. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch đúng hướng. Huyện lãnh đạo từng bước chuyển nền nông nghiệp sản xuất nhỏ, tự cung tự cấp sang sản xuất hàng hóa, theo mô hình kinh tế hộ gia đình là chủ yếu.

Dưới ánh sáng Nghị quyết Đại hội VII của Đảng Cộng sản Việt Nam, triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội XI Đảng bộ tỉnh và trực tiếp là Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ V, toàn huyện đã chủ động chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng sản xuất hàng hóa, nhịp độ kinh tế tăng trưởng khá, đời sống nhân dân được cải thiện, có tích lũy nội bộ. Nhịp độ tăng bình quân hàng năm từ 1991 – 1995 về sản phẩm nội huyện là 78%. Nông nghiệp, lâm nghiệp tăng 4,6%, tiểu thủ công nghiệp xây dựng cơ bản, dịch vụ tăng 5,2%.

Xác định tiềm năng phát triển kinh tế của huyện là nông nghiệp, Đảng bộ đã tập trung chỉ đạo, coi sản xuất nông nghiệp là mặt trận hàng đầu, lương thực và thực phẩm là mục tiêu số 1. Sản xuất nông, lâm nghiệp đi dần vào thế ổn định và có bước phát triển. Sản xuất lương thực được coi trọng, đã tập trung chỉ đạo thâm canh, tăng vụ, ứng dụng khoa học - kỹ thuật, đưa nhiều loại giống mới vào sản xuất có hiệu quả. Đẩy mạnh thực hiện nhiều biện pháp tích cực nên diện tích, năng suất và sản lượng đều tăng trưởng. Năm 1992 tổng sản lượng lương thực toàn huyện đạt 9.063 tấn, bình quân lương thực là 480 kg/người/năm. Đến năm 1995, tổng sản lượng lương thực quy thóc đạt 12.903 tấn; bình quân lương thực là 650 kg/người/năm.

Cùng với phát triển sản xuất lương thực, cây công nghiệp ngắn ngày được mở rộng ở cả các xã và vùng đồng bào dân tộc và tăng trưởng cao: năm 1993, đậu xanh đạt 185 tấn; đậu phụng 138 tấn, đậu các loại khác 35 tấn, đến năm 1995: đậu xanh 424 tấn, đậu phụng 340 tấn, đậu các loại khác 75 tấn.

Đất nông nghiệp của huyện không phải nhiều bằng những vùng khác trong tỉnh, nên bên cạnh cây lúa, cây điều được Đảng bộ xác định là cây công nghiệp mũi nhọn, có hiệu quả kinh tế cao, được nhân dân đồng tình hưởng ứng phát triển mạnh, năm 1991 mới có 154 ha đến năm 1995 đạt 1.850 ha (trong đó diện tích cho thu hoạch 387 ha), sản lượng thu hàng năm đạt 350 tấn. Cây dâu tằm, tuy mới phát triển ở một số nơi nhưng đã cho thấy giá trị kinh tế tương đối cao, hàng năm thu gần 500 triệu đồng. Các loại cây có trái, rau quả cao cấp như xu hào, bắp cải, dưa hấu, xúp lơ... phát triển mạnh ở vùng Ea Bung, Ea Rôc và ven trung tâm huyện. Riêng dưa hấu, dưa lê năm 1993 sản lượng chỉ có một tấn, năm 1995 đạt 10 tấn.

Đi đôi với trồng trọt, các hộ gia đình đã chú trọng phát triển chăn nuôi. Năm 1992, đàn trâu có 980 con, có 883 con bò, đàn heo có 5.945 con; đến năm 1995 đạt 1.995 con trâu, 1.330 con bò, đàn heo đạt 9.200 con, đàn vịt có 12.000 con, nhân dân đào đắp 50 ha ao hồ, mở rộng nghề nuôi cá lồng, tổng sản lượng cá hàng năm (gồm cá tự nhiên và cá nuôi) cung cấp cho thị trường trên 40 tấn cá thịt, đáp ứng đủ nhu cầu thực phẩm của nhân dân trong huyện và trở thành hàng hoá xuất ra ngoài địa bàn.

Việc giao khoán quản lý, bảo vệ rừng có những bước phát triển mới, đến đầu năm 1996 toàn huyện có 629 hộ và 20 đơn vị nhận chăm sóc: 53.920 ha rừng (trong đó đồng bào dân tộc tại chỗ đã nhận 6.000 ha). Nhờ đó, diện tích rừng bị cháy giảm so với các năm trước, góp phần cải thiện đời sống, hạn chế được nạn phá rừng làm nương rẫy. Hoạt động kinh doanh lâm nghiệp đã khai thác theo quy hoạch, kế hoạch, giá trị nộp ngân sách 682.983.926 đồng. Công tác trồng cây nhân dân được tổ chức và duy trì thường xuyên, mỗi năm trồng hàng chục ngàn cây xanh, cây ăn quả, góp phần tích cực vào việc bảo vệ môi trường sinh thái.

Công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp của huyện tuy còn nhỏ nhưng đã cố gắng vươn lên khắc phục khó khăn, ổn định sản xuất và đứng vững được trong cơ chế mới. Huyện đã xúc tiến sắp xếp lại tổ chức bộ máy, đào tạo lại cán bộ, công nhân, xây dựng lại phương án sản xuất kinh doanh, trang bị thêm một số máy móc cho các đơn vị sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp của địa phương. Ngoài xí nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng huyện, Nhà nước đã liên doanh với một số hộ gia đình sản xuất gạch ngói, đã đáp ứng cơ bản nhu cầu xây dựng trên địa bàn. Từ chỗ lao động gần như hoàn toàn bằng thủ công đến năm 1996 đã cơ khí hoá được một số khâu, nên năng suất lao động được nâng lên, mức tăng trưởng bình quân hàng năm trong những năm 1991-1995 đạt 3,5%. Riêng đối với nông nghiệp, đã tiến hành làm đất bằng cơ giới được 50% diện tích, có xã đạt 90%. Máy tuốt lúa liên hoàn trong huyện có 25 máy, chế biến hàng năm từ 8.000-10.000 tấn lương thực. Sản lượng điện đạt 180.000 kw/h/năm. Khai thác sản xuất 25.000 m³ cát, 3.500m³ đá và 20 vạn viên gạch/năm. Hoàn thành đưa vào sử dụng 1.240 m² phòng học, trạm xá, trụ sở, nhà làm việc và các công trình phúc lợi công cộng khác.

Bên cạnh sự phát triển của các ngành kinh tế trên thì một số lĩnh vực như dịch vụ, giao thông, thủy lợi, bưu điện có nhiều đổi mới trong phương thức hoạt động, đường giao thông được mở mang nâng cấp. Hệ thống thủy lợi tiếp tục được mở rộng đảm bảo đủ nước tưới cho các cánh đồng, từng bước hoàn chỉnh đưa diện tích lúa được tưới Đông xuân từ 635 ha năm 1993 lên 1.500 ha vào năm 1995.

Các thành phần kinh tế được củng cố, sắp xếp lại, doanh nghiệp Nhà nước đã tiếp cận thị trường, đầu tư chiều sâu, có hiệu quả hơn trước. Các hợp tác xã nông nghiệp đã từng bước chuyển đổi phương thức hoạt động, làm tốt công tác dịch vụ sản xuất, khuyến nông, mạnh dạn thay đổi cơ cấu cây trồng vật nuôi, hợp tác xã nông nghiệp Thành Công xã Ea Lê hoạt động đúng hướng có hiệu quả, hoàn thành nghĩa vụ đối với Nhà nước, làm được vai trò trung tâm, hướng dẫn, quản lý tốt sản xuất nông nghiệp ở nông thôn. Kinh tế cá thể, hộ gia đình phát triển nhanh trong tiểu thủ công nghiệp, thương mại, dịch vụ đã góp phần quan trọng vào các thành tựu kinh tế - xã hội.

Lĩnh vực văn hoá – xã hội có nhiều tiến bộ, bộ mặt nông thôn ngày càng khởi sắc, đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân được cải thiện một bước. Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên của huyện năm 1991 là 3,4%. Năm 1993 giảm còn

3%. Năm 1995, toàn huyện có 872 hộ giàu (có mức thu nhập năm từ 20 triệu đồng trở lên) chiếm 22% so với tổng số hộ, có 2.095 hộ khá và trung bình (chiếm 52%), còn 785 hộ nghèo (chiếm 18,5%), so với năm 1992 hộ nghèo giảm 12%; số hộ đói 244 hộ (chiếm 5,2%).

Công tác giáo dục và đào tạo được đẩy mạnh đầu tư và phát triển nên đã đạt được một số thành tựu, tỷ lệ người biết chữ trong đồng bào dân tộc được nâng lên, tỷ lệ trẻ em trong độ tuổi đến lớp đến trường đều tăng. Tổng số học sinh toàn huyện đến năm 1996 là 4.846 học sinh, trường nội trú có 59 học sinh đồng bào dân tộc thiểu số. Tỷ lệ học sinh lên lớp hàng năm đạt 95%; thi hết cấp đạt 86,5%, riêng trường phổ thông trung học năm học 1994 – 1995 đạt 100%. Cơ sở vật chất được tăng cường, toàn huyện có 157 phòng học trong đó loại cấp 4A có 81 phòng, loại cấp 4B có 76 phòng, còn lại là bán kiên cố. Bàn ghế hàng năm được bổ sung, khắc phục được tình trạng học ca 3, tỷ lệ học sinh bỏ học nửa chừng giảm, hệ thống giáo dục từ phổ thông trung học đến nhà trẻ, mẫu giáo ngày càng được tăng cường, củng cố, mở rộng đến tận buôn thôn.

Các mặt văn nghệ, thể dục thể thao, truyền thanh truyền hình phát triển phong phú cả về thể loại, hình thức và nội dung. Đặc biệt là các di sản văn hoá của đồng bào các dân tộc được chú ý giữ gìn, bảo tồn và phát huy. Phong trào văn nghệ và thể dục thể thao được đẩy mạnh góp phần tích cực trong công tác tuyên truyền, giáo dục truyền thống cách mạng, đấu tranh chống các biểu hiện tiêu cực, đẩy lùi ảnh hưởng văn hoá phẩm độc hại. Năm 1995, toàn huyện có 35 đầu video, 785 chiếc ti vi. Trong lĩnh vực chăm sóc và bảo vệ sức khoẻ đã có những cố gắng về vệ sinh phòng bệnh, thực hiện có kết quả các chương trình chăm sóc và bảo vệ bà mẹ trẻ em, chương trình phòng chống sốt rét, bấu cổ; tăng cường thêm cơ sở vật chất kỹ thuật cho trung tâm và các trạm xá xã, chế độ bảo hiểm được mở rộng, bảo vệ môi trường sinh thái, kế hoạch hoá gia đình được triển khai rộng khắp đã đem lại hiệu quả thiết thực.

Công tác định canh, định cư được Đảng bộ thường xuyên quan tâm lãnh đạo. Từ khi có Nghị quyết 22 của Bộ Chính trị (khóa VII) và Quyết định số 72 của Hội đồng Bộ trưởng đã gắn công tác định canh định cư với tổ chức lại sản xuất, thực hiện giao đất, giao rừng, phát triển ngành nghề, chăm lo giáo dục, y tế, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội. Công tác định canh định cư, kinh tế mới có những chuyển biến tích cực, đã định canh định cư được 58 hộ. Huyện đã có quy hoạch, kế hoạch để đồng bào xây dựng nhà ở và làm kinh tế vườn rừng. Các doanh nghiệp Nhà nước đã hỗ trợ vốn cùng với các gia đình làm 32 ngôi nhà gỗ lợp ngói. Các xã vùng đồng bào dân tộc đều có đủ trạm xá, trường học, giao thông nông thôn được mở rộng, xây dựng xong tuyến đường điện 3 buôn xã Ea Súp. Nhờ có định canh định cư mà đồng bào dân tộc đã hăng hái sản xuất lúa nước đông xuân, đời sống của đồng bào dân tộc được nâng lên rõ rệt. Từ năm 1992-1995 huyện đã đón nhận 345 hộ, 1.332 khẩu, 766 lao động các tỉnh đồng bằng đến xây dựng kinh tế mới, các chế độ, chính sách bảo đảm tốt, tuy còn nhiều khó khăn nhưng đại bộ phận nhân dân an tâm, phấn khởi, tin tưởng, tích cực lao động sản xuất ổn định đời sống.

Phong trào đền ơn đáp nghĩa và thực hiện các chính sách xã hội được đẩy mạnh thực hiện. Với sự đóng góp hỗ trợ của nhân dân, huyện đã làm 2 căn nhà tình nghĩa trị giá 26.700.000 đồng và tặng 94 sổ tiết kiệm, trị giá mỗi sổ 200.000 đồng. Đã tìm và quy tập 14 liệt sỹ vô danh về nghĩa trang, hoàn thành Đài tưởng niệm liệt sỹ và ghi sổ vàng truyền thống huyện, xã. Các chế độ chính sách đảm bảo kịp thời, các ngày lễ, tết Đảng bộ đều tổ chức thăm hỏi tặng quà. Các hoạt động từ thiện ngày càng được mở rộng, đang trở thành một nét đẹp trong xã hội.

Đầu năm 1995, huyện Ea Súp có một số thay đổi hành chính khi Chính phủ ra Nghị định số 06/CP ngày 21-1-1995, về việc thành lập thành phố Buôn Ma Thuột và điều chỉnh địa giới hành chính giữa thành phố với các huyện Cư Jút, Ea Súp, Krông Pắc. Huyện Ea Súp sau khi điều chỉnh địa giới hành chính, có diện tích tự nhiên là 333.528 ha, phía Đông giáp huyện Ea H'Leo và huyện Cư Mgar ; phía Tây giáp biên giới Việt Nam – Campuchia ; Phía nam giáp thành phố Buôn Ma Thuột và huyện Cư Jút ; Phía Bắc giáp tỉnh Gia Lai. Toàn huyện có 50.236 nhân khẩu, gồm 10 đơn vị hành chính, gồm các xã: Ea Súp, Ea Bung, Ea Lê, Ea Rôk, Ea Huar, Ea Wer, Krông Na, Cuôr Knia, Ea Nuôl, Ea Bar .

Tình hình an ninh - quốc phòng tỉnh Đắk Lắk nói chung, huyện Ea Súp nói riêng trong thời gian này đã đạt được những thành tựu to lớn và diễn biến hết sức thuận lợi. Trước thế tấn công và truy quét mạnh mẽ của ta trong nội địa và việc thực hiện giải pháp chính trị ở Campuchia, những cố gắng cuối cùng của FULRO để liên lạc móc nối phối hợp trong ngoài bị thất bại, tổ chức lực lượng bị tan rã, hầu hết số FULRO còn lại ngoài rừng, kể cả thân nhân, gia đình khoảng vài trăm tên buộc phải chạy sang ẩn náu tại Mondulhiri (Campuchia) không được tổ chức quốc tế, quốc gia nào hỗ trợ, lâm vào cảnh cùng đường thiếu đói, bệnh tật, bế tắc, bọn cầm đầu FULRO đã liên lạc với Chính phủ Campuchia và lực lượng UNTAC⁵ xin đầu hàng. Tháng 10-1992, FULRO chính thức đầu hàng, nộp vũ khí cho UNTAC; Y Pên AYun cầm đầu FULRO đã tự tuyên bố giải tán tổ chức, chấm dứt hoạt động và xin UNTAC được định cư tại Mỹ. Với sự chấp thuận của Mỹ và UNTAC, tháng 12-1992 toàn bộ lực lượng FULRO ngoài rừng gồm 398 tên (gồm cả phụ nữ, trẻ em) đã được Mỹ đưa đi định cư tại bang Bắc Carolina, chấm dứt 17 năm hoạt động chống phá cách mạng của phong trào FULRO⁶, kể từ sau ngày giải phóng miền Nam (1975-1992). Đây là một thắng lợi có ý nghĩa chính trị hết sức to lớn, góp phần đập tan âm mưu lợi dụng vấn đề dân tộc thiểu số chống phá cách mạng Việt Nam của

⁵ Cơ quan quyền lực lâm thời của Liên Hợp quốc tại Campuchia

⁶ Lúc mới thành lập năm 1964, Mặt trận Thống nhất đấu tranh của các sắc tộc bị áp bức (FULRO) gồm:

1. Mặt trận Giải phóng Champa (*Front de Libération du Champa*, FLC) tức FULRO Chăm, do Les Kosem (một tướng nhảy dù người Khmer gốc Chăm) lãnh đạo.
2. Mặt trận Giải phóng xứ Campuchia Krom miền Tây Nam Việt Nam (*Front de Libération du Kampuchea Krom*, FLKK) tức FULRO Khmer, do Chau Dera làm đại diện.
3. Mặt trận Giải phóng Cao Nguyên (*Front de Libération des Hauts Plateaux*, FLHP) tức FULRO Thượng, do Y Bham Ênuôl chỉ huy.

các thế lực thù địch trong và ngoài nước, làm cho tình hình kinh tế, chính trị, xã hội, quốc phòng - an ninh trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn Đắk Lắk nói chung và huyện Ea Súp nói riêng ngày càng ổn định.

Chính trị ổn định, quốc phòng được tăng cường củng cố, an ninh trật tự được đảm bảo trên địa bàn toàn huyện. Tuy nhiên, vẫn có những vấn đề phức tạp phải giải quyết, tình hình hoạt động chống phá của FULRO vẫn diễn ra tuy không gay gắt và mạnh mẽ như các năm trước. Đảng bộ luôn luôn cảnh giác, xác định và nhận thức rõ âm mưu “diễn biến hoà bình” của các thế lực thù địch. Do vậy, đã chủ động đề ra nhiệm vụ quốc phòng an ninh trong tình hình mới, Đảng bộ đã thống nhất phương châm chỉ đạo là coi nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội là nhiệm vụ trung tâm, quốc phòng an ninh là nhiệm vụ quan trọng thường xuyên, kinh tế - xã hội gắn với quốc phòng an ninh và ngược lại. Từ phương châm đó, Đảng bộ đã tập trung xây dựng lực lượng, nhất là thực lực chính trị ở cơ sở, tổ chức diễn tập tốt các phương án, thực hiện cơ chế Đảng lãnh đạo, Nhà nước điều hành, cơ quan quân sự và công an làm tham mưu, các đoàn thể tham gia phối hợp. Công tác xây dựng quỹ quốc phòng trong nhân dân được tăng cường, khám tuyển giao quân thường trực hàng năm đều đủ và vượt chỉ tiêu. Năm 1994 huyện được xếp hạng đứng thứ 2 Cụm biên giới của tỉnh. Năm 1995 đạt danh hiệu Đơn vị quyết thắng của tỉnh. Đồng thời huyện đã tổ chức liên tục các đợt phát động quần chúng phát hiện, tháo gỡ các hoạt động móc nối cơ sở của FULRO và các bọn phản động khác. Kịp thời xử lý, ngăn chặn các phần tử phản động hoạt động lợi dụng tôn giáo. Làm tốt nhiệm vụ truy quét bọn tội phạm hình sự, quản lý chặt chẽ các đối tượng chính trị và ngăn chặn, giải quyết các tệ nạn xã hội.

Trong những năm 1991-1995, triển khai thực hiện các chỉ thị, nghị quyết của Trung ương và của tỉnh, công tác xây dựng Đảng của huyện tập trung vào các nhiệm vụ trọng tâm: Kiên quyết đấu tranh với những biểu hiện tư tưởng lệch lạc, chống lại các luận điệu phản tuyên truyền, tạo sự thống nhất về tư tưởng trong Đảng và trong nhân dân. Đổi mới công tác tổ chức, công tác cán bộ của Đảng. Đổi mới phong cách làm việc, giữ vững nguyên tắc tập trung dân chủ, tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách. Nâng cao chất lượng đảng viên và hoạt động của các tổ chức cơ sở đảng, cải tiến phương thức lãnh đạo của Đảng. Xây dựng Đảng bộ huyện và các tổ chức cơ sở đảng trong sạch vững mạnh. Kiên quyết đưa ra khỏi đảng những đảng viên thoái hóa, biến chất.

Trước những diễn biến phức tạp của tình hình thế giới, những khó khăn chung của đất nước và địa phương, một bộ phận cán bộ, đảng viên và nhân dân tư tưởng bị dao động, hoài nghi, thiếu tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng, vào công cuộc đổi mới và tiền đồ xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta. Quan tâm đặc biệt đến công tác tư tưởng, Huyện ủy đã tổ chức các đợt học tập các nghị quyết của Đảng như: Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VII, Nghị quyết Trung ương 3 (khóa VII) “về đổi mới và chỉnh đốn Đảng”... đạt kết quả tốt. Qua các lớp học tập, quán triệt nghị quyết, đảng viên, cán bộ và nhân dân trong huyện được cung cấp những thông tin cần thiết về tình hình quốc tế và

trong nước, thấy rõ những âm mưu, luận điệu chống phá cách mạng của các thế lực thù địch; nhận thức rõ những chủ trương, đường lối của Đảng trong lãnh đạo đất nước vượt qua khó khăn thách thức, từng bước thực hiện thắng lợi công cuộc đổi mới. Nhờ được tuyên truyền tốt nên niềm tin của cán bộ, đảng viên và nhân dân vào Đảng, vào sự nghiệp đổi mới từng bước được củng cố.

Nhằm nâng cao trình độ lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng ngang tầm với nhiệm vụ mới, Đảng bộ huyện tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả Nghị quyết Trung ương 3 (khóa VII) “về đổi mới và chỉnh đốn Đảng”. Được sự chỉ đạo chặt chẽ của Huyện ủy, các tổ chức cơ sở đảng trên địa bàn huyện đã triển khai tốt các đợt phê bình và tự phê bình nghiêm túc trong nội bộ Đảng và hằng năm thường xuyên tổ chức góp ý xây dựng cán bộ, đảng viên và tổ chức cơ sở đảng. Huyện ủy chỉ đạo củng cố kiện toàn các tổ chức cơ sở đảng yếu kém có nguyên nhân từ nội bộ mất đoàn kết, vi phạm nguyên tắc tập trung dân chủ. Triển khai phổ biến, quán triệt và tổ chức thực hiện các quy chế hoạt động của các loại hình tổ chức cơ sở đảng theo các Quy định 49, 50, 51, 52, 54 của Ban Bí thư Trung ương Đảng (khóa VII), nhiều tổ chức cơ sở đảng của huyện đã cụ thể hóa thành quy chế riêng của đơn vị mình và hoạt động có hiệu quả. Qua việc đưa các quy chế vào áp dụng trong thực tiễn đã giúp cho các cấp ủy và từng đảng viên hiểu rõ hơn về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và mối quan hệ của tổ chức mình với các cơ quan, đơn vị cấp trên, cấp dưới và các cơ quan hữu quan, đồng thời xác định rõ vai trò lãnh đạo của Đảng, sự điều hành, quản lý của Nhà nước và công tác vận động quần chúng của các đoàn thể nhân dân. Trong quá trình lãnh đạo xây dựng tổ chức cơ sở đảng trong sạch vững mạnh, huyện luôn xác định lấy nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội làm trung tâm, nhiệm vụ xây dựng Đảng làm then chốt. Nhờ triển khai đồng bộ nhiều biện pháp, nên công tác xây dựng tổ chức cơ sở đảng trong sạch vững mạnh trong Đảng bộ Ea Súp có những chuyển biến tích cực.

Năm 1995, Đảng bộ có 20 tổ chức cơ sở đảng đã phân loại, công nhận 6 đơn vị đạt trong sạch vững mạnh chiếm 30%. Khá 13 đơn vị bằng 65%, loại yếu 1 đơn vị chiếm 5%. Toàn Đảng bộ có 367 đảng viên, trong đó: đảng viên là người đồng bào dân tộc có 8 đồng chí, đảng viên nữ 23 đồng chí. Công tác phát triển đảng viên mới có nhiều chuyển biến tích cực, hàng năm Đảng bộ tổ chức từ 1 đến 2 lớp bồi dưỡng chính trị đối tượng đảng. Qua rèn luyện thử thách, từ năm 1992 đến năm 1996 đã kết nạp 88 đảng viên. Công tác bồi dưỡng phát triển đảng viên được chú trọng, đã cử 35 người đi bồi dưỡng lý luận chính trị trung, cao cấp. Huyện mở 1 lớp lý luận chính trị phổ thông cho 67 đảng viên mới, 2 lớp bồi dưỡng công tác Đảng cho cấp ủy cơ sở.

Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân huyện đã xây dựng lề lối làm việc và quy chế hoạt động, đảm bảo quyền làm chủ của nhân dân. Bước đầu thực hiện có hiệu quả chức năng quản lý nhà nước theo Hiến pháp và pháp luật. Huyện đã thành lập Đảng đoàn Hội đồng nhân dân và Ban cán sự Đảng Ủy ban nhân dân để tăng cường sự lãnh đạo của Đảng trong cơ quan nhà nước. Bộ máy chính quyền huyện từng bước được củng cố theo tinh thần Thông tư 79 và Quyết

định số 111 của Hội đồng Bộ trưởng. Sau khi sắp xếp lại tổ chức bộ máy và cán bộ, các cơ quan chính quyền của huyện đã phát huy được hiệu lực trong công tác, chất lượng làm việc được nâng lên, dần tiêu chuẩn hóa cán bộ theo chức danh công chức, viên chức. Các chủ trương của Đảng bộ đã được chính quyền triển khai thực hiện có hiệu quả, tạo điều kiện ổn định và phát triển kinh tế - xã hội, giữ vững kỷ cương pháp luật, khắc phục dần tình trạng quan liêu, xa rời quần chúng. Tuy nhiên, thời kỳ này ở huyện, trình độ quản lý nhà nước ở tầm vĩ mô còn lúng túng; chưa xây dựng hoàn thiện chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của huyện dài hạn. Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân một số xã chất lượng hoạt động yếu, thiếu chủ động, sáng tạo trong công tác.

Năm 1994, bầu cử Hội đồng nhân dân khóa VI có 25 đồng chí, đồng chí Bùi Hồng Lĩnh được bầu là Chủ tịch Hội đồng nhân dân, tháng 12-1995 đồng chí Lĩnh chuyển công tác lên tỉnh, đồng chí Phạm Tấn Bê được bầu làm Chủ tịch Hội đồng nhân dân, đồng chí Y Quang Siu được bầu làm Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện.

Hoạt động của Mặt trận và các đoàn thể nhân dân từ huyện đến cơ sở có những đổi mới tiến bộ cả về phương pháp, nội dung và hình thức tổ chức hoạt động. Đã thành lập Ban Dân vận huyện, Đảng đoàn các đoàn thể, Đảng đoàn Hội đồng nhân dân, Ban Cán sự đảng Ủy ban nhân dân, kịp thời sơ tổng kết các phong trào thi đua của các đoàn thể nêu gương người tốt, việc tốt. Đồng thời các tổ chức đảng thường xuyên quan tâm chăm lo về công tác tổ chức, chỉ đạo nội dung, do đó dân chủ được phát huy, tăng cường đoàn kết giữa các dân tộc. Tích cực lao động sản xuất phát triển kinh tế - xã hội, củng cố quốc phòng-an ninh, đấu tranh chống các biểu hiện tiêu cực và các tệ nạn xã hội, từng bước xây dựng nếp sống văn hóa, nông thôn mới, đoàn kết gắn bó trong sự nghiệp phát triển kinh tế và văn hóa - xã hội trong huyện.

Trong những năm 1989-1995, Đảng bộ và nhân dân các dân tộc huyện Ea Súp đã đoàn kết gắn bó, bám sát mục tiêu, vượt qua những khó khăn thử thách để giành được những thành tựu có ý nghĩa rất quan trọng. Kinh tế tiếp tục phát triển, xã hội nhiều mặt tiến bộ, đời sống nhân dân được cải thiện, cơ sở vật chất được xây dựng ban đầu đã phát huy hiệu quả, bộ mặt nông thôn có nhiều thay đổi rõ rệt. Chính trị ổn định, quốc phòng an ninh được củng cố. Đội ngũ cán bộ trên các lĩnh vực từng bước trưởng thành kể cả bản lĩnh chính trị và năng lực, tiếp thu được yêu cầu đổi mới, giữ vững phẩm chất đạo đức cách mạng, phát huy tốt tinh thần trách nhiệm trong nhiệm vụ được giao, hoàn thành nhiệm vụ chính trị của Đảng bộ.

Tuy nhiên, huyện vẫn còn một số điểm yếu kém phải khắc phục như nền kinh tế của huyện phát triển chưa vững chắc, thiếu cân đối; cơ sở vật chất kỹ thuật vẫn còn thiếu thốn, đời sống một bộ phận nhân dân còn khó khăn. Nhiều vấn đề xã hội như định canh định cư, kinh tế mới, giáo dục đào tạo, chăm sóc sức khỏe, các tệ nạn xã hội... còn có những bức xúc. Đội ngũ cán bộ nhất là cấp cơ sở trong điều hành, tổ chức thực hiện nhiệm vụ còn yếu.

Trong 10 năm đầu thực hiện đường lối đổi mới toàn diện của Đảng trong tình hình chính trị thế giới có nhiều biến động và phức tạp, kinh tế - xã hội của đất nước còn nhiều khó khăn. Trong bối cảnh đó, dưới ánh sáng Nghị quyết Đại hội toàn quốc lần thứ VI và VII của Đảng, Đảng bộ huyện Ea Súp đã lãnh đạo nhân dân các dân tộc trên địa bàn huyện bước đầu thực hiện công cuộc đổi mới toàn diện. Đảng bộ đã vững vàng trên con đường đổi mới, lãnh đạo nhân dân vượt qua nhiều khó khăn, thử thách, cùng cả nước thoát khỏi cuộc khủng hoảng kinh tế - xã hội. Tình hình an ninh – chính trị được giữ vững, các cấp chính quyền được củng cố vững chắc và tăng cường, đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân trong huyện được nâng cao, những thành tựu đạt được đã ngày càng củng cố lòng tin của nhân dân đối với Đảng và sự nghiệp đổi mới đất nước, đồng thời là tiền đề vững chắc để Ea Súp cùng cả nước bước vào thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

II. ĐẢNG BỘ LÃNH ĐẠO ĐẨY MẠNH THỰC HIỆN CÔNG CUỘC ĐỔI MỚI, THEO HƯỚNG CÔNG NGHIỆP HOÁ, HIỆN ĐẠI HOÁ (1996-2010)

1. Lãnh đạo đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá (1996-2000)

Sau 10 năm kiên định thực hiện công cuộc đổi mới do Đảng ta khởi xướng và lãnh đạo, nước ta nói chung, tỉnh Đắk Lắk nói riêng đã ra khỏi cuộc khủng hoảng kinh tế - xã hội, thế và lực của đất nước đã có sự biến đổi rõ rệt.

Từ sự phân tích khoa học những kết quả và hạn chế của 10 năm đổi mới trong bối cảnh quốc tế đặt ra thời cơ lớn và những thách thức lớn, Đảng đã xây dựng dự thảo các Văn kiện Đại hội toàn quốc lần VIII, vạch ra các chủ trương lớn cho thời kỳ phát triển mới của đất nước: thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa; phấn đấu đến 2020, đưa nước ta cơ bản thành một nước công nghiệp. Giai đoạn (1996 - 2000), nhiệm vụ của toàn Đảng toàn dân là tập trung mọi lực lượng, tranh thủ thời cơ, vượt qua thử thách, đẩy mạnh công cuộc đổi mới một cách toàn diện và đồng bộ, tạo tiền đề vững chắc cho bước phát triển cao hơn vào đầu thế kỷ XXI.

Bước vào thời kỳ mới, huyện Ea Súp có một số thay đổi địa giới hành chính. Theo Nghị định số 61-CP, ngày 7-10-1995 của Chính phủ về việc chia tách xã và thành lập huyện mới thuộc tỉnh Đắk Lắk như sau: Chia xã Ea Bung thuộc huyện Ea Súp thành xã Ea Bung và xã Ya Tờ Mót. Xã Ea Bung mới có diện tích tự nhiên 23.080 héc-ta và 2.731 nhân khẩu. Xã Ya Tờ Mót có diện tích tự nhiên 18.200 héc-ta và 3.137 nhân khẩu. Thành lập huyện Buôn Đôn trên cơ sở các xã Cuôr Knia, Ea Bar, Ea Huar, Ea Nuôl, Ea Wer, Krông Na thuộc huyện Ea Súp. Huyện Ea Súp còn lại diện tích tự nhiên 176.563 héc-ta và 14.350 nhân khẩu, gồm các xã: Ea Súp, Ea Lê, Ea Bung, Ea Rôk và Ya Tờ Mót.

Dưới sự lãnh đạo trực tiếp của Tỉnh ủy Đắk Lắk, tiếp thu và vận dụng định hướng chiến lược của Đảng vào điều kiện cụ thể của địa phương, từ đầu năm

1996, Đảng bộ đã tập trung trí tuệ, gấp rút hoàn thành mọi mặt về tổ chức và nội dung chuẩn bị cho Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ VI.

Từ ngày 18-3 đến ngày 20-3-1996, Đại hội Đảng bộ huyện Ea Súp lần thứ VI được tiến hành tại Hội trường Huyện ủy, về dự Đại hội có 73 đại biểu chính thức. Đại hội đánh giá những thành tựu và những mặt còn hạn chế đã đạt được trong quá trình thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ V, đồng thời xác định phương hướng, mục tiêu, nhiệm vụ chủ yếu của Đảng bộ huyện nhiệm kỳ 1996 – 2000.

Về phương hướng phát triển đến năm 2000, Đại hội xác định:

- Tiếp tục quán triệt quan điểm đổi mới của Đảng, lấy đổi mới kinh tế làm trọng tâm. Đẩy mạnh phát triển kinh tế, văn hoá xã hội phải gắn với nhiệm vụ quốc phòng an ninh, song song thực hiện 2 nhiệm vụ chiến lược của Đảng. Trong đổi mới kinh tế tập trung sức phát triển kinh tế hàng hoá nhiều thành phần theo định hướng xã hội chủ nghĩa, dưới sự quản lý của Nhà nước, do Đảng Cộng sản lãnh đạo. Phát triển kinh tế theo cơ cấu: Nông – lâm – công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp – dịch vụ, củng cố vững chắc quan hệ sản xuất. Lấy kinh tế tập thể và quốc doanh làm nòng cốt, kinh tế hộ gia đình làm đơn vị sản xuất tự chủ, theo hướng sản xuất hàng hoá. Đảm bảo hài hòa lợi ích và nghĩa vụ của các thành phần kinh tế. Tạo cơ sở hạ tầng vững chắc để làm tiền đề bước vào thời kỳ công nghiệp hoá, hiện đại hoá. Trước mắt là hiện đại hoá, công nghiệp hoá nông nghiệp và nông thôn. Thực hiện mục tiêu dân giàu, huyện mạnh, xã hội công bằng, văn minh.

- Đẩy mạnh phát triển kinh tế phải gắn với phát triển văn hoá - xã hội. Đảm bảo nhu cầu về nhà ở, y tế và giáo dục ngày càng cao của nhân dân. Xây dựng nền văn hoá mới đậm đà bản sắc dân tộc, xóa bỏ các tệ nạn xã hội. Thực hiện đúng, đủ kịp thời các chính sách xã hội cho các đối tượng chính sách. Tập trung đẩy mạnh công tác xoá đói, giảm nghèo, đặc biệt là công tác định canh định cư cho đồng bào dân tộc tại chỗ.

- Đảng bộ phải tập trung xây dựng thực lực của hệ thống chính trị vững mạnh, coi đó vừa là mục tiêu, vừa là yếu tố then chốt quyết định mọi thắng lợi của nhiệm vụ kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh.

Trong không khí đoàn kết, dân chủ, Đại hội đã bầu Ban Chấp hành Đảng bộ huyện khoá VI gồm có 29 đồng chí. Tại phiên họp lần thứ nhất Ban Chấp hành Đảng bộ khoá VI đã bầu đồng chí Phạm Đức Tùy làm Bí thư Huyện ủy, các đồng chí Phạm Tấn Bê, Y Quang Siu được bầu làm Phó Bí thư Huyện ủy.

Dưới ánh sáng Nghị quyết Đại hội toàn quốc lần thứ VIII của Đảng, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XII, triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ VI, Đảng bộ và nhân dân các dân tộc huyện Ea Súp đã đạt được nhiều thành tựu to lớn trên các lĩnh vực kinh tế - xã hội, quốc phòng – an ninh.

Trên lĩnh vực kinh tế, thực hiện cơ cấu kinh tế nông - lâm - công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ do Đại hội VI đề ra, Đảng bộ đã tập trung chỉ đạo, tạo điều kiện để các ngành kinh tế phát triển, khắc phục khó khăn đẩy mạnh sản xuất, chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng sản xuất hàng hóa, coi trọng hiệu quả sản xuất và đầu tư giữa các ngành, các thành phần kinh tế. Do vậy, nền kinh tế có bước tăng trưởng khá, tổng giá trị sản phẩm và dịch vụ hàng năm tăng trưởng 12%. Tuy nhiên, quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế vẫn còn chậm và thiếu đồng bộ, các ngành kinh tế phát triển không đều, chưa tương xứng với tiềm năng của huyện.

Đảng bộ huyện đã xác định "*Coi nông nghiệp là mặt trận hàng đầu, sản xuất lương thực, thực phẩm là mục tiêu số một*", nên đã tập trung lãnh đạo bằng nhiều chủ trương, biện pháp, đưa các tiến bộ khoa học kỹ thuật vào trong nông nghiệp như cơ khí hóa khâu làm đất, đẩy mạnh công tác thủy lợi, thường xuyên sàng lọc và tuyển chọn giống có năng suất cao ổn định để bố trí phù hợp từng vùng sinh thái, các hoạt động dịch vụ khuyến nông được tăng cường phục vụ kịp thời cho nhân dân. Việc chuyển dịch cơ cấu cây trồng theo hướng sản xuất hàng hóa có chuyển biến tích cực, tạo được nhiều sản phẩm nông nghiệp đa dạng hơn. Cùng với cây lúa nước được coi là cây chủ lực, các loại cây trồng khác cũng được chú trọng như: hoa màu, cây ăn quả đều phát triển nhanh trên các vùng, góp phần nâng cao thu nhập cho nhân dân. Nhờ đó, tổng sản lượng lương thực quy thóc năm 2000 đạt 21.000 tấn (so với năm 1995 tăng 8.097 tấn), bình quân lương thực đạt 611 kg/người.

Cây điều được xác định là cây mũi nhọn của huyện, do giá cả biến động, một số diện tích điều trồng trước đây chưa được đầu tư thâm canh, giống chưa được tuyển chọn kỹ, đã thoái hóa dần, một bộ phận nông dân thiếu kiên trì đã chặt phá để bố trí lại cây trồng khác. Việc chuyển đổi mục đích sử dụng đất từ rừng nghèo sang sản xuất nông nghiệp chưa được giải quyết kịp thời, nên diện tích cây điều năm 2000 có 1.530 ha (trong đó diện tích điều kinh doanh 789 ha), sản lượng hàng năm đạt 350 tấn. Cây hồ tiêu và một số cây công nghiệp ngắn ngày khác đều tăng trưởng khá.

Cùng với ngành trồng trọt, chăn tiếp tục phát triển cả về số lượng và chất lượng, tốc độ tăng trưởng hàng năm trong nhiệm kỳ từ 12 - 15%, không những cung cấp đủ lượng thực phẩm trong địa bàn huyện, mà còn xuất ra thị trường ngoài huyện.

Công tác thủy lợi đã đáp ứng được cơ bản lượng nước phục vụ cho sản xuất, sinh hoạt. Hàng năm đã huy động hàng trăm ngàn ngày công nạo vét, tu bổ kênh mương nội đồng; công trình thủy lợi hồ Ea Súp giai đoạn I đã được Nhà nước đầu tư xây dựng, nâng cấp hệ thống kênh chính đông, cơ bản đã hoàn chỉnh và đưa vào sử dụng, phục vụ tưới, tiêu hơn 1.100 ha ruộng 2 vụ.

Ngành lâm nghiệp có nhiều nỗ lực trong công tác tuyên truyền giáo dục nhân dân nâng cao ý thức bảo vệ rừng và phòng chống cháy rừng. Công tác quản lý và bảo vệ rừng được tăng cường, duy trì các hoạt động của ngành lâm nghiệp, ban lâm nghiệp xã được củng cố và phát huy tác dụng; việc tổ chức giao khoán,

quản lý bảo vệ rừng cho các cơ quan đơn vị và hộ gia đình bước đầu có kết quả, nên đã hạn chế được nạn cháy rừng, phá rừng hàng năm, góp phần bảo vệ môi trường sinh thái. Phong trào trồng cây nhân dân được tổ chức thường xuyên hàng năm trồng hàng chục ngàn cây xanh, cây ăn quả và được nhân dân hưởng ứng tích cực.

Tuy nhiên, sản xuất nông - lâm nghiệp vẫn còn một số mặt hạn chế như: sự phát triển giữa các vùng không đều, trình độ áp dụng các biện pháp khoa học kỹ thuật vào sản xuất nông nghiệp thiếu đồng bộ, phân vùng quy hoạch để bố trí chuyển dịch cơ cấu cây trồng và vật nuôi hợp lý chưa được quan tâm đúng mức; ngành chăn nuôi chưa thường xuyên theo dõi, phát hiện xử lý kịp thời dịch bệnh, còn dễ xảy ra tình trạng dịch lớn thiệt hại tài sản của nhân dân. Thực hiện cơ chế sản xuất và quản lý ngành lâm nghiệp còn đang trong tình trạng lúng túng, rừng vẫn chưa giao khoán trực tiếp đến người dân, tình trạng chặt phá rừng, mua bán, chế biến vận chuyển lâm sản trái phép vẫn còn xảy ra, công tác kiểm tra và xử lý chưa triệt để.

Ngành công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp có tốc độ tăng trưởng bình quân hàng năm đạt 10%, tập trung chủ yếu vào các ngành chế biến nông sản, sản xuất và khai thác vật liệu xây dựng, chế biến gia công gỗ dân dụng, điện thương phẩm, cơ giới hóa nông nghiệp... giá trị sản lượng công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp đạt bình quân hàng năm 11 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 19% tổng giá trị sản phẩm xã hội.

Nhìn chung, công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp vẫn còn phát triển chậm, các cơ sở sản xuất còn manh mún, kỹ thuật và chất lượng sản phẩm chưa cao, hầu như công nghiệp quốc doanh chưa phát triển, chưa tìm ra giải pháp để thu hút vốn đầu tư bên ngoài, nhằm tạo môi trường thuận lợi cho việc sắp xếp bố trí lại lực lượng lao động hiện có.

Công tác xây dựng và phát triển cơ sở hạ tầng được tỉnh và Trung ương quan tâm hỗ trợ kết hợp với nguồn vốn của huyện để tiến hành thực hiện, nhằm đáp ứng được các nhu cầu trong sinh hoạt và sản xuất, đi lại, học hành, khám chữa bệnh cho nhân dân, đã tập trung vào các công trình như: giao thông, thủy lợi, điện, trường học, trạm xá, nhà làm việc... những công trình xây dựng đã được đưa vào sử dụng có hiệu quả, làm chuyển biến bộ mặt nông thôn. Tổng số vốn đầu tư cho huyện trong 5 năm 1996-2000 đạt khoảng 69 tỷ đồng, chiếm gần 56% giá trị sản phẩm xã hội (trong đó đầu tư cho thủy lợi 14%, giao thông 50%, điện 7%, giáo dục và đào tạo 8%, các công trình phúc lợi xã hội khác 21%). Tuy nhiên, vấn đề phát triển cơ sở hạ tầng còn có thiếu sót, việc huy động đóng góp sức dân còn quá ít, chưa đồng bộ giữa các địa phương, quá trình tổ chức quản lý, kiểm tra thiếu sự phối hợp giữa các ngành, các cấp nên một số công trình có hiện tượng tiêu cực, lãng phí.

Các ngành dịch vụ, tài chính và tiền tệ đã có nhiều chuyển biến tích cực, góp phần thúc đẩy các ngành sản xuất phát triển, từng bước nâng cao năng suất lao động và chiếm tỷ trọng ngày càng cao trong nền kinh tế của huyện. Tốc độ tăng trưởng bình quân giai đoạn 1996-2000 đạt 12,6%, chủ yếu tập trung vào các

ngành dịch vụ thương mại bán lẻ, bưu điện, vận tải hàng hóa, sửa chữa cơ khí, tưới tiêu, làm đất, khuyến nông... Thị trường thương mại, hàng hóa bán lẻ được mở rộng, chợ trung tâm huyện được hoàn thành và đưa vào sử dụng, các chợ nông thôn Ea Lê, Ea Rốc, Ea Bung được hình thành, tổng doanh thu năm 2000 đạt khoảng 28 tỷ đồng (tăng gấp 2,6 lần so với năm 1995).

Dịch vụ bưu chính viễn thông được quan tâm đầu tư và phát triển, đến năm 2000 toàn huyện có 277 máy điện thoại, bình quân 24 hộ có 1 máy điện thoại. Thông tin liên lạc cơ bản thông suốt thuận lợi. Báo chí, bưu phẩm được phát hành khá nhanh, phục vụ kịp thời sự lãnh đạo và chỉ đạo của Đảng, Nhà nước và nhu cầu thông tin cho nhân dân trong toàn huyện; Dịch vụ vận tải hàng hóa, vận tải hành khách phát triển nhanh cả về số lượng và chất lượng, đảm bảo tính an toàn cao đã góp phần tích cực vào việc phát triển sản xuất, lưu thông hàng hóa và đi lại của nhân dân.

Quản trịệt đường lối phát triển kinh tế hàng hóa nhiều thành phần có sự quản lý, điều hành của Nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa, phát huy quyền tự chủ của nhân dân, khuyến khích và tạo mọi điều kiện cho các thành phần kinh tế phát triển sản xuất, kinh doanh đúng pháp luật. Thành phần kinh tế quốc doanh, sau khi sắp xếp, củng cố lại hoạt động có hiệu quả hơn, thu nhập và đời sống của công nhân tăng lên, nghĩa vụ đối với Nhà nước được hoàn thành. Riêng đối với các lâm trường ngoài việc thực hiện hoàn thành kế hoạch hàng năm còn tích cực tham gia vào công tác định canh định cư cho đồng bào dân tộc tại chỗ trên địa bàn và các hoạt động xã hội khác. Đối với các hợp tác xã sản xuất nông nghiệp, tiến hành tổ chức đại hội, chuyển đổi hoạt động theo luật hợp tác xã, làm tốt công tác dịch vụ sản xuất, khuyến nông, mạnh dạn thay đổi cơ cấu cây trồng và vật nuôi; Đơn vị kinh tế hợp tác xã nông nghiệp Thành Công - Ea Lê hoạt động tương đối có hiệu quả, hoàn thành nghĩa vụ đối với Nhà nước, giữ được vai trò trung tâm hướng dẫn, quản lý sản xuất; hợp tác xã Quyết Thắng (Ea Bung) sau nhiều năm hoạt động kém hiệu quả, Đảng bộ tập trung lãnh đạo, xử lý các tồn đọng, tiến hành hội nghị đại biểu xã viên và được Đại hội đồng tình. Kinh tế hộ gia đình được quan tâm, phát triển nhanh, một số mô hình sản xuất có hiệu quả rõ nét, đóng góp đáng kể vào sản phẩm xã hội, tăng nguồn thu ngân sách, giải quyết việc làm ổn định đời sống cho người lao động. Bên cạnh những mặt tích cực, kinh tế hộ gia đình phát triển khá, nhưng quy mô còn nhỏ, sản xuất manh mún, tình trạng kinh doanh thiếu kê khai đăng ký, trốn thuế vẫn xảy ra, mặt khác chính quyền có lúc buông lỏng, thiếu sự chỉ đạo, hướng dẫn đối với thành phần kinh tế hộ gia đình.

Lĩnh vực văn hóa - xã hội có nhiều chuyển biến tích cực. Ngành giáo dục bước đầu thực hiện 3 mục tiêu: nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài. Cơ bản đã xóa được tình trạng mù chữ, nhất là đối với đồng bào dân tộc tại chỗ. Với những nỗ lực trong công tác phát triển giáo dục, năm 1996 – 1997 được Ủy ban nhân dân tỉnh công nhận là đơn vị : *“Đạt tiêu chuẩn Quốc gia về phổ cập giáo dục tiểu học và xóa mù chữ đối với miền núi”*. Số lượng học sinh theo học ở các cấp học đến năm 2000 có 8.270 học sinh (tăng gấp 2 lần so

với năm 1996), bình quân cứ 3,3 người có 1 người đi học, tỷ lệ học sinh lên lớp hàng năm đạt 98%, thi chuyển cấp đạt 86,5%. Đã duy trì lớp học nội trú cho học sinh đồng bào các dân tộc, xóa được tình trạng học 3 ca. Đối với đội ngũ cán bộ quản lý, đội ngũ giáo viên được tăng cường, chất lượng giảng dạy được nâng lên. Tuy nhiên, nhiệm vụ xóa mù chữ, phổ cập giáo dục tiểu học vẫn còn một số hạn chế như đội ngũ giáo viên ở các cấp học còn thiếu nghiêm trọng, lại chưa đồng bộ về kiến thức, số đạt chuẩn hóa còn thấp, nhất là giáo viên cấp I; một số phòng học bị xuống cấp, thiếu phòng do số lượng học sinh tăng nhanh; công tác xã hội hóa giáo dục chưa được triển khai đồng bộ, chưa có chính sách thu hút cán bộ giáo viên về an tâm giảng dạy.

Cơ sở vật chất cho ngành y tế được tăng cường, huyện tập trung đầu tư kinh phí cho việc nâng cấp, củng cố cơ sở vật chất, phát triển, mở rộng mạng lưới y tế từ huyện đến xã, thôn buôn. Năm 2000, có 8/8 xã và Thị trấn được xây dựng trạm xá kiên cố, duy trì tốt các chế độ khám và điều trị, đội ngũ cán bộ y bác sỹ được tăng cường, thực hiện công tác chăm sóc sức khỏe cho nhân dân được chú ý, tích cực chủ động phòng ngừa, xử lý kịp thời các dịch bệnh xảy ra, thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia về y tế như: Chương trình phòng chống sốt rét, bướu cổ, tiêm chủng mở rộng, truyền thông dân số và kế hoạch hóa gia đình, chế độ bảo hiểm y tế đã được triển khai và đem lại kết quả thiết thực cho nhân dân.

Dân số toàn huyện đến cuối năm 2000 có 34.350 nhân khẩu, trong đó hộ đồng bào tại chỗ có 2.677 khẩu. Tỷ lệ tăng dân số bình quân hàng năm 10,4%, chủ yếu là tăng cơ học. Công tác truyền thông dân số và các dịch vụ kế hoạch hóa gia đình đã triển khai tương đối rộng khắp, đã hình thành được bộ máy cộng tác viên đến buôn thôn, nhận thức về công tác kế hoạch hóa gia đình trong các tầng lớp nhân dân được nâng lên, kể cả trong đồng bào dân tộc thiểu số.

Các hoạt động văn hóa, văn nghệ được đẩy mạnh trên nhiều mặt, phong phú cả về nội dung, hình thức, thể loại, đặc biệt là văn hóa truyền thống đồng bào các dân tộc được giữ gìn khai thác và phát huy, phong trào văn nghệ, thể dục thể thao được duy trì từ cơ sở, đài truyền thanh - truyền hình được nâng cấp, chất lượng thu phát, biên tập đưa tin được nâng lên, thông qua công tác tuyên truyền nhằm nâng cao nhận thức, củng cố niềm tin trong nhân dân, chấp hành tốt các chủ trương chính sách của Đảng, pháp luật Nhà nước góp phần đẩy lùi các lối sống thiếu lành mạnh và các tệ nạn xã hội khác. Đến cuối năm 2000, toàn huyện có 319 đầu Video, 2.937 tivi các loại, bình quân cứ 2,2 hộ có 1 tivi (tăng gấp 7 lần so với năm 1995). Công tác triển khai đăng ký quy ước xây dựng đời sống văn hóa mới ở gia đình và khu dân cư được triển khai rộng khắp, kết quả đã tổ chức và ra mắt 3 cụm văn hóa tại 3 xã Ea Lê, Ea Róc, Cư Kbang, số hộ đăng ký thực hiện gia đình văn hóa mới đạt 55%.

Công tác định canh, định cư là một chủ trương lớn của Đảng và Nhà nước, được sự hỗ trợ to lớn của tỉnh và Trung ương, Đảng bộ đã tập trung lãnh đạo đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng về kinh tế - xã hội trong vùng đồng bào, như mạng lưới điện, mở rộng đường liên xã, liên thôn, xây dựng trường học, bệnh xá, cầu

công, tổ chức và ổn định chỗ ở cho nhân dân, điều chỉnh bố trí lại đất sản xuất, cùng với các hoạt động khác như khuyến nông, khuyến lâm, hướng dẫn kỹ thuật, hỗ trợ vốn ưu đãi, khai hoang đất sản xuất, xây dựng nhà tình thương, đã tạo điều kiện giúp đỡ cho đồng bào tiếp cận với nền sản xuất hàng hóa. Đến năm 2000 có hơn 95% số hộ biết trồng lúa nước, tiến hành thâm canh tăng năng suất, biết làm kinh tế vườn, kết hợp với chăn nuôi gia súc, nhìn chung đời sống của đồng bào dân tộc có bước ổn định, nhiều hộ đã mua được tư liệu sản xuất, tiện nghi sinh hoạt, đến năm 2000 có 75% số nhà được lợp tôn, ngói.

Tình hình dân di cư tự do trên địa bàn huyện diễn biến rất phức tạp, từ năm 1996-2000 có 2.048 hộ với 10.206 khẩu chuyển đến địa bàn huyện để sinh sống (chiếm 1/3 dân số), đây là vấn đề hết sức khó khăn và phức tạp, gây sức ép nhiều mặt về kinh tế - xã hội đối với Đảng bộ, chính quyền địa phương. Trước tình hình đó, Đảng bộ đã có chủ trương, biện pháp khắc phục hỗ trợ một phần kinh phí, phương tiện, san ủi mặt bằng để đưa về vùng quy hoạch, kết quả đưa được 1.205 hộ, 5.395 khẩu về nơi quy hoạch.

Từ năm 1996 – 2000, đã đón nhận dân kinh tế mới theo kế hoạch được 264 hộ với 1.054 nhân khẩu, kịp thời giải quyết các chế độ chính sách, đầu tư xây dựng cơ sở ban đầu như: trường học, giếng nước, đường giao thông... mặc dù vẫn còn nhiều khó khăn, nhưng đại bộ phận dân kinh tế mới an tâm, tích cực lao động sản xuất, ổn định cuộc sống, tham gia các hoạt động xã hội.

Công tác định canh, định cư tuy đạt được nhiều tiến bộ, nhưng còn nhiều vấn đề đang đặt ra đòi hỏi Đảng bộ cần tập trung giải quyết, đó là vấn đề nghèo đói, nhà ở, xóa mù, du canh, vấn đề mê tín dị đoan còn nặng nề do chưa làm tốt công tác tuyên truyền giáo dục sâu rộng trong cộng đồng các dân tộc. Sự phối hợp thiếu đồng bộ giữa các ngành, các cấp, công tác xóa đói giảm nghèo hiệu quả còn thấp, mặt khác đội ngũ cán bộ có năng lực và nhiệt tình hoạt động trong vùng đồng bào còn yếu và thiếu.

Các hoạt động từ thiện, công tác bảo hiểm xã hội được tăng cường và đảm bảo. Đối với hộ đồng bào dân tộc tại chỗ, huyện đã tổ chức kết nghĩa giữa các cơ quan đơn vị với từng buôn, từng hộ. Ngoài ra, hàng năm huyện còn tổ chức khám và điều trị bệnh miễn phí, cấp hỗ trợ bút, vở, sách giáo khoa cho học sinh, miễn giảm thuế sử dụng đất nông nghiệp, mở các lớp tập huấn hướng dẫn cách sản xuất.

Đối với công tác xóa đói giảm nghèo, Nghị quyết Đảng bộ huyện khóa VI xác định đến năm 1997 xóa xong nạn đói cho các hộ dân đã ổn định, giảm tỷ lệ hộ nghèo đến năm 2000 còn 5%. Để thực hiện mục tiêu trên, Đảng bộ đẩy mạnh thực hiện công tác xóa đói giảm nghèo bằng những chủ trương, biện pháp tích cực. Ngày 30-3-1996, Ban Thường vụ huyện ủy đã thành lập Ban chỉ đạo xóa đói giảm nghèo, tiếp theo đó Ngày 22-8-1996, Huyện ủy ra Chỉ thị số 01-CT/HU về "tăng cường sự lãnh đạo của cấp ủy Đảng đối với nhiệm vụ: xóa đói- giảm nghèo". Sau khi có Nghị quyết 04 khóa XI của Tỉnh ủy và Chỉ thị số 23-CT/TU ngày 29-11-1997 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về "lãnh đạo thực hiện công tác xóa đói- giảm nghèo", Đảng bộ đã tiếp tục tổ chức quán triệt trong ban

chấp hành mở rộng và xuống các cơ sở, đơn vị, đồng thời triển khai thực hiện đồng bộ trong toàn huyện, đặc biệt chú trọng vào các buôn đồng bào dân tộc tại chỗ. Ban Thường vụ đã tập trung chỉ đạo, xác định nhiệm vụ chính trị quan trọng xuyên suốt quá trình lãnh đạo kinh tế- xã hội. Thường xuyên tổ chức giao ban các ban ngành chức năng và Ban chỉ đạo xóa đói - giảm nghèo để bàn các biện pháp cụ thể, triển khai từng địa bàn cụ thể, phân công trách nhiệm cho từng cá nhân và cấp ủy cơ sở, ở từng mảng công việc, theo chức năng quản lý, chủ động xây dựng chương trình, kế hoạch, tập trung thời gian chỉ đạo ở cơ sở và tăng cường công tác thông tin chính xác, kịp thời về Thường trực cấp ủy và Ban Thường vụ, về công tác xóa đói giảm nghèo ở địa phương. Tăng cường công tác tuyên truyền vận động của khối đoàn thể nhân dân từ huyện đến cơ sở.

Đảng bộ và chính quyền huyện căn cứ vào chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước và điều kiện thực tế ở địa phương, đề ra các nghị quyết chung, cũng như nghị quyết chuyên đề gắn với công tác xóa đói giảm nghèo bằng các biện pháp, chính sách cụ thể như: Chính sách đất đai; chính sách định canh định cư cho đồng bào dân tộc; tổ chức kết nghĩa "đỡ đầu" cho những hộ đói là đồng bào dân tộc; chính sách chuyển dịch cơ cấu cây trồng, vật nuôi; tăng cường các hoạt động của khối đoàn thể nhân dân. Đồng thời đẩy mạnh thực hiện các hoạt động tín dụng vốn ngân hàng phục vụ người nghèo, vốn 120, huy động trong công chức, viên chức trở thành việc làm thường xuyên. Đối với hộ đồng bào dân tộc tại chỗ huyện đã tổ chức kết nghĩa giữa các cơ quan đơn vị với từng buôn, từng hộ, để vay vốn tín chấp, hướng dẫn cách sản xuất, sửa sang lại nhà cửa, điều chỉnh đất sản xuất. Ngoài ra hàng năm còn tổ chức khám và điều trị bệnh miễn phí, cấp hỗ trợ bút, vở, sách giáo khoa cho học sinh, miễn giảm thuế sử dụng đất nông nghiệp, mở các lớp tập huấn hướng dẫn cách sản xuất. Nhờ những biện pháp tích cực nên trong những năm 1996-2000, từ 608 hộ đói nghèo năm 1995, đến năm 2000 (tính theo dân số ổn định) số hộ đói nghèo giảm còn 492 hộ (trong đó: nghèo 294 hộ, đói 198 hộ). Nhìn chung, trong công tác xóa đói giảm nghèo huyện đã có nhiều cố gắng, khắc phục mọi khó khăn, giải quyết được nhiều bức xúc trong đời sống dân cư, cơ bản xóa được đói, giảm được nghèo cho vùng đồng bào dân tộc tại chỗ và dân kinh tế mới. Tuy nhiên, vẫn còn một số hạn chế phải khắc phục như: tình trạng đói nghèo có nguy cơ tăng lên, nguyên nhân chủ yếu do tình hình dân di tự do đến sinh sống tại huyện ngày càng tăng, đa số thuộc diện đói nghèo.

Đảng bộ thường xuyên chăm lo xây dựng, củng cố nền quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân, chú trọng công tác giáo dục chính trị tư tưởng trước hết trong các lực lượng vũ trang, bán vũ trang, để nâng cao tinh thần cảnh giác cách mạng, chủ động xây dựng các phương án tác chiến, phòng chống âm mưu "Diễn biến hòa bình" và tiến hành bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch, sẵn sàng đối phó với mọi tình huống xảy ra. Công tác tổ chức huấn luyện về chuyên môn, nghiệp vụ, trang bị kỹ thuật được nâng lên, công tác đăng ký, quản lý quân dự bị động viên, huy động quỹ quốc phòng, khám tuyển và giao quân hàng năm đều hoàn thành chỉ tiêu. Thực hiện tốt chính sách hậu phương quân đội, công tác dân vận, giúp đỡ nhân dân vùng đồng bào dân tộc, vùng kinh tế

mới để nhân dân an tâm phát triển sản xuất, ổn định đời sống. Thường xuyên phát động phong trào quần chúng bảo vệ an ninh Tổ quốc, kịp thời ngăn chặn các phần tử hoạt động lợi dụng tôn giáo trái phép, xử lý kịp thời các vụ vi phạm quy chế biên giới, làm tốt nhiệm vụ truy quyết, ngăn ngừa và tấn công các loại tội phạm, quản lý chặt chẽ các đối tượng chính trị và ngăn chặn các tệ nạn xã hội khác trên địa bàn. Các ngành bảo vệ pháp luật có nhiều cố gắng, từng bước nâng cao được chất lượng và hiệu quả công tác, góp phần lập lại trật tự kỷ cương, giữ vững tình hình an ninh trật tự và an toàn xã hội. Quốc phòng - an ninh được giữ vững, chính trị được ổn định đã tạo điều kiện thuận lợi để phát triển kinh tế - xã hội.

Thực hiện dân chủ xã hội, đổi mới hoạt động của cơ quan Nhà nước và các đoàn thể nhân dân, Đảng bộ đã chú trọng việc xây dựng củng cố hệ thống chính trị từ huyện đến cơ sở; đặc biệt là các cơ quan quản lý Nhà nước, trước hết là hội đồng nhân dân 2 cấp đã thực hiện tốt chức năng, phát huy được vai trò giám sát việc điều hành của chính quyền, các hoạt động của cơ quan tư pháp, nhằm đảm bảo quyền làm chủ của nhân dân, giữ được mối quan hệ giữa hội đồng nhân dân, ủy ban nhân dân, mặt trận và các đoàn thể quần chúng; chuẩn bị tốt nội dung và chương trình cho mỗi kỳ họp đúng theo luật định, đã thể chế hóa được nghị quyết của Ban Chấp hành Đảng bộ huyện, duy trì chế độ tiếp dân, tiếp xúc cử tri, giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo của công dân đảm bảo kịp thời. Về tổ chức bộ máy chính quyền 2 cấp huyện và xã được củng cố, sắp xếp, đảm bảo cả số lượng và chất lượng, thực hiện cải cách hành chính theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 8 (khóa VII) bước đầu có nhiều chuyển biến rõ rệt, việc phân công phân cấp gắn với trách nhiệm quản lý, điều hành giữa Ủy ban nhân dân với các ngành có nhiều hợp lý, đồng bộ trong quá trình quản lý, điều hành, tổ chức và thực hiện; các cơ quan tư pháp bảo vệ pháp luật được kiện toàn về bộ máy phương thức hoạt động, chú trọng đến công tác thanh tra nhân dân, thanh tra nhà nước, phát hiện, xử lý kịp thời những vấn đề nảy sinh khi có đơn thư khiếu nại tố cáo của công dân.

Hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức đoàn thể nhân dân từ huyện đến cơ sở có nhiều đổi mới cả về phương pháp, nội dung và hình thức hoạt động, tăng cường bám sát cơ sở, nhất là vùng đồng bào dân tộc, vùng có đạo, vùng kinh tế mới. Kết hợp công tác tuyên truyền giáo dục bằng các hình thức tập hợp lực lượng quần chúng, gắn với công tác xây dựng các chương trình phát triển kinh tế - xã hội, an ninh - quốc phòng, công tác định canh định cư, xóa đói giảm nghèo, phòng trào thanh niên lập nghiệp... Nên đã thu hút được đông đảo đoàn viên, hội viên hưởng ứng tích cực, góp phần thúc đẩy nền kinh tế huyện nhà phát triển, ý thức làm chủ của nhân dân được nêu cao, phát huy được truyền thống đoàn kết giữa các dân tộc.

Ngày 24-3-1998, Chính phủ ban hành Nghị định số 18/1998/NĐ-CP về việc thành lập một số xã, thị trấn của tỉnh Đắk Lắk, trong đó có huyện Ea Súp. Thành lập xã Cư KBang thuộc huyện Ea Súp trên cơ sở 8.060 ha diện tích tự nhiên và 2.435 nhân khẩu của xã Ea Lê ; Sáp nhập 4.000 ha diện tích tự nhiên

với 568 nhân khẩu của xã Ea Súp về xã Ea Lê. Sau khi điều chỉnh địa giới hành chính, xã Ea Lê có 13.541 ha diện tích tự nhiên và 4.232 nhân khẩu ; Thành lập thị trấn Ea Súp, thị trấn huyện lỵ huyện Ea Súp trên cơ sở 1.350 ha diện tích tự nhiên và 5.882 nhân khẩu của xã Ea Súp. Sau khi điều chỉnh địa giới hành chính, xã Ea Súp có 28.040 ha diện tích tự nhiên và 1.586 nhân khẩu; Đổi tên xã Ea Súp thành xã Cư M'lan; Thành lập xã Ia Lốp thuộc huyện Ea Súp trên cơ sở 46.573 ha diện tích tự nhiên và 2.256 nhân khẩu của xã Ea Rók. Sau khi điều chỉnh địa giới hành chính, xã Ea Rók có 17.252 ha diện tích tự nhiên và 3.719 nhân khẩu.

Là một huyện biên giới có nhiều thành phần dân tộc, đến cuối năm 1999 huyện Ea Súp có 22 dân tộc cùng sinh sống như: Kinh, Ê đê, Mnông, Tày, Ja rai, Thái, Hoa, Lào, Mường, Nùng, Giao, Ba Na, Nguồn, Hrê, Sán diu, Cao Lan, Trại, Sán chỉ, Ngái, Thổ, Sán, Mán. Do đó, công tác phát triển đội ngũ cán bộ là người dân tộc thiểu số luôn được Đảng bộ chú trọng và đẩy mạnh thực hiện, trên cơ sở triển khai thực hiện Nghị quyết Trung ương 3 (Khóa VIII) và Chương trình số 45, ngày 6-01-1998 của Tỉnh ủy về chiến lược cán bộ trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa - hiện đại hóa đất nước. Đảng bộ đặc biệt quan tâm đến việc đào tạo bồi dưỡng đội ngũ cán bộ là đồng bào dân tộc thiểu số để làm cầu nối giữa Đảng, Nhà nước với đồng bào các dân tộc. Mọi chủ trương chính sách của Đảng, Nhà nước đều thông qua đội ngũ cán bộ này và ngược lại tâm tư tình cảm, nguyện vọng của bà con đồng bào dân tộc cũng thông qua đội ngũ cán bộ này đến với Đảng và Nhà nước. Đến cuối năm 1999, cán bộ đồng bào dân tộc là công chức nhà nước có 13 người, chiếm 7,83% so với tổng số công chức nhà nước của huyện, cán bộ đồng bào dân tộc là trưởng, phó phòng và tương đương trở lên có 4 người. Đội ngũ cán bộ dân tộc của huyện Ea Súp thực sự là nòng cốt, hướng dẫn bà con đồng bào dân tộc thiểu số xóa đói giảm nghèo, định canh, định cư, xây dựng kết cấu hạ tầng như điện, đường, trường, trạm... tổ chức xây dựng nếp sống văn hóa trong cộng đồng các dân tộc. Tạo mối quan hệ thân thiện, đoàn kết giữa các dân tộc anh em, cùng phấn đấu thực hiện thắng lợi nhiệm vụ xây dựng huyện ngày càng vững mạnh.

Xác định nhiệm vụ phát triển kinh tế là trọng tâm, công tác xây dựng đảng là then chốt, Đảng bộ đã tập trung lãnh đạo và thực hiện "Đổi mới và chỉnh đốn Đảng" theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 3 (khóa VII). Trong đó, chú trọng việc đổi mới phương thức hoạt động và chỉnh đốn Đảng về mặt tổ chức, nhằm đảm bảo tăng cường sự lãnh đạo của Đảng trong hệ thống chính trị từ huyện đến cơ sở. Nhìn chung, đại đa số cán bộ, đảng viên luôn giữ được phẩm chất đạo đức cách mạng, ngày càng tin tưởng vào đường lối đổi mới đất nước do Đảng lãnh đạo.

Triển khai thực hiện Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2, Khóa VIII) về tự phê bình và phê bình trong Đảng, Đảng bộ đã bám sát các hướng dẫn của Ban Thường vụ Tỉnh ủy. Huyện ủy đã tổ chức chỉ đạo làm điểm 2 đơn vị để rút kinh nghiệm là Đảng bộ xã Ea Lê và Chi bộ Dân vận. Thành phần dự chỉ đạo rút kinh nghiệm gồm có tập thể Ban Thường vụ Huyện ủy, trưởng phó các ban xây dựng

Đảng, bí thư chi bộ, đảng bộ trực thuộc. Đến năm 2000 đã có 27/28 tập thể đảng ủy, chi bộ, 15 tập thể đảng ủy và chi ủy, 12 tập thể chi bộ đã kiểm điểm. Qua kiểm điểm tập thể nhìn chung các tổ chức cơ sở Đảng đã tiến hành các bước đúng theo hướng dẫn của Tỉnh ủy, đã kiểm điểm một cách nghiêm túc, thẳng thắn, có trách nhiệm, đấu tranh tự phê bình và phê bình thẳng thắn, trung thực, mang tính giáo dục trong Đảng. Từ đó rút ra được những nguyên nhân tồn tại, yếu kém để xây dựng chương trình khắc phục.

Cùng với công tác chính trị tư tưởng, công tác tổ chức cán bộ được đẩy mạnh, trên cơ sở đánh giá, khảo sát thực lực đội ngũ cán bộ, đã quy hoạch, sắp xếp, bố trí một bước cơ bản về đội ngũ cán bộ, nhất là các phòng, ban chuyên môn theo hướng tinh gọn, lấy hiệu quả làm thước đo, đảm bảo tính liên tục và tính kế thừa, đề bạt, bổ nhiệm 12 đồng chí trưởng, phó phòng và ban, 5 đồng chí cấp ủy cơ sở, cử 40 đồng chí đi đào tạo bồi dưỡng các lớp lý luận trung, cao cấp. Trong công tác phát triển đảng viên có nhiều chuyển biến tích cực, hàng năm Đảng bộ tổ chức từ 1 - 2 lớp bồi dưỡng chính trị cho đối tượng kết nạp Đảng, kết nạp được 202 đảng viên mới.

Năm 2000, toàn Đảng bộ có 28 tổ chức cơ sở đảng với 578 đảng viên. Một số tổ chức cơ sở đảng từ yếu kém đã kịp thời củng cố, khắc phục, tự vươn lên, giữ được vai trò hạt nhân lãnh đạo. Qua phân loại có 11/28 tổ chức được công nhận trong sạch vững mạnh, loại khá có 14/28; loại yếu có 3/28 tổ chức; với 578 đảng viên, trong đó nữ có 75 đảng viên, chiếm 13%, đảng viên là người đồng bào dân tộc tại chỗ có 48 đảng viên, chiếm 8,3 %; đảng viên dự phân loại có 510/578 đảng viên, trong đó đảng viên loại I có 417 đồng chí, chiếm 81,2%, đảng viên loại II có 70 đồng chí, chiếm 13,7%, đảng viên loại III có 23 đồng chí, chiếm 4,5%.

Nhìn chung đại đa số cán bộ, đảng viên luôn giữ được phẩm chất đạo đức cách mạng, phát huy được phẩm chất và trí tuệ, trung thành với Đảng, với nhân dân. Tuy nhiên, trước yêu cầu nhiệm vụ ngày càng lớn của công cuộc đổi mới, đội ngũ cán bộ đủ về số lượng, nhưng chất lượng hoạt động chưa mạnh, chưa đồng bộ, chưa tương xứng với yêu cầu đặt ra, công tác sắp xếp, bố trí cán bộ có lúc còn nặng về cơ cấu, chưa chú trọng đến tiêu chuẩn, chưa có chính sách cụ thể để động viên, thu hút cán bộ, nhân tài để phục vụ lâu dài.

Công tác kiểm tra luôn được Đảng bộ coi trọng, từ huyện đến cơ sở đã chủ động xây dựng được nội dung và chương trình kiểm tra theo định kỳ, bám sát vào việc triển khai thực hiện các nghị quyết của Đảng bộ tỉnh, cũng như nghị quyết của Đảng bộ huyện. Trong nhiệm kỳ đã tiến hành kiểm tra 21 tổ chức cơ sở đảng với 57 đảng viên (trong đó có 9 đảng viên thuộc diện tỉnh quản lý, 29 đảng viên thuộc diện huyện quản lý, 19 đảng viên thuộc cấp ủy cơ sở quản lý). Đề nghị xử lý và thi hành kỷ luật 87 đảng viên; tiếp nhận và xử lý 54 trường hợp đơn thư khiếu nại có liên quan đến đảng viên đúng chức năng và thẩm quyền do Điều lệ Đảng quy định. Qua công tác kiểm tra đã từng bước nâng cao được chất lượng và hiệu quả, xử lý đúng yêu cầu, đúng việc. Qua thực tiễn về công tác kiểm tra đã nâng cao được tính giáo dục, thuyết phục, kịp thời ngăn chặn được

các hành vi vi phạm kỷ luật trong đảng, nhằm góp phần nâng cao năng lực và sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng, và đội ngũ cán bộ đảng viên, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ mới.

Những thành tựu đã đạt được trong 5 năm từ 1996-2000 là kết quả của quá trình lãnh đạo, tổ chức và thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ VI đề ra. Đảng bộ, quân và dân các dân tộc huyện Ea Súp đã đoàn kết gắn bó, bám sát các mục tiêu, phấn đấu vượt qua những khó khăn thử thách, giành được những thành tựu có ý nghĩa hết sức quan trọng. Tình hình an ninh chính trị tiếp tục ổn định, quốc phòng được tăng cường, an ninh biên giới được giữ vững, kinh tế - xã hội có bước phát triển mới và tạo tiền đề quan trọng cho những năm tiếp theo. Đời sống đại bộ phận nhân dân các dân tộc trong huyện được cải thiện, mức đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng đã phát huy hiệu quả, bộ mặt nông thôn ngày càng thay đổi, tạo được niềm tin của nhân dân đối với Đảng và Nhà nước.

Hoạt động của hệ thống chính trị ngày càng củng cố và đổi mới, các hoạt động quản lý nhà nước được cải tiến, vai trò hội đồng nhân dân 2 cấp được phát huy, hiệu lực quản lý và điều hành của Ủy ban nhân dân huyện và xã bằng pháp luật được tăng cường, công tác vận động quần chúng đã từng bước được phát huy dân chủ rộng rãi, củng cố sự đoàn kết, thống nhất và khơi dậy truyền thống cách mạng trong nhân dân, tạo được niềm tin của cán bộ, đảng viên và nhân dân vào đường lối, chủ trương của Đảng.

Tuy nhiên, bên cạnh những thành tựu đạt được trong quá trình lãnh đạo phát triển kinh tế - xã hội những năm 1996-2000, vẫn còn những mặt hạn chế cần phải khắc phục đó là:

Nền kinh tế của huyện có phát triển nhưng chưa vững chắc, thiếu cân đối và đồng bộ, giữa các thành phần kinh tế giữa các vùng dân cư, quá trình tổ chức và thực hiện việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế còn lúng túng, chưa tạo được mô hình điểm để nhân ra diện rộng; công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ còn trong tình trạng chưa phát triển. Đời sống của một bộ phận nhân dân còn đang gặp khó khăn, nhất là đời sống của đồng bào dân tộc tại chỗ, kinh tế mới, dân di cư tự do, nhiều vấn đề xã hội như: định canh định cư, giáo dục đào tạo, việc làm, chăm sóc sức khỏe ban đầu cho nhân dân và các tệ nạn xã hội khác ... đang còn nhiều bức xúc, tình hình an ninh trật tự và an toàn xã hội có chiều hướng gia tăng phức tạp trên một số lĩnh vực như: hoạt động tôn giáo trái phép, vi phạm quy chế biên giới, tình trạng phá rừng, mua bán lâm sản, trộm cắp tài sản công dân ...

Công tác tổ chức và hoạt động của bộ máy trong hệ thống chính trị tuy được củng cố kiện toàn, nhưng chất lượng và hiệu quả hoạt động chưa ngang tầm với yêu cầu nhiệm vụ đặt ra, việc chỉ đạo và điều hành có lúc còn phân tán, thiếu kiểm tra đôn đốc, sức chiến đấu của một số tổ chức cơ sở đảng chưa thực sự thể hiện vai trò hạt nhân lãnh đạo, tính tiên phong gương mẫu của một bộ phận cán bộ, đảng viên vẫn còn có mặt hạn chế.

2. Tiếp tục thực hiện công cuộc đổi mới, đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá, đảm bảo ổn định chính trị, giữ vững quốc phòng - an ninh (2000-2010)

Bước vào những năm đầu của thế kỷ XXI, tiếp tục triển khai công cuộc đổi mới đất nước do Đảng khởi xướng và lãnh đạo, tiếp tục đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá, đảm bảo ổn định chính trị, giữ vững quốc phòng - an ninh, **từ ngày 15 đến ngày 16-11-2000, Đại hội Đảng bộ huyện Ea Súp lần thứ VII được tiến hành**, về dự Đại hội có 98 đại biểu chính thức.

Trên cơ sở phân tích, đánh giá những thành tựu, hạn chế trong quá trình thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ VI, đồng thời căn cứ vào tình hình thực tế của địa phương, Đảng bộ xác định phương hướng chung trong những năm 2000-2005 như sau:

*“Quán triệt sâu sắc các quan điểm tư tưởng đổi mới của Đảng, phát huy các thế mạnh của huyện, huy động mọi nguồn lực tạo ra sự chuyển biến mạnh mẽ trên tất cả các lĩnh vực; phát triển kinh tế gắn chặt với phát triển văn hóa - xã hội; thực hiện thắng lợi hai nhiệm vụ chiến lược; nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị; phát huy sức mạnh đoàn kết các dân tộc trên địa bàn, tiếp tục đổi mới, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp - nông thôn, xây dựng huyện Ea Súp phát triển **"An toàn, bền vững, giàu mạnh, văn minh"** góp phần vào thắng lợi chung của cả tỉnh”.*

Cơ cấu kinh tế của huyện được xác định là : *"Nông - lâm - công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ"*.

Đại hội đã bầu Ban chấp hành khoá VII gồm 29 đồng chí. Trong phiên họp lần thứ nhất, Ban Chấp hành khoá VII đã bầu đồng chí Phạm Đức Tuỳ làm Bí thư Huyện uỷ, các đồng chí Phạm Tấn Bê, Y Quang Siu được bầu làm Phó Bí thư.

Ngày 30-10-2001, Thủ tướng Chính phủ ra Quyết định về việc định hướng dài hạn, kế hoạch 2001 – 2005 và những giải pháp cơ bản phát triển kinh tế - xã hội Tây Nguyên. Đây là điều kiện thuận lợi để Đắk Lắk nói chung và nhân dân các dân tộc Ea Súp nói riêng tập trung xây dựng quê hương.

Sau Đại hội, Đảng bộ đã tập trung lãnh đạo theo hướng phân đầu đạt các mục tiêu công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp nông thôn, chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cơ cấu cây trồng, vật nuôi theo hướng sản xuất hàng hóa. Đầu tư có trọng điểm, trọng tâm kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội. Quan tâm công tác giáo dục, y tế, văn hóa đi đôi với giải quyết những vấn đề về xã hội. Việc triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội lần thứ VII Đảng bộ Ea Súp trong bối cảnh tình hình quốc tế và khu vực diễn biến hết sức phức tạp, an ninh chính trị trên địa bàn Tây Nguyên và Đắk Lắk đã xảy ra hai lần biểu tình, bạo loạn chính trị, thêm vào đó thời tiết khắc nghiệt, dịch bệnh gia súc, gia cầm xảy ra trên diện rộng, giá cả một số vật tư, hàng hóa thiết yếu tăng cao, đã tác động tiêu cực đến kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh của huyện. Song với truyền thống đoàn kết vượt qua mọi khó khăn, thử thách, trong 5 năm từ năm 2000-2005, Đảng bộ, quân và dân

các dân tộc trong huyện đã đạt được những thành tựu quan trọng trên nhiều lĩnh vực.

Trên lĩnh vực kinh tế, với nhiều biện pháp tích cực thực hiện chuyển dịch cơ cấu kinh tế, phát triển theo hướng sản xuất hàng hóa, nên đạt được mức độ tăng trưởng khá, đời sống nhân dân được cải thiện, có tích lũy, các chỉ tiêu lớn cơ bản hoàn thành. Tổng giá trị sản phẩm và dịch vụ xã hội đạt 209 tỷ năm 2005, tăng 2,3 lần so với năm 2000. Mức độ tăng trưởng kinh tế bình quân 5 năm từ 2000-2005 đạt 19% (theo giá so sánh với năm 1994). Trong đó nông, lâm nghiệp, thủy sản tăng 20%; công nghiệp xây dựng cơ bản tăng 14,6%; dịch vụ tăng 22%. Tổng vốn đầu tư vào các ngành kinh tế trong nhiệm kỳ đạt 372 tỷ. Thu nhập bình quân 4.220.000 đồng/người/năm, tăng gấp 2 lần so với năm 2000. Tỷ trọng kinh tế nông – lâm nghiệp 68,2%; công nghiệp, xây dựng cơ bản 12,2%; dịch vụ 19,6%.

Về kinh tế nông nghiệp, huyện tập trung chỉ đạo bằng nhiều biện pháp như mở rộng diện tích, đầu tư hình thành các vùng chuyên canh, nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm gắn với thị trường tiêu thụ. Nhờ đó, diện tích gieo trồng tăng lên 32.730 ha vào năm 2005, gấp 3 lần so với năm 2000. Tổng sản lượng lương thực quy thóc năm 2005 đạt 50.000 tấn (tăng 2,4 lần), lương thực bình quân đầu người đạt 1.030kg/người/năm, tăng 430kg so với năm 2000.

Nằm ở vị trí chiến lược về quốc phòng - an ninh của tỉnh Đắk Lắk, nên các xã vùng biên Ea Súp đã được Nhà nước, Bộ Quốc phòng đầu tư rất lớn về cơ sở hạ tầng kỹ thuật để phát triển kinh tế - xã hội. Các dự án kinh tế - quốc phòng của Binh đoàn 16 (Bộ Quốc phòng), với số kinh phí đầu tư hàng trăm tỷ đồng, hệ thống đường giao thông, đường điện và các thôn, làng đã hình thành dọc tuyến biên giới, tạo ra thế trận biên phòng toàn dân ngày một vững chắc. Với diện tích đất sản xuất được cấp và vườn điều nhận khoán, cuộc sống của gần 10.000 người dân thuộc hai xã Ia Rvê và Ia Lốp nhanh chóng ổn định. Nhất là khi bà con có nguồn thu nhập từ việc trồng xen cây ngắn ngày trong vườn điều nhận khoán của các đơn vị thuộc Binh đoàn 16.

Huyện đã tập trung xây dựng 2 vườn nhân giống điều, sản xuất bình quân hàng năm 20.000 cây điều ghép, phục vụ rộng rãi nhân dân trong địa bàn và một số vùng lân cận. Năm 2000, diện tích điều chỉ có 1.550 ha, sản lượng 595 tấn, đến năm 2005 đạt 15.917 ha (trong đó các trung đoàn thuộc Binh đoàn 16 có 13.000 ha), sản lượng bình quân hàng năm đạt 1.100 tấn, riêng năm 2005 thu 1.600 tấn.

Chăn nuôi tiếp tục phát triển mạnh, đàn gia súc, gia cầm hàng năm tăng từ 14 – 16%; đàn trâu, bò, dê thả dưới tán rừng, tận dụng mặt nước ao hồ nuôi cá nước ngọt. Năm 2005, trên địa bàn huyện có 28 cơ sở chăn nuôi đạt tiêu chuẩn trang trại mang lại hiệu quả. Lượng thực phẩm không những cung cấp đủ nhu cầu tiêu dùng trong huyện mà còn xuất ra thị trường ngoài huyện hàng năm trên 1.200 tấn thịt, cá các loại.

Xác định lâm nghiệp là thế mạnh của huyện, các cấp ủy đảng và chính quyền thường xuyên tuyên truyền, vận động cán bộ, nhân dân ý thức về luật bảo vệ và phát triển rừng. Đề cao trách nhiệm của các cơ quan quản lý Nhà nước, đã phát hiện xử lý kịp thời các vụ vi phạm, không để xảy ra cháy rừng nghiêm trọng, ngăn chặn các hành vi chặt phá rừng, lấn chiếm, mua bán đất rừng trái phép. Các lâm trường tiếp tục thực hiện việc đổi mới tổ chức và cơ chế quản lý theo quyết định 187/1999/QĐ-TTg và Nghị định số 200/2004/NĐ-CP của Chính phủ, việc kinh doanh, khai thác và nộp ngân sách Nhà nước được đảm bảo. Một số Lâm trường đã tổ chức kinh doanh lâm nghiệp kết hợp phát triển trồng trọt và chăn nuôi dưới tán rừng, tăng thu nhập và nâng cao đời sống cho người lao động. Tổ chức giao khoán quản lý bảo vệ 4.480 ha rừng, khoán quản lý có hưởng lợi trên 640 ha. Mỗi năm phát động trồng hàng chục ngàn cây xanh, cây ăn quả, góp phần tích cực vào việc bảo vệ môi trường sinh thái.

Bên cạnh việc đẩy mạnh sản xuất nông - lâm nghiệp, công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp được quan tâm đầu tư và phát triển, tổng giá trị trong 5 năm đạt 107 tỷ đồng, tăng trưởng bình quân hàng năm 6 – 7% (chiếm 12,1% tổng sản phẩm xã hội). Đến năm 2005, trên địa bàn huyện có 280 cơ sở công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ. Nông nghiệp đã được cơ giới hóa từ 60 – 65%. Tập trung khai thác vật liệu xây dựng chủ yếu là cát, đá, sản xuất gạch xây dựng, chế biến gỗ, mộc dân dụng, may mặc, các dịch vụ sửa chữa điện tử, cơ khí, xay xát lương thực... Một thành tựu mới trong lĩnh vực công nghiệp là đã hình thành cơ sở sơ chế hạt điều thương phẩm, với công suất từ 3.000 – 5.000 tấn/năm; Ngành điện lực đạt được những thành tựu to lớn, 100% xã, thị trấn, kể cả vùng dự án kinh tế quốc phòng (thuộc binh đoàn 16) có điện lưới quốc gia, với 62% số hộ sử dụng điện, tăng 15% so với chỉ tiêu và hoàn thành trước thời hạn 2 năm theo nghị quyết Đại hội đề ra.

Hoạt động thương mại và dịch vụ phát triển khá, tổng mức hàng hóa bán lẻ hàng năm đều tăng, từ 43 tỷ đồng năm 2000 lên 60 tỷ đồng năm 2005. Đã hình thành chợ nông thôn tại xã Ea Lê, Ea Rôc, Ea Bung; đầu tư nâng cấp xây dựng một số hạng mục công trình nhà chợ lòng trung tâm huyện, góp phần thúc đẩy sản xuất và lưu thông hàng hóa, phục vụ đời sống nhân dân.

Hoạt động tài chính tiền tệ có nhiều chuyển biến tích cực, thu ngân sách hàng năm cơ bản đạt và vượt kế hoạch. Tổng thu trong 5 năm đạt 161,5 tỷ đồng, tăng bình quân hàng năm 15%,. Đảm bảo chi thường xuyên, có tích lũy để đầu tư phát triển. Hoạt động Kho bạc Nhà nước thực hiện tốt chức năng kiểm tra, giám sát, quản lý chặt chẽ lượng tiền mặt. Các hoạt động ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn, ngân hàng chính sách xã hội luôn được cải tiến mở rộng cả về quy mô và đa dạng các hình thức cho vay, mức dư nợ trong hạn bình quân hàng năm tăng nhanh, cơ bản đã đáp ứng đủ nhu cầu vay vốn của các thành phần kinh tế, tạo động lực cho kinh tế hộ phát triển, giải quyết việc làm, nâng cao thu nhập, tích cực tham gia vào công tác xóa đói giảm nghèo.

Mạng lưới giao thông trong huyện thường xuyên được tu sửa, phát triển, đưa đón hành khách, vận tải hàng hóa ngày càng thuận lợi. Hầu hết các tuyến

đường trung tâm huyện, liên xã đến các cụm dân cư đều đảm bảo thông suốt cả hai mùa. Tổng vốn đầu tư trong những năm 2001-2005 là 64,17 tỷ đồng, trong đó vốn của Trung ương và của tỉnh 60,67 tỷ đồng, vốn ngân sách huyện 2,6 tỷ đồng, huy động nhân dân và các doanh nghiệp trong huyện 0,9 tỷ đồng. Tập trung đầu tư vào một số công trình chủ yếu như: Đường nhựa từ Ea Lê – Ya Lốp (25km), nâng cấp thảm nhựa 2 km đường trung tâm Thị trấn, làm mới và gia cố 145km đường cấp phối, bảo dưỡng 68km; điếm mới trong lĩnh vực giao thông vận tải là đã hình thành được bến xe để giải quyết tốt lưu lượng vận tải, luân chuyển hành khách, hàng hóa, đáp ứng nhu cầu của nhân dân, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội.

Ngành bưu chính viễn thông được quan tâm đầu tư, đảm bảo thông tin liên lạc phục vụ tốt nhiệm vụ chính trị của Đảng bộ, 8/8 xã và Thị trấn có điện thoại, 9 điếm bưu điện văn hóa xã và đã phủ sóng mạng điện thoại di động. Toàn huyện có 1.300 máy điện thoại cố định, bình quân 100 người có 3 máy vượt chỉ tiêu Nghị quyết đề ra.

Lĩnh vực đầu tư xây dựng kết cấu cơ sở hạ tầng tiếp tục được đẩy mạnh, tiếp nhận và phối hợp triển khai thực hiện có hiệu quả các nguồn vốn đầu tư, với hơn 58 công trình quan trọng như hệ thống thủy lợi Ea Súp thượng, đường, điện, trường học, bệnh viện, trạm xá và nhà làm việc của cơ quan nhà nước. Tổng số vốn đầu tư chung toàn địa bàn huyện trong 5 năm 2001-2005 đạt trên 372 tỷ đồng, chủ yếu vốn của Trung ương và của tỉnh. Đầu tư có trọng điểm vào các lĩnh vực thủy lợi 36%; giao thông 23%, điện 19%; giáo dục đào tạo 14%; còn lại là các công trình phúc lợi xã hội công cộng khác, với tốc độ đầu tư lớn, nhanh đã làm cho bộ mặt nông thôn không ngừng đổi mới.

Đầu năm 2001, công trình thủy lợi Hồ Ea Súp thượng được khởi công xây dựng bằng nguồn vốn huy động trái phiếu của Chính phủ. Đây là công trình thủy lợi lớn thứ 2 ở Tây Nguyên (sau Hồ Ayun Hạ - Gia Lai) với tổng giá trị đầu tư 210 tỷ đồng. Theo thiết kế, công trình có diện tích mặt nước rộng 1.400 ha với lượng nước chứa 146 triệu mét khối, bảo đảm nước tưới cho 9.455 ha lúa cùng với diện tích các loại cây trồng của 7 xã: Ea Lê, Ea Bung, Ia R'vê, Ea Rók, Cư M'lan, Ya T'Mốt và thị trấn Ea Súp... Năm 2004 công trình được hoàn thành và bắt đầu đưa vào khai thác, phục vụ sản xuất nông nghiệp và giải quyết nước sinh hoạt. Năm 2005, nhánh kênh chính đông dài hơn 20 cây số được đưa vào sử dụng thì công trình mới bắt đầu phát huy hiệu quả, huyện đã tăng thêm hơn 2.000 ha cây trồng.

Việc củng cố và sắp xếp các thành phần kinh tế bước đầu đã đem lại hiệu quả. Các lâm trường sau khi chuyển đổi cơ chế đã thể hiện được tính tích cực, sáng tạo, tự chủ sản xuất kinh doanh, tạo việc làm, nâng cao đời sống người lao động, hoàn thành chỉ tiêu kế hoạch. Thực hiện nghị quyết Trung ương 5 (khóa IX), Hợp tác xã vận tải Cư Mĩ tiến hành sắp xếp đổi mới nhưng hoạt động vẫn còn lúng túng, thiếu vốn, chủ yếu đảm bảo một số khâu dịch vụ, nên hiệu quả thấp. Kinh tế tư nhân có bước phát triển khá nhanh, nhiều hộ gia đình biết vận dụng khai thác tiềm năng, đã tự vươn lên làm giàu chính đáng.

Hoạt động khoa học công nghệ và môi trường ngày càng được chú trọng hơn, việc áp dụng các tiến bộ khoa học, kỹ thuật vào sản xuất ngày càng rộng rãi. Xây dựng và thực hiện các chương trình ứng dụng tiến bộ kỹ thuật như: Sản xuất bắp lai, gieo, ươm, trồng và chăm sóc điều ghép, bò lai. Nhờ vậy, năng suất, chất lượng, giá trị một số sản phẩm nông nghiệp được nâng cao. Công tác khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư, tổ chức mô hình, trình diễn, đã góp phần tăng trưởng kinh tế. Thường xuyên tuyên truyền, vận động nhân dân giữ gìn vệ sinh và bảo vệ môi trường. Trạm cấp nước môi trường thị chính hoạt động có hiệu quả, năng công suất của nhà máy lên trên 65%, có hơn 1.100 hộ sử dụng, giải quyết cơ bản nhu cầu nước sinh hoạt cho nhân dân thuộc địa bàn xã Cư M' Lan và Thị trấn Ea Súp.

Công tác quản lý và sử dụng đất từng bước đi vào nề nếp, đúng pháp luật, hạn chế tình trạng mua bán, sang nhượng, lấn chiếm đất trái phép. Hoàn chỉnh quy hoạch tổng thể, quy hoạch chi tiết, quy hoạch vùng về đất đai đến năm 2010. Công tác cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho nhân dân được chú trọng, đã cấp 8.088 ha trong tổng số diện tích đất 12.450 ha cho hộ gia đình quản lý (đạt 65,7%).

Lĩnh vực văn hóa xã hội có nhiều chuyển biến tích cực, bộ mặt nông thôn ngày càng khởi sắc, đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân được cải thiện một bước. Giáo dục – đào tạo ngày càng mở rộng, cơ sở vật chất được tăng cường đầu tư, cơ bản đáp ứng nhu cầu dạy và học, không để xảy ra tình trạng học ca ba. Trong nhiệm kỳ đã thành lập trường trung học cơ sở dân tộc nội trú, tách trường cấp 2, 3 thành trường trung học phổ thông và trường phổ thông dân tộc nội trú, đã thành lập và đưa Trung tâm giáo dục thường xuyên vào hoạt động bước đầu có hiệu quả. Huyện có 33 trường học với 16.675 học sinh, bình quân mỗi năm tăng 1.100 học sinh, tỷ lệ cứ 3 người dân có 1 người đi học. Kết quả học sinh lên lớp hàng năm đạt trên 90%. Thi tốt nghiệp bậc tiểu học đạt 99%; trung học cơ sở đạt 97%; trung học phổ thông đạt 96%.

Công tác y tế, chăm sóc sức khỏe nhân dân có nhiều tiến bộ. Đội ngũ y, bác sĩ được nâng cao cả về chuyên môn và trách nhiệm trong khám và điều trị bệnh. Trong những năm 2000-2005, đã đầu tư xây dựng và nâng cấp Trung tâm y tế huyện với 50 giường bệnh, 8/8 xã và thị trấn có trạm xá, 4/8 xã có bác sĩ, 98% buôn thôn có nhân viên y tế cộng đồng. Thực hiện tốt các chương trình mục tiêu quốc gia về y tế. Tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng giảm còn 35%. Phát hiện, xử lý kịp thời các loại dịch bệnh không để lây lan. Hội Đông y bước đầu phát huy hiệu quả, góp phần đáng kể vào công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân.

Công tác dân số kế hoạch hóa gia đình và trẻ em được triển khai rộng rãi trong huyện, hiệu quả ngày càng cao, giữ vững tỷ suất sinh hàng năm là 1%, tỷ lệ tăng dân số tự nhiên đến cuối năm 2005 còn khoảng 2%. Việc chăm sóc sức khỏe bà mẹ trẻ em được chú trọng, tỷ lệ tiêm chủng mở rộng hàng năm luôn ổn định trên 96%. Trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn được trợ cấp thăm hỏi, tặng quà, chữa bệnh miễn phí nhằm giúp các cháu có điều kiện để hòa nhập cộng đồng.

Thường xuyên tổ chức các hoạt động văn hóa – thể dục thể thao, giao lưu kết nghĩa với các buôn đồng bào dân tộc vào các dịp lễ tết, giữ vững và phát huy bản sắc các dân tộc. Thực hiện cuộc vận động “toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” đạt kết quả, được đông đảo các tầng lớp nhân dân, các cơ quan, đơn vị tích cực hưởng ứng. Đến năm 2005 đã có hơn 6.330 hộ gia đình, 40 thôn, buôn, tổ dân phố và 46 cơ quan đơn vị được công nhận đạt tiêu chuẩn văn hóa.

Việc đầu tư trang thiết bị phục vụ công tác truyền thanh, truyền hình được quan tâm đổi mới đảm bảo kỹ thuật và thời lượng phát sóng phục vụ nghe nhìn của nhân dân, 100% xã thị trấn có hệ thống truyền thanh FM. Đội ngũ cộng tác viên được tăng cường, viết và gửi 1.500 tin bài, phóng sự, xây dựng 240 chương trình phát thanh địa phương, góp phần tích cực vào việc chuyển tải chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, Nhà nước đến với nhân dân.

Việc thực hiện các chính sách xã hội được đẩy mạnh, tập trung xây dựng cơ sở hạ tầng ở vùng đồng bào dân tộc và vùng kinh tế mới như: điện, đường giao thông, trường học, trạm xá, nhà sinh hoạt văn hóa cộng đồng. Chỉ đạo giải quyết đất ở, đất sản xuất theo Chương trình 134 của Chính phủ, số diện tích đã cấp 731 ha (đạt 137%) trong đó cấp đất sản xuất cho đồng bào thị trấn Ea Súp 493 ha/493 hộ, trung mua 51 ha ruộng nước 2 vụ cấp cho đồng bào dân tộc tại chỗ buôn Thal, xã Ea Rôc, hỗ trợ kinh phí cho 17 hộ buôn Bana xã Ia Lốp tự khai hoang đất sản xuất đất ở. Binh đoàn 16 hỗ trợ khai hoang 165 ha cho đồng bào buôn Thal và được Binh đoàn hỗ trợ trồng 557 ha điều ghép. Về nhà ở, huyện đã chủ động xây dựng kế hoạch, huy động các cơ quan ban, ban ngành, đoàn thể, cán bộ, công chức viên chức đóng góp xây dựng 63 ngôi nhà tình thương, sửa chữa và làm mới 18 ngôi nhà đại đoàn kết (trong đó có 48 nhà làm theo Chương trình 134 của Chính Phủ). Các chính sách về dân tộc, tôn giáo của Đảng, Nhà nước được triển khai và tổ chức thực hiện tốt, tạo sự chuyển biến tích cực, kịp thời động viên đồng bào các dân tộc, tôn giáo đoàn kết, hăng hái tham gia các phong trào địa phương; xây dựng và bảo vệ tổ quốc.

Các hoạt động chăm sóc người có công với nước, thực hiện phong trào “đền ơn đáp nghĩa”, “uống nước nhớ nguồn” luôn được các cấp ủy Đảng, Chính quyền, các ngành quan tâm. Trong 5 năm từ 2001-2005, đã tổ chức vận động đóng góp quỹ đền ơn đáp nghĩa 97 triệu đồng, xây dựng tặng 03 ngôi nhà tình nghĩa, tặng 52 sổ tiết kiệm trị giá 12 triệu đồng, xây dựng bia ghi danh liệt sỹ ở các xã và thị trấn, nâng cấp đài nghĩa trang liệt sỹ, các chính sách khác được giải quyết đầy đủ kịp thời đến từng đối tượng, các dịp lễ, tết đều tổ chức thăm hỏi, tặng quà động viên. Thực hiện tốt công tác từ thiện, cứu trợ nhân đạo, khám và điều trị miễn phí đối với người nghèo. Chương trình xóa đói giảm nghèo được đẩy mạnh thực hiện, đến năm 2005 còn 847 hộ nghèo (chiếm 10%), trong đó hộ đồng bào dân tộc thiểu số là 125 hộ (giảm 15% so với Nghị quyết).

Trên lĩnh vực an ninh chính trị trật tự an toàn xã hội, trong những năm 2001 -2005, trên địa bàn Tây Nguyên và tỉnh Đắk Lắk nói chung, huyện Ea Súp nói riêng, tình hình an ninh chính trị diễn ra phức tạp. Các thế lực thù địch ráo riết đẩy mạnh các hoạt động chống phá ta trên nhiều lĩnh vực. Ngay từ cuối năm

2000, được các thế lực phản động thù địch bên ngoài trợ giúp, hậu thuẫn, bọn cầm đầu FULRO lưu vong tăng cường hoạt động móc nối, lôi kéo, tập hợp lực lượng, phục hồi tổ chức FULRO với ý đồ thành lập “Nhà nước Êđê Ga tự trị” ở vùng Tây Nguyên do Ksor Kok cầm đầu. Chúng liên tục kích động nhân thân và số đối tượng cầm đầu, tổ chức lôi kéo, mua chuộc, tụ tập một số quần chúng theo đạo Tin Lành Êđê Ga. Chỉ đạo tiến hành các hoạt động tuyên truyền, phát tán các tài liệu phản động dưới hình thức truyền đạo. Đặc biệt nghiêm trọng hơn, chúng đã mua chuộc, dụ dỗ, đe dọa và kích động lôi kéo một số đồng bào dân tộc thiểu số gây ra cuộc bạo loạn chính trị vào đầu tháng 2-2001 tại thành phố Buôn Ma Thuột.

Do phát hiện sớm và nhận định đúng tình hình an ninh chính trị trên địa bàn tỉnh diễn biến phức tạp, trong lúc đang tiến hành Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIII, Tỉnh ủy đã quyết định kết thúc sớm Đại hội hơn một ngày để tập trung chỉ đạo giải quyết tình hình, ngăn chặn biểu tình, bạo loạn. Ban Thường vụ Tỉnh ủy khóa XIII tổ chức cuộc họp khẩn cấp gồm các đồng chí bí thư, chủ tịch ủy ban nhân dân huyện, thành phố và các ngành liên quan để thông báo tình hình, triển khai chủ trương và kế hoạch phòng chống biểu tình, bạo loạn ngay từ cơ sở.

Tại huyện Ea Súp tình hình an ninh chính trị cũng có nhiều diễn biến phức tạp, điển hình là sự kiện "bạo loạn chính trị" xảy ra đầu tháng 2-2001, do một bộ phận đồng bào dân tộc tại chỗ (chủ yếu là thanh niên) vì nhẹ dạ, cả tin nên đã bị các thế lực phản động lôi kéo, nhằm chống phá cách mạng nước ta, chia rẽ khối đại đoàn kết toàn dân. Ngày 2-2-2001, trên địa bàn huyện xảy ra biểu tình bạo loạn, chúng dùng 21 xe công nông chở hơn 200 người đều là người đồng bào dân tộc thiểu số tại chỗ từ buôn Mthal, xã Ea Rók và 5 buôn Thị trấn Ea Súp do Y Noen Kpă, Y Saly Kpă, Y Soái Niê cùng nhiều đối tượng khác cầm đầu kéo về thành phố Buôn Ma Thuột trong khí thế “hùng hực”; khi đoàn biểu tình vượt qua trung tâm Thị trấn kéo đến cầu Đăk Bùng cách huyện 4 km thì bị lực lượng của ta chặn lại, do ta dùng xe tải lớn chở gỗ, án ngữ trên cầu nên đoàn biểu tình không vượt qua được và đã bỏ lại 21 xe công nông, tiếp tục đi bộ về thành phố Buôn Ma Thuột. Trên đường đi bị ta chặn lại nhiều lần bằng vòi rồng xe cứu hỏa nhưng đoàn biểu tình tản ra rồi co vào và tiếp tục đi. Đến đập Ea Ma, huyện Buôn Đôn bị lực lượng vũ trang kiên quyết chặn lại bằng hệ thống bùng nhùng kẽm gai, kết hợp đoàn công tác vận động quần chúng của huyện xuống làm công tác tuyên truyền giải thích vận động bà con trở về với buôn làng. Vì vậy, đoàn biểu tình không vượt qua được. Sau hai ngày vật lộn tại đây, đoàn biểu tình đã quay lại buôn, khi qua Thị trấn đoàn biểu tình đã xông vào trụ sở Ủy ban nhân dân Thị trấn Ea Súp, lấy 21 xe công nông do ta thu về khi họ bỏ lại. Sau khi trở lại buôn một số đối tượng cầm đầu cốt cán FULRO vẫn ngấm ngầm không chế quần chúng, cản trở các đoàn công tác của ta làm cho tình hình an ninh chính trị càng phức tạp hơn.

Được sự chỉ đạo của Bộ và Công an tỉnh, Công an huyện vừa phối hợp với công tác vận động quần chúng, vừa tiến hành thu thập tài liệu, củng cố hồ sơ các

đối tượng cầm đầu, quá khích. Ngày 7-2-2001, ta đã bắt 5 đối tượng cầm đầu, đồng thời tiến hành gọi hỏi đầu tranh với 42 đối tượng khác, nhằm làm rõ vai trò, vị trí của từng đối tượng và tổ chức phản động FULRO của chúng; đồng thời xây dựng kế hoạch tham mưu cấp ủy chính quyền chỉ đạo giải quyết từng bước ổn định tình hình.

Huyện đã kịp thời phát hiện và ngăn chặn, sau đó bắt và xử lý số cầm đầu bằng cách tiến hành tuyên truyền, giáo dục các đối tượng này, cho học tập kiểm điểm trước dân, tăng cường công tác phát động quần chúng... Sau vụ gây rối không thành, bọn chúng lại tổ chức cho một số thanh niên vượt biên trái phép sang Campuchia, gây hoang mang cho bà con đồng bào các dân tộc.

Đến giữa tháng 3-2001, có 22 đối tượng tại các buôn thị trấn Ea Súp đã vượt biên trái phép sang Campuchia, số đối tượng này bị lực lượng Campuchia bắt giữ 19 đối tượng và giao trả lại Việt Nam, ta đã thả tự do 15 đối tượng, khởi tố tạm giam 4 đối tượng, có 3 đối tượng được Mỹ bảo lãnh. Từ ngày 7 đến ngày 26-8-2001, có 22 đối tượng khác tiếp tục vượt biên trái phép sang Campuchia, số này đã nhập vào trại tị nạn trên đất Campuchia.

Hoạt động tôn giáo trái phép trên địa bàn huyện thời gian này cũng diễn biến phức tạp, tình hình tụ tập quần chúng trái phép của đạo Tin lành trong các buôn đồng bào dân tộc tại chỗ vẫn tiếp tục diễn ra, qua theo dõi phát hiện 3 vụ với 180 đối tượng.

Từ ngày 13 đến ngày 16-4-2001 và cuối tháng 9-2001 trên địa bàn xảy ra 5 vụ gây khí độc tại một số trường học làm 149 người bị nhiễm độc (trong đó 139 học sinh, 10 cán bộ giáo viên), gây nên sự phức tạp đối với tình hình an ninh xã hội.

Trước tình hình đó, thực hiện Chỉ thị 05 và Kế hoạch 01 của Tỉnh ủy Đắk Lắk, Ban Thường vụ Huyện ủy đã thành lập Ban chỉ đạo để tổ chức thực hiện do đồng chí Bí thư Huyện ủy trực tiếp làm Trưởng ban. Ngay sau đó, nhiều biện pháp khẩn trương để giải quyết tình hình an ninh chính trị được thực hiện, ngày 21-7-2001, huyện tổ chức Hội nghị dân vận để thông qua kế hoạch cụ thể, phân công đoàn công tác xuống cơ sở xây dựng nội dung và chương trình, tập trung chỉ đạo vào 2 địa bàn trọng điểm là Thị trấn Ea Súp và xã Ea Rốc. Ngày 17-9-2001, Hội nghị chủ chốt Thị trấn gồm Già làng, người có uy tín, cán bộ đoàn thể, trưởng các thôn, buôn để quán triệt Chỉ thị 05 và Kế hoạch 01 của Tỉnh ủy được diễn ra. Từ tối ngày 17 đến ngày 23-8-2001 huyện tổ chức họp dân và các buôn để quán triệt nội dung cơ bản của Chỉ thị 05 và Kế hoạch 01. Đa số nhân dân rất đồng tình, biểu quyết ủng hộ việc xóa bỏ đạo tin lành Đê-ga trái phép.

Nhờ những biện pháp khẩn trương và tích cực, tình hình an ninh chính trị trên địa bàn huyện dần đi vào ổn định. Cuối năm 2001, có 34 hộ với 120 khẩu tự nguyện viết đơn cam kết từ bỏ đạo Tin lành Đê-ga, các già làng đã tiến hành làm lễ theo phong tục trước sự chứng kiến của chính quyền địa phương và các đoàn thể. Đoàn công tác phát động quần chúng của tỉnh và huyện đã phối hợp với cấp ủy, chính quyền, đoàn thể, các ngành đã bám buôn làng, hướng dẫn và giúp dân

lao động sản xuất, ổn định cuộc sống và tích cực ngăn chặn các hoạt động của đạo Tin lành trái pháp luật.

Đặc biệt qua công tác phát động quần chúng, đã tập hợp được 1.662 quần chúng, hội viên tham gia học tập các chỉ thị, nghị quyết của Đảng và Nhà nước, tập trung giải quyết 60 ý kiến đề nghị của bà con, những ý kiến và kiến nghị của bà con được giải quyết tháo gỡ thông suốt. Trong quá trình tổ chức triển khai thực hiện, Đảng bộ đã đảm bảo tính nghiêm túc và bí mật tuyệt đối do đó tình hình đã từng bước ổn định.

Thực hiện có hiệu quả Nghị quyết 09 của Chính phủ và chương trình quốc gia phòng chống tội phạm, phòng chống ma túy, chương trình an toàn giao thông đường bộ, các nghị quyết liên tịch để xây dựng và đẩy mạnh phong trào quần chúng bảo vệ an ninh tổ quốc. Tăng cường củng cố, nâng cao chất lượng hoạt động của các tổ chức quần chúng tự quản, xây dựng thực lực chính trị. Hiệu quả các mặt công tác quản lý nhà nước về an ninh trật tự có nhiều chuyển biến nên đã kiềm chế sự gia tăng tội phạm, góp phần lập lại trật tự kỷ cương giữ vững an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội.

Trong thời gian này, Đảng bộ tỉnh Đắk Lắk nói chung và Đảng bộ huyện Ea Súp nói riêng đã có nhiều biện pháp triển khai đồng bộ các hoạt động đề phòng chống biểu tình, ráo riết truy quét, vận động đầu thú số đối tượng đang lẩn trốn và các cơ sở ngầm. Tuy nhiên, tổ chức phản động FULRO lưu vong ở Mỹ do Ksor Kok cầm đầu vẫn thường xuyên liên lạc với nhau, chỉ đạo số đối tượng đang lẩn trốn tổ chức móc nối, lôi kéo, thậm chí o ép, lừa gạt một bộ phận đồng bào dân tộc thiểu số tại chỗ tổ chức biểu tình. Đầu tháng 4-2004, bọn phản động tiếp tục tổ chức cuộc bạo loạn lần thứ hai trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

Thời gian này, tình hình an ninh chính trị, an ninh biên giới, an ninh trong vùng đồng bào dân tộc tại chỗ và an ninh nông thôn của huyện Ea Súp cơ bản giữ vững ổn định, do có sự quan tâm chỉ đạo của các cấp, các ngành, đã tập trung phối hợp chặt chẽ giữa các lực lượng vũ trang đóng trên địa bàn. Đảm bảo và duy trì chế độ giao ban định kỳ, xây dựng và bổ sung các phương án phòng chống vượt biên, phương án chống câu móc. Liên tục rà soát, theo dõi các đối tượng có liên quan đến FULRO lưu vong, số trốn vượt biên trước đây, gọi hỏi, đấu tranh răn đe các đối tượng thường vi phạm Quy chế biên giới. Quản lý chặt chẽ công tác hộ tịch hộ khẩu, số tạm vắng, tạm trú, số đối tượng có liên quan đến hoạt động “Tin lành Đê Ga”. Do đó, đã kịp thời phát hiện và đấu tranh làm rõ vụ tái tổ chức “Tin lành Đê Ga” tại buôn Thal và đưa ra kiểm điểm trước dân, được nhân dân đồng tình ủng hộ.

Quốc phòng được củng cố, an ninh chính trị - trật tự an toàn xã hội cơ bản được giữ vững, hàng năm trong nhiệm kỳ đều xây dựng nghị quyết, bổ sung và hoàn chỉnh phương án phòng thủ liên hoàn, phát huy sức mạnh cả hệ thống chính trị, đảm bảo thế trận quốc phòng toàn dân, thế trận an ninh nhân dân vững mạnh toàn diện. Thường xuyên quan tâm công tác giáo dục chính trị tư tưởng cho cán bộ, chiến sỹ trong các lực lượng vũ trang và bán vũ trang, không ngừng nâng cao cảnh giác cách mạng, chủ động ngăn ngừa và đấu tranh chống chiến

lược “diễn biến hòa bình, bạo loạn lật đổ” của các thế lực thù địch, sẵn sàng đối phó kịp thời trong mọi tình huống. Làm tốt công tác đào tạo, huấn luyện, nâng cao kỹ, chiến thuật cho các lực lượng bộ đội tập trung, dự bị động viên và dân quân tự vệ. Kết quả đều đạt khá trở lên, hoàn thành chỉ tiêu giao quân hàng năm trong nhiệm kỳ. Xây dựng lực lượng dân quân cơ động đạt 3,5% dân số. Thực hiện đầy đủ chính sách hậu phương quân đội; huy động nhân dân đóng góp quỹ quốc phòng đạt khá. Phối hợp chặt chẽ với các lực lượng Biên phòng, các Trung đoàn thuộc Binh đoàn 16; duy trì chế độ giao ban, nắm tình hình, tổ chức các đợt hành quân dã ngoại, khảo sát, tuần tra, truy quét vùng sâu, vùng biên giới. Phòng chống vượt biên, xâm nhập, giữ vững chủ quyền lãnh thổ và an ninh biên giới. Tổ chức tốt diễn tập theo cơ chế 02/BCT hai cấp huyện – xã đạt yêu cầu đề ra.

Đảng bộ đã chú trọng và đẩy mạnh thực hiện cuộc vận động xây dựng và chỉnh đốn Đảng, hoạt động của chính quyền, Mặt trận và các đoàn thể nhân dân được đổi mới và nâng cao chất lượng. Thường xuyên tổ chức bồi dưỡng, học tập chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, quán triệt đầy đủ các nghị quyết, chỉ thị của Đảng, pháp luật của Nhà nước đến cán bộ, đảng viên và quần chúng nhân dân. Do đó, đại đa số cán bộ, đảng viên có bản lĩnh chính trị vững vàng, kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, tin tưởng tuyệt đối và gương mẫu chấp hành các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước. Tích cực tuyên truyền, hướng dẫn vận động nhân dân hưởng ứng các phong trào thi đua yêu nước, nêu gương người tốt, việc tốt. Đấu tranh chống lại các luận điệu sai trái, củng cố niềm tin của nhân dân vào đường lối đổi mới của Đảng, góp phần giữ vững sự thống nhất tư tưởng, hành động trong Đảng và sự đồng thuận trong xã hội.

Năm 2001, Đảng bộ có 28 tổ chức cơ sở đảng trực thuộc với 578 đảng viên, đến năm 2005 có 32 tổ chức cơ sở đảng với 920 đảng viên (tăng 442 đảng viên so với năm 2001); 100% xã, thị trấn đều có đảng bộ. Công tác đánh giá phân loại chất lượng tổ chức cơ sở đảng thực hiện đảm bảo đúng quy trình, năm 2004 có 31 tổ chức cơ sở đảng được phân loại, trong đó: trong sạch vững mạnh đạt 61,29%; khá đạt 32,5%; yếu 6,4%. Công tác quản lý đảng viên được tiến hành chặt chẽ, thực hiện tốt việc giới thiệu đảng viên trong các cơ quan về sinh hoạt nơi cư trú đúng quy định. Công tác tự phê bình và phê bình theo tinh thần nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) hàng năm được kiểm điểm nghiêm túc. Qua phân tích chất lượng đảng viên năm 2004 có 772/847 đảng viên dự phân loại, trong đó đủ tư cách hoàn thành tốt nhiệm vụ 76,03%; hoàn thành nhiệm vụ 22,53%; vi phạm tư cách 1,42%.

Công tác phát triển đảng viên luôn được các cấp ủy coi là nhiệm vụ thường xuyên và đẩy mạnh thực hiện, đã kết nạp 289 đảng viên mới, trong đó nữ 29,76%, đảng viên dân tộc thiểu số 11,76%, kết nạp từ đoàn viên thanh niên 47,75%, đồng thời cơ bản hoàn thành việc đổi và phát thẻ đảng viên.

Ngay từ đầu nhiệm kỳ, Ban Chấp hành Đảng bộ và ủy ban kiểm tra các cấp đã xây dựng chương trình, kế hoạch kiểm tra theo điều 30 và 32 Điều lệ Đảng, xây dựng quy chế phối hợp. Nội dung và chương trình kiểm tra hàng năm,

định kỳ, thường xuyên hay đột xuất đều có trọng tâm, trọng điểm, đảm bảo quy trình, chủ yếu kiểm tra việc chấp hành nghị quyết, chỉ thị của Đảng, kiểm tra việc xây dựng và thực hiện quy chế làm việc của cấp ủy cơ sở. Trong nhiệm kỳ đã tiến hành kiểm tra 83 lượt tổ chức cơ sở đảng trực thuộc theo điều 30 – 32 điều lệ Đảng với 66 đảng viên (tăng 23 tổ chức và 22 đảng viên) so với nhiệm kỳ trước. Qua công tác kiểm tra, đã kịp thời chấn chỉnh, củng cố một số tổ chức cơ sở đảng, xây dựng đội ngũ đảng viên có bản lĩnh chính trị vững vàng, có phẩm chất đạo đức và lối sống, tự rèn luyện vươn lên hoàn thành nhiệm vụ.

Hoạt động của Ban Dân vận, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam huyện và các đoàn thể nhân dân từ huyện đến cơ sở có bước đổi mới cả về nội dung và hình thức. Thường xuyên bám sát cơ sở nhất là trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số tại chỗ, vùng tôn giáo, vùng kinh tế mới để tuyên truyền và vận động nhân dân thực hiện tốt các chủ trương chính sách của Đảng, pháp luật Nhà nước. Chăm lo giáo dục thế hệ trẻ nhằm tập hợp lực lượng, phát triển đoàn viên, hội viên, 100% thôn buôn thành lập được phân chi hội hoạt động có hiệu quả. Cùng với Đảng bộ, chính quyền phát huy được truyền thống đoàn kết các dân tộc, tổ chức và khơi dậy phong trào thi đua yêu nước, bằng những hành động cách mạng đem lại hiệu quả thiết thực như các phong trào: “Giúp nhau xóa đói giảm nghèo”; “phong trào nông dân sản xuất giỏi” của Hội Nông dân; phong trào “Thanh niên lập nghiệp – tuổi trẻ giữ nước” của Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh; phong trào “giúp nhau phát triển kinh tế gia đình, nuôi con khỏe dạy con ngoan” của Hội Phụ nữ; phong trào “toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư”. Phong trào kết nghĩa với đồng bào dân tộc thiểu số tại chỗ diễn ra sôi nổi hiệu quả. Các xã, các trung đoàn thuộc Binh đoàn 16, các cơ quan, ban, ngành đoàn thể huyện kết nghĩa với 7 buôn. Đến năm 2005, toàn huyện có 36 tổ tập trung giúp nhau xóa đói giảm nghèo, đảm bảo an ninh trật tự, xây dựng thực lực chính trị buôn làng. Từ đó, đời sống vật chất tinh thần, niềm tin của đồng bào vào Đảng, chính quyền được nâng lên. Từ những kết quả đạt được đã góp phần đáng kể vào việc thực hiện nhiệm vụ chính trị của Đảng bộ.

Sau 20 năm thực hiện công cuộc đổi mới do Đảng Cộng sản Việt Nam khởi xướng và lãnh đạo, đất nước ta đã đạt được những thành tựu quan trọng, đưa nước ta bước vào thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Tây nguyên nói chung, tỉnh Đắk Lắk nói riêng là vùng kinh tế trọng điểm năng động và sáng tạo, luôn được Trung ương quan tâm đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng như giao thông, thủy lợi, điện lưới, y tế, giáo dục... đã mang lại hiệu quả. Những thuận lợi đó cho phép huyện Ea Súp vận dụng khai thác tiềm năng, lợi thế, đẩy nhanh tốc độ phát triển kinh tế - xã hội, ổn định và giữ vững quốc phòng-an ninh, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân.

Kết quả 5 năm thực hiện nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ VII với những kinh nghiệm quý báu trong quá trình lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức điều hành... là tiền đề quan trọng cho sự nghiệp phát triển huyện Ea Súp trong chặng đường tiếp theo.

Thực hiện Chỉ thị số 46-CT/TW của Bộ Chính trị về tổ chức đại hội các cấp, tiến tới Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X của Đảng, **Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện Ea Súp lần thứ VIII được tiến hành từ ngày 11 đến ngày 12-10-2005**, về dự có 151 đại biểu chính thức. Đại hội đã thông qua dự thảo báo cáo chính trị, báo cáo kiểm điểm sự lãnh đạo, chỉ đạo của Ban Chấp hành khóa VII, báo cáo tổng hợp góp ý thảo luận vào các dự thảo văn kiện Đại hội X của Đảng, tham gia (sửa đổi, bổ sung) điều lệ Đảng và báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh lần thứ XIV, trên cơ sở báo cáo tổng hợp những ý kiến đóng góp, thảo luận của Đại hội.

Đại hội xác định phương hướng chung trong những năm 2005-2010 là:

“Nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng bộ, vai trò quản lý điều hành của chính quyền, hoạt động dân vận, Mặt trận và các đoàn thể nhân dân, phát huy truyền thống đoàn kết dân tộc, tiếp tục đổi mới toàn diện nhằm khai thác các nguồn lực, phát triển nhanh và bền vững trên mọi lĩnh vực. Kết hợp chặt chẽ giữa kinh tế, gắn với văn hóa, bảo vệ môi trường sinh thái, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội, không ngừng nâng cao đời sống vật chất tinh thần của nhân dân, tăng cường quốc phòng, an ninh, giữ vững ổn định chính trị và trật tự an toàn xã hội. Đẩy mạnh công nghiệp hóa - hiện đại hóa, xây dựng huyện Ea Súp “Ổn định – phát triển bền vững – dân giàu, huyện mạnh”.

Đại hội cũng xác định cơ cấu kinh tế chung của huyện là nông lâm – công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ”, trong đó: Nông lâm nghiệp chiếm 65-68%; dịch vụ 17-19%; công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp chiếm 10-13%;

Phấn đấu đạt tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân hàng năm từ 15% trở lên; trong đó nông lâm nghiệp tăng 25%; thương mại dịch vụ tăng 12-14%; công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp tăng 10-12%;

Đại hội bầu Ban Chấp hành Đảng bộ huyện khoá VIII gồm có 39 đồng chí. Trong phiên họp lần thứ nhất, Ban Chấp hành đã bầu đồng chí Phạm Tấn Bê làm Bí thư Huyện uỷ, các đồng chí Nguyễn Đức Thuận, Lê Ngọc Ánh, Y Quang Siu được bầu làm Phó Bí thư Huyện uỷ.

Ngày 16-5-2006, Chính phủ có Nghị định số 47/2006/NĐ-CP điều chỉnh địa giới hành chính và thành lập các xã của tỉnh Đắk Lắk. Huyện Ea Súp thành lập xã Ia JLoi trên cơ sở 27.320 ha diện tích tự nhiên và 5.789 nhân khẩu của xã Ia Lốp. Xã Ia JLoi có 27.320 ha diện tích tự nhiên và 5.789 nhân khẩu. Sau khi điều chỉnh địa giới hành chính thành lập xã Ia JLoi, xã Ia Lốp còn lại 19.253 ha diện tích tự nhiên và 3.890 nhân khẩu. Điều chỉnh 1.576 ha diện tích tự nhiên của xã Ea Bung về xã Ya Tờ Mốt quản lý; Thành lập xã Ia RVê trên cơ sở 11.316 ha diện tích tự nhiên và 1.082 nhân khẩu của xã Ea Bung, 11.398 ha diện tích tự nhiên và 2.201 nhân khẩu của xã Ya Tờ Mốt. Xã Ia RVê có 22.714 ha diện tích tự nhiên và 3.283 nhân khẩu. Xã Ea Bung còn lại 28.408 ha diện tích tự nhiên và 3.253 nhân khẩu. Xã Ya Tờ Mốt còn lại 9.028 ha diện tích tự nhiên và 3.926 nhân khẩu.

Triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ VIII, trong điều kiện gặp rất nhiều khó khăn, thử thách, nhất là 2 trận lũ lụt lớn các năm 2007, 2008 gây nhiều thiệt hại nhưng Đảng bộ, chính quyền và nhân dân huyện Ea Súp đã đoàn kết nhất trí vượt qua, tiếp tục đạt những thành tích đáng phấn khởi trong phát triển kinh tế, văn hóa-xã hội, bảo đảm an ninh quốc phòng.

Về kinh tế, trong 5 năm 2005-2010, kinh tế đã duy trì tốc độ tăng trưởng khá, tổng giá trị sản phẩm ngày càng tăng. Tăng trưởng kinh tế bình quân 14,39%/năm. Trong đó, nông, lâm nghiệp, thủy sản 9,26%; công nghiệp và xây dựng 29,65%, tăng 17,68%; thương mại và dịch vụ 19,62%, tăng 5,62%. Tổng giá trị sản phẩm và dịch vụ xã hội năm 2010 đạt 500 tỷ đồng (theo giá so sánh năm 1994), tăng 2,39 lần so với năm 2005. Thu nhập bình quân đầu người năm 2010 đạt trên 5,7 triệu đồng.

Cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng tích cực, tỷ trọng nông, lâm nghiệp giảm từ 68,2% xuống 54%; công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và xây dựng tăng từ 12,2% lên 22%; thương mại và dịch vụ tăng từ 19,6% lên 24%. Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp từ 16% tăng lên 20%, lao động nông nghiệp từ 84% giảm còn 80% năm 2010.

Nông nghiệp đã dần phát triển theo hướng sản xuất hóa, gắn với xây dựng nông thôn và nông dân. Cơ cấu cây trồng chuyển đổi đa dạng, phù hợp điều kiện của từng vùng, áp dụng các tiến bộ khoa học, kỹ thuật và sản xuất, năng suất, chất lượng sản phẩm ngày càng tăng. Phát huy lợi thế, khai thác tiềm năng, mở rộng diện tích chuyên canh: Lúa lương thực quy thóc năm 2010 đạt 77.000 tấn, tăng 15.800 tấn so với năm 2005; bình quân lương thực đầu người đạt 1.218 kg/năm.

Nhờ nguồn nước hồ Ea Súp thượng, diện tích gieo trồng của huyện đã tăng gần 3 lần, sản lượng lương thực tăng gần 2,5 lần. Người nông dân chủ động được nguồn nước tưới, đưa năng suất lúa hè thu của huyện bình quân đạt 7,1 tấn/ha mỗi vụ, có nơi còn lên đạt 8-9 tấn/ha cao nhất tỉnh. Hệ thống kênh chính Tây cũng đã thi công xong 14,5km và đã đưa vào sử dụng, tương ứng với gần 50% khối lượng công việc trên toàn tuyến kênh này (theo thiết kế, kênh có chiều dài 32 km). Sau khi kênh dẫn này hoàn thành dự kiến sẽ đưa diện tích cây trồng được tưới nước từ hồ Ea Súp thượng lên trên 9.400 ha. Nếu như hệ thống kênh chính Tây đi vào hoạt động đồng bộ, mỗi năm huyện Ea Súp sẽ sản xuất thêm 6-7 nghìn hecta lúa mùa tạo ra thêm hàng vạn tấn lúa cùng với các loại nông sản, thủy sản... Hiệu quả sản xuất nông nghiệp ở huyện đã tăng cao dần. Đời sống người dân cũng như nền kinh tế thuần nông ngày càng phát triển.

Chăn nuôi phát triển ổn định, thường xuyên thực hiện tốt công tác phòng chống dịch bệnh; đàn gia súc, gia cầm tăng bình quân 15-16%/năm. Kinh tế trang trại mở rộng về quy mô và loại hình, có 130 trang trại, tăng 60 trang trại so với năm 2005, doanh thu hàng năm đạt 12 tỷ đồng, giải quyết việc làm cho hàng trăm lao động.

Công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng được chú trọng. Huyện trồng mới 2.500 ha rừng nguyên liệu tập trung; triển khai 8 dự án quản lý, bảo vệ, cải tạo rừng, trồng cây cao su, cây ăn quả với diện tích 8.039ha; giao đất, giao rừng và khoán quản lý, bảo vệ 5.652 ha cho hộ, nhóm hộ gia đình theo Quyết định 304/CP và Quyết định 178/TTg của Thủ tướng Chính phủ; khai thác theo chỉ tiêu kế hoạch 23.000 m³, khai thác tận thu, tận dụng 87.000 m³ gỗ. Phát hiện ngăn chặn và xử lý 1.206 vụ vi phạm, tịch thu 3.121m³ gỗ các loại, 324 phương tiện, thu nộp ngân sách nhà nước trên 6,9 tỷ đồng.

Sản xuất công nghiệp – tiểu thủ công nghiệp từng bước phát triển, tăng trưởng bình quân 13,85%/năm. Toàn huyện có 353 cơ sở sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, tăng 73 cơ sở so với năm 2005, tập trung chủ yếu vào các ngành nghề như xay xát lương thực, chế biến gỗ, may đo gia công, sản xuất vật liệu xây dựng... Quy hoạch cụm công nghiệp tại xã Ea Lê, bước đầu có một doanh nghiệp tư nhân đầu tư xây dựng nhà máy chế biến hạt điều, công suất 1.500 tấn/năm.

Hoạt động thương mại, dịch vụ chuyển biến tích cực, thúc đẩy sản xuất phát triển, đáp ứng nhu cầu tiêu dùng của nhân dân. Tổng doanh thu tăng từ 50,4 tỷ đồng lên 120 tỷ đồng, bình quân hàng năm tăng 28,71%, vượt 10,71% kế hoạch.

Ngành bưu chính, viễn thông phát triển nhanh, đến năm 2010 trên địa bàn huyện có 43 trạm phủ sóng thông tin di động, 09/10 xã, thị trấn có điểm bưu điện văn hóa, bình quân 32 máy điện thoại (di động, cố định)/100 dân; tỷ lệ người dân thường xuyên sử dụng Internet đạt 6,5%; doanh thu ngành bưu chính viễn thông đạt gần 7 tỷ đồng. Việc ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ công tác lãnh đạo, quản lý, điều hành trong các cơ quan nhà nước đã đem lại hiệu quả thiết thực.

Việc thu ngân sách trên địa bàn huyện được thực hiện tốt, bình quân thu ngân sách hàng năm đạt 18,43 tỷ đồng. Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn, ngân hàng chính sách xã hội mở rộng về quy mô, cải tiến hình thức phục vụ, thực hiện tốt yêu cầu huy động vốn để cho vay. Mức dư nợ trong hạn bình quân hàng năm tăng nhanh, hầu hết các nguồn vốn sử dụng đúng mục đích, hiệu quả, cơ bản đáp ứng nhu cầu vay vốn của các thành phần kinh tế và nhân dân. Kho bạc nhà nước thực hiện tốt chức năng kiểm tra, kiểm soát, quản lý chặt chẽ việc thu chi ngân sách Nhà nước.

Quản lý và sử dụng tốt vốn đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, tổng vốn xây dựng 689,4 tỷ đồng, trong đó đầu tư ngành nông nghiệp, thủy lợi 38%, giao thông 26% giáo dục 14%, còn lại là công trình phúc lợi xã hội khác. Vốn đầu tư có trọng tâm, trọng điểm, như hệ thống kênh chính Tây, kênh chính đông, hồ trung chuyển, đập la Jloi, bê tông hóa kênh nội đồng, điện, đường, trường học, bệnh viện, trạm y tế, nhà làm việc của các cơ quan hành chính, sự nghiệp.

Một số doanh nghiệp Nhà nước sau khi chuyển đổi, hoạt động sản xuất, kinh doanh có kết quả bước đầu, đúng quy định của Pháp luật. Hợp tác xã vận

tải hành khách Cư Mil, sau khi sắp xếp, đổi mới theo Luật Hợp tác xã hoạt động có hiệu quả. Kinh tế ngoài quốc doanh tăng về số lượng, quy mô, đa dạng về loại hình hoạt động, ngành nghề sản xuất, kinh doanh và dịch vụ, thu hút phần lớn lao động trong huyện.

Công tác quản lý, sử dụng đất đai cơ bản thực hiện đúng quy định của pháp luật. Hoàn chỉnh quy hoạch quản lý và sử dụng đất đai đến năm 2010. Quan tâm công tác cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho nhân dân, đã cấp 4.942 hộ gia đình quản lý, với diện tích 5.496ha và 11 tổ chức quản lý, với diện tích 55.449ha.

An sinh xã hội được đảm bảo, đời sống nhân dân cơ bản ổn định. Ngành giáo dục và đào tạo chuyển biến tích cực, quy mô giáo dục mở rộng đáp ứng nhu cầu học tập của nhân dân, toàn huyện có 37 trường học, 15.279 học sinh; bình quân 4 người dân có 1 người đi học. Tỷ lệ huy động trẻ em trong độ tuổi đến trường năm 2010 đạt 95,7% tăng 8,7% so với năm 2005. Tiếp tục đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ dạy và học, cơ bản khắc phục phòng học tạm bợ, không còn tình trạng học ba ca. Tỷ lệ học sinh lên lớp, hoàn thành chương trình bậc tiểu học và tốt nghiệp trung học cơ sở bình quân 92,5% năm; tỷ lệ tốt nghiệp trung học phổ thông 80,8%/năm, tốt nghiệp bổ túc trung học 48%/năm. Chất lượng đội ngũ cán bộ quản lý và giáo viên nâng lên nhiều mặt, số giáo viên đạt chuẩn quốc gia về phổ cập giáo dục trung học cơ sở. Có 03 trường đạt chuẩn mức độ 1. Công tác đào tạo, hướng nghiệp được quan tâm, tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 23%.

Công tác y tế có nhiều tiến bộ, chất lượng khám, chữa bệnh, trình độ chuyên môn và tinh thần, thái độ phục vụ người bệnh của đội ngũ y, bác sĩ chuyển biến tích cực. Cơ sở vật chất, trang thiết bị bệnh viện đa khoa tiếp tục được đầu tư, 09/10 trạm y tế xây dựng theo mô hình chuẩn, cơ bản đáp ứng nhu cầu chăm sóc sức khỏe của nhân dân. Triển khai đồng bộ các chương trình mục tiêu quốc gia về y tế, số trẻ em trong độ tuổi được uống và tiêm chủng đầy đủ các loại vắc xin đạt trên 90%; Có 08/10 xã, thị trấn đạt chuẩn quốc gia về y tế, 02/10 trạm y tế có bác sĩ, bình quân mỗi trạm y tế có từ 6-7 cán bộ y tế; 100% thôn, buôn, tổ dân phố có cộng tác viên y tế. Công tác dân số, kế hoạch hóa gia đình triển khai rộng khắp, hiệu quả ngày càng cao, chú trọng vùng khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Tỷ suất sinh giảm 1,25%/năm, tỷ lệ tăng dân số tự nhiên bình quân 1,78%/năm; Năm 2010, dân số của huyện có khoảng 63.211 người.

Hoạt động văn hóa, thông tin tập trung tuyên truyền đường lối của Đảng, pháp luật của Nhà nước trong nhân dân, đầu tư xây dựng các thiết chế văn hóa, bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa các dân tộc; đời sống văn hóa, tinh thần của nhân dân từng bước cải thiện. Phòng trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” được cán bộ, đảng viên và nhân dân đồng tình hưởng ứng. Đến năm 2010, có 50% số dân, 29,5% thôn, buôn, tổ dân phố 87% cơ quan, đơn vị đạt tiêu chuẩn văn hóa. 100% buôn đồng bào dân tộc thiểu số tại chỗ có nhà sinh

hoạt văn hóa cộng đồng. 100% xã, thị trấn có hệ thống đài truyền thanh FM, phủ sóng phát thanh – Truyền hình 90% khu dân cư.

Việc thực hiện các chế độ, chính sách đối với người có công với nước đảm bảo đầy đủ, kịp thời, đúng quy định của pháp luật. Cấp ủy, chính quyền các cấp và xã hội thực hiện thường xuyên phong trào “Đền ơn đáp nghĩa”, “Uống nước nhớ nguồn”, vận động xây dựng quỹ 418,3 triệu đồng, xây dựng 41 ngôi nhà tình nghĩa; làm tốt công tác thăm hỏi, động viên, tặng quà gia đình chính sách nhân dịp lễ, tết. Công tác xóa đói giảm nghèo có chuyển biến, tỷ lệ hộ nghèo giảm từ 49,48% năm 2005 xuống 30% vào cuối năm 2010, bình quân giảm 3,9%/năm.

Các chính sách đối với đồng bào dân tộc thiểu số tại chỗ thực hiện có hiệu quả, đầu tư đồng bộ cơ sở hạ tầng tại các buôn như điện, đường, trường, trạm y tế. Hoàn thành Chương trình 134 của Chính phủ, hỗ trợ xây dựng nhà ở cho 466 hộ, cấp đất ở 294 hộ, đất sản xuất 199 hộ và nước sinh hoạt 523 hộ, với kinh phí 5,069 tỷ đồng. Công tác định canh, định cư, sắp xếp ổn định đời sống các hộ dân đến ngoài kế hoạch tiến hành đồng bộ, đầu tư 4,16 tỷ đồng thực hiện dự án quy hoạch ổn định 274 hộ dân tại tiểu khu 204, 207, xã Cư Kbang và đang tiếp tục đề nghị tỉnh đầu tư để ổn định những hộ dân còn lại đến huyện ngoài kế hoạch tại tiểu khu 265, 271, xã Cư Mlan và thôn 13, xã Cư Kbang. Về kết quả thực hiện một số chương trình mục tiêu quốc gia: Chương trình 135, giải ngân 27,9 tỷ đồng; Chương trình 168, trợ cước, trợ giá, giải ngân 14,3 tỷ đồng và Chương trình 167 hoàn thành xây dựng 222/700 nhà cho hộ nghèo. Nhìn chung, các chương trình mục tiêu quốc gia đem lại hiệu quả thiết thực cho nhân dân vùng khó khăn.

Trên lĩnh vực quốc phòng - an ninh, cấp ủy và chính quyền các cấp tổ chức quán triệt, triển khai thực hiện đầy đủ nghị quyết, chỉ thị của Đảng, văn bản luật của Nhà nước về công tác quốc phòng – quân sự địa phương. Công tác giáo dục chính trị, tư tưởng cho cán bộ, chiến sỹ và bồi dưỡng, giáo dục kiến thức quốc phòng – an ninh cho cán bộ, công chức, học sinh và toàn dân đi vào nề nếp; nội dung, hình thức, phương pháp từng bước đổi mới, góp phần nâng cao tinh thần cảnh giác cách mạng, chủ động ngăn ngừa và đấu tranh làm thất bại chiến lược “*Diễn biến hòa bình*”, bạo loạn, lật đổ của các thế lực thù địch. Xây dựng, rà soát, điều chỉnh, bổ sung kịp thời hệ thống các văn kiện; thực hiện đồng bộ các giải pháp, quyết tâm tác chiến phòng thủ, xây dựng huyện thành khu vực phòng thủ vững chắc.

Thực hiện nghiêm chế độ trực sẵn sàng chiến đấu, tổ chức tốt các hoạt động kiểm tra, kiểm soát địa bàn, ngăn chặn vượt biên, chống xâm nhập, giữ vững chủ quyền lãnh thổ và an ninh biên giới. Phát triển lực lượng dân quân, tự vệ đạt tỷ lệ 2,29% so với tổng dân số (trong đó tỷ lệ đảng viên chiếm 13,1%). Thực hiện công tác huấn luyện sát với tình huống và đối tượng tác chiến, kết quả huấn luyện hàng năm đạt khá, đảm bảo an toàn. Công tác đăng ký, quản lý quân nhân dự bị động viên tiến hành chặt chẽ, sắp xếp, biên chế đủ 100% đầu mỗi đơn vị. Công tác tuyển chọn, gọi công dân nhập ngũ, bảo đảm số lượng, chất

lượng và chỉ tiêu. Tổ chức diễn tập cơ chế theo Nghị Quyết 28-NQ/TW của Bộ chính trị cấp huyện và 100% xã, thị trấn. Thực hiện đầy đủ và giải quyết kịp thời chế độ, chính sách hậu phương Quân đội cho các đối tượng theo quy định. Làm tốt công tác tìm kiếm và quy tập mộ liệt sỹ đưa về an táng tại nghĩa trang.

An ninh chính trị cơ bản ổn định, xây dựng các chương trình, phương án, kế hoạch bảo vệ an ninh chính trị trong tình hình mới. Duy trì chế độ giao ban an ninh – quốc phòng giữa các xã biên giới và lực lượng vũ trang trên địa bàn, giữa hai huyện Ea Súp – Chư Prông. Thường xuyên nắm tình hình, làm tốt công tác dự báo, đánh giá tình hình, giải quyết các vấn đề phức tạp nảy sinh tại cơ sở, giữ vững ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội, bảo vệ an ninh biên giới. Quán triệt trong cán bộ, đảng viên và nhân dân chủ trương phân giới, cắm mốc biên giới trên đất liền Việt Nam – Campuchia.

Thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ phòng chống bạo loạn, vượt biên và đấu tranh xóa bỏ tổ chức phản động FULRO. Triển khai thực hiện các biện pháp nghiệp vụ để nắm tình hình, quản lý đối tượng, địa bàn trọng điểm, phát hiện, đấu tranh, ngăn chặn kịp thời âm mưu, thủ đoạn của địch.

Triển khai thực hiện Nghị quyết 09/CP của Chính phủ và các chương trình quốc gia phòng chống tội phạm, phong trào quần chúng bảo vệ an ninh Tổ quốc được đẩy mạnh. Tăng cường củng cố, nâng cao chất lượng hoạt động các tổ chức quần chúng tự quản, đảm bảo trật tự an toàn xã hội. Kiểm chế gia tăng tội phạm, tai nạn giao thông và tệ nạn xã hội.

Các tổ chức cơ sở Đảng thường xuyên được củng cố, kiện toàn, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của từng loại hình và thực tiễn của địa phương, đơn vị; chia tách, thành lập thêm 07 tổ chức cơ sở đảng trực thuộc, 76 chi bộ trực thuộc Đảng bộ cơ sở, nâng tổng số tổ chức cơ sở đảng trực thuộc lên 43 tổ chức, 170 chi bộ trực thuộc Đảng bộ cơ sở vào năm 2010.

Việc đánh giá, phân tích chất lượng tổ chức cơ sở đảng và đảng viên thực hiện nghiêm túc, đúng quy trình, phản ánh sát tình hình hoạt động của tổ chức cơ sở đảng và đảng viên. Hàng năm, 100% tổ chức cơ sở đảng trực thuộc tiến hành phân loại chất lượng, bình quân có 59,11% tổ chức cơ sở đảng đạt trong sạch vững mạnh; 93,1% đảng viên dự phân loại, trong đó, đủ tư cách hoàn thành tốt nhiệm vụ 81,4%, đủ tư cách hoàn thành nhiệm vụ 18%.

Công tác quản lý đảng viên thực hiện chặt chẽ, đúng quy định của Trung ương, bàn giao hồ sơ đảng viên cho các tổ chức cơ sở đảng quản lý, hoàn thành nhập phiếu đảng viên. 100% đảng viên đang công tác và sinh hoạt tại cơ quan, đơn vị được giới thiệu về sinh hoạt và giữ mối liên hệ với cấp ủy nơi cư trú theo Quy định 76-QĐ/TW của Bộ Chính trị. Làm tốt nguyên tắc, thủ tục giới thiệu sinh hoạt Đảng, cấp phát thẻ Đảng viên, huy hiệu Đảng kịp thời.

Công tác phát triển đảng viên được các cấp ủy Đảng quan tâm về số lượng và chất lượng, trong những năm 2005-2010 đã kết nạp 691 đảng viên mới. 137/137 thôn, buôn, tổ dân phố có đảng viên, tăng 13 đơn vị so với năm 2005, 80/137 thôn, buôn có chi bộ; 37/37 trường học có đảng viên, 31/37 trường học

có chi bộ. Đảm bảo nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, cử đi đào tạo lý luận chính trị 232 đồng chí; chuyên môn, nghiệp vụ 35 đồng chí. Trung tâm bồi dưỡng chính trị huyện mở 65 lớp với 5.802 học viên.

Trong nhiệm kỳ đã tiến hành kiểm tra Điều 30, Điều lệ Đảng đối với 13 tổ chức cơ sở đảng, 11 đảng viên, giám sát Chuyên đề 03 tổ chức cơ sở đảng và cấp ủy cơ sở kiểm tra 96 chi bộ, 803 đảng viên. Ủy ban kiểm tra hai cấp tiến hành kiểm tra 35 đảng viên khi có dấu hiệu vi phạm; kiểm tra 29 tổ chức cơ sở đảng và 102 chi bộ việc thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, thu chi Đảng phí; kiểm tra 12 tổ chức cơ sở đảng việc thi hành kỷ luật Đảng. Cấp ủy và ủy ban kiểm tra các cấp đã quyết định thi hành kỷ luật 46 đảng viên. Tiếp nhận và giải quyết xong 01 đơn khiếu nại kỷ luật Đảng và 09 đơn tố cáo cán bộ, đảng viên, đạt 100% so với tổng số đơn phải giải quyết. Thông qua công tác kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật Đảng, góp phần nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của các tổ chức đảng và đảng viên; củng cố một số tổ chức đảng yếu kém, xây dựng tổ chức đảng và đảng viên có bản lĩnh chính trị vững vàng, phẩm chất đạo đức cách mạng.

Công tác dân vận, mặt trận và các đoàn thể chính trị - xã hội các cấp được củng cố, kiện toàn, từng bước đổi mới nội dung và phương thức hoạt động. Thường xuyên bám sát cơ sở, chú trọng vùng đồng bào dân tộc thiểu số tại chỗ, vùng tôn giáo, vùng sâu, vùng xa để tuyên truyền, vận động nhân dân chấp hành tốt các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật nhà nước. Thông qua hoạt động, mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội tích cực xây dựng cơ sở, đa dạng hóa và mở rộng các hình thức tập hợp quần chúng. Chăm lo lợi ích của đoàn viên, hội viên, tích cực phát triển tổ chức ở cơ sở, 100% thôn, buôn, tổ dân phố có chi hội, chi đoàn. Chủ động nắm bắt và phản ánh kịp thời tâm tư, nguyện vọng của nhân dân với Đảng, nhà nước. Hàng năm, các đoàn thể đạt loại khá trở lên.

Thực hiện chỉ thị của Tỉnh ủy, nghị quyết, kế hoạch của Huyện ủy, huyện đã đẩy mạnh công tác kết nghĩa giữa các cơ quan, đơn vị trên địa bàn với các buôn đồng bào dân tộc thiểu số. Nhờ vậy, đã giúp bà con có thêm điều kiện phát triển kinh tế, ổn định cuộc sống, tăng cường tình đoàn kết và góp phần giữ vững an ninh - trật tự địa phương.

Huyện ủy đã thành lập Ban chỉ đạo, chủ động xây dựng kế hoạch cụ thể, phù hợp với tình hình thực tế của từng cơ sở, đơn vị; tuyên truyền, quán triệt mục đích, ý nghĩa của việc kết nghĩa, xây dựng bản cam kết, hướng dẫn việc tổ chức kết nghĩa có sự chứng kiến của cấp ủy, chính quyền địa phương. Nhờ vậy đã nhận được sự hưởng ứng nhiệt tình, tích cực của các cơ quan, đơn vị và đông đảo người dân. Đồng thời, ban tự quản, già làng và các tổ chức đoàn thể ở thôn, buôn đã dần hiểu rõ mục đích của việc kết nghĩa, quyết tâm thực hiện tốt các nội dung đã ký kết. Sau khi kết nghĩa, các đơn vị đã phân công cán bộ, đảng viên kết nghĩa với từng hộ cụ thể trong tổ, thường xuyên liên lạc với các tổ được phân công kết nghĩa để kịp thời nắm bắt tình hình, khó khăn, vướng mắc, nguyện

vọng của bà con. Điều tra, khảo sát đời sống của người dân trong buôn để xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế, văn hóa phù hợp với đặc thù của từng gia đình, tham mưu giải quyết kịp thời nhu cầu cấp bách về nhà ở, đất ở, đất sản xuất, tình hình dịch bệnh, học hành... Tổ chức sinh hoạt với đồng bào khu dân cư nhằm phổ biến nội dung và ký cam kết thực hiện công tác kết nghĩa, vận động bà con thực hiện nghĩa vụ đối với Nhà nước, chấp hành quy định của chính quyền, địa phương, không vi phạm quy chế vùng biên, không nghe, không theo kẻ xấu xúi giục, vận động đồng bào tích cực sản xuất, phát triển kinh tế gia đình, xây dựng nếp sống văn hóa trong cộng đồng. Đồng thời, tổ chức nhiều hoạt động thiết thực, lôi cuốn bà con tham gia như giao lưu văn nghệ, thể thao, tổ chức vui chơi cho các cháu thiếu nhi, thăm và tặng quà các gia đình chính sách và các cháu có thành tích cao trong học tập ... Bên cạnh đó, các đơn vị kết nghĩa còn phối hợp làm công tác phát động quần chúng bằng nhiều hình thức như tuyên truyền theo giới tính, tôn giáo, tổ chức đoàn thể, nói chuyện chuyên đề, lồng ghép các chương trình khuyến nông, khuyến lâm... Nhờ vậy, tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội ở các buôn đã ổn định hơn.

Với tinh thần trách nhiệm cao, các cơ quan, đơn vị đã chú trọng đến công tác hướng dẫn bà con cách làm ăn, phổ biến khoa học - kỹ thuật trong sản xuất, nhiều đơn vị đã xây dựng được các mô hình trình diễn về thâm canh cây trồng, sử dụng giống cây trồng, vật nuôi có năng suất cao để đưa vào sản xuất, nhờ đó mà thu nhập của bà con đã được cải thiện đáng kể. Nhiều hộ đã định hướng được phát triển kinh tế theo mô hình trang trại, áp dụng các tiến bộ khoa học - kỹ thuật vào sản xuất, chăn nuôi.

Sau 9 năm triển khai công tác kết nghĩa, huyện thành lập được 38 tổ kết nghĩa gồm 55 cơ quan, đơn vị, trường học, lâm trường, trạm, trại trên địa bàn kết nghĩa với 544 hộ đồng bào dân tộc thiểu số của 7 buôn ở thị trấn Ea Súp, xã Ia Lơ và xã Ea Rôk. Bằng nhiều hành động thiết thực, tập trung giúp xóa đói, giảm nghèo, cải thiện đời sống, đảm bảo an ninh trật tự, xây dựng thực lực chính trị ở buôn, củng cố niềm tin của đồng bào đối với Đảng, chính quyền.

Hội đồng nhân dân hai cấp huyện, xã không ngừng đổi mới nội dung, phương thức và hoạt động có hiệu quả, tổ chức kỷ hạp đúng luật, thể hiện vai trò là cơ quan quyền lực Nhà nước ở địa phương trong việc thể chế hóa nghị quyết của Đảng, phù hợp với tình hình thực tế. Chất lượng hoạt động của đại biểu, tổ đại biểu, các ban của Hội đồng nhân ngày càng tiến bộ; thực hiện tốt hoạt động khảo sát, giám sát trên các lĩnh vực kinh tế - xã hội, tư pháp, góp phần đưa các nghị quyết của Đảng bộ, nghị quyết của Hội đồng nhân dân vào cuộc sống. Phối hợp với Ủy ban mặt trận tổ quốc Việt Nam huyện, xã tổ chức tiếp xúc cử tri, tổng hợp ý kiến cử tri để các cơ quan liên quan trả lời, giải quyết. Thường xuyên củng cố, kiện toàn ủy ban nhân dân hai cấp, đáp ứng nhu cầu công tác, nâng cao hiệu quả quản lý, điều hành nhà nước của địa phương trên các lĩnh vực kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh và công tác xây dựng chính quyền. Các phòng, ban chuyên môn trực thuộc Ủy ban nhân dân sau khi sắp xếp

theo Nghị định số 14/2008/NĐ-CP của chính phủ, đi vào hoạt động nền nếp, bám sát nhiệm vụ chuyên môn, tích cực tham mưu trên mọi lĩnh vực. Đa số cán bộ, công chức hành chính, sự nghiệp được tăng cường, bổ sung, đào tạo, chuẩn hóa, cơ bản đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ.

Tổ chức quán triệt, nghiêm túc học tập tư tưởng, tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh theo các chuyên đề trong toàn Đảng bộ, đảm bảo yêu cầu nội dung, kế hoạch đề ra. Cuộc vận động đã thực sự trở thành đợt sinh hoạt chính trị rộng lớn, tác động tích cực đến tư tưởng, tình cảm của cán bộ, đảng viên và nhân dân. Qua các đợt học tập, nhận thức tư tưởng, ý thức tự giác tu dưỡng, rèn luyện phẩm chất đạo đức, lối sống của cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức, đoàn viên, hội viên và nhân dân được nâng lên. Tinh thần, trách nhiệm, ý chí phấn đấu, thực hành tiết kiệm, chống tham ô, lãng phí, quan liêu và lề lối, tác phong làm việc có chuyển biến rõ rệt, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - Xã hội, từng bước nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của các cấp ủy, các tổ chức đảng và đảng viên.

Bên cạnh những thành tựu về kinh tế - xã hội, trong quá trình lãnh đạo, chỉ đạo Đảng bộ vẫn còn có những hạn chế nhất định như trên lĩnh vực kinh tế, một số chỉ tiêu đạt thấp so với Nghị quyết, sự phát triển giữa các ngành kinh tế thiếu cân đối. Sản xuất nông nghiệp thiếu bền vững, giá trị đạt được trên một đơn vị diện tích thấp, việc xác định thổ nhưỡng để quy hoạch phát triển nông nghiệp và chuyển đổi cơ cấu cây trồng còn chậm, một số cây trồng được nhân dân đầu tư nhưng chưa có sự phát triển ổn định. Thu ngân sách trên địa bàn không ổn định, một số nguồn thu thiếu bền vững; Về mặt văn hóa - xã hội, cơ sở vật chất, trang thiết bị trường học chưa đáp ứng nhu cầu, chất lượng giáo dục – đào tạo còn một số mặt hạn chế. Quản lý một số dịch vụ văn hóa ít được chú trọng; kết quả thực hiện phong trào *“Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”* đạt thấp so với kế hoạch; Tỷ lệ hộ nghèo, nguy cơ tái nghèo còn cao. Nhiều hộ đồng bào dân tộc thiểu số sử dụng đất sản xuất theo Chương trình 134 hiệu quả thấp; tỷ lệ lao động qua đào tạo chưa đạt chỉ tiêu; Đối với lĩnh vực an ninh - quốc phòng, việc nhận định, đánh giá, nắm tình hình còn chậm, thông tin thiếu kịp thời. Sự phối hợp của các đoàn thể nhân dân trong công tác tuyên truyền phòng, chống tội phạm, tệ nạn xã hội, đảm bảo an toàn giao thông hiệu quả chưa cao; Về mặt xây dựng hệ thống chính trị; Việc dự báo, nắm bắt tình hình tư tưởng cán bộ, Đảng viên và các tầng lớp nhân dân chưa thường xuyên, thiếu nhạy bén. Công tác tuyên truyền, vận động nhân dân chưa thật sự đi vào chiều sâu. Năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của một số tổ chức cơ sở Đảng chưa ngang tầm với yêu cầu, nhiệm vụ trong giai đoạn mới. Công tác tạo nguồn, đào tạo đội ngũ cán bộ nhiều mặt hạn chế, việc quy hoạch cán bộ chưa gắn với kế hoạch đào tạo, bố trí, sử dụng, đặc biệt là cán bộ dân tộc thiểu số, cán bộ nữ, cán bộ trẻ.

Những năm 2005-2010, Đảng bộ đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo quân và dân các dân tộc trong huyện từng bước khắc phục khó khăn, vượt qua thách thức, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, ổn định đời sống nhân dân, cơ bản hoàn thành các chỉ tiêu, nhiệm vụ do Đại hội VIII đề ra. Đó là

những thuận lợi cơ bản để Ea Súp đẩy mạnh phát triển kinh tế xã hội trong những năm tiếp theo.

Từ ngày 20 đến ngày 21-8-2010, Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện Ea Súp lần thứ IX được tiến hành tại Hội trường Huyện. Đại hội đã thông qua dự thảo báo cáo chính trị, báo cáo kiểm điểm sự lãnh đạo, chỉ đạo của Ban chấp hành khóa VIII trình Đại hội và Nghị quyết Đại hội đại biểu lần thứ IX Đảng bộ huyện.

Căn cứ vào tình hình thực tế của huyện và những thành tựu và hạn chế trong quá trình thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ VIII, Đảng bộ huyện xác định phương hướng chung của huyện trong những năm 2010-2015 như sau:

“Tiếp tục nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng bộ. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý của Nhà nước, hoạt động của mặt trận và các đoàn thể nhân dân; phát huy truyền thống đoàn kết các dân tộc. Huy động và sử dụng tốt mọi nguồn lực, khai thác các tiềm năng để vươn lên thoát nghèo, không ngừng nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân. Phát triển kinh tế - Xã hội gắn với bảo vệ môi trường sinh thái, đảm bảo quốc phòng – an ninh và trật tự an toàn xã hội, xây dựng hệ thống chính trị vững mạnh toàn diện”

Đại hội đã thông qua các chỉ tiêu chủ yếu phải đạt được trong nhiệm kỳ:

- Tiếp tục xác định cơ cấu kinh tế: nông, lâm – công nghiệp – dịch vụ.
- Tăng trưởng kinh tế bình quân hàng năm từ 15 – 16%. Tỷ trọng các ngành trong cơ cấu kinh tế: Nông lâm nghiệp 52%, công nghiệp – Tiểu thủ công nghiệp 28%, thương mại, dịch vụ 20%.
- Thu nhập bình quân đầu tư người đến năm 2015: 7,5 triệu/đồng/người/năm. Tổng sản lượng lương thực quy thóc từ 95 – 105 ngàn tấn, bình quân lương thực đầu người 1.300kg/người/năm. Thu ngân sách bình quân hàng năm 17 tỷ đồng.
- Phát triển kết cấu hạ tầng:
 - + Thủy lợi: Chủ động tưới trên 35% diện tích cây trồng nhu cầu tưới.
 - + Giao thông: Nâng cấp, nhựa hóa 80% đường liên xã, 100% xã, thị trấn có đường nhựa đến trung tâm.
 - + Điện: 100% thôn, buôn có điện, 95% hộ sử dụng điện; 90% dân số sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh.
 - + Thông tin: 100% xã, thị trấn có hệ thống thông tin, liên lạc thông suốt, 75-80 máy điện thoại (di động, cố định) /100 người dân, 15 – 20% dân số thường xuyên sử dụng Internet.
- Độ che phủ rừng duy trì từ 60 – 65% so với diện tích tự nhiên:

Lịch sử 50 năm huyện Ea Súp 1945-2010

- Y tế: Đến năm 2015: 100% xã, thị trấn đạt chuẩn quốc gia về y tế, 100% trạm y tế có bác sỹ, giảm tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng dưới 20%.

- Quy mô dân số: Đến năm 2015 khoảng 72- 75 ngàn người, tăng dân số tự nhiên 1,3 – 1,4%

- Giáo dục và đào tạo: Phần đầu hoàn thành phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi; 100% buôn, thôn có điểm hoặc trường mẫu giáo; 70% số phòng học được kiên cố hóa; 30% trường đạt chuẩn quốc gia. Tốt nghiệp trung học phổ thông trên 80%, trung học cơ sở 95% trở lên.

- Giải quyết việc làm: Phần đầu đưa tỷ lệ lao động qua đào tạo, hướng nghiệp 30%. Giảm tỷ lệ hộ nghèo bình quân 5%/năm.

- Văn hóa, thông tin, thể dục thể thao: 100% khu dân cư được phủ sóng phát thanh – Truyền hình, 75 – 80% hộ đạt tiêu chuẩn gia đình văn hóa; 20% xã, thị trấn, 45-50% thôn, buôn, tổ dân phố, 95-100% cơ quan, đơn vị đạt tiêu chuẩn văn hóa.

- Quốc phòng – an ninh: Xây dựng huyện biên giới thành khu vực phòng thủ vững chắc; giữ vững ổn định an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội; đảm bảo an ninh biên giới, an ninh nông thôn. Tổ chức diễn tập khu vực phòng thủ cấp huyện, chỉ đạo diễn tập chiến đấu trị an hàng năm cho 30% xã, thị trấn. Đảm bảo 100% ban chỉ huy quân sự xã, thị trấn có nhà làm việc. Xây dựng 90% xã, thị trấn vững mạnh về quốc phòng - An ninh, trong đó, có 70% xã, thị trấn vững mạnh toàn diện. Thực hiện đủ 100% chỉ tiêu bồi dưỡng kiến thức quốc phòng – An ninh cho các đối tượng, hoàn thành chỉ tiêu giao quân hàng năm.

- Xây dựng tổ chức cơ sở Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh: Phần đầu 100% thôn, buôn, tổ dân phố, trường học có chi bộ; 75-80% tổ chức cơ sở Đảng trong sạch vững mạnh, trong đó, 60-65% tổ chức cơ sở Đảng xã, thị trấn đạt trong sạch vững mạnh. Hàng năm, kết nạp 120 đảng viên trở lên; 85% Đảng viên đủ tư cách hoàn thành tốt nhiệm vụ. Xây dựng chính quyền, mặt trận và các đoàn thể đạt từ khá trở lên.

Đại hội đã bầu Ban chấp hành khoá IX gồm có 43 đồng chí. Trong phiên họp lần thứ nhất Ban Chấp hành khoá IX đã bầu đồng chí Phan Xuân Lĩnh làm Bí thư Huyện ủy, các đồng chí Nguyễn Hoàng Vũ, Y Bin Siu, Trần Ngọc Quang được bầu làm Phó Bí thư Huyện Ủy.

15 năm trên con đường công nghiệp hóa - hiện đại hóa quê hương (1996-2010), Đảng bộ và nhân dân các dân tộc huyện Ea Súp đã đoàn kết phấn đấu đạt được nhiều thành công to lớn. Dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ, kinh tế - xã hội của huyện Ea Súp đã có bước phát triển mạnh mẽ, khoảng cách chênh lệch giữa các vùng được thu hẹp dần, bộ mặt nông thôn có nhiều khởi sắc; đời sống của các tầng lớp nhân dân được cải thiện cả về vật chất lẫn tinh thần; nạn đói kinh niên và dịch bệnh không còn là những hiểm họa đối với cuộc sống của nhân dân các dân tộc trong huyện, quốc phòng - an ninh từng bước được tăng cường và giữ vững. Công tác xây dựng Đảng, chính quyền, đoàn thể không ngừng được

đổi mới và nâng cao nhằm đáp ứng tốt hơn yêu cầu của tình hình mới... Mặc dù còn nhiều khó khăn, thử thách, nhưng những thành tựu mà Đảng bộ đạt được trong các chặng đường đã qua cho thấy con đường đi lên xây dựng quê hương Ea Súp là đúng hướng và tích cực. Với bản lĩnh chính trị vững vàng, năng động, sáng tạo trong lãnh đạo, chỉ đạo, Đảng bộ huyện sẽ cùng với nhân dân các dân tộc huyện Ea Súp viết tiếp những trang sử cách mạng vẻ vang của mình bằng những thành tựu ngày càng to lớn hơn. Đó là nền tảng, hành trang quý giá để Đảng bộ và nhân dân Ea Súp vững bước trên con đường thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa, xây dựng quê hương Ea Súp ngày càng giàu đẹp vì mục tiêu “dân giàu, nước mạnh, xã hội dân chủ, công bằng, văn minh”.

KẾT LUẬN

Gần 50 năm xây dựng và trưởng thành, Đảng bộ huyện Ea Súp đã lãnh đạo nhân dân các dân tộc địa phương đấu tranh kiên cường chống thực dân, đế quốc, giải phóng quê hương, xây dựng chủ nghĩa xã hội, bước đầu đạt được những thành tựu trong công cuộc đổi mới, đem lại cuộc sống ấm no, bình đẳng cho đồng bào các dân tộc trong huyện. Từ sau Cách mạng Tháng Tám năm 1945 đến nay, một khoảng thời gian ngắn so với lịch sử phát triển của địa phương, nhưng dưới sự lãnh đạo của Đảng, trực tiếp là Đảng bộ huyện Ea Súp từ năm 1977, nhân dân các dân tộc Ea Súp đã vươn lên làm chủ vận mệnh của mình,

thoát khỏi cảnh đời nô lệ, được bình đẳng với các dân tộc anh em, được tự chủ trong lao động, xây dựng cuộc sống ấm no trên quê hương của mình. Từ một vùng đất hoang sơ, chỉ có 3 buôn người dân tộc thiểu số tại chỗ, với mấy chục ngàn dân, nay đã trở thành vùng sản xuất lớn, đón nhận hàng vạn dân, góp phần quan trọng trong việc thực hiện chủ trương phân bổ lại dân cư cả nước ; hiện tại cũng như tương lai Ea Súp sẽ là vùng sản xuất lương thực, thực phẩm lớn, hỗ trợ rất quan trọng các vùng sản xuất cây công nghiệp dài ngày cho xuất khẩu của tỉnh. Có thành quả cách mạng to lớn đó là nhờ sự lãnh đạo của Đảng, sự đoàn kết kiên cường đấu tranh bền bỉ, tinh thần lao động cần cù, sáng tạo của nhân dân các dân tộc Ea Súp và ngày nay tiếp tục được phát huy mạnh mẽ trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Nhân dân các dân tộc huyện Ea Súp có truyền thống yêu nước, chống áp bức xâm lược, bảo vệ quê hương, buôn làng. Ngay từ những năm giữa thế kỷ XIX, nhân dân các bộ tộc vùng Tây Buôn Hồ đã liên minh nổi dậy chống sự xâm nhập truyền giáo của các linh mục người Pháp. Các cuộc đấu tranh âm ỉ của các bộ tộc kéo dài đến cuối thế kỷ XIX và suốt những năm thực dân Pháp xây dựng, củng cố bộ máy cai trị ở Tây Nguyên nói chung và vùng Buôn Hồ nói riêng, không chấp nhận cuộc sống cùng cực, lạc hậu do chính sách khai thác “văn minh”, thực chất là chính sách ngu dân của chính quyền thực dân Pháp.

Các cuộc nổi dậy của nhân dân vùng Tây Buôn Hồ (gồm có Ea Súp ngày nay) chống Pháp chịu ảnh hưởng lớn của phong trào từ những phong trào đấu tranh chống Pháp tự phát của các lãnh tụ Tây Nguyên từ những năm đầu thế kỷ XX, đặc biệt là phong trào đấu tranh của N’Trang Long, tiếp theo là phong trào Săm Brăm... Tuy còn mang tính tự phát nhưng phong trào chống Pháp của đồng bào các dân tộc Ea Súp thể hiện tinh thần yêu nước, ý chí quyết tâm chống kẻ thù xâm lược, bảo vệ buôn làng, quê hương

Khi Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời, ảnh hưởng của Đảng thông qua các phong trào đấu tranh của công nhân, trí thức và những người tù cộng sản đã lan toả đến vùng Tây Buôn Hồ làm dấy lên các phong trào của các bộ tộc vùng Tây Buôn Hồ chống Pháp quyết liệt, trở thành cao trào của quần chúng đứng lên giành chính quyền trong Cách mạng Tháng Tám năm 1945. Từ đây lịch sử các dân tộc vùng Ea Súp bước sang một trang mới của cuộc đấu tranh cách mạng chống thực dân Pháp, bảo vệ quê hương, buôn làng. Dưới sự lãnh đạo của Đảng và Mặt trận Việt Minh, phong trào đấu tranh của nhân dân các dân tộc Ea Súp chuyển biến nhanh chóng từ phong trào đấu tranh yêu nước tự phát sang đấu tranh tự giác, quyết liệt hơn nhằm bảo vệ chính quyền cách mạng, bảo vệ quyền tự do, độc lập, bình đẳng dân tộc, chuẩn bị điều kiện bước vào cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược lần thứ hai.

Mười tháng sống dưới chính quyền cách mạng (tháng 9-1945 đến tháng 6-1946) đã bồi đắp thêm tình yêu quê hương, buôn làng, truyền thống đấu tranh chống áp bức, xâm lược của nhân dân các dân tộc Ea Súp. Đặc biệt được hưởng các quyền tự do, bình đẳng, thấm nhuần lời dạy của Bác Hồ: Đồng bào Kinh hay Thổ, Mường hay Mán, Jrai hay Ê Đê, Xê Đăng hay Ba Na và các dân tộc khác,

đều là anh em ruột thịt, đồng bào các dân tộc Ea Súp đã đoàn kết một lòng theo Đảng, Chính phủ và Bác Hồ đứng lên kháng chiến chống thực dân Pháp, bảo vệ nền độc lập dân tộc.

Ngay sau khi thực dân Pháp trở lại xâm lược Tây Nguyên và vùng Buôn Hồ, phong trào kháng chiến chống thực dân Pháp của nhân dân Ea Súp từng bước phát triển mạnh mẽ, sâu rộng. Hệ thống chính quyền và Mặt trận Việt Minh được tổ chức ở khắp các làng, xã làm chỗ dựa cho phong trào toàn vùng. Cơ sở chính trị rộng khắp vùng, tổ chức đảng, chính quyền, Mặt trận Việt Minh ngày một vững mạnh đã tạo điều kiện cho lực lượng vũ trang của huyện Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk và bộ đội chủ lực Liên khu V mở các chiến dịch lớn tiêu hao sinh lực địch, tiến lên đánh đòn quyết định giải phóng địa bàn trong Đông-Xuân 1953-1954.

Bước vào cuộc kháng chiến chống Mỹ xâm lược, Đảng bộ K61, L66 rời đến Đảng bộ huyện H5, nay là các huyện Ea Súp, Buôn Đôn, Cư M'Gar, đã vượt qua thử thách gay go, ác liệt của thời kỳ khôi phục cơ sở, giữ gìn lực lượng, bảo vệ được cán bộ Đảng, chính quyền, chuyển hướng phong trào đấu tranh dưới các hình thức thích hợp, sáng tạo, kết hợp đấu tranh chính trị, quân sự, binh vận... xây dựng, củng cố vùng căn cứ kháng chiến của huyện, làm chỗ dựa mở rộng phong trào kháng chiến. Dưới sự lãnh đạo của Tỉnh ủy, nhân dân các dân tộc huyện H5 đã kiên trì bám trụ, xây dựng phát triển thực lực chính trị, vũ trang, phối hợp đánh địch bằng ba mũi giáp công, trên ba vùng chiến lược, góp phần cùng quân dân Đắk Lắk và Tây Nguyên lần lượt đánh bại các chiến lược chiến tranh của Mỹ, làm nên Đại thắng mùa Xuân 1975, giải phóng quê hương.

Bắt tay vào công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội trong hoàn cảnh kinh tế - xã hội địa phương vô vàn khó khăn. Hơn 95% đồng bào dân tộc trong huyện mù chữ, nạn đói kinh niên và dịch bệnh luôn là nguy cơ đe dọa cướp đi sinh mạng con người. Sản xuất của đồng bào ở trình độ lạc hậu, đốt phá chọc chia, tự cấp, tự túc, phụ thuộc hoàn toàn vào tự nhiên, năng suất cây trồng, vật nuôi rất thấp, cuộc sống bấp bênh. Tuy được giải phóng, nhưng an ninh chính trị chưa đảm bảo. Tàn quân địch và FULRO vẫn lén lút hoạt động chống phá cướp bóc, bắn giết cán bộ, nhân dân, gây khó khăn, cản trở công cuộc xây dựng cuộc sống mới.

Phát huy truyền thống yêu nước, tinh thần đoàn kết đấu tranh chống thực dân, đế quốc, dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ, nhân dân các dân tộc trong huyện đã vươn lên, vượt qua những khó khăn, thách thức, lao động bền bỉ, khôi phục phát triển kinh tế - văn hóa xã hội, củng cố an ninh quốc phòng, từng bước xây dựng cuộc sống mới ấm no, hạnh phúc ngay trên quê hương của mình. Từ một địa phương nghèo khó sau chiến tranh, đến nay huyện Ea Súp đã đạt được những thành tựu to lớn trong công cuộc đổi mới dưới sự lãnh đạo của Đảng.

Kinh tế phát triển với tốc độ nhanh, tình hình chính trị ổn định, chủ quyền lãnh thổ quốc gia được giữ vững, an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội được đảm bảo. Từ một vùng đất hoang vu, Ea Súp đang thay đổi mỗi ngày.

Bằng nhiều nguồn vốn, huyện đã từng bước xây dựng cơ sở hạ tầng kinh tế-xã hội; đẩy mạnh việc chuyển đổi cơ cấu kinh tế, đưa các giống cây trồng, vật nuôi có năng suất cao và áp dụng những tiến bộ của khoa học-kỹ thuật vào sản xuất. Từ đó, nhân dân các dân tộc Ea Súp từng bước thay đổi tập tục canh tác lạc hậu, tự cung, tự cấp. Tốc độ tăng trưởng kinh tế của huyện năm sau cao hơn năm trước. Nhà nước đã đầu tư xây dựng công trình thủy lợi Ea Súp thượng - một trong những công trình thủy lợi lớn nhất ở khu vực Tây Nguyên, biến vùng đất khô cằn trở thành vựa lúa nước lớn nhất của tỉnh.

Hiện nay, huyện đã có gần 10.000 ha lúa nước, với năng suất đạt 71 tạ/ha/vụ, nông dân đã có của ăn của để. Cùng với đó, Ea Súp còn chú trọng phát triển các loại cây lương thực khác như ngô lai, sắn; cây công nghiệp ngắn ngày như đậu, bông... và đưa các cây công nghiệp dài ngày như: điều, xoài, cà phê, cao su, keo lai vào trồng, tạo tiền đề phát triển kinh tế bền vững.

Việc phát triển đàn đại gia súc, gia cầm được huyện chú trọng để phát huy lợi thế của vùng rừng biên giới. Đàn đại gia súc, gia cầm ở Ea Súp đã mang lại hiệu quả kinh tế cao, góp phần đẩy nhanh xóa đói giảm nghèo của địa phương. Nhiều gia đình đã thoát nghèo, trở thành những hộ khá, giàu nhờ phát triển chăn nuôi.

Bên cạnh việc đầu tư cho phát triển sản xuất, Ea Súp cũng rất chú trọng đến công tác xóa đói giảm nghèo, an sinh xã hội. Đến nay, 100% số xã của Ea Súp có đường ô tô đến trung tâm, 90% số xã có điện lưới quốc gia. Các hoạt động văn hóa-thể thao được mở rộng đến từng cơ sở, bản sắc văn hóa các dân tộc được bảo tồn, gìn giữ và phát huy... Đời sống của nhân dân các dân tộc địa phương ngày càng được quan tâm, cải thiện mọi mặt. An ninh-quốc phòng được giữ vững. Cùng với các Đảng bộ huyện, thị xã, thành phố trong tỉnh, Đảng bộ, nhân dân các dân tộc huyện Ea Súp đang nỗ lực vươn lên lao động sản xuất, phát triển kinh tế - xã hội, hội nhập kinh tế quốc tế, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, phấn đấu vì mục tiêu “dân giàu, nước mạnh, xã hội dân chủ, công bằng, văn minh”.

Do đạt được những thành tựu trên, năm 1983 huyện được Nhà nước tặng thưởng Huân chương Lao động hạng Ba về công tác thủy lợi. Năm 1985, Lâm trường **Rừng xanh** được phong tặng danh hiệu “**Anh hùng lao động**”. Huyện được Nhà nước tặng thưởng “**Huân chương Lao động hạng Ba**” năm 1997, **Huân chương Lao động hạng Nhì** năm 2007; đồng thời huyện cũng vinh dự được đón Chủ tịch nước Trần Đức Lương, Thủ tướng Võ Văn Kiệt, Phó Chủ tịch nước Trương Mỹ Hoa, Phó Thủ tướng Thường trực Nguyễn Tấn Dũng, Ủy viên Bộ chính trị, Thường trực Ban Bí thư Trương Tấn Sang và nhiều đ/c lãnh đạo cao cấp của Đảng, Nhà nước về thăm.

Nhìn lại chặng đường hơn nửa thế kỷ xây dựng và phát triển, phong trào đấu tranh cách mạng và xây dựng quê hương của nhân dân các dân tộc Ea Súp dưới sự lãnh đạo của Đảng, trực tiếp là Đảng bộ tỉnh và Đảng bộ huyện trải qua các giai đoạn lịch sử khác nhau, có cả những thắng lợi vẻ vang và những hy sinh

cao cả đã để lại những bài học lịch sử quý báu cho các thế hệ cán bộ, đảng viên, nhân dân các dân tộc Ea Súp:

1. Nắm vững quan điểm, đường lối của Đảng, chủ trương của Đảng bộ tỉnh, vận dụng sáng tạo, phù hợp với thực tiễn địa phương, lãnh đạo nhân dân thực hiện thắng lợi mọi nhiệm vụ cách mạng.

Ea Súp là một Đảng bộ huyện biên giới xa Trung ương và tỉnh, qua thực tiễn hơn 50 năm lãnh đạo phong trào từ cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân đến xây dựng chủ nghĩa xã hội, Đảng bộ luôn chú trọng việc quán triệt, vận dụng đường lối, chủ trương của Đảng, của Tỉnh ủy sát với thực tiễn địa phương, đề ra nhiệm vụ cách mạng phù hợp với phong trào của đồng bào các dân tộc trong từng thời kỳ cách mạng. Trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ, Đảng bộ huyện thấm nhuần quan điểm, đường lối trường kỳ kháng chiến, dựa vào lực lượng quần chúng, kiên trì bám trụ trong đồng bào dân tộc thiểu số, xây dựng cơ sở chính trị, kết hợp đấu tranh vũ trang bằng nhiều hình thức, phương pháp linh hoạt đánh địch, giành những thắng lợi ngày càng to lớn.

Những cán bộ, đảng viên và quần chúng trung kiên của Đảng bộ là những người bám sát cơ sở, vận dụng sáng tạo đường lối của Đảng vào phong trào cách mạng của huyện. Từ những cơ sở chính trị được xây dựng trong buôn làng vùng đồng bào dân tộc thiểu số, đã góp phần bảo tồn lực lượng, phát triển thành phong trào du kích, đẩy mạnh phong trào kháng chiến toàn vùng, tiến tới tiến công, tổng tiến công đánh bại các chiến lược chiến tranh của địch, góp phần vào thắng lợi của cả dân tộc.

Trong những năm hòa bình khôi phục, phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng cơ sở vật chất của chủ nghĩa xã hội, củng cố an ninh quốc phòng, phát huy thế mạnh của một vùng đất có nhiều tiềm năng sản xuất nông, lâm nghiệp, huyện đã nhanh chóng bắt tay vào khai hoang, làm thủy lợi, đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp, chăm lo cải thiện đời sống đồng bào các dân tộc về văn hóa, y tế, giáo dục. Sau 35 năm giải phóng, từ một vùng đất bị chiến tranh tàn phá, nghèo đói, Ea Súp đã từng bước vươn lên, chấm dứt nạn đói kinh niên, dịch bệnh, an ninh chính trị được giữ vững. Thành tựu trong sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của Đảng bộ bắt nguồn từ đường lối đổi mới đúng đắn của Đảng, đồng thời có nguyên nhân chủ quan từ sự vận dụng sáng tạo của Đảng bộ, biết phát huy truyền thống cách mạng của nhân dân các dân tộc, khơi dậy tiềm năng sức lao động con người và đất đai, tài nguyên rừng để phát triển sản xuất nông lâm nghiệp, tích lũy đầu tư, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, phục vụ đời sống nhân dân.

2. Đảng bộ luôn coi trọng, phát huy vai trò của quần chúng, kiên trì vận động, giác ngộ quần chúng các dân tộc đoàn kết đấu tranh vì mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội.

Nhân dân Ea Súp có truyền thống yêu nước cách mạng, có tinh thần đoàn kết trong chiến đấu và trong lao động xây dựng quê hương. Truyền thống đó

được hình thành và hun đúc từ lâu đời trong lịch sử đấu tranh chống các thế lực xâm lược từ bên ngoài, chống áp bức bất công dưới chế độ thực dân phong kiến. Truyền thống đó được phát huy cao độ dưới sự lãnh đạo của Đảng, nhân dân các dân tộc trong huyện đấu tranh chống thực dân, đế quốc, giải phóng quê hương, xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ, mặc dù hoàn cảnh hết sức khó khăn, phong trào quần chúng và cơ sở bị địch đánh phá tan vỡ, cán bộ bị tách khỏi dân, nhưng Đảng bộ huyện vẫn kiên trì bám trụ vận động quần chúng, khôi phục phong trào, xây dựng thực lực chính trị, phát triển lực lượng vũ trang, tiến lên phối hợp đánh tiêu diệt địch. Thành công trong chỉ đạo chiến tranh cách mạng, đánh địch bằng hai chân, ba mũi giáp công trên ba vùng chiến lược, vừa vũ trang đánh địch vừa giữ thế hợp pháp, binh vận làm tan rã hàng ngũ địch là thành công của sự vận dụng quan điểm cách mạng là sự nghiệp của quần chúng, phát huy sức mạnh, sự sáng tạo của quần chúng trong đấu tranh chính trị, vũ trang chống lại âm mưu, thủ đoạn khủng bố, tàn sát cán bộ, quần chúng của địch.

Sau ngày hòa bình lập lại năm 1975, nghèo đói và lạc hậu là thách thức lớn đối với Đảng bộ, nhân dân trong huyện. Phát huy truyền thống đoàn kết và sức mạnh sáng tạo của quần chúng trong kháng chiến, các cấp ủy Đảng đã phát động quần chúng tiến quân vào mặt trận nông nghiệp, khai hoang, làm thủy lợi, xây dựng cánh đồng sản xuất lương thực, đảm bảo cuộc sống cán bộ, nhân dân. Sức mạnh đoàn kết các dân tộc, Kinh cũng như Thượng, đồng bào tại chỗ cũng như đồng bào kinh tế mới đã khơi dậy, phát huy mọi tiềm năng đất đai và nhân lực của huyện, nhanh chóng khôi phục phát triển kinh tế - văn hóa xã hội, không ngừng nâng cao đời sống nhân dân, giữ vững an ninh-quốc phòng trong sự nghiệp đổi mới.

Có thể nói mỗi chiến công, mỗi thành tựu trong hơn nửa thế kỷ đấu tranh cách mạng, xây dựng và trưởng thành của quân dân các dân tộc huyện Ea Súp đều có nguyên nhân từ sự lãnh đạo của Đảng bộ trong việc coi trọng và phát huy cao độ sức mạnh truyền thống yêu nước, đoàn kết, sáng tạo của quần chúng nhân dân trong cộng đồng các dân tộc vì mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội.

3. Kết hợp chặt chẽ hai nhiệm vụ chiến lược xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, phát triển kinh tế xã hội gắn với bảo đảm quốc phòng – an ninh.

Là một huyện biên giới, có vị trí quan trọng cả về kinh tế và quốc phòng, an ninh đối với tỉnh Đắk Lắk, Tây Nguyên và cả nước. Vì vậy, đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội gắn với tăng cường quốc phòng – an ninh là vấn đề luôn được Đảng bộ, chính quyền và nhân dân địa phương coi trọng thực hiện.

Nhận thức đúng và thực hiện nghiêm túc quan điểm của Đảng về kết hợp hai nhiệm vụ chiến lược: xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, những năm qua, Đảng bộ và nhân dân Ea Súp đã tập trung đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội gắn với tăng cường quốc phòng – an ninh, coi đó là nhiệm vụ quan trọng bảo đảm cho

huyện phát triển toàn diện. Trong quá trình lãnh đạo, chỉ đạo kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường quốc phòng – an ninh, huyện chú trọng quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội, (nhất là các dự án kinh tế) gắn chặt với quy hoạch thể trận quốc phòng – an ninh; đẩy mạnh công tác giáo dục quốc phòng – an ninh cho các đối tượng; tăng cường xây dựng khu vực phòng thủ huyện về chiều sâu với nhiều công trình lưỡng dụng.

Bên cạnh đó, huyện cũng chú trọng tận dụng các tiềm năng, lợi thế, nhất là lợi thế về phát triển cây công nghiệp, để tạo sự chuyển biến mạnh, mang tính đột phá về chất lượng tăng trưởng và giá trị, trước hết là trong sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp; khuyến khích phát triển kinh tế trang trại, kinh tế hộ, bảo vệ và phát triển rừng; tổ chức tốt việc định canh, định cư và có chính sách phù hợp để động viên, điều chỉnh dân số trên địa bàn và đưa dân từ nơi khác đến. Phối hợp thực hiện mô hình gắn phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường quốc phòng – an ninh của Binh đoàn 16, tập trung xây dựng các xã trọng điểm về kinh tế và quốc phòng – an ninh, đặc biệt là cơ sở hạ tầng, bảo đảm cho sự phát triển bền vững của từng khu vực. Thực hiện tốt chương trình xóa đói giảm nghèo, Chương trình 134, 135 về phát triển kinh tế - xã hội đối với các xã nghèo, các địa bàn chiến lược trọng yếu sát dọc biên giới. Chương trình 167 về xóa nhà tạm cho hộ nghèo...

4. Quan tâm xây dựng đội ngũ cán bộ có phẩm chất, năng lực đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong từng thời kỳ cách mạng, đặc biệt chú trọng đào tạo cán bộ người dân tộc thiểu số địa phương làm công tác lãnh đạo, vận động quần chúng.

Nhận thức rõ vai trò của cán bộ và công tác cán bộ trong quá trình lãnh đạo cách mạng, Đảng bộ huyện Ea Súp luôn quan tâm xây dựng đội ngũ cán bộ Đảng, chính quyền, đoàn thể về số lượng, chất lượng đáp ứng yêu cầu của các giai đoạn cách mạng giải phóng dân tộc và xây dựng chủ nghĩa xã hội. Đội ngũ cán bộ của Đảng bộ được bồi dưỡng nhận thức chính trị, thấm nhuần quan điểm, đường lối cách mạng của Đảng, có chuyên môn nghiệp vụ, gắn bó với quần chúng các dân tộc, được rèn luyện qua thực tiễn đấu tranh cách mạng, lao động sản xuất, bắt đầu từ những cán bộ lãnh đạo chính trị, quân sự, binh vận và những cán bộ lãnh đạo quản lý chính quyền, chuyên môn... phù hợp với yêu cầu của từng thời kỳ cách mạng. Từ thực tiễn lãnh đạo phong trào cách mạng của địa phương, nhiều đồng chí đã trưởng thành, được điều động về Trung ương, tỉnh và một số huyện.

Đảng bộ huyện Ea Súp là một Đảng bộ có nguồn cán bộ đến từ nhiều địa phương khác nhau trong cả nước; do đó Đảng bộ luôn quan tâm, thường xuyên giáo dục và giữ gìn sự đoàn kết thống nhất, chống tư tưởng cục bộ địa phương, dân tộc hẹp hòi, phát huy vai trò của cán bộ, đảng viên, tinh thần cộng đồng trách nhiệm, bám đất, bám dân, đi sát cơ sở, xây dựng, củng cố đảng, chính quyền, đoàn thể vững mạnh để hoàn thành nhiệm vụ chính trị của Đảng bộ trong từng thời kỳ cách mạng; đồng thời nghiêm khắc đấu tranh loại bỏ những tư

tướng, hành động lệch lạc, cục đoan chia rẽ nội bộ Đảng, phá hoại khối đại đoàn kết dân tộc ở địa phương.

Từ thực tiễn phong trào cách mạng, Đảng bộ huyện đã đào tạo, bồi dưỡng, rèn luyện một đội ngũ cán bộ có bản lĩnh chính trị vững vàng, có năng lực thực tiễn trong công tác, đã cung cấp một số đồng chí cán bộ chủ chốt cho Trung ương, tỉnh và một số huyện bạn.

Trong điều kiện Đảng bộ lãnh đạo toàn diện và sâu rộng phong trào cách mạng trên các lĩnh vực chính trị, quân sự, kinh tế, Đảng bộ luôn đặc biệt quan tâm bồi dưỡng, đào tạo đội ngũ cán bộ dân tộc thiểu số tại chỗ gắn bó với địa phương cơ sở, có phẩm chất, năng lực và tâm huyết. Đội ngũ cán bộ dân tộc thiểu số của địa phương cần được bồi dưỡng, đào tạo theo quy hoạch, luân chuyển để đủ khả năng đảm nhận công tác lãnh đạo, quản lý, công tác vận động quần chúng theo yêu cầu phân công của cấp ủy, góp phần làm cầu nối giữa Đảng và nhân dân, nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của Đảng bộ huyện.

5. Luôn coi trọng công tác xây dựng Đảng, chính quyền, đoàn thể vững mạnh, kiên quyết đấu tranh chống những tư tưởng, hành động lệch lạc, giữ vững vai trò lãnh đạo của Đảng, sự ổn định chính trị - xã hội.

Hơn nửa thế kỷ qua, vai trò lãnh đạo của Đảng bộ ngày càng trở thành nhân tố quyết định mọi thắng lợi trong sự nghiệp cách mạng của nhân dân các dân tộc Ea Súp. Để giữ vững vai trò hạt nhân lãnh đạo chính trị của Đảng đối với chính quyền, đoàn thể, Đảng bộ luôn coi trọng xây dựng Đảng vững mạnh về chính trị, tư tưởng và tổ chức. Chú trọng phát triển đảng cả về số lượng và chất lượng, đồng thời thường xuyên nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức đảng và đảng viên để có thể hoàn thành nhiệm vụ chính trị trong mọi hoàn cảnh cách mạng.

Bài học kinh nghiệm về công tác xây dựng Đảng của Đảng bộ huyện Ea Súp đúc kết từ gần nửa thế kỷ đấu tranh xây dựng và trưởng thành, trong những năm gian khổ, ác liệt của hai cuộc kháng chiến chống thực dân, đế quốc, giải phóng dân tộc cũng như trong sự nghiệp xây dựng, bảo vệ Tổ quốc. Bài học kinh nghiệm đó đặt ra yêu cầu công tác xây dựng Đảng, chính quyền, đoàn thể là mỗi cán bộ, đảng viên, đoàn viên dù trong hoàn cảnh nào cũng phải tuyệt đối trung thành với Đảng, với Tổ quốc và với nhân dân, nêu cao tinh thần cách mạng tiến công, dám nghĩ dám làm, chấp nhận gian khổ, hy sinh hoàn thành nhiệm vụ được giao, góp phần vào thắng lợi chung của cách mạng. Tổ chức đảng phải được xây dựng, tổ chức đều khắp các địa bàn thôn, buôn, làng, các lĩnh vực của đời sống xã hội, xứng đáng là hạt nhân lãnh đạo chính trị, đảm bảo nguyên tắc sinh hoạt tập trung dân chủ, luôn tự đổi mới phương thức lãnh đạo phù hợp với yêu cầu của tình hình nhiệm vụ mới.

Môi trường hoạt động lãnh đạo của Đảng bộ ngày càng rộng lớn, yêu cầu của nhiệm vụ chính trị ngày càng cao hơn, do đó Đảng bộ cần nêu cao tinh thần tự phê bình và phê bình. Mỗi đảng viên và tổ chức cơ sở đảng của Đảng bộ phải luôn nghiêm khắc đấu tranh chống những tư tưởng và hành động lệch lạc, như cục bộ địa phương, dân tộc hẹp hòi, quan liêu, tham nhũng, lãng phí, ngại khó,

ngại khổ, nêu cao cảnh giác trước những âm mưu, thủ đoạn chống phá của địch từ trong nội bộ cũng như bên ngoài.

Thực tế những năm qua, dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ, hệ thống chính trị của huyện Ea Súp ngày càng vững mạnh với hạt nhân là tổ chức đảng các cấp. Kinh tế - xã hội có nhiều khởi sắc, đời sống nhân dân các dân tộc được cải thiện nhiều mặt. Do đó, mặc dù các thế lực thù địch tìm mọi cách móc nối gây chia rẽ các dân tộc, chia rẽ đồng bào Kinh với đồng bào dân tộc thiểu số, giữa đồng bào dân tộc thiểu số tại chỗ với đồng bào các dân tộc phía Bắc, giữa người có đạo và không có đạo, nhưng đều thất bại. Nhờ hệ thống chính trị vững mạnh, kinh tế-xã hội tiếp tục phát triển nhanh, an ninh -quốc phòng được củng cố ngày càng vững chắc.

Những thành tựu và kinh nghiệm tích lũy được trong gần 50 năm hy sinh phấn đấu anh dũng, vẻ vang đã trở thành hành trang quý báu của Đảng bộ, nhân dân các dân tộc huyện Ea Súp trên con đường đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá, ra sức xây dựng quê hương Ea Súp ngày càng giàu đẹp.

PHỤ LỤC

- Danh sách Bà mẹ Việt Nam Anh hùng; Đơn vị, cá nhân được phong tặng danh hiệu Anh hùng LLVTND (nếu có).

- DANH SÁCH BAN CÁN SỰ ĐẢNG, BCH ĐẢNG BỘ HUYỆN EA SÚP (1954-2010)

**BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ KHÓA I
(1979-1980)**

1	Lê Thanh Sơn <i>(Tur Sơn)</i>	Bí thư
2	Đỗ Khâm	Phó Bí thư
3	Nguyễn Tứ	Phó Bí thư ²
4	Lê Tấn Hiền	Ủy viên Ban Thường vụ
5	Phạm Văn Biên	Ủy viên Ban Thường vụ
6	Nguyễn Văn Cẩn	Ủy viên Ban Thường vụ
7	Hà Duy Tiến	Ủy viên Ban Thường vụ
8	Huỳnh Quang <i>(Hồng Phúc)</i>	Ủy viên Ban Thường vụ
9	Thu Nha – Kpă <i>(Kpă Nha)</i>	Ủy viên Ban Thường vụ
10	Ngô Hồng Mai	Ủy viên Ban chấp hành
11	Nguyễn Văn Cát	Ủy viên Ban chấp hành
12	Nguyễn Thành Chinh	Ủy viên Ban chấp hành
13	Trương Minh Còn	Ủy viên Ban chấp hành
14	Lê Minh Dương	Ủy viên Ban chấp hành
15	Phan Văn Đản	Ủy viên Ban chấp hành
16	Vũ Tiến Đủ	Ủy viên Ban chấp hành
17	Phan Đình Hùng	Ủy viên Ban chấp hành
18	Nguyễn Xuân Nghi	Ủy viên Ban chấp hành
19	Nguyễn Văn Một	Ủy viên Ban chấp hành
20	Y Xuân Blô	Ủy viên Ban chấp hành
21	Hoàng Xuân Linh	Ủy viên Ban chấp hành
22	Nguyễn Ngọc Ngân	Ủy viên Ban chấp hành
23	Y Tăm Êban <i>(Ama Thiểu)</i>	Ủy viên Ban chấp hành
24	Nguyễn Công Huân	Ủy viên Ban chấp hành
25	Nguyễn Bá Nghiêm	Ủy viên Ban chấp hành
26	Nguyễn Đức Thuận	Ủy viên Ban chấp hành
27	Phạm Phi Hùng	Ủy viên Ban chấp hành
28	Nguyễn Ba Nguyệt	Ủy viên Ban chấp hành
29	Hồ Thị Trâm	Ủy viên Ban chấp hành
30	Hồ Hữu Tân	Ủy viên Ban chấp hành (dự khuyết)
31	Đặng Ngọc Khởi	Ủy viên Ban chấp hành (dự khuyết)

**BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ KHÓA II
(1980-1985)**

1	Kpă Thu Nha	Bí thư
2	Phan Tuấn Pha	Phó Bí thư
3	Phạm Văn Biên	Ủy viên Ban Thường vụ

Lịch sử Đảng bộ huyện Ea Súp 1945-2010

4	Nguyễn Văn Cẩm	Ủy viên Ban Thường vụ
5	Nguyễn Công Huân	Ủy viên Ban Thường vụ
6	Trần Thanh Hồng	Ủy viên Ban Thường vụ
7	Hoàng Xuân Linh	Ủy viên Ban Thường vụ
8	Bùi Hồng Lĩnh	Ủy viên Ban Thường vụ
9	Nguyễn Xuân Nghi	Ủy viên Ban Thường vụ
10	Hà Duy Tiến	Ủy viên Ban Thường vụ
11	Mlô Y Xuân	Ủy viên Ban Thường vụ
12	Huỳnh Tài Ba	Ủy viên Ban chấp hành
13	Phùng Văn bửu	Ủy viên Ban chấp hành
14	Nguyễn Văn Cát	Ủy viên Ban chấp hành
15	Nguyễn Ngọc Đình	Ủy viên Ban chấp hành
16	Bùi Văn Diệt	Ủy viên Ban chấp hành
17	Phan Văn Đản	Ủy viên Ban chấp hành
18	Phạm Phi Hùng	Ủy viên Ban chấp hành
19	Phạm Ngọc Hòa	Ủy viên Ban chấp hành
20	Lê Ngọc Huân	Ủy viên Ban chấp hành
21	Đặng Ngọc Khởi	Ủy viên Ban chấp hành
22	Nguyễn Văn Một	Ủy viên Ban chấp hành
23	Nguyễn Bá Nguyệt	Ủy viên Ban chấp hành
24	Nguyễn Đức Thuận	Ủy viên Ban chấp hành
25	Nguyễn Thành Tâm	Ủy viên Ban chấp hành
26	Huỳnh Tấn Thiệt	Ủy viên Ban chấp hành
27	Hồ Thị Trâm	Ủy viên Ban chấp hành
28	Bùi Văn Thập	Ủy viên Ban chấp hành
29	Đặng Xuân Vinh	Ủy viên Ban chấp hành
30	Nguyễn Chí Hải	Ủy viên Ban chấp hành (dự khuyết)
31	Lê Thị Nga	Ủy viên Ban chấp hành (dự khuyết)

**BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ KHÓA III
(1986-1988)**

1	Kpă Thu Nha	Bí Thư
2	Bùi Hồng Lĩnh	Phó Bí thư

Lịch sử Đảng bộ huyện Ea Súp 1945-2010

3	Nguyễn Công Huân	Ủy viên Ban Thường vụ
4	Phùng Văn Bửu	Ủy viên Ban Thường vụ
5	Phạm Phi Hùng	Ủy viên Ban Thường vụ
6	Nguyễn Xuân Nghi	Ủy viên Ban Thường vụ
7	Huỳnh Tấn Thiệt	Ủy viên Ban Thường vụ
8	Nguyễn Thành Tâm	Ủy viên Ban Thường vụ
9	Phạm Tấn Bê ⁷	Ủy viên Ban chấp hành
10	Phạm Văn Công	Ủy viên Ban chấp hành
11	Nguyễn Văn Cẩm	Ủy viên Ban chấp hành
12	Nguyễn Văn Cát	Ủy viên Ban chấp hành
13	Trần Huy Cận	Ủy viên Ban chấp hành
14	Y Chuân Ê Ban	Ủy viên Ban chấp hành
15	Nguyễn Ngọc Đình	Ủy viên Ban chấp hành
16	Lê Ngọc Huân	Ủy viên Ban chấp hành
17	Nguyễn Trọng Hải	Ủy viên Ban chấp hành
18	Y Kênh K Đó	Ủy viên Ban chấp hành
19	Lê Văn Nhĩ	Ủy viên Ban chấp hành
20	Bùi Quốc Nghiêu	Ủy viên Ban chấp hành
21	Y Minh	Ủy viên Ban chấp hành
22	Nguyễn Viết Oánh	Ủy viên Ban chấp hành
23	Y Quang Siu	Ủy viên Ban chấp hành
24	Nguyễn Đức Thuận	Ủy viên Ban chấp hành
25	Phạm Đức Tuy	Ủy viên Ban chấp hành
26	Phạm Văn Trình	Ủy viên Ban chấp hành
27	Trương Văn Tự	Ủy viên Ban chấp hành
28	Y Tiêm Buôn Giá	Ủy viên Ban chấp hành
29	Lê Hồng Thái	Ủy viên Ban chấp hành
30	Lê Hồng Nghiệm	Ủy viên Ban chấp hành (dự khuyết)
31	Đỗ Mạnh lân	Ủy viên Ban chấp hành (dự khuyết)
32	Hoàn Hải Lý	Ủy viên Ban chấp hành (dự khuyết)
33	Trần Thị Thục	Ủy viên Ban chấp hành (dự khuyết)
34	Y Wê Niê Kdăm	Ủy viên Ban chấp hành (dự khuyết)
35	Trương Minh Còn	Ủy viên Ban chấp hành (dự khuyết)
36	Cao Thị Thanh	Ủy viên Ban chấp hành (dự khuyết)
37	Bùi Văn Diệt	Ủy viên Ban chấp hành (dự khuyết)
38	Đặng ngọc Khởi	Ủy viên Ban chấp hành (dự khuyết)
39	Trương Ngọc Kính	Ủy viên Ban chấp hành (dự khuyết)

**BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ KHÓA IV
(1989-1990)**

1	Bùi Hồng Lĩnh	Bí thư
2	Nguyễn Công Huân	Phó Bí thư

⁷ Tháng 7-1987, đồng chí Phạm Tấn Bê được bầu bổ sung vào Ban Thường vụ, được phân công làm Chủ nhiệm Ủy ban kiểm tra Huyện ủy.

Lịch sử Đảng bộ huyện Ea Súp 1945-2010

3	Phạm Tấn Bê	Phó Bí thư
4	Nguyễn Xuân Nghi	Ủy viên Ban Thường vụ
5	Y Quang Siu	Ủy viên Ban Thường vụ
6	Phạm Đức Tuy	Ủy viên Ban Thường vụ
7	Phạm Văn Trình	Ủy viên Ban Thường vụ
8	Châu Trọng Tâm	Ủy viên Ban Thường vụ
9	Trần Huy Cận	Ủy viên Ban Thường vụ
10	Y Kênh K Đờh	Ủy viên Ban chấp hành
11	Trần Trọng Vinh	Ủy viên Ban chấp hành
12	Nguyễn Trọng Hải	Ủy viên Ban chấp hành
13	Nguyễn Thị Phương Huê	Ủy viên Ban chấp hành
14	Nguyễn Ngọc Đình	Ủy viên Ban chấp hành
15	Y Tiêm Buôn Giá	Ủy viên Ban chấp hành
16	Nguyễn Đức Thuận	Ủy viên Ban chấp hành
17	Nguyễn Đức Hải	Ủy viên Ban chấp hành
18	Nguyễn Viết Oánh	Ủy viên Ban chấp hành
19	Lê Văn Thương	Ủy viên Ban chấp hành
20	Phạm Văn Công	Ủy viên Ban chấp hành
21	Đào Ngọc Cư	Ủy viên Ban chấp hành
22	Trương Văn Tự	Ủy viên Ban chấp hành
23	Vong Nhi	Ủy viên Ban chấp hành
24	Trần Văn Đồng	Ủy viên Ban chấp hành
25	Nguyễn Văn Cát	Ủy viên Ban chấp hành
26	Dương Thị Long	Ủy viên Ban chấp hành
27	Trần Danh Lan	Ủy viên Ban chấp hành
28	Nguyễn Xuân Tuất	Ủy viên Ban chấp hành

**BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ KHÓA V
(1991-1995)**

1	Bùi Hồng Lĩnh	Bí thư
2	Phạm Đức Tuy	Phó Bí thư

Lịch sử Đảng bộ huyện Ea Súp 1945-2010

3	Phùng Văn Bửu	Phó Bí thư
4	Phạm Tấn Bê	Ủy viên Ban Thường vụ
5	Nguyễn Công Huân	Ủy viên Ban Thường vụ
6	Y Quang Siu	Ủy viên Ban Thường vụ
7	Trần Huy Cận	Ủy viên Ban Thường vụ
8	Nguyễn Văn Hải	Ủy viên Ban Thường vụ
9	Vong Nhi	Ủy viên Ban Thường vụ
10	Phạm Phú Dũng	Ủy viên Ban chấp hành
11	Nguyễn Ngọc Đình	Ủy viên Ban chấp hành
12	Y Kênh K Đó	Ủy viên Ban chấp hành
13	Nguyễn Thị Phương Huê	Ủy viên Ban chấp hành
14	Dương Thị Long	Ủy viên Ban chấp hành
15	Phạm Văn Mạc	Ủy viên Ban chấp hành
16	Phạm Văn Công	Ủy viên Ban chấp hành
17	Nguyễn Tương Phùng	Ủy viên Ban chấp hành
18	A Ma Phương	Ủy viên Ban chấp hành
19	Nguyễn Đức Thuận	Ủy viên Ban chấp hành
20	Lê Văn Thương	Ủy viên Ban chấp hành
21	Nguyễn Đình Trản	Ủy viên Ban chấp hành
22	Xa Thành Tuấn	Ủy viên Ban chấp hành
23	Trương Văn Tự	Ủy viên Ban chấp hành
24	Trần Đức Vinh	Ủy viên Ban chấp hành
25	Y Bin Siu	Ủy viên Ban chấp hành
26	Nguyễn Đức Hải	Ủy viên Ban chấp hành
27	Nguyễn Trung Hải	Ủy viên Ban chấp hành

\

**BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ KHÓA VI
(1996-2000)**

1	Phạm Đức Tùy	Bí thư
2	Phạm Tấn Bê	Phó Bí thư

Lịch sử Đảng bộ huyện Ea Súp 1945-2010

3	Y Quang Siu	Phó Bí thư
4	Nguyễn Đức Thuận	Ủy viên Ban Thường vụ
5	Nguyễn Trung Hải	Ủy viên Ban Thường vụ
6	Trương Văn Tự	Ủy viên Ban Thường vụ
7	Trần Huy Cận	Ủy viên Ban Thường vụ
8	Trần Ngọc Quang	Ủy viên Ban Thường vụ
9	Nguyễn Văn Sấn	Ủy viên Ban Thường vụ
10	Nguyễn Cao Mần	Ủy viên Ban chấp hành
11	Nguyễn Ngọc Đình	Ủy viên Ban chấp hành
12	Nguyễn Duy Hòa	Ủy viên Ban chấp hành
13	Nguyễn Thị Phương Huê	Ủy viên Ban chấp hành
14	Dương Thị Long	Ủy viên Ban chấp hành
15	Phạm Văn Mạc	Ủy viên Ban chấp hành
16	Nguyễn Văn Học	Ủy viên Ban chấp hành
17	Nguyễn Tương Phùng	Ủy viên Ban chấp hành
18	Nguyễn Xuân Quán	Ủy viên Ban chấp hành
19	Nguyễn Đức Dũng	Ủy viên Ban chấp hành
20	Lê Văn Thương	Ủy viên Ban chấp hành
21	Nguyễn Văn Lương	Ủy viên Ban chấp hành
22	Cao Minh Lự	Ủy viên Ban chấp hành
23	Nguyễn Minh Đệ	Ủy viên Ban chấp hành
24	Phan Bá Uyên	Ủy viên Ban chấp hành
25	Y Bin Siu	Ủy viên Ban chấp hành
26	Nguyễn Đức Hải	Ủy viên Ban chấp hành
27	Phạm Quốc Đạt	Ủy viên Ban chấp hành
28	Nguyễn Viết Oánh	Ủy viên Ban chấp hành
29	Nguyễn Xuân Quyền	Ủy viên Ban chấp hành

**BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ KHÓA VII
(2000-2005)**

1	Phạm Đức Tùy	Bí thư
---	--------------	--------

Lịch sử Đảng bộ huyện Ea Súp 1945-2010

2	Phạm Tấn Bê	Phó Bí thư
3	Y Quang Siu	Phó Bí thư
4	Nguyễn Đức Thuận	Ủy viên Ban Thường vụ
5	Nguyễn Trung Hải	Ủy viên Ban Thường vụ
6	Trương Văn Tự	Ủy viên Ban Thường vụ
7	Nguyễn Xuân Quán	Ủy viên Ban Thường vụ
8	Trần Ngọc Quang	Ủy viên Ban Thường vụ
9	Y Bin Siu	Ủy viên Ban Thường vụ
10	Trần Ngọc Điệp	Ủy viên Ban chấp hành
11	Nguyễn Cao Mản	Ủy viên Ban chấp hành
12	Nguyễn Hoàng Vũ	Ủy viên Ban chấp hành
13	Ngô Hồng Nhạn	Ủy viên Ban chấp hành
14	Bun Xay Ê Ban	Ủy viên Ban chấp hành
15	H Tin Buôn Giá	Ủy viên Ban chấp hành
16	Trần Danh	Ủy viên Ban chấp hành
17	Nguyễn Văn Học	Ủy viên Ban chấp hành
18	Vũ Đình Trung	Ủy viên Ban chấp hành
19	Nguyễn Đình Toàn	Ủy viên Ban chấp hành
20	Nguyễn Đức Dũng	Ủy viên Ban chấp hành
21	Lê Văn Thương	Ủy viên Ban chấp hành
22	Dương Quang Tuyên	Ủy viên Ban chấp hành
23	Bùi Đức Nguyệt	Ủy viên Ban chấp hành
24	Nguyễn xuân Tuế	Ủy viên Ban chấp hành
25	Phan Bá Uyên	Ủy viên Ban chấp hành
26	Nguyễn Xuân Quyền	Ủy viên Ban chấp hành
27	Nguyễn Minh Đệ	Ủy viên Ban chấp hành
28	Nguyễn Viết Oánh	Ủy viên Ban chấp hành
29	Đặng Phú Bình	Ủy viên Ban chấp hành

**BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ KHÓA VIII
(2005-2010)**

Lịch sử Đảng bộ huyện Ea Súp 1945-2010

1	Phạm Tấn Bê	Bí thư
2	Nguyễn Đức Thuận	Phó Bí thư
3	Lê Ngọc Ánh	Phó Bí thư
4	Y Quang Siu	Phó Bí thư
5	Y Bin Siu	Ủy viên Ban Thường vụ
6	Nguyễn Văn Sáu	Ủy viên Ban Thường vụ
7	Đặng Thanh Hải	Ủy viên Ban Thường vụ
8	Nguyễn Đức Dũng	Ủy viên Ban Thường vụ
9	Nguyễn Xuân Quán	Ủy viên Ban Thường vụ
10	Nguyễn Hoàng Vũ	Ủy viên Ban Thường vụ
11	Trương Văn Tự	Ủy viên Ban Thường vụ
12	Nguyễn Văn Học	Ủy viên Ban chấp hành
13	Nguyễn Đình Toàn	Ủy viên Ban chấp hành
14	Nguyễn Tấn Cảnh	Ủy viên Ban chấp hành
15	Ngô Thị Hồng Nhạn	Ủy viên Ban chấp hành
16	Nguyễn Ngọc Phú	Ủy viên Ban chấp hành
17	Đặng Phú Bình	Ủy viên Ban chấp hành
18	Trần Danh	Ủy viên Ban chấp hành
19	H' Tin Rya	Ủy viên Ban chấp hành
20	Bun Thó Lào	Ủy viên Ban chấp hành
21	Dương Quang Tuyên	Ủy viên Ban chấp hành
22	Bùi Đức Nguyệt	Ủy viên Ban chấp hành
23	Phạm Văn Thước	Ủy viên Ban chấp hành
24	Huỳnh Văn Tiểu	Ủy viên Ban chấp hành
25	Trần Ngọc Quang	Ủy viên Ban chấp hành
26	Vũ Đình Trung	Ủy viên Ban chấp hành
27	Trịnh Văn Lanh	Ủy viên Ban chấp hành
28	Phạm Đức Hạnh	Ủy viên Ban chấp hành
29	Nguyễn Viết Oánh	Ủy viên Ban chấp hành
30	Phan Bá Uyên	Ủy viên Ban chấp hành
31	Nguyễn Văn Nhiệm	Ủy viên Ban chấp hành
32	Trần Ngọc Điệp	Ủy viên Ban chấp hành
33	Lê Văn Thương	Ủy viên Ban chấp hành
34	Hoàng Thế Nghị	Ủy viên Ban chấp hành
35	Phạm Văn Mạc	Ủy viên Ban chấp hành
36	Bun Xay Ê Ban	Ủy viên Ban chấp hành
37	Bùi Thọ Quỳnh	Ủy viên Ban chấp hành
38	Nguyễn Thị Dung	Ủy viên Ban chấp hành
39	Nguyễn Thị Hồng	Ủy viên Ban chấp hành

**BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ KHÓA IX
(2010-2015)**

Lịch sử Đảng bộ huyện Ea Súp 1945-2010

1	Phan Xuân Linh	Bí thư
2	Nguyễn Hoàng Vũ	Phó Bí thư
3	Y Bìn Siu ⁸	Phó Bí thư
4	Trần Ngọc Quang	Phó Bí thư
5	Nguyễn Xuân Quán	Ủy viên Ban Thường vụ
6	Nguyễn Văn Sáu	Ủy viên Ban Thường vụ
7	Nguyễn Tấn cảnh	Ủy viên Ban Thường vụ
8	H – Tin Rya	Ủy viên Ban Thường vụ
9	Vũ Đình Trung	Ủy viên Ban Thường vụ
10	Trần Ngọc Điệp	Ủy viên Ban Thường vụ
11	Đặng Thanh Hải	Ủy viên Ban Thường vụ
12	Phạm Văn Sơn	Ủy viên Ban Thường vụ
13	Bun Thó Lào	Ủy viên Ban Thường vụ
14	Hoàng Thế Nghị	Ủy viên Ban chấp hành
15	Nguyễn Đình Toản	Ủy viên Ban chấp hành
16	Đặng Phú Bình	Ủy viên Ban chấp hành
17	Nguyễn Văn Tình	Ủy viên Ban chấp hành
18	Nguyễn Thị Dung	Ủy viên Ban chấp hành
19	Nguyễn Ngọc Phú	Ủy viên Ban chấp hành
20	Nguyễn Xuân Hòa	Ủy viên Ban chấp hành
21	Trần Danh	Ủy viên Ban chấp hành
22	Đặng Công Tạo	Ủy viên Ban chấp hành
23	Dương Quang Tuyền	Ủy viên Ban chấp hành
24	Nguyễn Văn Hoan	Ủy viên Ban chấp hành
25	Bùi Văn Chân	Ủy viên Ban chấp hành
26	Nguyễn Văn Nhiệm	Ủy viên Ban chấp hành
27	Lê Văn Thương	Ủy viên Ban chấp hành
28	Nguyễn Văn Huân	Ủy viên Ban chấp hành
29	Phan Bá Uyên	Ủy viên Ban chấp hành
30	Phạm Đức Hạnh	Ủy viên Ban chấp hành
31	Hoàng Duy Ngung	Ủy viên Ban chấp hành
32	Phan Thanh Pha	Ủy viên Ban chấp hành
33	Đinh Xuân Lương	Ủy viên Ban chấp hành
34	Bun Xay Ê Ban	Ủy viên Ban chấp hành
35	Phạm Văn Mạc	Ủy viên Ban chấp hành
36	Trần Ngọc Nhung	Ủy viên Ban chấp hành
37	Phạm Thị Luy	Ủy viên Ban chấp hành
38	Nguyễn Văn Doanh	Ủy viên Ban chấp hành
39	Nguyễn Văn Cừ	Ủy viên Ban chấp hành
41	Nguyễn Xuân Hà	Ủy viên Ban chấp hành
41	Cao Hoài Trung	Ủy viên Ban chấp hành

⁸ Tháng 7-2012, do yêu cầu công tác, đồng chí Phan Xuân Linh được rút về tỉnh. Tháng 1-2013, đồng chí Y Bìn Siu được bầu làm Bí thư Huyện ủy.

Lịch sử Đảng bộ huyện Ea Súp 1945-2010

42	Bùi Thọ Quỳnh	Ủy viên Ban chấp hành
43	Hà Văn Thanh	Ủy viên Ban chấp hành

- Ảnh tư liệu các kỳ Đại hội Đảng bộ huyện, các đồng chí phụ trách, các đồng chí Bí thư Huyện uỷ qua các thời kỳ; một số hình ảnh tiêu biểu về kinh tế-văn hoá, xã hội, Quốc phòng-An ninh.